

TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH - VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BỘ XÂY DỰNG

QUY HOẠCH

XÂY DỰNG

QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Số 73 Năm thứ mười một - Construction Planning Magazine

Chuyên đề: Quy hoạch XD đô thị hướng tới tăng trưởng xanh

SỐ 73 NĂM 2015

SỐ 73

ISSN 1859 - 3054

QHXD ĐÔ THỊ HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH ĐỂ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TĂNG TRƯỞNG XANH
TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TẠI ĐAN MẠCH

ĐÔ THỊ XANH, KIẾN TRÚC VÀ CÔNG TRÌNH XANH
LÀ ĐỘNG LỰC THúc ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH

QUY HOẠCH - LUẬT - THỰC TẾ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ XANH TẠI VIỆT NAM

URBAN DESIGN

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BỘ XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR URBAN AND RURAL PLANNING - MINISTRY OF CONSTRUCTION

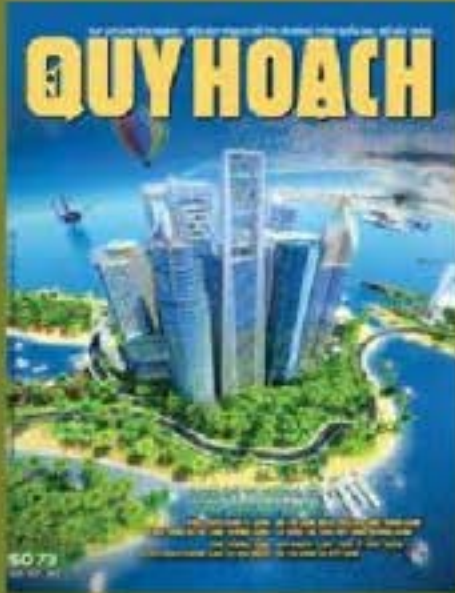
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH

"THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM"

Đơn vị phát hành:

Tạp chí Quy hoạch xây dựng - Tầng 7 số 10 Hoa Lư - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 04-39741942 * Email: tapchiquyhoach@gmail.com





Ảnh bìa: G.Net

QUY HOẠCH

Tổng biên tập/ Editor in Chief

ThS. KTS. **NGÔ TRUNG HẢI**

Phó Tổng biên tập/ Deputy Editor

NB. **PHẠM HOÀNG TÚ**

Hội đồng khoa học/ Editorial Adviser Council

PGS. TS. **NGUYỄN QUỐC THỐNG** (Chủ tịch)

KTS. **TRẦN NGỌC CHÍNH**

PGS. TS. **LƯU ĐỨC HẢI**

PGS. TS. **TRẦN TRỌNG HẠNH**

GS. TS. **LÊ HỒNG KẾ**

GS. TSKH. NGND. **NGUYỄN THẾ BÀ**

GS. TSKH. **NGÔ THẾ THI**

KTS. **TRẦN PHƯƠNG THẢO**

Ban cố vấn/ Advisory board

TRẦN PHƯƠNG THẢO

LÀ KIM NGÂN ■ **ĐỖ TÙNG LAN**

NGUYỄN HỒNG TIẾN ■ **ĐAM QUANG TUẤN**

TRƯƠNG VĂN QUANG ■ **LƯU ĐỨC CƯỜNG**

PHẠM HUỆ LINH ■ **VŨ CHÍ ĐÔNG**

Ban biên tập/ Editorial board

PHẠM HOÀNG TÚ

BÙI CHUNG HẬU - **NGUYỄN THUY ANH**

NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC

Thư ký tòa soạn/ Sub Editor

BÙI CHUNG HẬU

Trị sự:

TẠ THU HÀ

Thiết kế mỹ thuật/ Designer

NGUYỄN MINH TÚ

Liên hệ Quảng cáo - Phát hành

tapchiquyhoach@gmail.com

Tel: (04) 3.9741942 - 0989080987

Tòa soạn

Add: **SỐ 10 HOA LƯ - HÀ NỘI**

■ Email: **tapchiquyhoach@gmail.com**

■ Website: **www.tapchiquyhoach.com**

■ Tài khoản: Tạp chí Quy hoạch

xây dựng 10201 00000 8001-5

Ngân hàng TMCP Công Thương VN

chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội

■ Mã số thuế: 0102735395-003

Giấy phép xuất bản số:

16/GP-BTTTT cấp ngày 10/1/2014

■ In tại: **NHÀ MÁY IN BẢN ĐỒ**



TỔNG BIÊN TẬP NGÔ TRUNG HẢI

Bạn đọc thân mến!

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Không nằm ngoài mục tiêu trên, Việt Nam đang hướng tới phát triển theo hướng tăng trưởng xanh. Chiến lược tăng trưởng xanh đang trở thành xu hướng của thời đại.

Xuất phát từ ý tưởng trên và cũng để làm dịu đi cái nắng oi ả của mùa hè đang tới, chuyên đề "**Tăng trưởng xanh**" được Tạp chí Quy hoạch xây dựng trân trọng gửi tới quý độc giả trong nội dung số 73.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX Hội Kiến trúc sư Việt Nam là sự kiện đặc biệt mở đầu cho nội dung kỳ này.

Vấn đề Tăng trưởng xanh sẽ được đề cập từ Khái niệm, cùng đó là nội dung phân tích qua loạt bài viết trong mục Dẫn đầu với những ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia và nhà quản lý.

Những mảng xanh dịu mát trong các không gian đô thị sẽ gửi tới bạn đọc qua hình ảnh sống động của cây xanh mặt nước, của những khu công viên cây xanh nổi tiếng thế giới cùng mô hình tăng trưởng xanh và quy hoạch không gian tại Đan Mạch.

Đồng hành cùng bạn đọc trong mỗi kỳ tạp chí, các chuyên mục: *Đa ngành, Quy hoạch và tác giả, Đô thị bốn phương, Dành cho sinh viên...* sẽ tiếp tục mang đến những thông tin, hình ảnh hấp dẫn.

Hãy đón nhận một mùa hè xanh cùng Tạp chí Quy hoạch xây dựng!

Trân trọng mời quý độc giả đón đọc!

TẠP CHÍ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

CONTENTS

URBAN CONSTRUCTION PLANNING TOWARDS GREEN GROWTH

Events

- Thuc Anh ■ The Great festival of Vietnamese architects 4
- Hoang Linh ■ VIUP with the sixth national festival of young architects 6
- Dan Nguyen ■ VIUP Spring Festival 2015 8

Information

- Huy Minh ■ International information 10
- Nguyen Huy ■ In-country information 12

Concepts

- The concept of green cities 15
- Luu Duc Cuong ■ Urban green growth and some study propositions about the green growth urban planning in Vietnam 16

Forum

EXPERTS AND MANAGERS OPINIONS

- Truong Van Quang ■ Urban development towards green growth 20
- Vu Thi Vinh ■ Develop the green economy to build the green growth urban 24
- Luu Duc Cuong ■ Eco-urban, climate change and green growth: three categories - one goal 28
- Le Minh Anh ■ Planning - Law - The Fact of green urban development in Vietnam 32
- Nguyen Dang Son ■ Green urban, green building and architecture are the green growth motivation 35
- Vu Hong Son ■ The new countryside in urban 40
- Pham Ngoc Dang ■ Environmental sustainable urban development, green urban in the Vietnam's islands 44
- Tran Van Khai ■ Preserve the natural environment and the monuments for the sustainable urban development of the heritage urbans into the tourism destination 50
- Nguyen Quang ■ Build the Danang City toward Green Growth 54
- Vu Hoai Duc ■ General construction planning of capital with the green growth problem 56
- Nguyen Thi Hien ■ The issues and recommendations of institutional planning and garden / playground management in the residential urban areas in Hanoi 60

Urban design

- Vu Hiep ■ Tree, water surface and urban spirit 64

Planning and worldwide architecture

- Thanh Bich ■ Green growth and spatial planning in Denmark 68
- Thuy Anh ■ The greatest urban parks in the world 72

For students

- Gia Bao ■ "World Architecture Festival 2014: Return - The storage of Natural Life - The first of Student Prize 76

Plans and authors

- Ma Van Phuc ■ Enhance the role of the monitoring and evaluation plan in the Vietnam urban planning process 80

Multi-sectors

- Nguyen Huy Quang ■ Urban living solid waste management of midland mountainous region of Tonkin - Challenges and opportunities in future 84
- Le Tran Phong ■ Situation of underground laying of wires and cables in Hanoi 88



Ngày hội lớn của KTS Việt Nam



Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh



Đô thị xanh, kiến trúc và công trình xanh là động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh



Giải Nhất Bảng sinh viên "Liên hoan kiến trúc TG 2014"



28

Chuyên đề:
**QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÓ THỊ
HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH**

Trong **SỐ NÀY**

Sự kiện

- Thục Anh* ■ Ngày hội lớn của KTS VN 4
- Hoàng Linh* ■ VIUP với Liên hoan KTS trẻ toàn quốc lần VI 6
- Đan Nguyễn* ■ Hội Xuân VIUP 2015 8

Thông tin

- Nguyễn Huy* ■ Tin Trong nước 10
- Huy Minh* ■ Tin quốc tế 12

Khái niệm

- Khái niệm về đô thị xanh 15
- Lưu Đức Cường* ■ Tăng trưởng xanh đô thị và một số đề xuất nghiên cứu quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh ở Việt Nam 16

Diễn đàn

Ý KIẾN CHUYÊN GIA & NHÀ QUẢN LÝ

- Trương Văn Quảng* ■ Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh 20
- Vũ Thị Vinh* ■ Phát triển kinh tế xanh để xây dựng đô thị tăng trưởng xanh 24
- Lưu Đức Cường* ■ Đô thị sinh thái, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: ba phạm trù – một mục tiêu 28
- Lê Minh Ánh* ■ Quy hoạch - Luật - Thực tế phát triển đô thị xanh tại Việt Nam 32
- Nguyễn Đăng Sơn* ■ Đô thị xanh, kiến trúc và công trình xanh là động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh 36
- TT Nông thôn* ■ Nông thôn mới trong lòng đô thị 40
- Phạm Ngọc Đăng* ■ Phát triển đô thị bền vững môi trường, đô thị xanh ở các hải đảo Việt Nam. 44
- Trần Văn Khải* ■ Bảo tồn môi trường tự nhiên cùng các di tích để phát triển bền vững các đô thị di sản là điểm đến du lịch 50
- Nguyễn Quang* ■ Xây dựng thành phố Đà Nẵng hướng tới Tăng trưởng xanh 54

Mục lục

- Vũ Hoài Đức* ■ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô *Trần Thị Minh Ngọc* với bài toán tăng trưởng xanh 56
- Nguyễn Thị Hiền* ■ Các vấn đề và kiến nghị về thể chế trong quy hoạch và quản lý vườn hoa/sân chơi khu dân cư tại khu vực nội thành Hà Nội 60

Thiết kế đô thị

- Vũ Hiệp* ■ Cây xanh mặt nước, và tinh thần của đô thị 64

Quy hoạch & Kiến trúc thế giới

- Thanh Bích (biên dịch)* ■ Tăng trưởng xanh và quy hoạch không gian tại Đan Mạch 68
- Thụy Anh* ■ Những công viên đô thị đẹp nhất thế giới 72

Dành cho sinh viên

- Gia Bảo* ■ Return – The storage of Natural Life - Giải Nhất Bảng sinh viên Liên hoan kiến trúc thế giới 2014 76

Quy hoạch và tác giả

- Mã Văn Phúc* ■ Nâng cao vai trò của công tác giám sát và đánh giá quy hoạch trong quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam 80

Đa ngành

- Nguyễn Huy Quang* ■ Quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị vùng Trung du miền núi Bắc bộ Những thách thức và cơ hội trong tương lai 84
- Lê Trần Phong* ■ Thực trạng công tác hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tại Hà Nội 88



68



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM (NHIỆM KỲ 2015-2020)

NGÀY HỘI LỚN CỦA GIỚI KIẾN TRÚC VIỆT NAM



THỰC ANH (Thực hiện)

Đại hội lần thứ IX của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, là ngày hội lớn có ý nghĩa chính trị, xã hội và nghề nghiệp đặc biệt. Tại Đại hội, Hội KTS Việt Nam đã tập trung Tổng kết đánh giá tình hình kiến trúc và hành nghề KTS trong giai đoạn 2010-2020, để ra những giải pháp tích cực và chủ động trong phát triển kiến trúc, tổ chức, hoạt động của Hội. Tất cả nhằm nâng cao vai trò, vị thế, trách nhiệm của Hội KTS Việt Nam trước xã hội, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền kiến trúc Việt Nam xanh hiện đại, bền vững, văn hóa và bản sắc.

Đại hội cũng đã bầu ra Ban chấp hành nhiệm kỳ 2015-2020, KTS. Nguyễn Tấn Văn tiếp tục được bầu là Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

Trong phiên họp cuối cùng ngày 21/4, danh sách Ban chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam nhiệm kỳ mới đã được công bố, gồm 98 thành viên. Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia Ngô Trung Hải tiếp tục được tin nhiệm bầu vào Ban chấp hành Hội.

Trong khuôn khổ của chương trình Đại hội diễn ra từ ngày 19/4 đến hết ngày 21/4/2015, Triển lãm Kiến trúc

Việt Nam và Lễ trao Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2014 cũng đã được tổ chức.

Đây là năm thứ 20 Giải thưởng này được tổ chức liên tục nhằm ghi nhận các thành tích của giới KTS trong nước cũng như sự đóng góp của các KTS quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam. Giải thưởng thể hiện rõ vai trò của mình trong các hoạt động của nghề KTS, trong việc thúc đẩy sáng tạo kiến trúc, góp phần định hướng phát triển lành mạnh nền kiến trúc Việt Nam và nâng cao nhận thức cộng đồng trong lĩnh vực này.

Giải thưởng kỳ này ghi nhận sự nỗ lực của các KTS trong nhiều công trình, đồ án đạt giải thưởng quốc tế. Các tác phẩm này hầu hết có quy mô không lớn, nhưng đều được đánh giá cao về tính sáng tạo, về sử dụng vật liệu, tổ chức không gian, ngôn ngữ kiến trúc thể hiện sự gắn kết nhuần nhuyễn giữa ý tưởng với giải pháp. Bên cạnh đó, các KTS và công ty tư vấn thiết kế nước ngoài vẫn tiếp tục đóng góp những dấu ấn đáng kể qua các công trình đương đại nổi bật như Tòa nhà Quốc hội, Bảo tàng – Thư viện Quảng Ninh... Đây là những công trình lớn, sáng tạo và có quan điểm riêng trong sáng tác. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia

(VIUP) cũng vinh dự được có tên trong danh sách các giải thưởng thuộc thể loại công trình thể thao – văn hóa, đó là tác phẩm "Cum công trình Thư viện – Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh". Đây là kết quả của sự hợp tác giữa VIUP cùng Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Salvador Perez Arroyo và Cộng sự.

Quy hoạch là một lĩnh vực thiết kế quan trọng mang tính chiến lược và tính tổng hợp đa ngành nên cũng phải đáp ứng yêu cầu rất cao về chất lượng. Nhìn chung, các đồ án quy hoạch này ít có sự nổi trội về cấu trúc tổ chức không gian, chưa tạo được động lực phát triển và thể hiện thái độ bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên. Một số đồ án thậm chí còn đi theo xu hướng áp đặt của thị trường bất động sản mà chưa thấy sự tác động của KTS theo hướng tích cực. Tuy nhiên, Hội đồng cũng đã chọn và trao giải cho một số đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn theo hướng khai thác gắn liền với gìn giữ môi trường, cảnh quan tự nhiên, giải quyết tốt các bài toán xung đột trong phát triển vì lợi ích trước mắt.

Các kiến trúc sư của VIUP cũng đã giành được Giải thưởng Hội đồng với đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Phi thuế quan – Khu Kinh tế Nam Phú Yên. Đây là sản phẩm của nhóm tác giả: ThS.KTS. Nguyễn Thanh Tú, ThS.KTS. Kiều Tuấn Tú và ThS.KTS. Nguyễn Hồng Diệp.

Về thiết kế cảnh quan đô thị, các đồ án tham dự là những mô hình tiến bộ trong lĩnh vực thiết kế đô thị - cảnh quan, góp phần cải tạo điều kiện sống và làm việc của người dân, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Qua giải này, thể loại nhà ở tổ hợp tuy chưa có giải Vàng nhưng đã nổi lên những công trình đáng khích lệ, đặc biệt là loại hình nhà ở chi phí thấp, đáp ứng tốt nhu cầu dân sinh như Khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Nhơn Trạch, Khu nhà ở xã hội NO1, NO2 Đặng Xá II thành công cả về quy hoạch, tổ chức không gian công cộng, không gian xanh lẫn giải pháp thiết kế căn hộ. Một số khu nhà ở thương mại tiến bộ khác như chung cư Mulberry Lane hay cum chung cư Rừng Co - Eco Park đã thoát khỏi thời kỳ bị chi phối của yếu tố đầu tư mà chú trọng thiết kế, đáp ứng ước muốn của người ở về các căn hộ bố trí hợp lý, chiếu sáng và thông gió tự nhiên, không gian công cộng thân thiện, cảnh quan môi trường dễ chịu.

Tại giải này, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) đã vinh dự nhận được Giải thưởng Hội đồng cho đồ án thiết kế Khu nhà ở xã hội – Lô NO1, NO2 – Khu đô thị Đặng Xá 2. Đây là tác phẩm của nhóm các KTS: Khúc Thế Tâm, Sầm Minh Tuấn và Đào Việt Dũng.

Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2014 nhìn chung đã được thực hiện nghiêm túc với một số đổi mới tích cực. Sự lựa chọn các tác phẩm đạt giải kỳ này hy vọng sẽ là sự động viên đánh giá đúng đắn đối với cống sức lao động sáng tạo, với tâm huyết, trách nhiệm của các KTS đối với nghề, với cộng đồng và môi trường sống. Đây cũng là sự cổ vũ cho sự phát triển của nền kiến trúc Việt Nam phát triển lành mạnh, tiến tiến trong giai đoạn tới.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX hội Kiến trúc sư Việt Nam đã diễn ra tốt đẹp trong niềm hân hoan của các thế hệ KTS. Phát biểu tại lễ bế mạc Đại hội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao vai trò của Hội Kiến trúc sư Việt Nam trong lĩnh vực phát triển văn hóa nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ mới, xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Bộ trưởng khẳng định: "Bộ Xây dựng cùng với các cơ quan và ban, ngành Trung ương tiếp tục tạo điều kiện và môi trường hành nghề thuận lợi nhất để giới kiến trúc sư hoàn thành sứ mệnh".



ThS. KTS. Ngô Trung Hải - Viện trưởng VIUP phát biểu tại Hội thảo "Kiến trúc sư - Tác giả và tác phẩm"



Các KTS VIUP vinh dự nhận Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2014



TS. KTS. Lưu Đức Cường - Phó Viện trưởng VIUP phát biểu tại Hội thảo "Kiến trúc sư - Tác giả và tác phẩm"



Ban chấp hành Hội KTS Việt Nam nhiệm kỳ (2015-2019)



ÂM VANG XỨ THANH

Ngày 26 - 28 tháng 3 năm 2015



VIUP VỚI LIÊN HOAN KTS TRẺ TOÀN QUỐC LẦN VI

Tối 26/3, Liên hoan Kiến trúc sư (KTS) trẻ toàn quốc lần VI với chủ đề “Âm vang xứ Thanh” đã khai mạc tại TP Thanh Hóa (tỉnh Thanh Hóa). Sáng tạo - Sôi nổi - Trẻ trung đó là những gì mọi người đều dễ dàng cảm nhận được khi đến với Liên hoan lần này.



HOÀNG LINH (Thực hiện)

Đây là sự kiện diễn ra 2 năm một lần, do Hội KTS Việt Nam, Câu lạc bộ (CLB) KTS trẻ Việt Nam phối hợp với đơn vị chủ nhà tổ chức. Năm nay, chủ nhà của Liên hoan là Hội KTS Thanh Hóa và CLB KTS trẻ Thanh Hóa - là đơn vị thứ 6 đăng cai tổ chức sự kiện này.

Diễn ra từ ngày 26 - 28/3, Liên hoan đã thu hút sự tham gia của hơn 800 KTS trẻ trong cả nước với nhiều hoạt động phong phú. Đây là cơ hội để các KTS gặp gỡ, giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm hành nghề...

KTS. Nguyễn Thu Phong - Chủ tịch CLB KTS trẻ Việt Nam ghi nhận: Liên hoan “Âm vang xứ Thanh” đã lập một số kỷ lục mới đó là: Liên hoan có quy mô lớn nhất với số lượng KTS trẻ tham gia lớn nhất. Độ tuổi trung bình của KTS trẻ càng ngày càng cao. Điều này cho thấy Liên hoan rất hấp dẫn và cuốn hút được sự tham gia nhiệt tình của các KTS thế hệ đi trước. Bằng chứng là Liên hoan có sự tham gia của “KTS trẻ” nhiều tuổi nhất đến từ đoàn TP. HCM, ông sinh năm 1934.

Đặc biệt, Liên hoan “Âm vang xứ Thanh” có sự tham gia của đại diện của các Hội KTS quốc tế như Thái Lan, Malaysia, Tây Ban Nha...

Cũng theo KTS Nguyễn Thu Phong, trải qua 6 kỳ tổ chức, Liên hoan KTS trẻ toàn quốc có sự tiến bộ lớn. Các CLB KTS trẻ trong cả nước tăng lên và đã hình thành các CLB khu vực vùng, miền. Các KTS trẻ đã được kích lệ theo đuổi những xu hướng kiến trúc mới và tiếp tục giành các giải cao trong Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia năm 2014.

Chủ tịch Hội KTS Việt Nam Nguyễn Tấn Vạn cũng nhận định: Cả nước hiện có 8.000 KTS, trong số này, 70% là KTS trẻ. Hơn thế, mỗi năm cả nước có thêm 1.000 KTS ra trường. Các CLB KTS trẻ sẽ là nơi tập hợp được các KTS, cùng nhau học tập, bồi dưỡng kiến thức, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm của những KTS đi trước - những gương mặt nổi bật trong nền kiến trúc VN. Bên cạnh đó, các KTS trẻ lại được tiếp cận những nền văn hóa đặc sắc, từ đó tăng thêm niềm tin yêu quê hương, đất nước và nuôi dưỡng tình yêu nghề...

Tham gia Liên hoan lần này, đoàn KTS trẻ của Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn quốc gia (VIUP) với những gương mặt KTS trẻ tiêu biểu, đạt nhiều thành tích xuất sắc, những giải thưởng lớn trong nước và quốc tế cũng đã để lại hình ảnh và ấn tượng tốt đẹp với Liên hoan và bạn bè KTS trên khắp cả nước.

Ảnh trên: Đoàn KTS trẻ VIUP do Phó viện trưởng Lưu Đức Cường làm trưởng đoàn

Cũng trong khuôn khổ Liên hoan, sáng ngày 27/3 đoàn VIUP cùng các KTS trẻ cả nước đã đến dâng hương tại Đền thờ Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ tỉnh Thanh Hóa. (Hình 1)

Đặc biệt trong ngày 27/3, diễn đàn “Kiến trúc và phát triển sáng tạo” với sự tham gia của các KTS nổi tiếng trong nước và quốc tế như KTS Hồ Thiệu Trị, KTS Nguyễn Tiến Thuận, KTS Savador, KTS Hoàng Thúc Hào, Vo Trong Nghĩa Architects... đã thu hút sự quan tâm của các KTS trẻ thông qua những chia sẻ, những giải đáp nghề nghiệp và những kiến thức, ý tưởng mang tầm quốc tế trong các công trình.

Đoàn KTS trẻ VIUP cũng đã có bài thuyết trình về “Chất lượng không gian cộng đồng trong nhóm Nhà ở XH” rất thuyết phục bên cạnh các diễn giả - các KTS nổi tiếng đến từ các nước trong khu vực. (Hình 2)

Tối ngày 27/3, đoàn KTS trẻ VIUP đã có buổi giao lưu văn nghệ với các đoàn bạn tại thị xã biển Sầm Sơn. Trong không khí sôi nổi, thân tình ấy, các KTS trẻ VIUP đã cháy hết mình với những tiết mục đầy ngẫu hứng. (Hình 3)

Sáng ngày 28/3, hơn 800 KTS cả nước tham gia Liên hoan đã được đi thực tế sáng tác, tham quan các danh thắng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như: Di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ, Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Lam Kinh...

Tại khu di tích Lam Kinh, trưởng đoàn KTS trẻ VIUP cùng các trưởng đoàn khác đã đi dâng hương, tham quan và tìm hiểu về các công trình kiến trúc, các dấu tích cổ.

Cùng với đoàn KTS trẻ của Viện Kiến trúc quốc gia và của tỉnh Khánh Hoà, VIUP đã đoạt giải “Không gian” cho phương án trang trí hội trại. (Hình 4)

Buổi tối cùng ngày, chương trình nghệ thuật tổng hợp và đố lửa trại với sự tham gia của đông đảo KTS trẻ cùng các diễn viên chuyên và không chuyên đến từ Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn cũng đã diễn ra trong không khí sôi nổi, hào hứng với những giai điệu rock cuồng nhiệt của các ban nhạc KTS. Tại đây, Ban tổ chức đã công bố tỉnh Thái Nguyên sẽ đăng cai Liên hoan KTS trẻ toàn quốc lần thứ VII, diễn ra cuối vào năm 2016.

Liên hoan khép lại với biết bao kỳ vọng cho một năm thành công của nền kiến trúc nước nhà. Mong rằng, Liên hoan KTS trẻ 2016 sẽ có nhiều đổi mới hơn, sáng tạo hơn và là nơi các bạn KTS trẻ được chia sẻ, được học hỏi và tự hào với những thành tựu của bản thân cũng như của thế hệ đi trước và các bạn đồng nghiệp.



Hình 5



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình ảnh các công trình đoạt giải của VIUP được trưng bày tại Liên hoan



Hội xuân VIUP 2015

... Quy hoạch xây dựng mọi ngành
 Từ Nam chí Bắc cũng dành biển khơi
 Vũng Tàu Phú Quốc đây rồi
 Vết chân quy hoạch sáng ngời Việt Nam
 Bao nhiêu quy hoạch đã làm
 Xây dựng đất nước đường hoàng ngày nay.

Anh Nhĩ (cán bộ hưu)

ĐAN NGUYỄN (Thực hiện)

Đến hẹn lại lên, vào mỗi dịp xuân về, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia lại tung bừng gặp mặt và tổ chức chương trình Hội Xuân, đây như một món quà và cũng là lời chúc mừng đầu xuân gửi tới tất cả các KTS cho một năm 2015 với những thành công mới. Là một lễ hội thường niên của VIUP, tuy nhiên Hội Xuân VIUP Ất Mùi 2015 tổ chức vào ngày 6/3 vừa qua có một sự khác biệt lớn đó là được diễn ra ngay trên đất "Đẻ" Ninh Bình – mảnh đất của những triều đại khai quốc.

Hội Xuân hàng năm là nơi gặp mặt của các nhà quản lý, các chuyên gia và kiến trúc sư trong và ngoài Viện, để nhìn lại những thành quả đã đạt được, tôn vinh những tác giả, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc. Là nơi để cùng nhau chia sẻ, giao lưu và học hỏi trong giới chuyên môn. Hội Xuân năm nay cũng không nằm ngoài mục đích đó, với sự góp mặt của hơn 200 kiến trúc sư VIUP, các chuyên gia, các nhà quản lý và bạn bè quốc tế. Đến với Hội Xuân còn có sự hiện diện của bà Trần Thị Lựu - Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng, ông Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch PTĐT

Việt Nam, bà Loida Rivera Fabre - Tham tán thương mại và kinh tế đại sứ quán CuBa tại Việt Nam, các chuyên gia đến từ Viện QH vật thể CuBa, đại diện Ban lãnh đạo và các KTS Sở Xây dựng Ninh Bình và Viện Quy hoạch XD Ninh Bình...

Không khí Hội Xuân đã thực sự nóng lên khi ông Ngô Trung Hải - Viện trưởng VIUP và ông Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch PTĐT Việt Nam gióng lên những hồi trống khai Hội, mở ra bức tranh thư pháp cùng 4 chữ vàng KHAI TRƯƠNG HƯNG PHÁT với những mong muốn tốt đẹp nhất cho khởi đầu của một năm mới. Sau tiếng trống Hội, ban lãnh đạo Viện cũng đã thay mặt tất cả các anh em KTS bày tỏ tấm lòng biết ơn và yêu thương của mình tới các chị em có mặt trong Hội Xuân nhân ngày quốc tế phụ nữ 8-3 bằng những lời chúc và những bó hoa tươi thắm. Sau clip ngắn về những hoạt động tiêu biểu và những thành quả mà VIUP đã đạt được trong năm 2014, phó Viện trưởng Viện Quy hoạch ĐT&NT quốc gia - ông Trương Văn Quảng đã lên trao quyết định cho 31 hội viên mới của hội KTS VN. Tiếp đó, ông Trương Văn Quảng cũng đã giới thiệu tới toàn thể Hội Xuân những đề



Các tác phẩm và thí sinh đoạt giải trong hội thi vẽ Đề VIUP 2015

cử cho giải thưởng "Không gian sống VIUP 2014" và kết quả chúng ta đã có 3 giải Ba, 2 giải Nhì, 1 giải Nhất và 2 giải Đặc biệt do chính Viện trưởng Ngô Trung Hải lựa chọn và trao tặng. Cũng nhân ngày quốc tế phụ nữ, ban lãnh đạo Viện đã dành 5 phần quà cho 5 cán bộ nữ tiêu biểu, xuất sắc, đã có những thành tích và những đóng góp tích cực trong các hoạt động của VIUP năm 2014.

Cũng như mọi năm, phần thi vẽ con giáp của năm luôn đem đến những bất ngờ, những cảm xúc thăng hoa và những tiếng cười sảng khoái. Năm nay, những chú Dê là đề tài gây cảm hứng cho các KTS VIUP thể hiện với muôn hình, muôn vẻ. Mạnh mẽ, sáng tạo, năng động và bản lĩnh nhưng cũng không kém phần lãnh mạn, hấp dẫn...đó là hình ảnh của những chú "Dê VIUP". Để khép lại chương trình Hội xuân, toàn thể các khách mời và KTS VIUP đã cùng nhau hoà mình vào một không khí giao lưu âm nhạc vui tươi, trầm tĩnh đoàn kết. Hội xuân VIUP 2015 đã kết thúc tốt đẹp trên đất "Đê" Ninh Bình, mở ra những hoài bão, những hy vọng cho những thành công mới trong năm 2015 của VIUP trên con đường xây dựng đất nước ngày một tươi đẹp và bền vững hơn.

Nối tiếp dư âm Hội Xuân, sáng ngày 7/3/2015, ban lãnh đạo cùng các cán bộ VIUP đã đến thăm quần thể di sản thế giới Tràng An và dâng hương tại đền thờ vua Đinh - Lê, tưởng nhớ công ơn các vị vua đã có công thống nhất giang sơn, xây dựng nền kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam trên đất cố đô Hoa Lư, Ninh Bình. Tiếp đó, đoàn đã đến tham quan Nhà thờ đá Phát Diệm, nơi được đánh giá là một trong những nhà thờ đẹp nhất Việt Nam, được ví như "kinh đô công giáo" của Việt Nam. Đây là một công trình lớn, là nhà thờ chính tòa của giáo phận Phát Diệm rộng lớn ở phía bắc Việt Nam. Nhà thờ được xây dựng toàn bằng đá và gỗ. Nét độc đáo của công trình này ở chỗ: mặc dù là nhà thờ Công giáo nhưng được mô phỏng theo những nét kiến trúc đình chùa truyền thống của Việt Nam. Chuyến đi kết thúc trong một tiết trời không mấy thuận lợi, nhưng đã đem lại nhiều cảm xúc và để lại những dấu ấn sâu đậm trong lòng các KTS VIUP cũng như các khách mời và ban bè quốc tế, càng khẳng định thêm tinh thần đoàn kết, quyết tâm xây dựng một thương hiệu "VIUP" thực sự trở thành một ĐỐI TÁC TIN CẬY!



Giải đặc biệt của "Không gian sống 2014"



Những gương mặt hội viên mới của Hội KTS VN



VIUP đến thăm quần thể di sản thế giới Tràng An và nhà thờ đá Phát Diệm





MỸ

Mở rộng trụ sở mới của Facebook

Facebook đã mở rộng trụ sở chính tại Menlo Park - California (Mỹ) sang tòa nhà lớn hơn nhiều. Nhân viên công ty đã bắt đầu chuyển đến đây từ 30/3/2015.



Tòa nhà được thiết kế bởi kiến trúc sư nổi tiếng Frank Gehry - người từng thiết kế Rạp hát Walt Disney của Los Angeles (Mỹ) và Bảo tàng Guggenheim (Tây Ban Nha), tòa nhà mới là dự án khổng lồ và mất tới vài năm mới hoàn thành.

Có diện tích gần 40.000m², đây là một công trình lớn có sức chứa 2.800 người. Một trong những điểm nhấn chính của tòa nhà là khu vườn trên sân thượng rộng hơn 36.000m². Theo kiến trúc sư, Mark Zuckerberg, Tổng Giám đốc Facebook muốn một xây dựng một không gian thực tế, không phô trương, tiết kiệm chi phí. Tại đây, có một khu vườn được trồng khoảng 400 cây được trồng trên khu vườn này. Facebook hy vọng đây sẽ là nơi "đất lành chim đậu" theo đúng nghĩa đen. Phần nóc của tòa nhà sử dụng vật liệu cách ly nhằm giảm tính dẫn điện, dẫn nhiệt, để tối giản chi phí làm mát và sưởi ấm.

ẤN ĐỘ

Biến giấc mơ 100 thành phố "thông minh" thành hiện thực

Ngay sau khi lên nắm quyền lãnh đạo hồi tháng 5/2014, Thủ tướng Narendra Modi đã đưa ra nhiều kế hoạch phát triển táo bạo, trong đó có ý tưởng phát triển 100 thành phố "thông minh" dọc các hành lang giao thông lớn nhằm tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của Ấn Độ.



Theo mục tiêu của Chính phủ Ấn Độ, thành phố "thông minh" sẽ có chất lượng sống tốt hơn, cơ hội việc làm và đầu tư lớn hơn, trong đó công nghệ thông tin (IT) và các lĩnh vực công nghệ khác sẽ đóng vai trò chính trong phát triển những thành phố mới này. Hiện có nhiều giải pháp công nghệ cho các thành phố "thông minh," trong đó các công ty như Cisco, Siemens, IBM và Hitachi đã lên kế hoạch chi tiết.

NHẬT BẢN

Xây dựng phát triển phục vụ World Cup Bóng bầu dục năm 2019

Với 12 địa điểm được lựa chọn cho việc tổ chức World Cup Bóng bầu dục năm 2019, các thành phố chủ nhà của Nhật Bản đang đẩy nhanh quá trình đầu tư phát triển các cơ sở thể thao của mình. Hai sân vận động quy mô lớn sẽ được xây dựng mới, đó là sân vận động quốc gia mới tại Tokyo và sân vận động Memorial Kamaishi là sân vận động được xây dựng lại sau trận động đất năm 2011 tại Iwate.



Các công trình cải tạo được lên kế hoạch rất chi tiết, cụ thể nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Sẽ có rất nhiều người hâm mộ trong nước và quốc tế đến đây. Kamaishi là thành phố duy nhất được lựa chọn nhưng chưa có đầu tư phát triển sắp tới sẽ được đầu tư xây dựng một sân vận động trong 7ha tại khu vực phía bờ biển sóng thần nhấn chìm.

AI CẬP

Khởi động 4 siêu dự án, tổng vốn 72 tỷ USD



Trong đó, 45 tỷ USD sẽ được dùng để xây thủ đô mới, số còn lại sẽ được đầu tư vào các dự án năng lượng.

Trong ngày họp thứ hai của Hội nghị phát triển kinh tế Ai Cập (EEDC), Ai Cập đã ký hàng loạt thoả thuận đầu tư với các quốc gia Arab và các tổ chức quốc tế với tổng giá trị lên tới hàng chục tỷ USD. Cụ thể, Ai Cập ký với Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) thoả thuận trị giá 45 tỷ USD để xây dựng thủ đô hành chính kinh tế mới ở phía Đông thủ đô Cairo. Lễ ký diễn ra dưới sự chứng kiến của Tổng thống nước chủ nhà Abdel-Fattah al-Sisi với Phó Tổng thống kiêm Thủ tướng UAE Mohammed bin Rashed al-Maktoum.

Dự kiến, thủ đô hành chính - kinh tế mới ở phía Đông Cairo sẽ rộng khoảng 28.000ha. Đồng thời, Bộ trưởng Dầu mỏ Ai Cập Sherif Ismail cũng đã ký thoả thuận trị giá 12 tỷ USD với Tổng giám đốc Tập đoàn BP của Anh Bob Dudley về việc mở rộng hoạt động thăm dò dầu khí ở trên biển Địa Trung Hải và khu vực bờ Đông, bờ Tây sông Nile. Đây là thoả thuận lớn nhất từ trước đến nay về năng lượng tại Ai Cập nhằm giúp nước này đảm bảo sản xuất 25% lượng dầu trong nước và thu hẹp khoảng cách về nhu cầu dầu mỏ ở các khu vực khác nhau.

Cũng tại hội nghị, Bộ trưởng Isamil ký thoả thuận trị giá 5 tỷ USD với tập đoàn sản xuất dầu mỏ của Italy Eni Claudio Descalzi về hát triển và thăm dò dầu thô. Chính phủ Đức và tập đoàn Siemens cũng cho biết hãng này đã đạt được "các thoả thuận chắc chắn" về dự án nhà máy điện với Ai Cập có tổng trị giá 10 tỷ USD. Theo thoả thuận, Siemens sẽ xây dựng tại Ai Cập một nhà máy điện chu trình hỗn hợp có công suất 4,4GW, một nhà máy điện chạy bằng năng lượng gió có công suất 2GW và một nhà máy sản xuất cánh quạt cho tuốc bin phong năng.

ITALY

Phục hồi “Đền thờ hòa bình” nhân kỷ niệm thành lập Rome



Đền thờ hòa bình - một trong những kiến trúc ít được biết đến ở thủ đô Rome của Italy, sẽ được khôi phục lại nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập thành phố này.

Người phụ trách Cơ quan quản lý di sản Rome, ông Claudio Parisi Presicce cho biết việc tái tạo công trình kiến trúc này sẽ được khởi công vào đầu tháng Ba, trong đó việc phục hồi 5 chiếc cột bị thiếu trong phần còn lại của di sản được Hoàng đế Vespasian xây dựng vào khoảng năm 75 sau Công nguyên sẽ hoàn tất đúng ngày kỷ niệm thành lập thành phố Rome (21/4).

AUSTRALIA

Tiến hành nâng cấp Nhà hát Sydney Opera House



Chính quyền thành phố Sydney, bang New South Wales, Australia, đã quyết định tiến hành nâng cấp công trình kiến trúc Nhà hát Opera House.

Theo kế hoạch, chi phí nâng cấp “Nhà Sò” này sẽ lên tới hơn 200 triệu AUD, trong đó chủ yếu dành cho nâng cấp phần kiến trúc cánh, hiện đại hóa phòng hòa nhạc, cải thiện độ vang âm thanh và nâng cấp hệ thống máy móc cũng như lối ra vào nhà hát.

Kế hoạch nâng cấp Nhà hát Sydney nằm trong dự án cơ sở hạ tầng văn hóa trị giá 600 triệu AUD tập trung vào khu vực vịnh Walsh mà chính quyền của ông Baird dự kiến sẽ chính thức triển khai nếu tái đắc cử vào tháng tới.

ANH

Ý tưởng nhà chọc trời không bóng tối

Sử dụng các tấm phản chiếu ánh sáng mặt trời vào góc tối ở chân tòa nhà là ý tưởng độc đáo của một công ty kiến trúc của Anh.



Ông Parisi Presicce tiết lộ, các khối lớn của hàng cột bằng đá cẩm thạch Ai Cập đã được nghiên cứu và tái tạo cho dự án khôi phục bằng cách sử dụng các công nghệ hết sức phức tạp, tinh vi và có tính đến khả năng chịu được động đất.

Theo CNN, công ty kiến trúc NBBJ, Anh, vừa đề xuất một giải pháp thiết kế mà họ mô tả là “những tòa tháp không bóng tối”. Các kiến trúc sư kỳ vọng sẽ xây dựng những tòa nhà có khả năng phản chiếu ánh sáng từ các tầng trên cao, giúp ánh sáng mặt trời chiếu xuống nhiều hơn ở các tầng thấp gần mặt đất.

Các kiến trúc sư sẽ sử dụng một thuật toán trong giai đoạn thiết kế để tính toán vị trí đặt các tấm phản chiếu ánh sáng mặt trời. Các tấm khác nhau dùng cho thời gian nhất định trong ngày, vị trí, hình dáng riêng biệt của mỗi tòa nhà và các mùa khác nhau trong năm. Các tấm phản chiếu giúp không gian công cộng tại chân các tòa nhà được sáng hơn.

Dự đoán, có hơn 200 tòa nhà chọc trời có thể được xây mới ở London trong vài năm tới. NBBJ cho rằng, các nhà thiết kế làm việc ở những nơi khác có thể sử dụng ý tưởng của họ.

THỤY SĨ

Ý tưởng cho khách sạn cao nhất thế giới

Dự án xây dựng 7123 Tower cao 381m nằm tại một ngôi làng nhỏ của Thụy Sĩ, giữa những ngọn núi hùng vĩ của dãy Alps sẽ trở thành khách sạn cao nhất thế giới với chiều cao tương đương tòa nhà Empire State (Mỹ) khi được hoàn thành vào năm 2019.



Theo đó, 7132 Tower sẽ được xây dựng tại thành phố Vals, bang Granbunden, Thụy Sĩ. Tòa tháp có thiết kế hình trụ và được bao bọc xung quanh bằng kính.

Morphosis Architects, đơn vị thiết kế khách sạn cho biết, tòa nhà có thiết kế tổng thể mỏng, nhỏ gọn, sẽ rất hợp với khung cảnh làng quê và vô cùng hài hòa với thiên nhiên xung quanh.

Tòa tháp rộng 53,000m² này sẽ có 107 phòng khách và phòng căn hộ, bao gồm nhiều hồ bơi, khu vực spa, phòng khiêu vũ, thư viện, nhà hàng, quán cà phê, quán bar, sky bar, một phòng trưng bày và một trung tâm thể dục.

Với chiều cao 381 m, tòa tháp sẽ có chiều cao tương đương tòa nhà Empire State ở New York, cao hơn tòa nhà cao nhất phía Tây châu Âu là Shard của London 80m.

Do thiết kế siêu mỏng của các tòa nhà và hệ thống kính vừa trong suốt vừa phản chiếu, gần như mỗi phòng sẽ có một cái nhìn toàn cảnh của thung lũng cùng với thiên nhiên xanh mát bên ngoài.

Tuy nhiên, dự án vẫn đang phải đợi chính quyền địa phương tổ chức một cuộc bỏ phiếu để trung cầu dân ý lấy ý kiến của công chúng trước khi có thể tiến hành.



Khởi công dự án khu đô thị nghìn tỷ

Khu đô thị hiện đại phía Đông hòn Cặp Bè - thành phố Hạ Long - Quảng Ninh đã được chính thức khởi công. Đây là dự án có tổng kinh phí lên tới 3.899 tỷ đồng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển đô thị Quảng Ninh làm chủ đầu tư.



Khu đô thị hiện đại phía Đông hòn Cặp Bè có quy mô 17,89ha, nằm phía trên địa bàn phường Hồng Hải - thành phố Hạ Long. Điểm độc đáo của dự án là xây dựng khu nhà ở kết hợp phố thương mại đi bộ, hình thành trung tâm văn hóa, thương mại và du lịch.

Khu đô thị mới sẽ có 70 căn biệt thự 3 tầng, 231 nhà liền kề 4-5 tầng, 125 căn nhà phố thương mại 4 tầng, 1 tòa nhà hỗn hợp dịch vụ và chung cư 35 tầng. Dự kiến sau khi hoàn thành vào năm 2020, khu đô thị mới sẽ giải quyết nhu cầu nhà ở và nơi làm việc cho khoảng từ 3.000-3.500 người.

Đây là dự án quan trọng, có tổng kinh phí đầu tư là 3.899 tỷ VNĐ. Công ty kiến trúc Surbana, công ty thiết kế hàng đầu của Singapore là đơn vị lập quy hoạch cho dự án. Dự kiến, dự án sẽ được hoàn thành vào năm 2020.

Điều chỉnh quy hoạch KĐT Đông Nam đường Trần Duy Hưng



Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng có vị trí ở phía Tây Nam TP Hà Nội. Theo quy hoạch, sẽ lấy không gian cây xanh, không gian các công trình thấp tầng là trọng tâm nổi bật hệ thống các công trình cao tầng tạo điểm nhấn cho khu vực.

UBND TP Hà Nội vừa ký quyết định phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, tỷ lệ 1/500. Địa điểm tại phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy và phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Theo đó, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng có vị trí ở phía Tây Nam TP Hà Nội, giáp đường xuyên tâm vào TP (đại lộ Thăng Long), phía Tây Bắc giáp đường Trần Duy Hưng; phía Tây Nam giáp đường Khuất Duy Tiến; Phía Đông Nam giáp công viên - hồ điều hòa Nhân Chính và Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính; phía Đông Bắc giáp đường Hoàng Đạo Thúy. Khu đô thị có tổng diện tích 354.997m², quy mô dân số khoảng 12.644 người.

Điểm nhấn chủ đạo là các công trình cao tầng dọc trục đường Trần Duy Hưng, Vành đai 3 được tổ chức đón hướng nhìn từ phía đảo giao thông là nút giao với đại lộ Thăng Long.

Bàn giao sản phẩm dự án VLAP huyện Ứng Hòa



Sở TN&MT Hà Nội đã tổ chức hội nghị bàn giao sản phẩm dự án VLAP (Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai) cho huyện Ứng Hòa.

HÀ NỘI

Phía Bắc sông Hồng sẽ là một vành đai xanh

Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội phối hợp với UBND huyện Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh tổ chức công bố và bàn giao quy hoạch phân khu đô thị GN, tỷ lệ 1/5000.



Diện tích nghiên cứu phân khu 5.426ha, dân số đến năm 2030 là 136.000 người. Tính chất chính của phân khu là không gian cây xanh, mặt nước, các nêm xanh cây xanh nằm giữa các khu vực phát triển đô thị mới và hiện hữu, đóng vai trò là các không gian mở - sinh thái và cảnh quan đô thị.

Phân khu GN ở phía Bắc sông Hồng thuộc địa giới hành chính của 30 xã và thị trấn của 3 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh. Phân khu GN có vị trí đặc biệt, trải dài 28km theo hướng Tây Bắc - Đông Nam; tiếp giáp với nhiều phân khu đô thị. Một số tuyến đường chính đô thị cắt qua khu vực nghiên cứu như đường Nhật Tân - Nội Bài, đường Vành đai 3, Vành đai 4, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài. Trong phân khu này, quỹ đất thuộc địa bàn huyện Đông Anh chiếm tới 60%. Việc thu hút đầu tư cho khu vực phân khu GN rất chọn lọc với mục tiêu sinh thái, giữ gìn không gian cây xanh - mặt nước như mục tiêu mà quy hoạch được phê duyệt đã xác định.

Công bố quy hoạch chung xây dựng huyện Ba Vì

Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã phối hợp với UBND huyện Ba Vì tổ chức công bố và bàn giao quy hoạch chung xây dựng huyện Ba Vì đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000.



Phạm vi lập quy hoạch theo địa giới hành chính của huyện bao gồm 1 thị trấn và 30 xã. Quy mô diện tích nghiên cứu quy hoạch là 42.402,7ha, dân số đến năm 2030 khoảng 295.000 người. Cơ cấu phát triển kinh tế của huyện là thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp. Nằm trong khu vực hành lang xanh, huyện Ba Vì được phát triển theo mô hình cấu trúc với ba trục ngang có chức năng kết nối huyện với trung tâm Hà Nội và các tỉnh, huyện lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế là QL32, đường Hồ Chí Minh và trục không gian sông Tích. Quy hoạch cũng xác định hình thành 8 trung tâm tạo động lực hỗ trợ phát triển dịch vụ, du lịch và nông nghiệp toàn huyện.

Huyện Ứng Hòa đã thực hiện xong 29/29 xã, thị trấn trên địa bàn và đang vận hành thử một số ứng dụng về thông tin thửa đất qua hệ thống mạng di động. Cơ sở dữ liệu hiện tại giúp người dân có thể nhận tin vào tổng đài và nhận được thông tin về diện tích, tình trạng pháp lý của thửa đất cần thông tin. Ngoài ra, công tác kiểm tra nghiệm thu 5 gói thầu dịch vụ kỹ thuật cũng đã hoàn thành; đã thực hiện giải ngân với tổng số 43,150,6 tỷ đồng theo hợp đồng, đạt 85,2%.

Từ nay đến 30/6, Ban Quản lý dự án VLAP Hà Nội tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu sản phẩm; vận hành, bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính đã có và thực hiện cập nhật chính lý biến động đất đai thường xuyên.

25 nghìn tỷ đồng quy hoạch hệ thống sông Đáy

Dự án Quy hoạch phòng chống lũ và đề điều chỉnh hệ thống sông Đáy bên cạnh phục vụ đa mục tiêu thì sẽ tập trung vào mục tiêu cụ thể là xác định tuyến thoát lũ ổn định, đảm bảo chuyển tải các cấp lưu lượng, đáp ứng yêu cầu cấp nước phục vụ dân sinh. Cùng với đó phải đảm bảo việc kết hợp giao thông, cải thiện môi trường.

Trong quy hoạch việc sử dụng cảnh quan, đất đai cũng được tính toán kỹ càng. Đặc biệt, nếu đưa những con sông thuộc hệ thống sông Đáy trở lại được với trạng thái tự nhiên thì đó là cơ hội để phát triển đời sống và kinh tế rất lớn cho các tỉnh có sông này chảy qua.

Ngoài ra, quy hoạch cũng xác định các giải pháp ổn định, an toàn cho dân khi phải chống lũ thiết kế; tăng cường công tác quản lý, chống lấn chiếm trong vùng dẫn thoát lũ...

Được biết, tổng kinh phí đầu tư để cải tạo lòng dẫn sông Đáy vào khoảng gần 25 nghìn tỷ đồng.



NGHỆ AN

Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An được mở rộng hơn 20.700ha

Nhằm sửa đổi và bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 2 về Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg.

Cụ thể, diện tích của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thuộc tỉnh Nghệ An sẽ được điều từ hơn 20.026ha lên hơn 20.776ha, phần diện tích được tăng thêm là của Khu công nghiệp dịch vụ & đô thị VSIP Nghệ An (750ha).



Lần mở rộng diện tích của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An được ghi nhận đến nay là lần thứ 2. Ban đầu, đồ án quy hoạch có diện tích là 18.826,47ha, đã được tăng lên khoảng 20.026,47ha trong lần điều chỉnh đầu tiên.

QUẢNG NAM

Xem xét thu hồi dự án Làng du lịch sinh thái Gami Hội An



Lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành khẩn trương xem xét hồ sơ pháp lý liên quan đến việc thu hồi dự án Làng du lịch sinh thái Gami Hội An, trước ngày 10/4 phải trình lên UBND tỉnh quyết định.

Ông Đinh Văn Thu cũng yêu cầu Chi cục Thuế TP. Hội An tiến hành theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư dự án (Công ty CP Đầu tư du lịch và Kinh doanh hội nghị Gami Hội

An) nộp các khoản nợ thuế vào ngân sách và xử lý những tồn tại liên quan đến nghĩa vụ tài chính. Lãnh đạo tỉnh cũng yêu cầu UBND TP. Hội An chỉ đạo chủ đầu tư khẩn trương tháo các chướng ngại vật trên đất và bàn giao khu đất lại cho Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Hội An.

Được khởi công vào ngày 11/3/2008, dự án Làng du lịch sinh thái Gami Hội An có tổng vốn đầu tư là 43 triệu USD. Dự án được quy hoạch trên khu đất rộng 113ha, gồm một đảo lớn và một đảo nhỏ trên sông Hoài (TP. Hội An).

ĐÀ NẴNG

Đầu tư 3.000 tỷ đồng xây nhà ga quốc tế Sân bay Đà Nẵng

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam vừa đề xuất Bộ GTVT dự án đầu tư mới nhà ga quốc tế tại Sân bay Đà Nẵng với công suất 4 triệu hành khách/năm.

Theo Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam, toàn bộ nhà ga nội địa và quốc tế Đà Nẵng có công suất 6 triệu khách/năm, trong khi đó, năm 2014 lượng khách trong và ngoài nước đến Đà Nẵng đã hơn 5,8 triệu lượt (hơn 800.000 khách quốc tế). Dự kiến, nhà ga sẽ quá tải trong 1-2 năm tới. Ngoài việc nhà ga cần mở rộng, nhà khách VIP để phục vụ Hội nghị APEC sẽ tổ chức ở Đà Nẵng vào năm 2017 cũng cần được đầu tư.

Dự án xây dựng nhà ga quốc tế mới có tổng vốn đầu tư dự kiến 3.000 tỷ đồng, trong đó vốn xây lắp là 2.000 tỷ đồng, mua sắm thiết bị cho nhà ga mới trị giá 1.000 tỷ đồng. Nhà ga mới có công suất phục vụ 2 triệu khách quốc tế trong giai đoạn 1 và đạt 4 triệu khách trong giai đoạn 2.

HỒ CHÍ MINH

Sẽ điều chỉnh quy hoạch chung đến năm 2030



Sở Quy hoạch & Kiến trúc đã được UBND TP.HCM giao nhiệm vụ phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng đề cương điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP đến năm 2030.

Bên cạnh việc xúc tiến xây dựng điều chỉnh quy hoạch chung TP đến năm 2030, TP.HCM cũng

lập kế hoạch điều chỉnh hướng tuyến đường ven sông Sài Gòn đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến cầu Sài Gòn.

Trong lúc chờ đợi đề cương trên được thông qua, Sở Tài nguyên & Môi trường tiến hành tổ chức lấy ý kiến từ các cơ quan và đơn vị có liên quan nhằm từng bước tiến đến hoàn chỉnh đề cương lập quy hoạch xử lý chất thải rắn TP đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Về nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch đối với hướng tuyến đường ven sông Sài Gòn, ở tuyến đoạn đường Tôn Đức Thắng - cầu Sài Gòn cũng đã được UBND TP phê duyệt.

Cụ thể: Sẽ tiến hành thực hiện quy hoạch đường ven sông Sài Gòn theo hướng kéo dài liên tục từ tuyến đường Tôn Đức Thắng tới bán đảo Thanh Đa - Bình Quới. Đồng thời, tiến hành xây dựng kết nối đồng bộ vị trí tuyến nằm về phía bờ sông Sài Gòn với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, đó là tuyến và nhà ga metro số 1, xe buýt nhanh BRT... Bên cạnh đó, TP cũng khuyến khích việc tổ chức giao thông ngầm nhằm giữ gìn cảnh quan chung của khu vực bờ sông.

Khánh thành dự án làm thay đổi cuộc sống triệu người dân



Mới đây, công trình cải tạo, nâng cấp kênh Tân Hòa - Lò Gốm đi qua 5 quận của TP. Hồ Chí Minh, đã được khánh thành, đưa vào sử dụng.

Đây là dự án thành phần số 4, cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hòa - Lò Gốm thuộc tiểu dự án nâng cấp đô thị TPHCM (HUUP), dự án nâng cấp đô thị Việt Nam (VUUP). Dự án gồm 6 hạng mục, Dự án Tân Hòa - Lò Gốm thuộc

hạng mục 2; nâng cấp ở hạ tầng cấp 1,2, đấu nối hạ tầng cấp 3 tại quận 6, 11, Tân Bình và Tân Phú.

Dự án có tổng chiều dài kênh cải tạo là 7,5km, tổng mức đầu tư hạng mục chính kênh Tân Hòa - Lò Gốm trên 146 triệu USD; tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh bổ sung cầu Ông Bưởi 1,2 là trên 166 triệu USD. Sau khi cải tạo và nâng cấp, đã có 2.501m cống hộp bê tông cốt thép được đổ tại chỗ, hoàn thành 7.863m kè hai bên bờ kênh, xây dựng 11,515m đường lưu thông trên cống hộp có từ 2 tới 4 làn xe và đường dọc kênh hờ với một hoặc 2 làn xe. Dự án trên giúp 7 triệu người dân TP HCM, trong đó 2,5 triệu người được hưởng lợi trực tiếp từ kết quả đầu tư công trình.

Phát biểu tại lễ khánh thành, bà Victoria Kwakwa- Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam cho biết, dự án là một điển hình xuất sắc cấp quốc tế về công tác nâng cấp đô thị, ngoài ra công trình còn được thực hiện trong một thời gian ngắn kỷ lục chỉ bằng 1/3 thời gian cải tạo kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè. Dự án cũng chứng minh rằng TP.HCM là một điển hình tốt cho các địa phương khác của Việt Nam về tăng trưởng xanh thông qua cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện sống của người nghèo đô thị, đồng thời giúp TP.HCM tăng tính cạnh tranh kinh tế và trở thành một thành phố đáng sống hơn.

BÌNH DƯƠNG

6.000 nhà ở xã hội cho lao động nhập cư được xây thêm



Hơn 6.100 căn hộ nhà ở xã hội dành cho những người lao động nhập cư đã được tỉnh Bình Dương khởi công xây dựng thêm.

Dự án nằm tại phường Định Hòa - thành phố Thủ Dầu Một với mục đích phục vụ nhu cầu nhà ở đối với đối tượng là những người nhập cư, công nhân lao động ở các khu công nghiệp lân cận.

Công trình xây dựng này là một phần của Đề án nhà ở xã hội được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt từ nay đến năm 2020 sẽ tiến hành thực hiện xây hơn 60.000 căn hộ, có tổng vốn đầu tư hơn 12.000 tỷ đồng do Becamex làm chủ đầu tư.

Các căn hộ thuộc dự án này có diện tích trong khoảng 30-70m², được thiết kế với tiện ích hiện đại, phù hợp cho các gia đình nhỏ với mức hợp lý để có thể đáp ứng được nơi ở đối với những người lao động.

Giá của một căn hộ tại đây theo chủ trương chính sách của tỉnh Bình Dương sẽ là trên 100 triệu đồng đối với căn 30m². Mức giá này hết sức phù hợp với người có thu nhập thấp nhằm tạo điều kiện để họ có được một chốn an cư.

Trên địa bàn Bình Dương hiện có khoảng hơn 800 người lao động nhập cư, đa số trong đó chưa có nhà để ở. Vì vậy, còn rất nhiều công nhân cũng như lao động cần tăng cường tích lũy để ổn định cuộc sống và có nhu cầu bức thiết đối với việc mua nhà ở xã hội tại Bình Dương.



Think Green

TĂNG TRƯỞNG XANH

TĂNG TRƯỞNG XANH

Tăng trưởng xanh nghĩa là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp các tài nguyên và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới.

(Theo Chiến lược Tăng trưởng Xanh của OECD)

Là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

(Theo Chiến lược tăng trưởng xanh Việt Nam)

TĂNG TRƯỞNG XANH ĐÔ THỊ

Tăng trưởng xanh đô thị có nghĩa là thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động đô thị làm giảm ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, tới tài nguyên thiên nhiên và giảm áp lực lên các dịch vụ hệ sinh thái. Xanh hóa nền kinh tế đô thị truyền thống và mở rộng các khu vực đô thị xanh nhằm tạo ra tăng trưởng (thông qua việc tăng cung và cầu), tạo việc làm và tăng sức hấp dẫn đô thị. Những tác động này là một phần kết quả của sự tương tác mạnh mẽ hơn tại khu vực đô thị trong việc đạt được các hiệu quả kinh tế, mục tiêu môi trường và công bằng xã hội.

(Theo OECD)



Tăng trưởng xanh đô thị

& MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH ĐÔ THỊ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở VIỆT NAM

TS. KTS. LƯU ĐỨC CƯỜNG
Phó viện trưởng VIUP

In the last years, green growth has emerged as a global trend, receiving much attention from the academia as well as the policy makers in many countries. Green growth has also gradually been incorporated into economic policies in some countries and determined as a must-tendency towards sustainable development. This paper focuses on the following two issues: clarifying the concept of urban green growth and recommending a number of study topics serving for urban green growth planning and development.

Trong những năm gần đây, tăng trưởng xanh nổi lên như một xu hướng toàn cầu, thu hút được sự chú ý của giới học giả cũng như các nhà hoạch định chính sách tại nhiều quốc gia. Tăng trưởng xanh cũng đã từng bước được lồng ghép vào trong chính sách kinh tế của một số nước và đã được xác định như một xu hướng tất yếu hướng tới phát triển bền vững. Bài viết này tập trung vào hai vấn đề: Làm rõ khái niệm tăng trưởng xanh trong bối cảnh của đô thị và đề xuất một số nội dung nghiên cứu cần thực hiện phục vụ phát triển và quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

1. Định nghĩa tăng trưởng xanh đô thị

Đứng trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những mối đe dọa cấp bách về khí hậu và môi trường thì tăng trưởng xanh đã nổi lên như một mô hình phát triển mới có khả năng cùng một lúc đạt được các mục tiêu kinh tế và môi trường. Để đi đến một định nghĩa về tăng trưởng xanh đô thị cần làm rõ hai khái niệm "Xanh" và "Tăng trưởng" trong bối cảnh của đô thị.

1.1 Tăng trưởng xanh là gì?

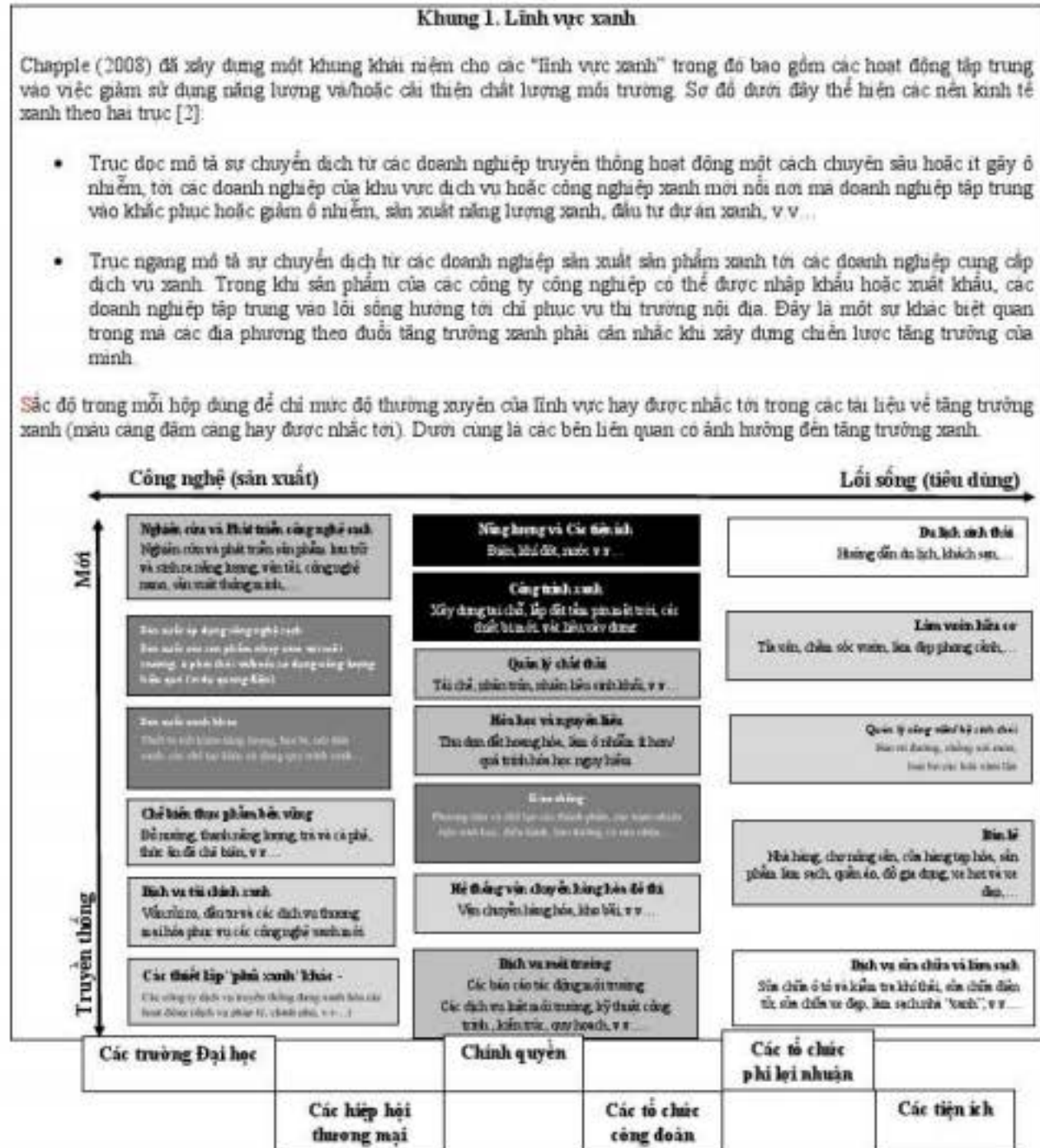
Tăng trưởng xanh nổi lên từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Để có thể giải quyết khủng hoảng kinh tế, việc cải cách cơ cấu kinh tế đòi hỏi hướng tới các chính sách kinh tế sáng tạo, trong đó việc áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường và các công cụ khuyến khích đi kèm được nhìn nhận là hướng đi mới có thể giải quyết cùng lúc hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bền vững về mặt môi trường. Đồng thời, khi đạt được hai mục tiêu này sẽ tất yếu dẫn đến sự bền vững về mặt xã hội do tăng trưởng kinh tế giúp tạo ra công ăn việc làm và bền vững môi trường dẫn tới nâng cao chất lượng sống của người dân, hai yếu tố tiên quyết nhằm xác lập bền vững xã hội.

Các quốc gia áp dụng các chiến lược kinh tế thân thiện với môi trường bao gồm một số gói khôi phục và kích thích kinh tế, từ đầu tư vào các dự án giao thông công cộng, các dự án

K h á i n i ệ m

công trình xanh, nghiên cứu và triển khai (R&D) sử dụng nhiên liệu sinh học, các mô hình công nghệ tiết kiệm năng lượng, phát triển cơ sở hạ tầng xanh (Khung 1). Các loại hình dự án này giúp tạo ra các loại hình công nghiệp/ngành nghề mới, một mặt kích thích nghiên cứu khoa học, mặt khác tạo thêm công ăn việc làm. Như vậy, các mục tiêu kinh tế,

thách thức kinh tế và môi trường bằng cách nêu bật những cơ hội cho các nguồn lực mới của tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng xanh tập trung vào hai trong ba chân kiềng của phát triển bền vững (kinh tế và môi trường), và do vậy là một phần của sự phát triển bền vững, nhưng không đồng nghĩa với nó. Điều đó không nói rằng tăng trưởng xanh bỏ



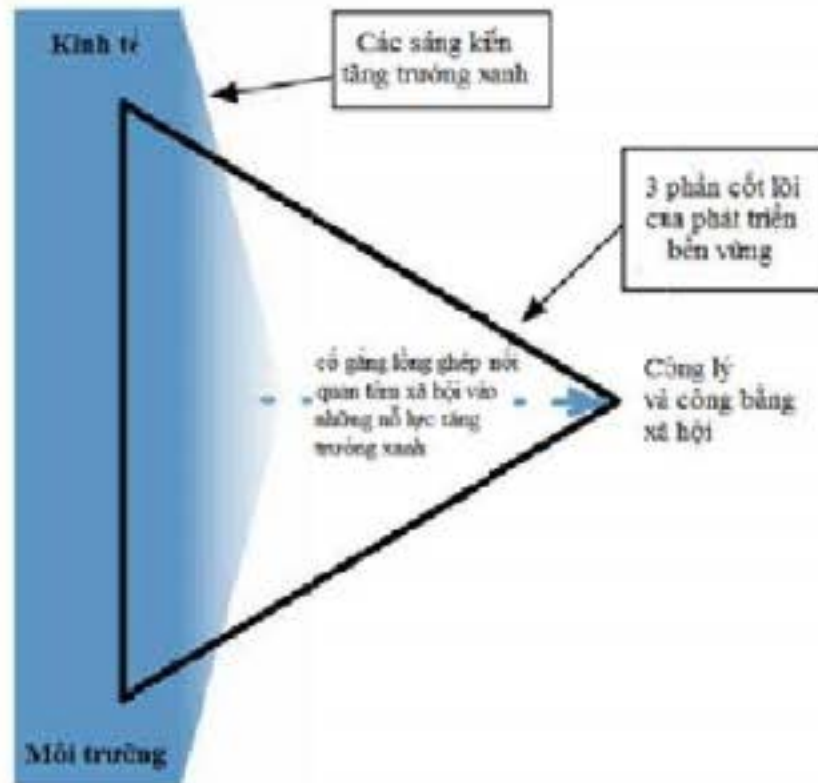
môi trường và xã hội được đồng thời thỏa mãn. Một vài quốc gia tiêu biểu là Vương quốc Bỉ với 51% giá trị gói kích cầu hướng tới tăng trưởng xanh, con số này ở Cộng hòa Pháp là 18%, 32% ở Hàn Quốc (OECD, 2009a), 40% của gói kích cầu 586 tỷ USD tại Trung Quốc [19].

qua vấn đề công bằng xã hội. Thực tiễn cho thấy nhiều sáng kiến tăng trưởng xanh có thể cung cấp các lợi ích xã hội. Tuy nhiên, một vấn đề cần lưu ý là trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh phải chú ý không để bỏ sót nhóm lao động dễ bị tổn thương.

Điều cần nhấn mạnh là **tăng trưởng xanh không phải là tên gọi khác của phát triển bền vững**. Tăng trưởng xanh nhấn mạnh sự kết nối giữa kinh tế và môi trường. Do đó, các chính sách tăng trưởng xanh nhằm xác định sự liên kết giữa những

Hình 1 mô tả mối liên hệ giữa các yếu tố cấu thành phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Tóm lại, tăng trưởng xanh được định nghĩa như sau:

■ Theo Chiến lược Tăng trưởng Xanh của OECD^[13]:
 Tăng trưởng xanh nghĩa là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp các tài nguyên và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới.



Hình 1. Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

■ Theo Chiến lược tăng trưởng xanh Việt Nam^[14]:
 Là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

1.2 Tăng trưởng xanh đô thị là gì?

Dựa trên những phân tích ở trên về tăng trưởng xanh, tăng trưởng xanh đô thị có thể được định nghĩa theo vài cách như sau:

■ Theo OECD^[15]:
 Tăng trưởng xanh đô thị có nghĩa là thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động đô thị làm giảm ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, tới tài nguyên thiên nhiên và giảm áp lực lên các dịch vụ hệ sinh thái. Xanh hóa nền kinh tế đô thị truyền thống và mở rộng các khu vực đô thị xanh nhằm tạo ra tăng trưởng (thông qua việc tăng cung và cầu), tạo việc làm và tăng sức hấp dẫn đô thị. Những tác động này là một phần kết quả của sự tương tác mạnh mẽ hơn tại khu vực đô thị trong việc đạt được các hiệu quả kinh tế, mục tiêu môi trường và công bằng xã hội.

■ Theo Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh^[16] và Nguyên thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị^[17]:

Phát triển đô thị phải theo quy hoạch, kế hoạch. Quy hoạch đô thị phải đảm bảo chất lượng, tầm nhìn và có cách tiếp cận theo hướng bền vững, đáp ứng tiêu chí đô thị xanh, đô thị sinh thái... Các quy hoạch không gian đô thị phải đảm bảo hài hòa kinh tế - sinh thái, thân thiện môi trường, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng. Các quy hoạch đô thị cần đi trước một bước đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ sinh thái trong đô thị, tạo dựng thêm nhiều không gian cây xanh, mặt nước phục vụ cộng đồng, bảo tồn các đặc trưng văn hóa đô thị và các khu vực chức năng phải thỏa mãn các tiêu chí về môi trường. Đặc biệt, cần có lộ trình đảm bảo cân đối và đa dạng các nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch.

Quan điểm phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh phải được cụ thể hóa thông qua ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị xanh với hệ thống giao thông xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; phát triển đô thị sử dụng năng lượng tiết kiệm, năng lượng tái tạo, đổi mới và sử dụng công nghệ, kỹ thuật, vật liệu sạch. Các tiến bộ khoa học - công nghệ cần được tiếp cận, ứng dụng rộng rãi trong phát triển công trình xanh, đô thị xanh. Tuyên truyền rộng rãi tới cộng đồng, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và có chính sách thu hút nhà tài trợ, các tổ chức phát triển, nhà đầu tư tham gia thực hiện chủ trương này.

Bên cạnh đó, để phát triển hệ thống đô thị Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh, thì cần phải có giải pháp tổng thể, phù hợp để thích ứng BĐKH.

2. Một số đề xuất nghiên cứu quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Về mặt cơ sở pháp lý, có thể nói rằng Việt Nam đã có tương đối đầy đủ các văn bản pháp quy có liên quan đến đô thị tăng trưởng xanh, bao gồm: Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng trong giai đoạn 2015-2020,... và nhiều văn bản liên quan khác.

Sau đây là một số đề xuất bước đầu về các nội dung nghiên cứu và những công việc cần làm để cụ thể hóa các văn bản pháp quy trên, đồng thời tạo lập cơ sở lý luận vững chắc và thực tiễn hóa việc phát triển và quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh trong bối cảnh của Việt Nam:

2.1. Tổng kết, đánh giá thực trạng, các bài học kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam về đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu

■ Rà soát và đánh giá thực tiễn các mô hình đô thị sinh thái được đề cập trong các đề án được phê duyệt tại một số đô thị lớn tại Việt Nam (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng...) về tiêu chí sử dụng năng lượng, tài nguyên đất đai, và mối liên hệ với cấu trúc không gian.

■ Rà soát và đánh giá hiệu quả các mô hình đô thị mới về tiêu chí không gian xanh, sử dụng năng lượng, tài nguyên đất đai, và mối liên hệ với cấu trúc không gian.

■ Tổng kết và đánh giá vai trò hệ thống làng xóm đô thị hóa về tiêu chí

K h á i n i ệ m

bản sắc văn hóa, kiến trúc truyền thống, cảnh quan cây xanh, mặt nước và không gian công cộng.

■ Tổng kết các kết quả của các nghiên cứu đã thực hiện trong các lĩnh vực đô thị sinh thái, biến đổi khí hậu và quy hoạch đô thị, tác động của biến đổi khí hậu tới hạ tầng kỹ thuật đô thị, ECO2...

2.2. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái theo lý thuyết Đô thị học mới.

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái theo lý thuyết Cảnh quan học (Vườn trên mái, Cây xanh theo chiều thẳng đứng, kết nối không gian).

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái theo lý thuyết Giao thông.

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái theo lý thuyết về Năng lượng (Năng lượng tái tạo và phát thải).

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị sinh thái theo lý thuyết về cấp thoát nước (tận thu nước mưa, hệ thống thoát nước bền vững...).

■ Nghiên cứu cơ sở lý luận đặc trưng địa lý, khí hậu, cảnh quan Việt nam theo các Vùng Miền áp dụng cho Quy hoạch đô thị.

■ Kinh nghiệm quốc tế, bài học và thực tiễn về mô hình đầu tư và quản lý đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu (Thụy Điển, CHLB Đức, Pháp, Úc, Brazil...).

■ Đề xuất bộ tiêu chí đô thị sinh thái, đô thị xanh cho Việt Nam.

■ Đề xuất sửa đổi quy chuẩn, tiêu chuẩn, thể chế hóa tiêu chí đô thị sinh thái, đô thị xanh.

2.3. Thi điểm áp dụng phương pháp Lập Quy hoạch đô thị theo tiêu chí đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp điều kiện Việt Nam, làm cơ sở để xuất điều chỉnh hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến Quy hoạch đô thị và quản lý đô thị, tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phù hợp.

■ Lựa chọn một số đô thị đại diện cho các vùng miền, cấp loại đô thị khác nhau để lập quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh dựa trên hệ tiêu chí đô thị xanh đã xây dựng. Trên cơ sở đó tổng kết, điều chỉnh phương pháp lập quy hoạch và kiến nghị sửa đổi các văn bản pháp quy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giouard, N. "The OECD Green Growth Strategy: Key lessons so far", OECD Observer No.279, May 2010.
2. Chapple (2008). "Defining the Green Economy: A primer on green economic development". UC Berkeley Center for Community Innovation.
3. OECD Green Growth Strategy
4. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. 2012
5. OECD Cities and Green Growth: A Conceptual Framework. 2011
6. Xây dựng chính sách đa ngành về đô thị tăng trưởng xanh. <http://www.vietnamplus.vn/xay-dung-chinh-sach-da-nganh-ve-do-thi-tang-truong-xanh/289026.vnp>
7. Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh. <http://www.baovietnam.com.vn/ke-hoach/do-thi/xay-dung-do-thi-tang-truong-xanh-75245.html>



PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH



THINK GREEN



TS. KTS. TRƯƠNG VĂN QUẢNG

Phó Viện trưởng VIUP

Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh là một yếu tố tất yếu của phát triển bền vững. Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh là tư duy mới về quá trình đô thị hóa được diễn giải trên cơ sở duy trì những hiểu biết về kinh tế, văn hóa và bảo vệ môi trường. Một cách hiểu đơn giản, phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh là sự can thiệp với cách thức có chiến lược của con người vào quá trình đô thị hóa phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, xu thế, nguồn lực, quy luật phát triển chung và đặc trưng riêng của từng đô thị, từng địa phương.

Trong gần ba mươi năm đổi mới Việt Nam đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Nhiều mục tiêu thiên niên kỷ cơ bản đã đạt được như xóa đói giảm nghèo, sức khỏe cộng đồng... Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, hiệu suất, hiệu quả và tính cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu phát triển theo chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên với cường độ cao, hiệu quả thấp. Tài nguyên có nguy cơ bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm nặng. Các ngành kinh tế thân thiện với môi trường chưa được phát triển, công nghệ chậm được đổi mới. Hệ thống đô thị tuy có gia tăng về số lượng, quy mô nhưng chất lượng đô thị còn thấp. Phát triển đô thị còn lãng phí nguồn tài nguyên đất đai, cảnh quan, ảnh hưởng tới môi trường, thiếu tính bền vững.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý



Để giải quyết các vấn đề trên, trong xu hướng hội nhập và phát triển, Việt Nam rất cần tham gia vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế mang tính toàn cầu. Đó chính là sự nỗ lực của cộng đồng quốc tế hướng tới một nền kinh tế tăng trưởng xanh (Nền kinh tế xanh). Theo Liên Hiệp Quốc, "nền kinh tế xanh" là một nền kinh tế nhằm cải thiện hạnh phúc con người, công bằng xã hội và giảm thiểu đáng kể những nguy cơ kiệt quệ về môi sinh. Đây là nền kinh tế đạt được trạng thái cân bằng giữa ba yếu tố là tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội. Tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới.

Đối với Việt Nam tăng trưởng xanh được hiểu là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Mục tiêu của tăng trưởng xanh là khuyến khích các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên với giá trị gia tăng cao, hạn chế liên tục xóa bỏ những ngành sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường; ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với vấn đề biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống nhân dân thông qua việc tạo thêm việc làm từ các ngành công nghiệp xanh và xây dựng lối sống thân thiện với môi trường.

Cũng phải nghiêm túc rút ra bài học đắt giá từ những yếu kém cơ bản hiện nay của quá trình đô thị hóa, để lấy đó làm cơ sở cấu trúc lại tư duy, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống đô thị nước nhà và chuyển dịch sang những mô hình phát triển bền vững đô thị, điểm dân cư nông thôn. Tính khẩn trương, cương quyết của sự thay đổi nhận thức này sẽ quyết định chất lượng đô thị hóa, góp phần vào quá trình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của Việt Nam.

Như vậy, về cơ bản phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh cần tập trung giải quyết các vấn đề: ⁽¹⁾ Phát triển kinh tế đô thị ổn định, tạo công ăn việc làm cho người dân đô thị.



Khu đô thị bỏ hoang giữa lòng thành phố – Cách thức phát triển đô thị thiếu bền vững



Quy hoạch phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh - Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Quảng Ninh (VIUP)



Khuynh hướng quy hoạch khu chức năng đô thị theo hướng tăng trưởng xanh - Khu đô thị hành chính trung tâm tỉnh Khánh Hòa (VIUP)



đặc biệt cho người có thu nhập thấp và người nghèo đô thị.⁽²⁾ Đảm bảo đời sống vật chất văn hóa tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, đảm bảo công bằng xã hội.⁽³⁾ Tôn tạo, gìn giữ và bảo vệ môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp với đầy đủ ý nghĩa vật thể và phi vật thể đô thị...

Để góp phần xây dựng thành công sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, công tác phát triển và quản lý phát triển đô thị đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm nhằm xây dựng và phân bố hợp lý các đô thị tạo sự phát triển bền vững, cân bằng giữa các vùng lãnh thổ, có sức cạnh tranh cao giữa các đô thị, tạo môi trường sống tốt, lành mạnh cho người dân, đảm bảo phát triển KT-XH với an ninh quốc gia...

Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh đã trở thành một yếu tố tất yếu trong chiến lược phát triển hệ thống đô thị quốc gia. Các lĩnh vực cần ưu tiên trong các chiến lược thuộc Chương trình nghị sự 21 và tăng trưởng xanh của Chính Phủ phải được lồng ghép và cụ thể trong chiến lược phát triển đô thị hướng tăng trưởng xanh, cụ thể là:

⁽¹⁾ Những lĩnh vực kinh tế trong khu vực đô thị cần ưu tiên nhằm phát triển theo hướng tăng trưởng xanh: Chuyển dịch cơ cấu và duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; Thay đổi mô hình sản xuất và thói quen tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường; Thực hiện quá trình "công nghiệp hóa sạch"; Tăng cường mối liên kết giữa khu vực đô thị và nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững.

⁽²⁾ Những lĩnh vực xã hội trong khu vực đô thị cần ưu tiên nhằm phát triển theo hướng



Quy hoạch khu nhà ở xã hội theo hướng tăng trưởng xanh - Khu nhà ở xã • hội Đống Xá, Gia Lâm, Hà Nội (VIUP)

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý



tăng trưởng xanh: Xây dựng chương trình phát triển đô thị quốc gia khoa học, hợp lý nhằm phát triển bền vững hệ thống đô thị; phân bố hợp lý dân cư, lao động và hệ thống đô thị theo nguồn lực, tiềm năng, ngưỡng phát triển từng vùng, miền; Tập trung nỗ lực để giảm nghèo đô thị, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Tiếp tục giảm mức tăng dân số và tạo thêm việc làm cho người lao động; Nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của quá trình đô thị hóa; Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng của dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống.

^[2] Những lĩnh vực sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong khu vực đô thị cần ưu tiên nhằm phát triển theo hướng tăng trưởng xanh: Tiết kiệm nguồn tài nguyên đất đai; hạn chế phát triển đô thị, công nghiệp vào khu vực đất nông nghiệp gắn với chiến lược an ninh lương thực quốc gia; sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất phát triển đô thị; Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; Bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng, nông nghiệp, biển, hải đảo, giữa các khu vực đô thị và nông thôn; Giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn, đất, nước ở các đô thị và khu công nghiệp; quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Thực hiện các biện pháp giảm sự gia tăng biến đổi khí hậu và hạn chế những ảnh hưởng có hại của biến đổi khí hậu (nhất là ảnh hưởng của mực nước biển dâng, triều cường...), phòng và chống thiên tai; Đổi mới phương pháp lập quy hoạch đô thị, nông thôn; áp dụng các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường vào việc xây dựng tại đô thị và nông thôn; Phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh...

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chương trình nghị sự 21 của Chính Phủ về phát triển bền vững;
2. QHXD bền vững đô thị Việt Nam (Dự án VIE/01/021, Dự án thí điểm);
3. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam

Phát triển kinh tế xanh



ĐỂ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TĂNG TRƯỞNG XANH

PGS. TS. VŨ THỊ VINH

Tổng thư ký Hiệp hội Các đô thị Việt Nam

Trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI đã liên tiếp xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu và những cảnh báo về giới hạn khai thác tài nguyên và hệ sinh thái. Thực tế này đòi hỏi nhiều quốc gia phải chuyển dịch mô hình tăng trưởng hiện có. Theo đó, hướng tiếp cận "nền kinh tế Xanh" đang được quan tâm và phát triển. Hiện nay trên thế giới có rất nhiều khái niệm về phát triển kinh tế như: Kinh tế phát triển bền vững, Kinh tế xanh, Kinh tế nâu... Vậy, hiểu như thế nào cho đầy đủ và mối quan hệ của chúng như thế nào giữa xây dựng đô thị tăng trưởng xanh với phát triển kinh tế?

I. Một số khái niệm

1. Khái niệm nền "kinh tế Xanh"

Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) định nghĩa nền "kinh tế xanh" là: "Nền kinh tế nâng cao đời sống con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái". Nói một cách đơn giản, nền kinh tế xanh có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội. Trong nền "kinh tế Xanh", tăng trưởng về thu nhập và việc làm được tạo ra thông qua những khoản đầu tư của nhà nước và tư nhân nhằm giảm thiểu phát thải các-bon, giảm ô nhiễm, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học. Đường lối phát triển phải hướng vào duy trì, cải thiện nguồn vốn tự nhiên và phục hồi nếu cần thiết, bởi đây là tài sản kinh tế quan trọng và là nguồn lợi chung, đặc biệt đối với những người



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

nghèo bởi sinh kế và an sinh của họ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Khái niệm "kinh tế Xanh" không thay thế khái niệm bền vững, nhưng nó ngày càng được công nhận là mô hình phù hợp làm nền tảng cho phát triển bền vững. Tính bền vững là một mục tiêu dài hạn quan trọng, nhưng xanh hóa nền kinh tế là phương tiện đưa chúng ta tới đích.

2. Tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh (Green Growth) là hướng tiếp cận mới của thế giới trong tăng trưởng kinh tế, không chỉ nhằm mang lại lợi ích kinh tế, mà còn hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, nuôi dưỡng cuộc sống con người, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Tăng trưởng Xanh là việc làm cho các quá trình tăng trưởng có hiệu quả về mặt tài nguyên, sạch hơn và chóng phục hồi hơn chứ không làm cho các quá trình này chậm lại. Điều này cũng đồng nghĩa với việc đầu tư vào môi trường để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (liên minh châu Âu). Tăng trưởng xanh là con đường ngắn nhất hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững (TS Juhuyun Lee, Chuyên gia UN-HABITAT).

Hiện nay, khi nói về Tăng trưởng Xanh, thế giới cũng có nhiều quan niệm khác nhau. Có quan niệm cho rằng, tăng trưởng xanh gần đồng nghĩa với GDP xanh, là tăng trưởng kinh tế trừ đi những thiệt hại môi trường, hay lấy chỉ số GDP trừ đi những thiệt hại môi trường do hoạt động kinh tế

gây ra. Song, cũng có quan niệm coi Tăng trưởng xanh là sự đầu tư vào các ngành, lĩnh vực nhằm mang lại hiệu quả kinh tế, tiết kiệm trong sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, đầu tư phục hồi hệ sinh thái, sử dụng năng lượng tái tạo, xây dựng nền kinh tế cac-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

3. Phát triển Bền vững

Theo Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2014: "Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng hay làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai". Phát triển bền vững đòi hỏi sự tiến bộ và tăng cường sức mạnh của cả ba yếu tố có tính chất phụ thuộc và tương hỗ với nhau: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.



Hình 1. Các khía cạnh của phát triển bền vững

II. Vì sao phải phát triển Kinh tế Xanh

Thế giới đang đối mặt với hai thách thức lớn: Mở rộng cơ hội kinh tế cho một dân số toàn cầu ngày càng tăng, và giải quyết các áp lực môi trường. Chiến lược tăng trưởng xanh là cần thiết vì các tác động hoạt động kinh tế trên các hệ thống môi trường đang tạo ra sự mất cân bằng và đặt tăng trưởng kinh tế và phát triển có nguy cơ mất ổn định. Trong thế kỷ 20, dân số thế giới tăng 4 lần, sản lượng kinh tế tăng 22 lần và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch tăng 14 lần (UNEP 2011). Dự báo đến năm 2050 nhu cầu tiêu thụ còn lớn hơn rất nhiều để cung cấp cho dân số thế giới là khoảng 9 tỷ người và tới năm 2030 sẽ có khoảng 1 tỷ người sống trong các khu vực bị ô nhiễm nước nghiêm trọng. Các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách cũng như thực tế từ các nước đã tiến hành phát triển Kinh tế xanh cho thấy tính hiệu quả của Kinh tế xanh.

1/ Giúp phát triển bền vững

Trong nền Kinh tế xanh, môi trường được xem là nhân tố có tính quyết định đến tăng trưởng kinh tế, cải thiện chuỗi giá trị đem lại sự ổn định và thịnh vượng lâu dài. Nhân tố môi trường trong nền Kinh tế xanh có khả năng tạo ra tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội

2/ Kinh tế xanh bảo vệ sự đa dạng sinh học

Suy giảm đa dạng sinh học làm giảm phúc lợi của một bộ phận dân số thế giới, trong đó có một bộ phận dân số gặp phải những vấn đề trầm trọng hơn vì đói nghèo như mất nguồn đánh cá, rừng bị hủy hoại, cây trồng bị xâm nhập mặn... Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài thì dẫn đến những biến đổi không thể lường trước được gây thảm họa cho con người.

3/ Kinh tế Xanh có thể giúp xóa đói giảm nghèo

Công nghệ năng lượng tái tạo như năng lượng từ gió, từ mặt trời, từ sóng biển... Và các chính sách hỗ trợ năng lượng hứa hẹn sẽ đóng góp đáng kể cho việc cải thiện đời sống và sức khỏe cho bộ phận người dân có thu nhập thấp. Theo thống kê của Liên Hợp Quốc trên thế giới hiện có khoảng 1,4 tỷ người đang thiếu điện và 2 tỷ người đang thiếu nước uống.

4/ Kinh tế xanh tạo ra việc làm

Nền Kinh tế xanh có thể tạo ra việc làm trong một loạt các lĩnh vực mới nổi và nhiều tiềm năng như nông nghiệp chất lượng cao, năng lượng tái tạo, giao thông công cộng, công



ngiệp tái chế... Đây là những công việc đem lại năng suất lao động cao với hiệu quả cải thiện môi trường sinh thái và ổn định lượng khí thải sản ra ở mức thấp.



Hình 2. Kinh tế Xanh để giảm đói nghèo

III. Hiệp hội Các đô thị Việt Nam gắn kết phong trào thi đua “Đô thị Xanh - Sạch - Đẹp” với xây dựng “Đô thị Tăng trưởng xanh”

■ Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh

Để ứng phó với các thách thức của thực tế phát triển, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia (2003), Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 năm 2004), Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050. Mục tiêu chung của Chiến lược là: Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy để tiến tới nền kinh tế các bon thấp, thì yếu tố giảm khí thải đối với giao thông là vấn đề rất lớn, đối với Đô thị hoá bền vững là các giải pháp của Chiến lược tăng trưởng Xanh.

Từ mục tiêu chung, Chiến lược đã đưa ra 17 giải pháp, trong đó đối với Đô thị hoá bền vững sẽ tập trung vào 6 nội dung quan trọng, xin được tóm lược như dưới đây:

a/ Quy hoạch đô thị và quản lý quy hoạch

Rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế...) và quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái...

b/ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

Nhà ở, giao thông, năng lượng, cấp thoát nước và xử lý rác thải đảm bảo khả năng tiếp cận cho mọi người dân với chất lượng chấp nhận được. Những khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu cần điều chỉnh để hạ tầng thích ứng nhằm giảm thiệt hại kinh tế.

c/ Xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái, công trình xanh

Nghiên cứu ban hành hệ thống tiêu chuẩn về quy hoạch kiến trúc đô thị giải pháp xây dựng xanh thân thiện với môi trường. Ban hành quy định buộc chủ đầu tư ứng dụng những công nghệ xanh khi xây dựng các toà nhà thương mại mới và cải tạo các khu chung cư hiện có ở đô thị. Áp dụng các công cụ kinh tế và kỹ thuật khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phục vụ cho xây dựng và sử dụng các công trình xây dựng xanh...

d/ Giao thông đô thị

Đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị nhằm đạt tới mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực, ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư phương tiện, khai thác...

d/ Xanh hoá cảnh quan đô thị

Ưu tiên phân bổ đất công để nhanh chóng nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước đạt tiêu chuẩn theo loại đô thị. Khuyến khích cộng đồng và doanh nghiệp và các hộ gia đình huy động nguồn lực để xanh hoá cảnh quan đô thị.

■ Gắn kết phong trào thi đua “Xây dựng đô thị Xanh – Sạch – Đẹp” với “Đô thị Tăng trưởng xanh”.

Nhấn Ngày Đô thị Việt Nam 8/11/2013, Bộ Xây dựng phối hợp với Hiệp hội Các đô thị Việt Nam và Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam phát động chủ đề “Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh”. Năm 2015 là năm thứ hai tiến hành chủ đề này, Hiệp hội các đô thị Việt Nam với trách nhiệm là tổ chức của các thành phố, thị xã trong cả nước (hiện có 106 thành viên) đã ban hành 15 Tiêu chí phong trào thi đua xây dựng “Đô thị Xanh-Sạch-Đẹp gắn với Tăng trưởng Xanh” làm cơ sở để các đô thị xây dựng chỉ tiêu phấn đấu cụ thể và lập kế hoạch triển khai phong trào thi đua.

TIÊU CHÍ	TÊN TIÊU CHÍ	ĐIỂM SỐ
Tiêu chí 1	Tăng diện tích cây xanh bình quân (m ² /người)	7 điểm
Tiêu chí 2	Đẩy mạnh phong trào trồng cây và tăng số cây xanh trồng thêm	6 điểm
Tiêu chí 3	Tăng diện tích và chống lửa chiếm một nửa và thảm cỏ	6 điểm
Tiêu chí 4	Tăng tỉ lệ thu gom rác thải sinh hoạt ở nội và ngoại thị	8 điểm
Tiêu chí 5	Tăng tỉ lệ xử lý rác thải sinh hoạt: tỉ lệ từ 80% đến 100%, đốt, chôn lấp hợp vệ sinh	8 điểm
Tiêu chí 6	Xây dựng thời gian không vứt rác ra đường và nơi công cộng, duy trì phong trào trồng và chăm sóc cây	6 điểm
Tiêu chí 7	Tăng tỉ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, chống ô nhiễm nguồn nước (nội, bề, sông, ngoài kênh, rạch, nước ngầm)	7 điểm
Tiêu chí 8	Tăng tỉ lệ địa đô thị được nâng cấp, nước sạch đô thị và nước hợp vệ sinh	8 điểm
Tiêu chí 9	Tăng tỉ lệ chiếu sáng công cộng đô thị	6 điểm
Tiêu chí 10	Tăng công suất chiếu sáng nghệ thuật và đèn trang trí vào các ngày lễ, tết, hội	6 điểm
Tiêu chí 11	Thường xuyên trang trí đô thị bằng cây hoa, cây cảnh	6 điểm
Tiêu chí 12	Tăng số lượng tập xếp lại đường dây và hạ ngầm đường dây, đường ống, quảng cáo và tăng mỹ quan phố và mình đô thị	7 điểm
Tiêu chí 13	Chính trang hạ tầng đô thị, tăng mỹ quan chính trang hệ thống, đường, ống, cống, vỉa hè, vỉa hoa	7 điểm
Tiêu chí 14	Tăng số ở xã hội, hỗ trợ ở cho người nghèo	6 điểm
Tiêu chí 15	Tăng phương tiện và thị trường chính công cộng và sử dụng nhiều liên lạc trong giao thông đô thị	6 điểm

Các đô thị đóng vai trò như một hệ thống “khung xương” phát triển của mỗi lãnh thổ, mỗi quốc gia. Những quốc gia phát triển là những nước có mạng lưới đô thị khá dày và chúng đóng góp rất to lớn cho nền kinh tế quốc dân. Khi đô thị chuyển hướng sang tăng trưởng xanh những nhà hoạch định chính sách và chính quyền đô thị cần phải tập trung ưu tiên xây dựng những mô hình phát triển kinh tế - xã hội, đặt trọng tâm vào phúc lợi cộng đồng, hạnh phúc con người với một nền quản trị tốt. Đồng thời, Chính quyền của mỗi đô thị cần làm tốt công tác tuyên truyền để mỗi cán bộ, mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp hiểu và thấy rõ trách nhiệm của mình trong xây dựng đô thị Tăng trưởng xanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tăng trưởng xanh là con đường ngắn nhất hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững
TS Juhayn Lee, Chuyên gia UN-HABITAT
2. Những trở ngại chính về tăng trưởng xanh ở các quốc gia đang phát triển. PGS.TS Nguyễn Thế Chinh
3. Green Growth for Economic Development - Liên minh Châu Âu
4. Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh – Tâm nhìn.net
5. Tăng trưởng Xanh: Lời giải cho nền kinh tế Việt Nam – Thủy Dung
6. Tài liệu Hiệp hội các đô thị Việt Nam



ĐÔ THỊ SINH THÁI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH

3 PHẠM TRÙ - 1 MỤC TIÊU



TS. KTS. LƯU ĐỨC CƯỜNG

Phó viện trưởng VIUP

In the last decade, environmental issues have been receiving much attention in urban planning and development in Vietnam. There are four concepts that appear most frequently, in the order of time including: sustainable cities, eco-cities, cities responding to climate change, and urban green growth. This paper concentrates on clarifying these concepts and analyzing the linkages between them. Also, the paper points out challenges, opportunities and solutions for realizing these concepts in urban planning and development in the Vietnamese context.

Đô thị sinh thái

Khái niệm đô thị sinh thái (Eco-city - ĐTST) xuất hiện từ cuối những năm 80 đầu thập kỷ 90 ở các nước phát triển nhằm nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống cho người dân. "Một thành phố sinh thái là thành phố đảm bảo sự cân bằng với thiên nhiên" hay cụ thể hơn là sự định cư cho phép các cư dân có điều kiện chất lượng cuộc sống tốt nhưng chỉ sử dụng tối thiểu các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Phương án quy hoạch ĐTST nhằm giải quyết các vấn đề môi trường của đô thị ở thời điểm khởi đầu quá trình hiện đại hóa. Ý tưởng này ngay lập tức trở thành một phong trào lan rộng trong cộng đồng châu Âu, các nước công

nh nghiệp trên thế giới và được xem như một công cụ hữu hiệu để giải quyết các vấn đề môi trường đô thị đang là hậu quả của quá trình công nghiệp hóa. Đối với các nước công nghiệp, đây là bước tất yếu trong quá trình phát triển nhằm đạt đến một đô thị phát triển bền vững. Nhìn lại lịch sử phát triển, đô thị hóa ở quy mô lớn thực tế là hậu quả của quá trình công nghiệp hóa, phát sinh từ nhu cầu tập trung lực lượng sản xuất để phục vụ sản xuất công nghiệp và tạo thành các khu dân cư đông đúc. Đô thị hóa diễn ra làm phát sinh vô vàn các vấn đề về môi trường tự nhiên, xã hội và kết cục là đòi hỏi các phương án hiện đại để giải quyết các vấn đề đó khi nhu cầu và điều kiện cho phép. Cuối cùng thì việc quy hoạch ĐTST là khâu tiếp theo tất yếu của quá trình phát triển đô thị.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Mô hình	Miêu tả	Vi dụ
Đô thị sử dụng năng lượng tái tạo	Các đô thị sử dụng năng lượng tái tạo ở nhiều cấp độ khác nhau, được khai thác từ các nguồn như: năng lượng mặt trời, sinh học, gió, địa nhiệt... phù hợp với điều kiện địa phương. Để đưa vào sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng này cần tái cấu trúc và xây dựng từ hạ tầng cơ sở và cơ chế, chính sách, thể chế.	Tp. Masdar (Tiểu Vương quốc Ả Rập; TP năng lượng mặt trời - Dezhou (Trung Quốc); Quận Vauban - Tp. Freiburg (Đức)
Đô thị carbon thấp hoặc tiếp cận "phát thải carbon ngưỡng zero"	Đô thị không phát thải carbon thông qua sử dụng năng lượng hiệu quả cũng như thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Có nhiều giải pháp/sáng kiến nhằm giảm phát thải carbon xuống mức zero từ quy mô công trình tới quy hoạch. Giảm thiểu phát thải khí nhà kính là một nội dung lồng ghép trong quá trình thực hiện các dự án.	Chính quyền Anh Quốc bắt buộc các chương trình/dự án phát triển đô thị trong lĩnh vực công phải giảm thiểu phát thải vào năm 2016; Dự án các thành phố carbon thấp tại Trung Quốc
"Thành phố xanh"	Thành phố tổ chức không gian cây xanh tốt. Các mảng xanh chuyên đề tại các khu vực ngoại ô hoặc kết hợp thiết kế tại các công trình xây dựng (mái xanh). Không gian xanh đô thị có thể mang chức năng nông nghiệp, đầu vào cho sản xuất năng lượng sinh học cũng như xanh hóa các khu vực phát triển mật độ cao.	Dự án Ginza Honeybee (Nhật Bản)
Đô thị sử dụng hiệu quả tài nguyên	Đô thị tập trung vào sử dụng và quản lý chu trình chất thải. Khuyến khích sử dụng tài nguyên bền vững từ hoạt động sản xuất tới tiêu dùng, cùng với đó là công tác thiết lập hạ tầng, trang thiết bị nhằm tối đa hóa giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải cũng như việc sử dụng các công nghệ sản xuất năng lượng từ rác.	Phổ biến tại nhiều đô thị ở Nhật Bản; Thụy Điển; khu công nghiệp sinh thái của Hàn Quốc; Anh Quốc
Đô thị độc lập (tối đa hóa tự cung tự cấp) (self-sufficient)	Các đô thị này hướng tới tối đa hóa việc tự cung cấp từ hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Tiết kiệm các chi phí về kinh tế và môi trường cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ thông qua tối đa hóa sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có của đô thị.	
Đô thị phân tán (distributed)	Đô thị dựa trên hệ thống cung cấp dịch vụ, năng lượng quy mô nhỏ, phân tán. Giảm thiểu chi phí truyền tải so với hệ thống tập trung.	Mô hình thu gom, xử lý nước thải phân tán hiện nay phổ biến tại nhiều quốc gia.
"Đô thị thông minh"	Công nghệ thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật là công cụ để cải thiện, nâng cao bền vững môi trường. Ví dụ, cung cấp thông tin thời gian thực về tình hình giao thông và chỉ dẫn hướng đi chuyển hợp lý; quản lý dữ liệu tương tác về công trình xanh, năng lượng, nước, chất thải...	Dự án xây dựng đô thị thông minh - Yokohama, Nhật Bản.

Một số mô hình đô thị sinh thái hiện nay. Nguồn: Tổng hợp [3], [4]

"Đô thị sinh thái" là đô thị đạt được những tiêu chí về điều kiện và chất lượng môi trường sống sinh thái, và "quy hoạch đô thị sinh thái" là phương pháp quy hoạch đô thị nhằm đạt được các tiêu chí của chất lượng cuộc sống cao, hướng tới sự phát triển bền vững của đô thị đó.

Các tiêu chí quy hoạch ĐTST có thể được khái quát trên các phương diện như: kiến trúc công trình, sự đa dạng sinh học, giao thông, công nghiệp và kinh tế đô thị¹⁴. Về kiến trúc, các công trình trong ĐTST phải đảm bảo khai thác tối đa các nguồn năng lượng mặt trời, gió và nước mưa để cung cấp năng lượng và đáp ứng nhu cầu nước của

người sử dụng. Thông thường các công trình là nhà cao tầng còn mặt đất để dành cho không gian xanh.

Sự đa dạng sinh học của đô thị phải được đảm bảo với các hành lang cư trú tự nhiên, nuôi dưỡng sự đa dạng sinh học và đem lại sự tiếp cận với thiên nhiên để nghỉ ngơi giải trí.

Giao thông và vận tải cần hạn chế bằng cách cung cấp lương thực và hàng hóa chủ yếu nằm trong phạm vi đô thị hoặc các vùng lân cận. Phần lớn dân cư đô thị sẽ sống và làm việc trong phạm vi bán kính đi bộ hoặc xe đạp để giảm thiểu nhu cầu di chuyển cơ giới. Sử dụng các phương tiện giao thông

công cộng nối liền các trung tâm để phục vụ nhu cầu di chuyển xa hơn của người dân. Công nghiệp của ĐTST sẽ sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa có thể tái sử dụng, tái sản xuất và tái sinh. Các quy trình công nghiệp bao gồm cả việc tái sử dụng các sản phẩm phụ và giảm thiểu sự vận chuyển hàng hóa.

Kinh tế ĐTST là một nền kinh tế tập trung sức lao động thay vì tập trung sử dụng nguyên liệu, năng lượng và nước, nhằm duy trì việc làm thường xuyên và giảm thiểu nguyên liệu sử dụng.

Xây dựng đô thị sinh thái có 4 nguyên tắc chính: (i) Xám phạm ít nhất đến môi trường tự nhiên, (ii) Đa dạng hóa sử dụng đất, chức năng đô thị và các hoạt động khác của con người, (iii) Giữ cho hệ thống đô thị được khép kín và tự cân bằng trong điều kiện có thể, (iv) Tối ưu hóa sự cân bằng giữa tăng dân số đô thị và sức chịu tải của môi trường.

Có thể thấy rằng lợi ích của ĐTST thể hiện ở các mặt sau:

Lợi ích sinh thái: Giảm thiểu phát thải khí nhà kính và nâng cao giá trị, bền vững môi trường.

Lợi ích kinh tế: đảm bảo an ninh năng lượng, các nội dung liên quan tới yếu tố nước, tạo ra cơ hội kinh doanh, việc làm thông qua việc đầu tư vào yếu tố xanh của đô thị bao gồm công nghiệp năng lượng tái tạo, tiết kiệm chi phí thông qua sử dụng tài nguyên hiệu quả...
Lợi ích xã hội: Nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và đô thị sinh thái

Hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu đang đặt ra những thách thức cho phát triển bền vững nói chung và phát triển đô thị nói riêng. Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng mạnh mẽ nhất bởi biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3000km từ Bắc tới Nam, Việt Nam có trên 300 đô thị ven biển và hơn 50% dân số sống tại khu vực thấp ven biển (cao độ địa hình từ 0-10m so với mực nước biển).

Bên cạnh đó, vị trí địa lý của Việt Nam cũng thuộc vùng ảnh hưởng của bão, lốc xoáy và lũ lụt. Những thiên tai, hiện tượng thời tiết cực đoan đã và đang gây ra những thiệt

hại to lớn về người và vật chất trong những năm gần đây. Mặc dù, Việt Nam đã áp dụng nhiều biện pháp như xây dựng đê biển, cải thiện hệ thống quản lý sông, phát triển các hệ thống dự báo và cảnh báo sớm để kiểm soát lũ, nhưng hiện tại Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn bởi thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Theo kịch bản BĐKH khu vực đồng bằng sông Hồng, ĐBSCL và đồng bằng duyên hải miền Trung sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề do nước biển dâng và các hiện tượng khí hậu cực đoan. Chính phủ đã ban hành chương trình mục tiêu quốc gia và chiến lược quốc gia ứng phó với BĐKH. Hai nội dung chính về BĐKH là giảm thiểu và thích ứng.

Giảm thiểu BĐKH là các hoạt động nhằm giảm mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính.

Thích ứng với BĐKH là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hay con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do các tác động của BĐKH.

Như vậy, thông qua một số khái niệm, nguyên tắc và lợi ích của ĐTST, có thể thấy rằng mô hình đô thị này phù hợp và hỗ trợ hoàn toàn trên cả 2 phương diện giảm thiểu và thích ứng với BĐKH. Cụ thể, ĐTST đưa ra các định hướng về sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo nhằm cắt giảm carbon thông qua quy hoạch, thiết kế, vận hành đô thị (ví dụ: tăng cường mảng xanh, chức năng, dịch vụ của hệ sinh thái tự nhiên...) tới lối sống,

tiêu dùng (sử dụng năng lượng tái tạo, giao thông công cộng, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng năng lượng từ chất thải...). Bên cạnh đó, ĐTST cũng đảm bảo tạo sự cân bằng với thiên nhiên, đảm bảo điều kiện tốt cho cư dân và các hoạt động của đô thị.

Ở đây cần nhấn mạnh thêm, yếu tố xanh, dịch vụ sinh thái đóng vai trò rất quan trọng cho giảm thiểu và thích ứng. Các không gian xanh, mặt nước trong đô thị - cần được coi là một yếu tố của hạ tầng đô thị góp phần vừa giảm thiểu phát thải khí nhà kính, điều hòa vi khí hậu giảm tác động của nhiệt độ tăng... nhưng đồng thời nâng cao năng lực tiêu thoát nước đô thị, giữ nước ngầm, tạo lá chắn tự nhiên trước các hiện tượng thời tiết cực đoan và hậu quả của chúng (bão, triều cường, biển xâm thực, nước biển dâng...).

Mối quan hệ giữa tăng trưởng xanh và đô thị sinh thái

Ở Việt Nam hiện nay, trong hệ thống văn bản pháp luật chưa quy định khái niệm về đô thị sinh thái cũng như các tiêu chí cụ thể khi xem xét đánh giá đô thị có phải là đô thị sinh thái hay không. Tuy nhiên, trong chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã đưa ra khái niệm về đô thị sinh thái và đưa ra nội dung xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể như phát triển mô hình đô thị sinh thái, cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng, quy hoạch, kiến trúc, thiết kế công trình xanh, hạ tầng xanh, xanh hóa cảnh quan đô thị...

Ngoài ra, Ngân hàng thế giới cũng đã triển khai một số dự án liên quan tới giao thông

tại TP. HCM và Hải Phòng trong khuôn khổ chương trình "đô thị kinh tế sinh thái" (Eco2City) nhằm hỗ trợ các thành phố và vùng đô thị đạt được đồng thời tính bền vững về kinh tế và sinh thái cao hơn, với mục tiêu tăng trưởng về xã hội và nâng cao sức khỏe con người.

Chương trình giúp các thành phố quy hoạch, thiết kế, đầu tư và quản lý hệ thống đô thị toàn diện và tích hợp - chuyển từ những mục tiêu đơn lẻ, đơn ngành và ngắn hạn sang các giải pháp tổng thể, đa mục tiêu và dài hạn, phát triển theo các mô hình tăng trưởng bền vững và quản lý phù hợp.

"Các đô thị kinh tế sinh thái" cũng đưa ra các tiêu chí để xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị sinh thái đồng bộ và tổng thể, hướng đến sự bền vững gắn với phát triển kinh tế, có quan hệ hài hòa với thiên nhiên, mật độ xây dựng hợp lý, có công trình và hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo yếu cầu sinh thái. Đồng thời, có nền công nghiệp phát triển hiệu quả, sản xuất sạch, áp dụng thành công các giải pháp về năng lượng, giao thông xanh, thân thiện với môi trường [5].

Thách thức, cơ hội và đề xuất

Trên thực tế, công tác quy hoạch và phát triển ĐTST cũng như việc lồng ghép các vấn đề ứng phó BĐKH Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với các thách thức, cụ thể:

- Chưa được thể chế hóa vào các quy định pháp lý cũng như không có các hướng dẫn, tiêu chí cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam;
- Thiếu nhận thức đầy đủ về ĐTST bởi vẫn



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

còn những tranh luận để đi đến thống nhất thế nào là một đô thị sinh thái. Vì vậy, các cấp ra quyết định và hoạch định chính sách gặp phải khó khăn để đưa ra chính sách toàn diện và thống nhất, dẫn tới:

■ Năng lực lồng ghép các nội dung của đô thị sinh thái vào thực tiễn hạn chế;

■ Sự phối hợp liên ngành còn lỏng lẻo: Việc phát triển các ĐTST đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bên liên quan. Cách tiếp cận đơn ngành có thể dẫn tới việc triển khai thiếu hiệu quả, không đầy đủ.

Tuy nhiên, những thách thức này lại chính là cơ hội để đổi mới công tác quy hoạch, phát triển đô thị hoàn thiện hơn trước những thách thức mới hiện nay (ví dụ như BĐKH).

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg, phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Đây là cơ sở để huy động sự phối hợp tham gia của các ngành nhằm đưa ra các chương trình, hành động cụ thể hóa nội dung này.

Bên cạnh đó, các nhà tài trợ, tổ chức hợp tác quốc tế đang tập trung vào các chương trình, dự án theo hướng tăng trưởng xanh, ủng hộ BĐKH. Đây là cơ hội tốt để chúng ta có được những hỗ trợ về tài chính, tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, phương pháp tiếp cận mới từ việc tăng cường năng lực cho tới triển khai các chương trình dự án cụ thể.

Hiện nay Việt Nam đang trong giai đoạn

phát triển, có rất nhiều đô thị mới sẽ được hình thành nên việc áp dụng các cách tiếp cận mới, tiến bộ mới sẽ rất thuận lợi.

Các giải pháp quy hoạch mới có tính định hướng, áp dụng vào thực tế những kiến thức mới nhất và kinh nghiệm của các nước phát triển sẽ giúp hướng tới đô thị hiện đại cân bằng với thiên nhiên mà không vấp phải những hậu quả tiêu cực của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa mà các quốc gia này đã gặp phải.

Như vậy để cụ thể hóa và áp dụng mô hình ĐTST, các ngành nói chung và ngành xây dựng nói riêng cần quan tâm nhiều hơn nữa tới nội dung này thông qua:

■ Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về mô hình ĐTST phù hợp với thực tiễn Việt Nam;

■ Thực hiện các quy hoạch, thiết kế mẫu điển hình về ĐTST (ví dụ cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc – KOICA đang thảo luận với Bộ Xây dựng về việc tài trợ lập quy hoạch đô thị sinh thái cho đô thị Yên Bình – Thái Nguyên và TP. Rạch Giá – Kiên Giang);

■ Tổng kết, đưa ra các bài học từ thực tiễn áp dụng;

■ Ban hành các sổ tay, hướng dẫn về quy hoạch, phát triển đô thị sinh thái;

■ Xây dựng khung pháp lý và ban hành các văn bản pháp quy;

■ Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tăng cường nhận thức, nâng cao năng lực.

Đồng thời các cơ quan quản lý Nhà nước cũng nên khuyến khích, ủng hộ các nhà đầu tư áp dụng các giải pháp mới trong quy hoạch, xây dựng đô thị theo hướng sinh thái và bền vững.

Như vậy, có thể kết luận rằng đô thị sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đều hướng tới một mục tiêu chung là phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Kiến Quốc (Viện Nghiên cứu đô thị Paris). Đô thị sinh thái.
2. Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh.
3. UNESCAP. Low Carbon Green Growth Roadmap for Asia and the Pacific.
4. Eco-city planning: Policies, Practice and Design.
5. World Bank. Vietnam urban brief: ECO2 cities - overview and application in Vietnam.



QUY HOẠCH – LUẬT – THỰC TẾ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ XANH



ThS. KTS. LÊ MINH ÁNH
Khoa Quy hoạch Trường ĐHKT HN

Mở đầu

Quá trình đô thị hóa đã khai thác và sử dụng triệt để tài nguyên thiên nhiên, năng lượng. Điều này làm môi trường ở đô thị ngày càng bị ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên suy thoái. Sức khỏe người dân đô thị do đó cũng bị ảnh hưởng. Trong báo cáo mới nhất, ADB đưa ra số liệu cho thấy trong vòng 30 năm từ 1980 đến 2010 đã có tới một tỷ người bỏ nông thôn bám thành thị để sinh sống và sẽ có thêm 1 tỷ người nữa nhập cư vào các siêu đô thị ở châu Á từ nay cho tới năm 2040, như thế có nghĩa là hơn một nửa dân cư của châu lục sẽ sinh sống trong các thành phố lớn. Trong khi đó, các đô thị lớn lại không được đầu tư phát triển thoả đáng về mọi phương diện để đáp ứng và đón bắt xu hướng ấy. Đặc biệt là môi trường sinh thái bị ô nhiễm nặng và cơ sở hạ tầng đô thị bị quá tải trầm trọng. Chẳng hạn như có tới 67% tất cả các thành phố ở châu Á không đáp ứng nổi tiêu chuẩn về độ trong sạch trong không khí của EU.

Ở nước ta, công cuộc “đổi mới” (1986) đã mở ra một thời kỳ phát triển đô thị hóa nhanh. Năm 1990, cả nước mới có 500 đô thị, đến năm 2000 tổng số đã là 649 và đến nay tổng số đô thị ở nước ta đã đạt tới 772. Hầu hết các đô thị đều quy hoạch, xây dựng và phát triển theo phương pháp truyền thống. Đô thị đặc biệt và các đô thị loại 1, 2 đang phải đối mặt với ô nhiễm môi trường, giao thông tắc nghẽn, điều kiện sống xấu, sức khỏe cộng đồng bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, quy hoạch và xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái và đô thị bền vững về môi trường là một hướng đi mới, cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và áp dụng trong thực tiễn.

Đặc biệt, vấn đề xanh đô thị hay là phát triển cây xanh đô thị đã là một điểm nóng để toàn dân quan tâm, hưởng ứng và bảo vệ. Việc phát triển đô thị xanh, bảo vệ môi trường xanh là cực kỳ quan trọng và nhất thiết phải phát triển.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý



Các chỉ tiêu cơ bản

Hiện nay Việt Nam chưa có một khái niệm nào rõ ràng, cụ thể về đô thị xanh. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn cũng đã đề cập đến phần xanh trong đô thị, đó là hệ thống cây xanh, mặt nước.

Cụ thể Luật Quy hoạch đô thị, tại Điều 33 về nội dung thiết kế đô thị, Luật đã quy định không gian cây xanh, mặt nước, sân vườn là một nội dung cần thiết trong các đồ án quy hoạch. Tại Khoản 2, Điều 58, nguyên tắc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, Luật yêu cầu phải xin phép cơ quan quản lý có thẩm quyền khi có các hành động ảnh hưởng đến cây xanh.

Vấn đề cây xanh đô thị cũng được nêu tại Điều 68 "Quản lý cây xanh, công viên, cảnh quan tự nhiên và mặt nước". Bên cạnh đó, Nghị định 37 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị có nêu tại Mục b, Khoản 5, Điều 15. Nội dung đồ án quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu xác định công viên cây xanh và không gian xanh, mặt nước là một trong các định hướng phát triển không gian cho khu vực đô thị trung tâm. Điều 17, nội dung đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn Nghị định yêu cầu phải xác định công viên cây xanh và không gian mở của đô thị trong Định hướng phát triển không gian. Về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết được quy định tại Điều 20.

Nghị định quy định phải xác định tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực quy hoạch. Ngoài ra, Thông tư 34 của Bộ Xây dựng ngày 30/9/2009 có một số nội dung quy định về cây xanh đô thị. Theo đó, quy định công viên cây xanh thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và đưa ra hai chỉ tiêu về cây xanh để làm căn cứ khi phân loại đô thị, đó là chỉ tiêu đất cây xanh đô thị (từ 5-15m²/người) và chỉ tiêu đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (từ 3-7m²/người). So sánh chỉ tiêu đất cây xanh đô thị mà Thông tư quy định với chỉ tiêu cây xanh thực tế tại một số đô thị như: Thái Nguyên, Nha Trang, Phú Thọ, Cam Ranh... Có thể nhận thấy chỉ tiêu đất cây xanh đô thị hiện tại ở nhiều đô thị Việt Nam cũng đã đạt được theo quy định.

Tuy nhiên đô thị xanh không phải là một đô thị với nhiều cây xanh mà một đô thị xanh là một

đô thị bền vững thân thiện với con người, tiết kiệm năng lượng và đạt được 7 tiêu chí:

■ Quy hoạch sử dụng đất đô thị hợp lý và bảo đảm không gian xanh là tiêu chí đầu tiên của đô thị xanh.

■ Hệ thống cây xanh: Làm tăng thẩm mỹ cảnh quan đô thị, tạo ra cảm giác êm dịu về màu sắc và khí hậu, tôn cao giá trị thẩm mỹ công trình kiến trúc.

■ Công nghiệp xanh: Phải phát triển công nghiệp xanh với các tiêu chí cơ bản: Sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu có hiệu quả cao, tức là tiêu thụ năng lượng, nguyên vật liệu, phát sinh chất thải ít nhất, sản xuất ra các sản phẩm nhiều nhất; phát triển công nghiệp phát thải carbon thấp.

■ Công trình kiến trúc xanh (Green Building): Các công trình kiến trúc phải được thiết kế và xây dựng theo các tiêu chí: Xanh hóa công trình; tiết kiệm và sử dụng hợp lý năng lượng; tiết kiệm nguồn nước; thải chất thải ra môi trường xung quanh ít nhất; môi trường trong nhà xanh.

■ Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh văn hóa, lịch sử.

■ Chất lượng môi trường đô thị xanh: Đạt được chất lượng môi trường không khí, nguồn nước sạch; quản lý chất thải rắn tốt; vệ sinh đường phố luôn sạch.

■ Cộng đồng dân cư đô thị sống thân thiện với môi trường: Cộng đồng dân cư đô thị có nhận thức cao và có ý thức tự giác sống hòa hợp, đặc biệt là ứng xử có văn hóa trong tham gia giao thông và thân thiện với môi trường tự nhiên.

Thực tiễn phát triển đô thị xanh ở Việt Nam



Hình ảnh đô thị ô nhiễm môi trường đô thị

Trên thực tế các đô thị của chúng ta đã và đang xây dựng theo quy hoạch để ra nhưng còn nhiều bất cập và khó khăn. Ô nhiễm do các yếu tố vật lý, cụ thể là do các yếu tố từ trường với tần suất và cường độ khác nhau (các trạm thu - phát sóng, các đường dây truyền tải điện năng...), khói bụi thiếu cây xanh.

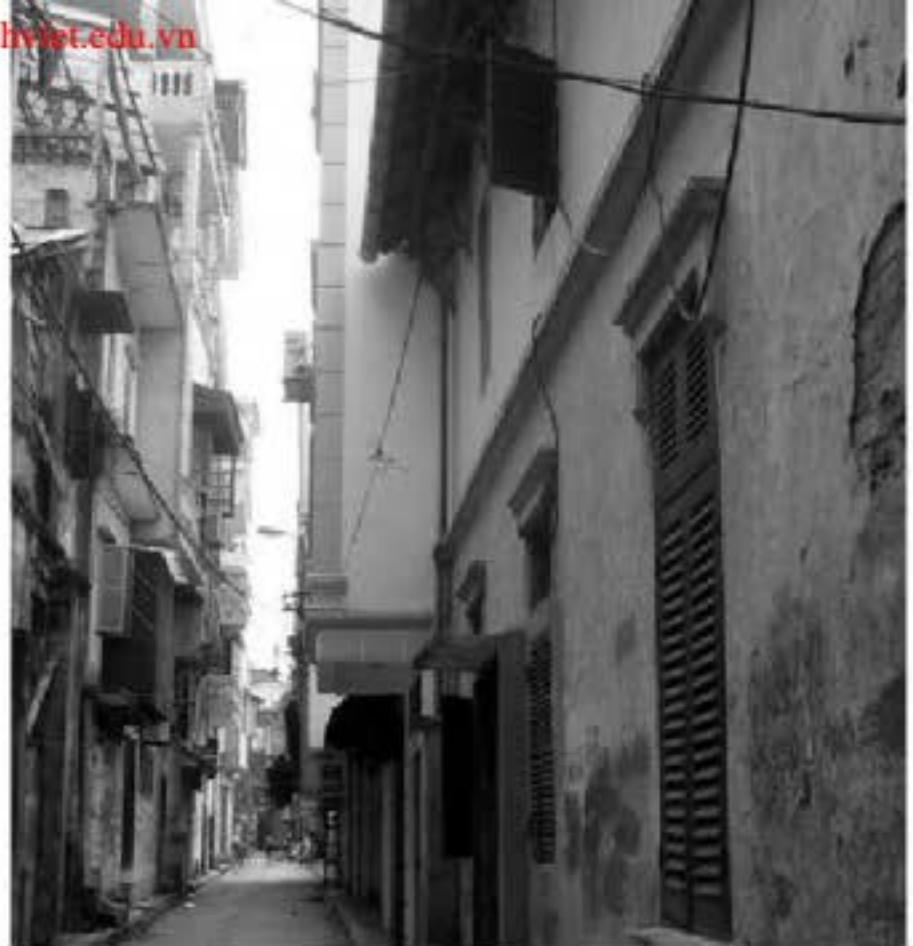
Hơn nữa, cho đến bây giờ chúng ta cũng chưa lường hết được về những tác động của các loại vật liệu xây dựng đến sức khỏe của con người, đặc biệt là những loại vật liệu có nguồn gốc từ các hợp chất vô cơ. Thành phố không những bị ô nhiễm mà khí hậu của nó cũng bị thay đổi do bức xạ từ vật liệu, chế độ nhiệt - ẩm, áp suất không khí, chế độ gió... luôn bị tác động bởi quá trình đô thị hoá. Nhà càng cao thì mặt đất càng bị nhiễm khuẩn vì ánh sáng mặt trời bị che khuất không đủ khả năng để tiêu diệt các loại vi trùng có hại.

Do quá trình đô thị hoá và phát triển dân số diễn ra quá nhanh và quá hỗn độn nên những quy tắc quy hoạch không được tôn trọng - ví dụ như vi phạm về mật độ xây dựng, về hướng của các con đường và của các công trình... làm lãng phí mất mát những tia nắng tự nhiên có lợi cho sức khỏe con người và hơn thế nữa cần tiêu tốn thêm một phần năng lượng đáng kể để duy trì chế độ vi khí hậu trong các không gian sống của con người... Đồng thời, ý thức của những người quản lý và thực hiện các chủ trương còn chưa đúng đắn như việc chặt 6700 cây xanh Hà Nội đã bị dư luận lên án.

Trong những năm gần đây, vấn đề quy hoạch đô thị xanh đã có những chuyển biến tích cực, chính quyền đô thị đã dần nhận ra vai trò của không gian xanh đô thị trong gắn kết hài hòa các yếu tố tự nhiên - con người - xã hội, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường sống và cảnh quan đô thị thành mục tiêu trọng tâm hàng đầu trong quy hoạch phát triển đô thị theo hướng bền vững. "Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050" được Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng ký Quyết định phê duyệt số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 là một điển hình về quy hoạch đô thị xanh ở Việt Nam.

Ngay từ quan điểm phát triển, quy hoạch đã khẳng định Hà Nội sẽ là thành phố "xanh" bền vững về môi trường; đô thị sinh thái, gắn kết hài hòa các yếu tố tự nhiên - xã hội - con người; xây dựng thành phố cân bằng giữa yếu tố bảo tồn và phát triển mới. Đây là mục tiêu hàng đầu bên cạnh các mục tiêu "văn hiến - văn minh - hiện đại". Không gian xanh của Hà Nội được quy hoạch chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố, gồm đất nông nghiệp, lâm nghiệp, sông hồ ao, không gian mở ven mặt nước và các công viên trong đô thị.

Theo cấu trúc phong thủy đã định hình thì: Thành phố sẽ như một ngôi nhà lớn tựa lưng vào vòng cung Núi Tản Ba Vi, nhìn ra Hồ Tây ménh mộng - một Đại Minh Đường hình bán nguyệt - phía trước nữa, có một Đại Thanh Long chảy theo hướng Tây Bắc, Đông Nam, đó là sông Hồng với cấu trúc như vậy, thành phố sẽ có nhiều hành lang sinh khí (dẫn gió) là các trục xuyên tâm hình dẻ quạt mà trục Thần Lộ nối từ vùng Hoà Lạc, qua Đền Kim Ngưu cạnh Phủ Tây Hồ, lên Cổ Loa rồi lên Đống Đa sẽ là trục chính. Với quy mô hành chính rộng như thế, thì chạy theo



Hình ảnh mật độ xây dựng cao, thiếu cây xanh, thiếu ánh sáng.



Hình ảnh đô thị mất đi một phần cây xanh



Hình ảnh đô thị sinh thái được xây dựng và phát triển



các trục xuyên tâm này sẽ có những trục máu xanh giao nhau với các vành đai xanh tạo nên các ổ xanh lớn. Chưa hy vọng có những đô thị xanh chuẩn mực, nhưng có thể có khu đô thị sinh thái cải rãng lược với các khu đô thị bé tổng.

Cống trình chạy theo các trục xuyên tâm dẫn khí và đặt trong các ổ xanh này, dù mang chức năng gì cũng không nên là các cống trình cao tầng, khối lượng đồ sộ và cần được trải rộng, thấp dần về phía Hồ Tây và sông Hồng. Hệ thống cây xanh làm tăng thẩm mỹ cảnh quan đô thị, tạo ra cảm giác êm dịu về màu sắc và khí hậu, tôn cao giá trị thẩm mỹ của cống trình kiến trúc. Các vườn hoa, cống viên, không gian xanh và mặt nước là một thành tố không thể thiếu. Chúng phục vụ nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi, đi dạo của nhân dân và khách du lịch.

Kết luận và kiến nghị

Cho đến nay, vì nhiều lý do, Việt Nam vẫn chưa có đô thị xanh do chưa đáp ứng được các tiêu chí khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế như: Không gian xanh, cống trình xanh, giao thông xanh, cống nghiệp xanh, chất lượng môi trường đô thị xanh cùng việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, cống trình lịch sử, văn hóa và tạo được nếp sống thân thiện của cộng đồng dân cư với môi trường và thiên nhiên). Việt Nam mới nói là chúng ta mới có những đô thị xanh trên lý thuyết hoặc chỉ một phần đô thị là xanh.

Trên thực tế, ngoài các khu vực phía ven đô được quy hoạch cụ thể thì không thể không kể đến khu một phần diện tích rất lớn ở khu vực lõi đô thị hiện người dân đang sống với mật độ rất cao với môi trường sống không đảm bảo. Tỷ lệ cây xanh/người mới đạt trên 1%, diện tích đất cây xanh khoảng dưới 2m²/người. Vậy tăng tỷ lệ này lên 7m²/người phải "giải toả bớt cống trình xây dựng" chứ không thể lấy diện tích cây trồng hay cống thảm rừng ở các khu vực ven đô để tính diện tích phủ xanh cho nội thành được.

Cần có một giải pháp để tăng mật độ cây xanh trong từng hộ gia đình để cải thiện môi trường sống của người dân mà không cần tăng diện tích cây xanh công cộng, phần nào sẽ giải quyết được vấn đề cống trình xanh.



Đô thị xanh, Kiến trúc & công trình xanh LÀ ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH



NGUYỄN ĐĂNG SƠN

Phó viện trưởng, Viện Nghiên cứu đô thị
& phát triển hạ tầng

Tăng trưởng xanh

Vào thập niên 1960, 1970 sau những vụ gây hại lớn như khủng hoảng dầu mỏ, khủng hoảng năng lượng, mọi người mới tỉnh ngộ rằng xây dựng lớn cũng mang lại sự phá hoại môi trường tự nhiên.

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất tại Rio de Janeiro - Brasil (RIO) năm 1992 với chủ đề "Môi trường và phát triển" đã thông qua "Chương trình nghị sự cho thế kỷ 21 (LA 21)" về bảo vệ môi trường. Tất nhiên, quan tâm đến môi trường không có nghĩa là ngừng lại mọi sự phát triển kinh tế mà là cần nghiêm túc về vấn đề phát triển bền vững (PTBV).

Hai mươi năm sau Hội nghị LHQ về phát triển bền vững RIO+20 cũng tại Rio de Janeiro Brasil năm 2012, chính phủ các nước cũng đã thảo luận và lập kế hoạch về "Tăng trưởng kinh tế xanh để đảm bảo PTBV" nhằm giảm tốc độ suy thoái môi trường, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu (BĐKH), xã hội các bon thấp, giảm khí phát thải nhà kính. Đây cũng chính là các mục tiêu của COP20 tại Lima Peru năm 2014.

Hiện nay, mọi người nói nhiều về nền kinh tế xanh và tăng trưởng xanh.

Chương trình môi trường của LHQ (UNEP) định nghĩa kinh tế xanh là một nền kinh tế nhằm cải thiện hạnh phúc của con người, công bằng xã hội và giảm thiểu những nguy cơ kiệt quệ về môi sinh. Chuyển dịch sang nền kinh tế xanh sẽ làm chậm lại sự gia tăng các hàm lượng các bon và ngăn chặn biến đổi khí hậu (BĐKH) sẽ có lợi cho sức khỏe con người, đảm bảo tính chịu đựng của hành tinh và sự sống còn của nhân loại, thị trường toàn cầu hóa sẽ đi theo chuỗi giá trị xanh với dòng chảy mẫu dịch và đầu tư được theo quy định nghiêm ngặt theo nguyên lý bền vững. Còn tăng trưởng xanh là hướng mở thúc đẩy kinh tế xanh phát triển theo

mô hình tiêu thụ sản xuất bền vững nhằm đảm bảo nguồn vốn tự nhiên tiếp tục cung cấp những nguồn lực và dịch vụ sinh thái mà đời sống chúng ta phụ thuộc vào cho thế hệ này cũng như thế hệ mai sau.

Theo tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của LHQ "Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu hút được tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm khí phát thải nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên, tạo ra ít chất thải hơn và giảm mất cân bằng trong xã hội".

Còn theo Ngân hàng Thế giới (WB): "Tăng trưởng xanh là quá trình tăng trưởng sử dụng tài nguyên hiệu quả, xanh hơn và tăng cường khả năng chống chịu và làm chậm quá trình này".

Có thể nói tăng trưởng xanh và kinh tế xanh có quan hệ mật thiết với nhau. Để có được tăng trưởng xanh thì không thể không có kinh tế xanh và ngược lại.

Định nghĩa tăng trưởng xanh ở Việt Nam là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu nhằm lợi dụng so sánh, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiến tiến, phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại để ứng dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm khí phát thải nhà kính, ứng phó với BĐKH góp phần xóa đói giảm nghèo và là động lực để tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam đề ra 3 nhiệm vụ quan trọng: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (ii) Xanh hóa sản xuất, thực hiện một chiến lược "công nghiệp hóa sạch" thông qua rà soát điều chỉnh những quy hoạch hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững (trong đó có thực thi đô thị hóa bền

vững, đô thị hóa là động lực thúc đẩy kinh tế xanh và năng lực cạnh tranh...).

Có thể nói, ở nước ta tăng trưởng xanh không chỉ là một sự phục hồi lại những tác động bất lợi đối với môi trường, mà hơn thế nữa đó là một sự đổi mới, áp dụng tư duy hệ thống trong phát triển và tăng trưởng, thực hiện tăng trưởng xanh với sự cân bằng hai mục tiêu về kinh tế và môi trường là sự tiệm cận đến phát triển bền vững mà trong đó 3 yếu tố về kinh tế, môi trường và xã hội cần hài hòa, trên cơ sở phát triển đô thị tích hợp.

Đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh là động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh

Trước xu hướng đô thị hóa ngày càng nhanh, trong tương lai không xa có tới 60% dân số thế giới sống trong các đô thị, kinh tế đô thị góp khoảng 70% GDP. Đô thị hóa bền vững chính là động lực thúc đẩy kinh tế xanh và tăng trưởng xanh do vậy cần phát triển không gian xanh toàn diện, trong đó có xây dựng đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh làm động lực thúc đẩy kinh tế xanh, tăng trưởng xanh. Nói cách khác xây dựng đô thị xanh để kinh tế tăng trưởng xanh là bước đi tất yếu hướng tới tương lai.

■ Đô thị sinh thái, đô thị xanh

Khái niệm đô thị sinh thái, đô thị xanh đã và đang được nghiên cứu thảo luận, áp dụng nhiều ở các quốc gia, là loại đô thị có khả năng đảm bảo cho các cư dân sinh sống trong điều kiện chất lượng cuộc sống tốt hơn, sử dụng tối thiểu các tài nguyên thiên nhiên, hướng tới sự PTBV ứng phó với BĐKH. Phát triển các đô thị sinh thái, đô thị xanh là lựa chọn mang tính chiến lược cho sự PTBV và là xu thế diễn ra trên toàn thế giới.

Đô thị xanh trước tiên phải là đô thị sinh thái, đảm bảo hài hòa giữa kinh tế, xã hội, môi trường để sống tốt, công bằng xã hội và PTBV, nơi tỷ lệ cây xanh đáng kể đóng góp vào sự cân bằng sinh thái trên một địa bàn quản cư đồng đúc.

Thành phố xanh được cho là khái niệm toàn cầu về các ý tưởng và giải pháp thực tiễn về môi trường bền vững như công trình xanh, giao thông bền vững, trồng cây gây rừng, sử dụng năng lượng tái tạo và nền kinh tế xanh.

Ở nước ta đã có đề xuất bảy tiêu chí của đô thị xanh là: không gian xanh, công trình xanh, giao thông xanh, công nghiệp xanh, chất lượng môi trường đô thị xanh, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên danh lam thắng cảnh công trình văn hóa lịch sử, văn hóa cộng đồng đồng dân cư thân thiện với môi trường thiên nhiên.

Kiến trúc xanh, công trình xanh là một bộ phận hoàn chỉnh của đô thị xanh.

■ Kiến trúc xanh

Kiến trúc xanh hay còn gọi là kiến trúc bền vững để cập đến công tác kiến tạo các công trình kiến trúc và sử dụng các phương pháp mang tính thân thiện với môi trường và tính hiệu quả trong việc sử dụng nguyên liệu thiên nhiên trong suốt đời sống của công trình, từ thiết kế, xây dựng điều hành, bảo trì và cải tạo cho đến tháo dỡ. Khái niệm này được mở rộng và bổ sung thêm vào như những mục tiêu của công tác thiết kế, xây dựng truyền thống là kinh tế, tiện dụng, kiên cố và tiện nghi.

Mặc dù con người không ngừng phát triển những kỹ thuật mới để tăng cường cho công tác kiến tạo các công trình xanh, mục tiêu của kiến trúc xanh là xoay quanh các xung đột chính giữa môi trường xây dựng nhân tạo với sức khỏe con người và môi trường thiên nhiên bằng nhiều cách: (i) Sử dụng một cách có hiệu quả năng lượng nước và tài nguyên thiên nhiên (ii) Bảo vệ sức khỏe người sử dụng công trình và tăng sức sản xuất của nhân lực (iii) Giảm phát thải ô nhiễm và sự suy giảm chất lượng của môi trường.



Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

■ Công trình xanh

Theo số liệu thống kê ở các nước đang phát triển, ngành xây dựng tiêu thụ tới 70% vật liệu tự nhiên, 40% năng lượng quốc gia, 30% nguồn nước sạch, gây ô nhiễm môi trường, làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên, đồng thời phát thải ra khoảng 30% khí gây hiệu ứng nhà kính. Do vậy thế giới đã xuất hiện xu hướng mạnh mẽ phát triển công trình xanh để giảm 30-50% mức tiêu thụ năng lượng, giảm 10-20% mức tiêu thụ nước sạch, giảm 10-20% chi phí vận hành công trình...

Tiêu chí công trình xanh bao gồm: sử dụng năng lượng hiệu quả, tận dụng ánh sáng tự nhiên và tiết kiệm nước, công trình có tác động tích cực tới cảnh quan xung quanh thân thiện với môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng, giảm tối đa chất thải ô nhiễm làm suy thoái môi trường sống...

Hội đồng công trình xanh Việt Nam (VGBC) đã nghiên cứu hệ thống LOTUS, đây là hệ thống đánh giá công trình xanh gồm 10 tiêu chí như sau: (1) Giảm thiểu tiêu thụ năng lượng nhân tạo, tận dụng năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo (2) Tiết kiệm sử dụng nước, tận dụng nước mưa và tái sử dụng nước thải (3) Tiết kiệm sử dụng vật liệu xây dựng (VLXD), sử dụng vật liệu tái chế, vật liệu dễ chế tạo, vật liệu được tạo thành ít tiêu thụ năng lượng (4) Bảo vệ sinh thái, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc xây dựng công trình đến hệ sinh thái xung quanh, bảo vệ đa dạng sinh học, phát triển thảm thực vật, trồng cây xanh trên mái nhà và các tầng nhà (5) Giảm thiểu chất thải ô nhiễm môi trường, giảm thiểu xả nước thải, chất thải rắn, khí thải, khuyến khích tái chế sử dụng chất thải trong suốt quá trình xây dựng và giai đoạn vận hành (6) Đảm bảo tiện nghi, sức khỏe, chất lượng khí thải trong nhà, tiện nghi nhiệt, vi khí hậu, tiện nghi ánh sáng, tiện nghi độ rung (7) Thích ứng giảm nhẹ thiên tai, phòng chống ứng ngập, đảm bảo công trình bền vững dưới tác động của bão tố, công trình không gây ra hiệu ứng đảo nhiệt, khuyến khích người sử dụng công trình đi bằng xe đạp và sử dụng giao thông công cộng, sử dụng vật liệu địa phương để giảm nhu cầu giao thông vận tải (8) Kết nối cộng đồng, tham vấn cộng đồng khi đầu tư xây dựng, kết nối các tiện ích cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẵn có, có không gian phục vụ cộng đồng tiện nghi cho người (9) Quản lý trong giai đoạn thiết kế, giai đoạn thi công công trình đều là tối ưu hoá các hoạt động môi trường (10) Khuyến khích các sáng kiến mang lại lợi ích cho môi trường năm ngoài các yêu cầu.

Kiến trúc xanh thường gắn liền với công trình xanh chủ yếu như tiết kiệm nước, năng lượng và bảo vệ sức khỏe con người, nhưng có phạm trù rộng hơn có liên quan đến giảm phát thải ô nhiễm và sự suy giảm môi trường, gắn liền thiên nhiên, thân thiện với môi trường.

Ở nước ta phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh còn chậm hơn các nước trên thế giới khoảng 15 năm.

■ Chính sách phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh

Như đã nêu ở trên, đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh là động cơ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh để đảm bảo phát triển bền vững, nhằm giảm tốc độ suy thoái môi trường và BĐKH. Tuy nhiên, hiểu biết về đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh của cộng đồng dân cư nói chung, các nhà đầu tư xây dựng, các cơ quan, cán bộ công nhân viên ngành xây dựng nước ta còn thấp, đặc biệt là chưa thấy hết lợi ích của phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh mang lại.

Cần đưa quan điểm tăng trưởng xanh, phát triển xanh và tiêu chí xanh vào công tác quy hoạch, thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Tuyên truyền vận động khuyến khích cộng đồng xã hội tham gia phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh.

Cần có chính sách phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, kiến trúc xanh và công trình xanh và coi đó là một hướng ưu tiên trong phát triển đô thị Việt Nam để làm động lực cho tăng trưởng kinh tế xanh.

Nhưng để đưa chính sách vào cuộc sống cần cải thiện thể chế. Thể chế là những yếu tố liên quan đến cơ chế, chính sách, kỹ năng quản trị, khả năng điều phối và phối hợp liên ngành và liên vùng. Thể chế là năng lực nội tại và khó có thể vay mượn sao chép hoặc thay đổi trong thời gian ngắn.

Do vậy cần có quyết tâm chính trị bền bỉ và phải tính theo khung thời hạn từ 5-10 năm hay xa hơn nữa. Nếu như những bước đi nóng vội trong giai đoạn quy hoạch sẽ phải trả giá trong giai đoạn thực thi, thì sự thiếu quyết tâm trong việc cải tiến thể chế sẽ khiến chúng ta mãi quanh quẩn với các giải pháp kém hiệu quả và ngày càng xa rời tầm nhìn dài hạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương pháp tiến cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị - Nguyễn Đăng Sơn, NXB Xây Dựng năm 2005, Tập 2 năm 2006.
2. Khái niệm đô thị xanh không phải đô thị nào cũng gọi được - Theo Petrotimes, ngày 12/12/2011.
3. Cần xây dựng định nghĩ chuẩn về đô thị sinh thái - Theo ĐTKK ngày 5/2/2012.
4. Thành phố xanh - Nguyễn Đăng Sơn, TC SG ĐTXD, tháng 5/012.
5. Hướng đến xu hướng, kiến trúc mở, kiến trúc xanh, kiến trúc sinh thái ở nước ta - Nguyễn Đăng Sơn, TC SG ĐTKK, tháng 9/2012.
6. Tương lai đô thị Việt Nam, Hành động hôm nay - Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng số 59/2012.
7. Kiến trúc xanh xu hướng kiến trúc thế kỷ 21 - Nguyễn Đăng Sơn, TC Kiến trúc tháng 5/2014.
8. Tăng trưởng xanh câu trả lời cho tương lai - Diễn đàn tăng trưởng xanh, ngày 11/1/2015.



Nông thôn mới TRONG LÒNG ĐÔ THỊ

ThS. KTS. VŨ HỒNG SƠN, KS. BÙI VĂN PHƯƠNG

Viện Quy hoạch Xây dựng Phát triển Nông thôn - VIUP

1. Đặt vấn đề

Phát triển khu vực nông thôn đã được Đảng và Nhà nước coi là nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 của ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Và Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 đã nêu rõ: "Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch". Kèm theo đó là ban hành bộ tiêu chí Quốc gia Nông thôn mới (Quyết định 491/QĐ-TTg, ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Nông thôn và Đô thị có những mối quan hệ tương hỗ và phụ định lẫn nhau. Nông thôn không chỉ là nơi lưu giữ những truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời, là nơi cho ra đời những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng có giá trị cao, không chỉ là nơi đảm bảo an ninh lương thực cho các đô thị trung tâm mà còn là những không gian xanh góp phần hình thành nên những hành lang xanh, vành đai xanh nhằm bảo đảm cân bằng sinh thái cho các đô thị.

Trong quá trình đô thị hóa nhanh tại các đô thị lớn, sự mở rộng và phát triển của những đô thị này đã lựa chọn những khu vực thuận lợi nhất để đầu tư phát triển đó là những vùng đất trống, hoặc có mật độ dân cư thấp, hoặc những khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp. Điều này đã để lại trong những vùng phát triển mới những cụm làng, xã có mật độ dân cư cao. Đây là sự hình thành nên nông thôn trong lòng đô thị.

Trên thực tế, sự phát triển của nông thôn trong lòng đô thị hiện nay đang gặp rất nhiều vấn đề bởi nó có những đặc thù riêng biệt và luôn chịu áp lực mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa. Đô thị hóa là động lực cho sự phát triển kinh tế, tạo tiền đề cho sự thay đổi về cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng phi nông nghiệp, tạo nhiều công

ăn, việc làm cho người dân, cơ sở hạ tầng kĩ thuật được đầu tư nâng cấp, khả năng tiếp cận của người dân với các tiện ích xã hội như văn hóa, y tế, giáo dục được nâng cao, thu nhập của người dân được cải thiện nhưng kèm theo đó cũng kéo theo rất nhiều hệ lụy không mong muốn như: sự phá vỡ cấu trúc làng xã đã được xây dựng từ lâu đời, sự mai một của các làng nghề truyền thống, sự mất đi bản sắc văn hóa... Việc đánh mất các làng xã nông thôn, các vùng sản xuất nông nghiệp không chỉ làm cho đô thị đánh mất một phần bản sắc của mình mà còn phá hủy đi những lá chắn xanh bảo vệ đô thị, làm mất đi những không gian sinh hoạt, vui chơi, giải trí mang tính chất sinh thái.

Được đánh giá là một bộ phận rất quan trọng trong cơ cấu của đô thị, vì vậy, lồng ghép trong chương trình Nông thôn mới, tùy theo đặc trưng từng khu vực, chúng ta cần phải có những mô hình và chiến lược phù hợp để phát triển bền vững khu vực nông thôn trong lòng đô thị, tạo cho đô thị phát triển giữ gìn được bản sắc riêng, có kế hoạch, gắn với bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sống cho người dân khu vực đô thị và nông thôn.

Mô hình kinh tế quyết định mô hình cư trú. Vì vậy, để phát triển nông thôn trong lòng đô thị bền vững, không bị đối lập với đô thị thì rất cần một mô hình kinh tế phù hợp, làm nền tảng cho sự phát triển đô thị. Nông thôn mới trong lòng đô thị trở thành một vấn đề rất cần được sự nghiên cứu, quan tâm đúng mức.

2. Thực trạng về xây dựng, phát triển nông thôn nằm trong vùng đô thị

a. Đặc trưng về kinh tế, xã hội của nông thôn.

Khái niệm: Nông thôn là khái niệm dùng để chỉ một địa bàn mà ở đó sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Nông thôn có thể được xem xét trên nhiều góc độ: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... Theo thống tư 54/2009/TT-BNNPTNT về việc hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, thì: Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

Kinh tế nông thôn: Xét về mặt kinh tế - kỹ thuật, kinh tế nông thôn có thể bao gồm nhiều ngành kinh tế như: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ... Xét về mặt kinh tế - xã hội, kinh tế nông thôn cũng bao gồm nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể... Xét về không gian và lãnh thổ, kinh tế nông thôn bao gồm các vùng như: vùng chuyên canh lúa, vùng chuyên canh cây màu, vùng trồng cây ăn quả...

Cơ cấu kinh tế nông thôn có đặc trưng riêng của vùng nông thôn mang tính đặc thù. Cơ cấu kinh tế nông thôn, bị chi phối mạnh mẽ bởi cấu trúc của kinh tế nông thôn. Điều đó biểu hiện ở chỗ, trong cơ cấu kinh tế nông thôn, nông nghiệp, thường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành.

Quan hệ xã hội ở nông thôn: Nông thôn có quan hệ cộng đồng rất cao với các mối quan hệ xã hội bền vững như: Mối quan hệ gia đình và dòng họ được chú trọng và đề cao từ thời xã hội phong kiến với sự ảnh hưởng của nho giáo. Quan hệ láng giềng ngõ xóm, đây là sự tiêu biểu cho mối quan hệ cộng đồng làng xã khu vực nông thôn. Mối

quan hệ nghề nghiệp, quan hệ chính quyền... Các mối quan hệ này đan xen và tác động lẫn nhau.

b. Đặc trưng về kinh tế, xã hội của đô thị.

Đô thị: là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn. (Luật Quy hoạch đô thị)

Đặc trưng về kinh tế - xã hội: Đô thị được đặc trưng bởi vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của một vùng lãnh thổ, có cơ sở hạ tầng thích hợp và dân cư nội thị không dưới 4.000 người (đối với miền núi là 2.000 người) và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tối thiểu là 65%.

Mỗi đô thị là trung tâm tổng hợp hay trung tâm chuyên ngành của một vùng lãnh thổ nào đó, thậm chí là trung tâm của một quốc gia. Chẳng hạn như thành phố Hà Nội là trung tâm tổng hợp (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng...) của cả nước, thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật... của khu vực miền Tây Nam Bộ.

Yếu tố cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển đô thị ở chỗ nó là nơi tập trung các cơ quan hành chính của địa phương và là nơi tập trung giao lưu các bộ phận của sản xuất như đầu mối giao thông đầu mối buôn bán, sản xuất công nghiệp tập trung...

Trong không gian đô thị từng cá nhân và từng gia đình ít bị ràng buộc bởi các mối quan hệ chặt chẽ như ở thôn quê. Ở nông thôn giữa hai người, hai gia đình có khi vừa là quan hệ huyết thống, vừa là láng giềng, lại vừa có cùng lợi ích kinh tế (cùng làm nông nghiệp hay một nghề thủ công nào đó chẳng hạn)... do đó tình cộng đồng cao hơn. Còn ở đô thị thì mối quan hệ cùng lợi ích kinh tế là quan hệ chính (buôn có bạn bán có phường) hoặc quan hệ chính trị như cùng giai cấp/dẳng cấp. Quan hệ láng giềng hay huyết thống vẫn duy trì nhưng là thứ yếu và không phổ biến.

c. Tình hình xây dựng, phát triển nông thôn nằm trong vùng đô thị.

Đô thị và nông thôn có hàng loạt đặc điểm có tính đối lập nhau: Sự khác biệt về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường, sự khác nhau về các mối quan hệ xã hội... Vì vậy sự phát triển nông thôn trong lòng đô thị cũng có những đặc trưng riêng nhất định.

Nông thôn phát triển trong lòng đô thị chịu sự tác động ảnh hưởng của văn hóa đô thị, sự thay đổi về phong tục tập quán, sinh hoạt và đặc biệt chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa.

Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã trực tiếp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng giá trị nông, lâm, thủy sản trong tổng thu nhập quốc dân trong nước (GDP) và tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong GDP. Đối với nông nghiệp, cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng phát triển các cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn. Trong trồng trọt, tỷ trọng hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả ngày càng tăng. Sự hình thành

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

trên địa bàn nông thôn những khu công nghiệp, khu chế xuất các trung tâm dịch vụ, các khu đô thị mới... đã nâng giá trị sử dụng của đất đai, tạo những ngành nghề và việc làm mới, nâng cao giá trị lao động, tạo môi trường ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ...

Tuy nhiên, bên cạnh rất nhiều lợi ích từ việc đô thị hóa mang lại, đô thị hóa cũng kéo theo nhiều hệ lụy như tình trạng nóng dần bị mất đất canh tác nhường lại vị trí cho các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ, các vấn đề việc làm cho nông dân bị mất đất, phương pháp đền bù khi giải phóng mặt bằng, cách thức di dân, giãn dân, đô thị mất đi không gian xanh góp phần hình thành nên những hành lang xanh, vành đai xanh nhằm bảo đảm cân bằng sinh thái cho các đô thị... Nhiều địa phương đã để diễn ra tình trạng trung dụng, thu hồi đất đai ở at, trong đó chủ yếu là đất ruộng của nông dân. Cách làm nóng, làm bằng được mà quên đi các giá trị nhân văn đã làm cho nhiều làng xã bị biến dạng nghiêm trọng về cảnh quan, không gian truyền thống và tệ hơn là đã làm cho nhiều người nông dân bị mất tư liệu sản xuất, mất việc làm, dẫn đến các quan hệ xã hội và cả giá trị văn hóa truyền thống bị đảo lộn, mai một.

3. Để phát triển nông thôn mới trong lòng đô thị hiệu quả

a. Kinh tế nông thôn trong lòng đô thị phải có sự thay đổi

Phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hiện đại kết hợp thương mại dịch vụ và du lịch nông thôn theo hướng du lịch văn hóa, sinh thái.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm từng bước phát triển nông thôn toàn diện. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, TTCN, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách với thành thị. Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái.

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, công nghệ cao; áp dụng khoa học công nghệ, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, sức cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người dân nông thôn.

Tập trung đẩy nhanh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng mạnh khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và phát triển mạnh công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tăng nhanh các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn để chuyển nhanh lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp. Phát triển các hình thức hợp tác liên kết đa dạng, phù hợp, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

Du lịch nông nghiệp trên thế giới cũng rất được coi trọng vì đã chứng minh được sự đóng góp to lớn không những về mặt kinh tế mà còn về

các mặt xã hội, bảo vệ môi trường gốc rễ về tự nhiên, văn hóa và lịch sử. Trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa các nước đều dùng giải pháp này để giảm thiểu khoảng cách bất công giàu nghèo về khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn khi chỉ chú trọng thái quá đến sự phát triển bất đồng sản đô thị và xây dựng các khu công nghiệp. Thực chất đây là một hình thức phát triển mới giao hòa về mặt tự nhiên, văn hóa và con người giữa các đô thị và nông thôn thông qua việc đến ở hoặc tham quan có mục đích nhằm hưởng thụ các sản vật địa phương tại từng nông hộ gia đình hoặc trang trại. Bên cạnh đó còn được thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh và tham gia văn hóa đồng quê nên du lịch nông nghiệp đã được khẳng định là một hình thức du lịch mang tính cộng đồng bình đẳng và bền vững.



Quy hoạch nông thôn mới, xã Thuy Hương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn và nông dân đang tiến hành sâu rộng theo chủ trương đổi mới nông thôn về các mặt của Đảng và Chính phủ hiện nay sẽ tạo một môi trường thuận lợi cho việc phát triển du lịch nông nghiệp tại các làng nghề nông lâm ngư nghiệp truyền thống ở nước ta và ngược trở lại du lịch nông nghiệp sẽ là động lực thúc đẩy cho việc thực hiện phong trào nông thôn mới với tốc độ vừa nhanh vừa bền vững do không những tham gia tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mở rộng đầu ra của sản phẩm mà còn bảo tồn được các giá trị văn hóa gốc của nông thôn hoặc giá trị về thương hiệu hàng hóa đặc thù.

Tăng tỷ trọng công nghiệp

Diện tích đất trồng trọt cho nông nghiệp ngày càng giảm, mỗi năm chuyển khoảng 20 vạn ha đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Vì thế, thời gian nông nhàn ngày càng tăng, tạo ra sức ép gay gắt về việc làm, thu nhập ở khu vực nông thôn.

Hiện nay, phát triển công nghiệp nông thôn đã thể hiện sự quan tâm, chăm lo của Đảng và Nhà nước tới phát triển kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp. Nhiều địa phương đã biết gắn chương trình khuyến công với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng hiện đại hóa - công nghiệp hóa. Trong đó, đưa

chế biến nông, lâm, thủy sản vào chương trình phát triển công nghiệp tại địa phương và bước đầu đã gặt hái được những thành công nhất định.

Việc phát triển công nghiệp nông thôn nói chung và phát triển tiểu thủ công nghiệp nói riêng phải gắn với phát triển nông nghiệp, công nghiệp và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cần chú ý lựa chọn phát triển những ngành nghề có tiềm năng và lợi thế so sánh; lựa chọn công nghệ, thiết bị phù hợp, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại; đầu tư nâng cao chất lượng, phát triển các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của thị trường; mở rộng thị trường xuất khẩu, chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm, kết hợp hài hòa nhiều quy mô, nhiều loại hình tổ chức trong phát triển tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời, phát triển tiểu thủ công nghiệp phải phù hợp với chiến lược phát triển ngành công nghiệp, và gắn kết quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nói chung với quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương nói riêng.

Phát triển kinh tế làng nghề, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ đô thị theo đặc trưng từng khu vực

Phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn, tận dụng được lao động nông nhàn. Khi làng nghề phát triển cũng thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển, các cơ sở sản xuất chế biến quy mô lớn hơn hộ gia đình được hình thành và được đầu tư khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Sự xuất hiện của những cơ sở sản xuất được đầu tư toàn

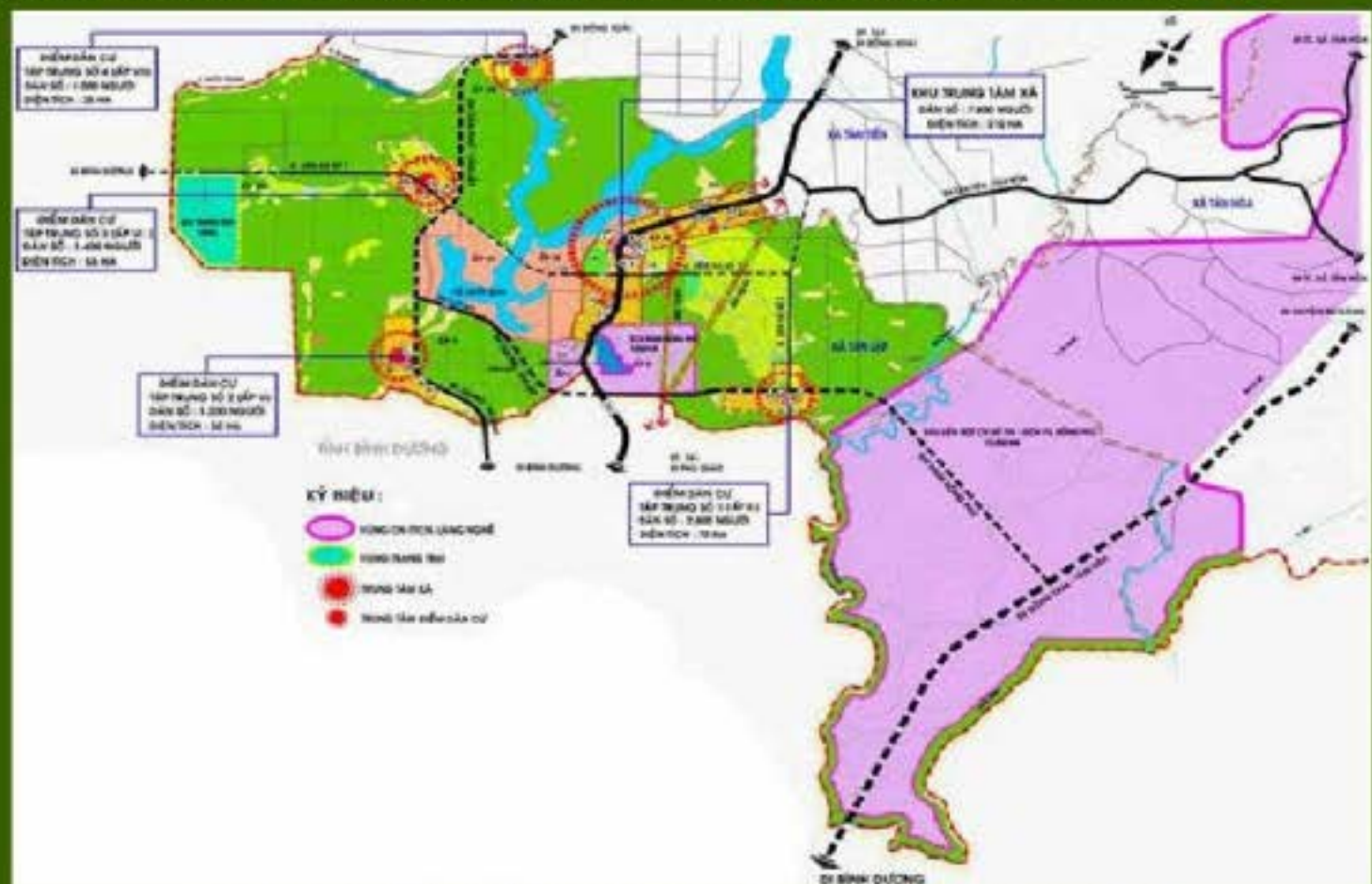
diện giúp người dân từ bỏ thói quen sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và sự thụ động trong sản xuất hàng hóa. Tính liên kết trong sản xuất giữa các cơ sở sản xuất lớn, nhỏ được hình thành có tác dụng hỗ trợ đặc lực trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dự báo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước để sản xuất phù hợp. Tuy nhiên cần phải chú trọng lời vấn đề bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý yếu tố gây ô nhiễm môi trường do đặc thù sản xuất.

Tạo điều kiện hỗ trợ cho các hộ gia đình để họ phát triển kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng bởi thực tế có nhiều cá nhân, hộ gia đình hiện nay đang rất thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm làm kinh tế.

Cần đẩy mạnh phát triển kinh tế tạo việc làm tại chỗ cho người lao động, phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất làng nghề theo đặc trưng từng vùng miền. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến làm ăn.

Mở rộng và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo việc làm, thu hút lao động nhất là những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Có như vậy mới phù hợp với nguồn nhân lực hiện nay để từng bước rút dần lao động nông thôn ra khỏi khu vực nông nghiệp.

Phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề thủ công nghiệp. Đây là mô hình nếu phát triển được thì sẽ giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động, hơn nữa các ngành nghề này có nhu cầu lao động lớn.



Quy hoạch vùng CN-TTCN, làng nghề xã Tân Lập, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

Xuất khẩu lao động hiện nay đang là xu thế của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Đó là giải pháp cho phép người lao động có cơ hội tìm được việc làm tốt hơn và cải thiện thu nhập. Đây là một thị trường tiềm năng và đang khai thác có hiệu quả. Nhưng vấn đề trình độ chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ, kỹ luật lao động... của lao động nói chung hay lao động nông thôn nói riêng là một trở ngại cho việc tuyển dụng lao động. Vì vậy, giải pháp xuất khẩu lao động là một giải pháp khả thi song để phát huy hiệu quả thật sự thì cần chú ý đến các vấn đề nêu trên.



Quy hoạch nông thôn mới xã Mỹ Hưng – Thanh Trì – Hà Nội

b. Hạ tầng phải có sự thay đổi tương xứng với sự thay đổi của mô hình kinh tế Nông thôn mới

Phát triển sản xuất đòi hỏi hạ tầng cũng phải phát triển tương xứng, đặc biệt là hạ tầng cho giao thông cơ giới với cả khu vực sản xuất nông nghiệp và khu vực dân cư. Với khu vực sản xuất là việc vận chuyển hàng hóa trực tiếp từ cánh đồng đến nơi tiêu thụ. Với khu vực dân cư là việc bảo đảm cho yêu cầu vận chuyển nông sản về nhà, tam giữ, tái phân phối, là việc vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm cho làng nghề ngoài các nhu cầu về sinh hoạt khác (đi lại, cù hóa, cấp cứu...)

Từ kinh nghiệm các làng nghề gốm, cơ khí, dệt tại các vùng đồng bằng sông Hồng cho thấy các khu vực muốn phát triển thủ công rất cần có sự hỗ trợ của giao thông tốt.

Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường. Hệ thống thoát nước, thu gom nước thải phải được xử lý triệt để, không thể để xảy ra ô nhiễm như các làng nghề hiện nay. Đặc biệt trong xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khi có nhiều hoạt động phi nông nghiệp, dịch vụ trong khu vực nông thôn thì việc phải có hệ thống thu gom xử lý nước thải là điều bắt buộc để đảm bảo môi trường nông thôn.

c. Xu hướng phát triển xanh, bền vững

Xu hướng này là một xu hướng tiến bộ được nhiều nước trên thế giới đang áp dụng. Đây góp phần hình thành nên những hành lang xanh, vành đai xanh nhằm bảo đảm cân bằng sinh thái cho các đô thị.

Tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển sâu, giảm sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tăng cường các ngành công nghiệp sinh thái và dịch vụ môi trường, đổi mới công nghệ (hay mặt cung của nền kinh tế).

- Xanh hóa sản xuất thông qua sắp xếp lại cơ cấu, đặc biệt là hạn chế phát triển những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, giảm sự phụ thuộc vào phân bón và hóa chất diệt cỏ, trừ sâu, tạo sự đa dạng về sinh học.
- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên nước, tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản.
- Thúc đẩy các ngành Kinh tế Xanh phát triển nhanh để làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên của đất nước, tạo thêm việc làm và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.
- Phát triển kết cấu hạ tầng bền vững.
- Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn.
- Khai thác các giá trị văn hóa để phục vụ du lịch, phát triển kinh tế.

Những nguyên tắc này rất phù hợp với khả năng phát triển ở nông thôn, vừa phát triển kinh tế, vừa tạo môi trường xanh, tạo sự cân bằng cho đô thị.

4. Kết luận, kiến nghị

Nông thôn Việt Nam là chiếc nôi sản sinh, nuôi dưỡng, bảo vệ văn hoá dân tộc ngàn năm. Đối với những khu vực nông thôn trong lòng đô thị, một số yếu tố tiến bộ của văn hoá đô thị đã lan toả về nông thôn rất nhanh, tạo nên những sắc thái mới, đặc trưng trong đời sống, sinh hoạt tinh thần của người nông dân và cộng đồng làng xã. Nhiều loại hình, giá trị văn hoá ở nông thôn cũng được giới thiệu rộng rãi, thuận lợi hơn ở các đô thị.

Nông thôn là một cơ cấu quan trọng của đô thị. Là khu vực tạo nên hành lang xanh, khu sinh thái và tạo sự cân bằng cho đô thị. Hiện nay, chúng ta đang chứng kiến những khu vực nông thôn trong lòng đô thị này đang đổi thay sâu sắc về văn hóa làng xã trước những tác động của đô thị hóa. Tuy nhiên, những yếu tố của cấu trúc văn hóa làng xã thay đổi không giống nhau trong quá trình đô thị hóa.

Một số yếu tố dần biến mất. Một số yếu tố khác được bảo lưu và chuyển hóa để thích ứng với những điều kiện mới. Một số làng xã đô thị hóa còn giữ lại được các không gian mở như đình, chùa, ao làng... đã trở thành những không gian lý tưởng và góp phần nâng cao chất lượng sống của khu vực.

Có chiến lược, mô hình kinh tế phù hợp định hướng cho các xã Nông thôn mới trong lòng đô thị phát triển bền vững là một vấn đề rất thực tiễn. Điều này làm giảm các mâu thuẫn về kinh tế, xã hội giữa đô thị - nông thôn, đô thị - vùng ven, giữa văn hóa truyền thống và hiện đại, giữa phát triển kinh tế và gìn giữ môi trường đang ngày càng gay gắt. Giữ tốt vai trò là hành lang xanh cho đô thị, tạo sự cân bằng sinh thái cho đô thị.

Bàn về phát triển đô thị bền vững

MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ XANH Ở CÁC HẢI ĐẢO VIỆT NAM



Phát triển đô thị bền vững môi trường, Đô thị xanh là xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới

Kinh nghiệm phát triển xây dựng xanh ở Mỹ (Green Building Basics www.calrecycle.ca.gov/greenbuilding/basics.htm) cho thấy phát triển xây dựng xanh đã mang lại nhiều lợi ích to lớn về môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH):

GS. TSKH. NGND. PHẠM NGỌC ĐĂNG

- Sử dụng năng lượng hiệu quả, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, có thể giảm tiêu thụ năng lượng điện tới 40%;
- Sử dụng hợp lý nguồn nước và giảm tiêu thụ nước từ 15-30%;
- Phát triển sử dụng vật liệu tái chế, tái sinh, tiết kiệm tài nguyên vật liệu;
- Giảm thiểu chất thải, giảm thiểu phát thải "khí nhà kính" khoảng 30%;
- Về vốn đầu tư có thể đắt hơn xây dựng thông thường nhưng được bù đắp lại bằng chi phí thấp trong giai đoạn vận hành, do đó tổng chi phí vẫn thấp hơn.
- Điều kiện chất lượng môi trường được cải thiện;
- Điều kiện sống của con người tốt hơn.



Ở nhiều nước trên thế giới đã xây dựng thành công các đô thị xanh, như là: Curitiba (Brazil), các đô thị Astin, Chicago, Fort Collins, Alexandria, Virginia và Portland (Hoa Kỳ), Calgary (Canada), Thiên Tân Trung Quốc - Singapore và Đông Tấn - Chông Minh (Trung Quốc), Singapore (Singapore), Yokohama (Nhật Bản), Stockholm và Malmö (Thụy Điển), Copenhagen (Đan Mạch), Freiburg (Đức), Linz (Áo), Brisbane (Úc), Auckland (Newzeland),.....

Ở nước ta trong các năm gần đây đã có nhiều chủ đầu tư tự xung và quảng cáo là đã đầu tư thiết kế và xây dựng các khu đô thị sinh thái, như là: khu đô thị Phúc Việt, Mê Linh, Hà Nội; khu đô thị Việt Hưng, Gia Lâm, Hà Nội; khu đô thị Quan Nam, Thủy Tú, Đà Nẵng; khu đô thị Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam; khu đô thị Mỹ Phước 4, Bình Dương; khu đô thị Phú Mỹ Hưng, TP. HCM;... Thực chất chủ đầu tư các khu đô thị này đã chú ý bảo đảm các không gian xanh (vườn hoa, cây cảnh, mặt nước), đã tôn tạo cảnh quan thiên nhiên trong khu đô thị và tạo ra môi trường sống tốt hơn các khu đô thị khác. Nhưng đánh giá một cách chính xác thì các khu đô thị này chưa đáp ứng 100% tiêu chí đô thị xanh, nhất là tiêu chí sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm.

Ông Richard Register (chuyên gia quy hoạch đô thị nổi tiếng thế giới, người Mỹ) là người đầu tiên đã đưa ra khái niệm "Đô thị sinh thái, đô thị bền vững môi trường" trong cuốn sách của mình (Ecocity Berkeley, North Atlantic Books, 1987 Building Cities for a healthy future) như sau: "Đô thị sinh thái hay đô thị bền vững môi trường là một đô thị được thiết kế với việc xem xét tác động môi trường ở vị trí hàng đầu, không những chú ý đến sự ổn định cuộc sống của dân cư, giảm thiểu đầu vào của đô thị, như là nhu cầu đối với nguồn nước, năng lượng và thực phẩm, mà đô thị còn phải sản sinh ra chất thải, nhiệt thải, ô nhiễm không khí CO₂, CH₄ và ô nhiễm nước ít nhất".

Hiện nay trên thế giới đã có trên 100 nước thành lập Hội đồng Xây dựng Xanh (Green Building Council) của nước mình và bằng mọi biện pháp đẩy mạnh phát triển công trình xanh, đô thị xanh.

Các tiêu chí đô thị xanh, Đô thị bền vững môi trường

Xây dựng đô thị bền vững môi trường hay đô thị xanh có giá trị và ý nghĩa rất lớn về mặt

kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời lại thích ứng với biến đổi khí hậu. Bởi vì:

(i) Quá trình đô thị hóa, với nét đặc trưng là sự tập trung dân cư sản xuất phi nông nghiệp trong một không gian chật hẹp ngày càng lớn, khai thác và sử dụng triệt để tài nguyên thiên nhiên, năng lượng (ước lượng hiện nay các đô thị tiêu thụ năng lượng và tài nguyên thiên nhiên tối thiểu là khoảng 70% tổng năng lượng tiêu thụ, khoảng 60% tổng tiêu thụ nguồn nước và phát thải khoảng 80% tổng các khí nhà kính phát sinh của thế giới), hình thành môi trường sống nhân tạo và thải ra quá nhiều loại chất thải, làm cho môi trường ở đô thị ngày càng bị ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị suy thoái, làm mất cân bằng nhiều hệ thống sinh thái thiên nhiên, sức khỏe người dân đô thị ngày càng bị ảnh hưởng mạnh hơn và hậu quả cuối cùng là đô thị phát triển thiếu bền vững;

(ii) Dân số đô thị chiếm tỷ lệ ngày càng lớn. Theo số liệu của Văn phòng dân số thế giới (PRB) của Liên Hiệp Quốc công bố năm 2004: tổng dân số thế giới là 6.396 triệu người, trong đó tỷ lệ dân số đô thị trung bình của các nước phát triển là 76%, trung bình của các nước còn lại là 41%. Theo số liệu của ADB năm 2007, tỷ lệ dân số đô thị trung bình của các nước châu Á đã chiếm 50%, tỷ lệ dân số đô thị của Malaysia: 69,3%, của Indonesia: 50,4%, của Trung Quốc: 44%, của Thailand: 32,9%, của Việt Nam 27,7%;

(iii) Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia ngày càng tập trung tại các đô thị. Ở các nước ASEAN gần 3/4 GDP và khoảng 2/3 tổng sản lượng xuất khẩu quốc gia đều xuất phát từ các đô thị. Thí dụ, riêng Metro Bangkok (2005) đóng góp 44% GDP của Thái Lan, Metro Manila (2006) đóng góp 37% cho GDP của Philippine, TP. HCM (2006) đóng góp 23,5% cho GDP Việt Nam.

Ở nước ta, từ khi "Đổi mới" (1986) đã mở ra một thời kỳ phát triển đô thị hóa nhanh, vào năm 1990 nước ta mới có 500 đô thị lớn nhỏ, đến năm 2000 đã là 649, đến năm 2010 tổng số đô thị ở nước ta đã đạt tới 766 đô thị. Theo Quyết định số 445/QĐ-TTg, ngày 7/4/2009, của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 thì đến năm 2025 khoảng 50% dân số nước ta sẽ sống ở các đô thị.

Phần lớn các đô thị ở nước ta đều được quy hoạch xây dựng, cải tạo và phát triển theo phương pháp truyền thống. Vì vậy, cho đến nay chưa có đô thị nào đạt các tiêu chí đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường.

Do ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn của sự phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường, nên vào ngày 5/6/2005, nhân dịp kỷ niệm Ngày Môi trường Thế giới tại thành phố San Francisco (Hoa Kỳ), UNDP và UNEP đã tổ chức Hội nghị quốc tế về phát triển thành phố bền vững môi trường, có hơn 100 nước và rất nhiều tổ chức quốc tế tham dự. Trong Hội nghị này "Hiệp định Môi trường Đô thị của Liên Hợp Quốc - 2005" (2005, The United Nations Urban Environmental Accords www.sustainablepg.org/accords/accords.php) đã được thông qua.

Hiệp định Môi trường Đô thị của Liên hợp Quốc - 2005 là "Một tập hợp các hướng dẫn để xây dựng một tương lai bền vững sinh thái và kinh tế năng động cho nhân dân đô thị". Các thành phố tham gia ký kết Hiệp định là biểu thị sự cam kết thực hiện hiệp định, khi họ phát triển các chính sách và tạo ra các chương trình để giải quyết các vấn đề môi trường đô thị của họ, thời hạn ký kết đầu tiên là 7 năm, tức là từ năm 2005 đến năm 2012.

Hiệp định Môi trường Đô thị của Liên Hợp Quốc-2005 để ra hệ thống tiêu chí của đô thị bền vững môi trường, đô thị xanh, bao gồm 7 lĩnh vực và mỗi lĩnh vực bao gồm 3 hoạt động, cụ thể như sau:

1. Năng lượng: Sử dụng năng lượng tiết kiệm, có hiệu quả, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và giảm thiểu phát thải "khí nhà kính".

Hoạt động 1: Thực hiện các chính sách tăng cường việc sử dụng năng lượng tái tạo để đáp ứng 10% phụ tải điện lúc cao điểm của đô thị trong thời hạn bảy năm.

Hoạt động 2: Thực hiện chính sách giảm phụ tải điện lúc cao điểm của đô thị 10% trong thời hạn bảy năm thông qua việc nâng cao hiệu suất năng lượng, thay đổi thời gian nhu cầu năng lượng, và các biện pháp bảo hành.

Hoạt động 3: Thông qua việc phát triển xây dựng các ngôi nhà xanh (Green Building), toàn đô thị có kế hoạch cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính, khoảng 25% vào năm

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

2030, và trong đó bao gồm hình thành một hệ thống kiểm toán phát thải khí nhà kính.

2) Giảm chất thải: Đô thị phát sinh ít hoặc không chất thải.

Hoạt động 4: Thiết lập chính sách để đạt được đô thị không có chất thải phải chôn ở bãi rác, hay đốt ở lò đốt rác vào năm 2040.

Hoạt động 5: Thống qua đạo luật để toàn đô thị giảm việc sử dụng loại sản phẩm độc hại hoặc sản phẩm không thể tái tạo hay dùng một lần, đến mức % ít nhất sau bảy năm.

Hoạt động 6: Thực hiện chính sách "Người tiêu dùng thân thiện với môi trường", chương trình tái chế và ủ phân compost, với mục tiêu giảm 20% lượng chất thải rắn bình quân đầu người phải đưa đến chôn ở bãi rác, hay đốt rác trong vòng bảy năm.

3) Thiết kế đô thị: Phát triển công trình Xanh; Quy hoạch giao thông đô thị thân thiện môi trường và xóa bỏ các khu nhà ổ chuột.

Hoạt động 7: Áp dụng chính sách có trách nhiệm xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá công trình xanh cho tất cả các tòa nhà được xây dựng trong đô thị.

Hoạt động 8: Áp dụng các nguyên tắc quy hoạch đô thị với mật độ cao hơn, phát triển đi bộ, đi xe đạp đến các khu vực lân cận, phối hợp sử dụng đất và giao thông vận tải với các hệ thống không gian mở phục vụ cho giải trí và phục hồi sinh thái.

Hoạt động 9: Thống qua chính sách hoặc thực hiện chương trình tạo công ăn việc làm mang lại lợi ích môi trường trong các khu nhà ổ chuột và/hoặc các khu dân cư lân cận có thu nhập thấp.

4) Bảo đảm môi trường thiên nhiên của đô thị: quy hoạch xây dựng các công viên, vườn hoa, phục hồi nơi sinh cư của các loài, đặc biệt là động vật hoang dã.

Hoạt động 10: Đảm bảo rằng có các công viên giải trí hoặc không gian mở có khoảng cách trong vòng 0,5 km tính từ nhà ở của mỗi cư dân trong đô thị vào năm 2015.

Hoạt động 11: Thực hiện kiểm kê bảo toàn các tán cây của thành phố hiện có và sau đó thiết lập một mục tiêu dựa trên các đặc điểm sinh thái và cộng đồng để trồng và duy trì bảo toàn tổng diện tích các tán cây không ít hơn 50% tổng diện tích vỉa hè đường phố trong đô thị.

Hoạt động 12: Bằng việc thực hiện pháp luật để bảo vệ hành lang cư trú đi lại quan trọng của các loài và môi trường sống đặc thù quan trọng khác (ví dụ như vùng nước đặc trưng, hệ thực vật là thức ăn của các loài, nơi trú ẩn cho động vật hoang dã, sử dụng các loài bản địa,...), giảm ảnh hưởng xuất phát từ phát triển không bền vững.

5) Giao thông vận tải: Phát triển giao thông công cộng, phương tiện giao thông sạch, giảm thiểu tắc nghẽn giao thông.

Hoạt động 13: Xây dựng và thực hiện chính sách mở rộng hệ thống

giao thông công cộng, bảo đảm khoảng cách từ nơi ở của tất cả các cư dân trong đô thị đến các bến đỗ xe công cộng trong vòng 0,5km trong thời gian mười năm tới.

Hoạt động 14: Thống qua đạo luật hoặc thực hiện chương trình để loại bỏ sử dụng xăng pha chì, giảm hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu diesel và xăng dầu, đồng thời với việc sử dụng kiểm soát khí thải tiên tiến đối với tất cả các loại xe ôtô, xe máy, xe buýt, taxi, và các phương tiện giao thông công cộng để giảm bụi lơ lửng và sự hình thành khói mù, bảo đảm giảm khí thải giao thông khoảng 50% trong bảy năm tới.

Hoạt động 15: Thực hiện chính sách để giảm tỷ lệ các chuyến xe chuyên chở 1 chiều của các phương tiện giao thông khoảng 10% trong bảy năm tới.

6) Sức khỏe môi trường: Giảm sử dụng chất độc hại, có hệ thống quản lý thực phẩm an toàn và môi trường không khí trong sạch.

Hoạt động 16: Chính quyền địa phương hàng năm xác định các sản phẩm hóa chất, hoặc hợp chất được sử dụng trong đô thị có nguy cơ lớn nhất đối với sức khỏe con người và thống qua đạo luật để khuyến khích giảm thiểu hoặc loại bỏ việc sử dụng các loại sản phẩm này.

Hoạt động 17: Tăng cường sức khỏe và lợi ích môi trường của cộng đồng bằng sự hỗ trợ của các loại thực phẩm tươi sống. Đảm bảo rằng 20% đất đai có thể trồng cây của tất cả các tổ chức cơ sở của đô thị (bao gồm cả trường học) phục vụ trồng rau quả tại chỗ và cung cấp rau quả tươi sống cho đô thị trong thời hạn bảy năm tới.

Hoạt động 18: Thiết lập chỉ số chất lượng không khí (AQI) để đo lường mức độ ô nhiễm không khí và thiết lập mục tiêu giảm 10% số ngày được phân loại AQI nằm trong phạm vi là "không lành mạnh" đến "nguy hiểm" trong vòng bảy năm tới.

7) Môi trường nước: Cấp nước đầy đủ & hiệu quả, bảo tồn nguồn nước và giảm thiểu nước thải.

Hoạt động 19: Xây dựng các chính sách để tăng cường khả năng tiếp cận với nước uống an toàn, nhằm mục đích bảo đảm cấp nước sạch đầy đủ cho tất cả mọi người vào năm 2015. Đối với các đô thị có mức tiêu thụ nước sạch bình quân đầu người lớn hơn 100 lít/ngày thì thống qua và thực hiện các chính sách để giảm tiêu thụ nước khoảng 10% vào năm 2015.

Hoạt động 20: Bảo vệ sự toàn vẹn sinh thái của các nguồn nước uống chính của đô thị (tức là bảo vệ tầng nước ngầm, sông, hồ, đất ngập nước và hệ sinh thái gắn với nước).

Hoạt động 21: Thống qua hướng dẫn quản lý nước thải đô thị, và giảm khối lượng xả nước thải chưa được xử lý khoảng 10% trong vòng bảy năm tới bằng cách mở rộng việc sử dụng nước tái chế và bằng việc thực hiện quy hoạch lưu vực sông bền vững, bao gồm có sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng và dựa trên nguyên tắc bền vững kinh tế, xã hội và môi trường.

Thuận lợi và trở ngại

CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐÔ THỊ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ XANH Ở CÁC HẢI ĐẢO CỦA NƯỚC TA



Trong Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 đã đề ra “(i) Đến năm 2020 phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển và (ii) Phát triển kinh tế biển, đảo để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng ổn định nhưng phải gắn với phát triển bền vững của quốc gia và góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và tạo việc làm”.

Định hướng phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường ở các hải đảo nước ta là phù hợp với định hướng của Chiến lược Biển Việt Nam đã nêu ra ở trên. Tuy vậy, Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 hầu như chưa đề cập đến định hướng phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường ở nước ta. Cho đến nay Thủ Tướng Chính Phủ đã phê duyệt quy hoạch xây dựng đô thị của phần lớn các huyện đảo của nước ta, như là huyện đảo Phú Quốc, huyện đảo Côn Đảo, huyện đảo Cát Bà. Trong các Quyết định phê duyệt này đều chưa có định hướng phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường. Tuy vậy, cần nhấn mạnh rằng trong tương lai gần ở nước ta sẽ phát triển mạnh mẽ các đô thị. Vì vậy, chúng tôi đề nghị ngay từ bây giờ cần phải đặt ra nhiệm vụ phát triển các đô thị tại các hải đảo nước ta trở thành các đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường, đô thị thích ứng với BĐKH dựa theo hệ thống các tiêu chí mà Hiệp định Môi trường Đô thị của Liên Hợp Quốc - 2005 nêu ra ở trên.

Phát triển đô thị bền vững môi trường, đô thị xanh, thích ứng với BĐKH ở các hải đảo của nước ta sẽ có một số điều kiện thuận lợi và các trở ngại như sau:

Các thuận lợi Đô thị hóa ở nước ta chậm hơn đô thị hóa trung bình của các nước Châu Á khoảng 15-20 năm, đi sau các nước phát triển 50-100 năm, do đó có thuận lợi là có thể học tập, rút kinh nghiệm phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường của các nước áp dụng vào nước ta.

Cải tạo các đô thị hiện có thành các đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường là việc khó hơn rất nhiều lần so với việc quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới là các đô thị xanh. Cho đến nay, ở hầu hết các hải đảo của nước ta chưa đô thị hóa, đều là quy hoạch đô thị mới, do đó đây là một thị trường rộng lớn để phát triển đô thị xanh.

Trong các Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các hải đảo của Thủ Tướng Chính Phủ đều đã xác định xây dựng các đô thị hải đảo thành các đô thị du lịch trọng điểm có chất lượng cao, có tầm cỡ quốc gia và quốc tế, không phát triển công nghiệp và các ngành gây ô nhiễm môi trường lớn ở các hải đảo. Đây là tiến đề rất thuận lợi để xây dựng các đô thị ở các hải đảo thành các đô thị xanh, bền vững môi trường.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Các hải đảo của nước ta đều có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có rừng, vườn quốc gia, có tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học phong phú, có điều kiện để phát triển thành đô thị xanh đặc sắc, có sức mạnh thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

Nước ta có điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, là môi trường thuận lợi để phát triển không gian xanh đô thị và phát triển công trình kiến trúc xanh; có nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phong phú (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều...), có điều kiện môi trường không khí, môi trường nước biển khoáng dãng, trong sạch đạt yêu cầu về chất lượng môi trường của một đô thị xanh.

Các trở ngại

Trở ngại lớn nhất trong việc phát triển đô thị xanh ở các hải đảo của nước ta hiện nay là tài nguyên đất (đất xây dựng, đất vui chơi, giải trí, du lịch...), tài nguyên nước ngọt (phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân cư, khách du lịch và dịch vụ) và sản phẩm nông nghiệp (thực phẩm, rau quả tươi sống) của các hải đảo rất hạn hẹp so với nhu cầu.

Rất thiếu vốn đầu tư cho phát triển các hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của đô thị ở hải đảo (giá thành cao), thiếu vốn đầu tư cho phát triển nguồn năng lượng tái tạo (tự túc nguồn điện), đầu tư cho dự trữ nước ngọt... ở các đô thị ở ngoài hải đảo.

Nước ta là một trong 10 nước trên thế giới bị tác động lớn nhất của BĐKH. Các hải đảo là nơi chịu tác động của BĐKH và thiên tai mạnh nhất, vậy cần phải làm gì để phát triển các đô thị ở hải đảo nước ta thích ứng với BĐKH.

Đội ngũ chuyên gia quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường của nước ta còn ít về số lượng, còn yếu kém về trình độ, kể cả lý thuyết và thực hành, tư duy và phương pháp quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặc thù của sự phát triển đô thị xanh, đô thị bền vững môi trường ở các hải đảo.

ĐỊA HÌNH HUYỆN CÔN ĐẢO



Một số ý kiến đối với Quy hoạch phát triển Đô thị du lịch Côn Đảo và Phú Quốc

Đối với quy hoạch phát triển đô thị du lịch Côn Đảo

Côn Đảo gồm 16 đảo lớn nhỏ với tổng diện tích đất: 75,15km², trong đó, diện tích đảo Côn Sơn: 51,52km², Vườn Quốc gia Côn Đảo: 14.000ha mặt biển, 6.000ha rừng, chiếm 83,7% đất tự nhiên. Tài nguyên nước ngọt: có trữ lượng khai thác khoảng 5.000m³/ngày đêm. Tài nguyên sinh vật: Dugong (bò biển), cỏ biển 600ha, rạn san hô 1.000ha, rùa

biển, có 1 trong 2 bãi rùa đẻ của toàn quốc.

Mục tiêu chiến lược phát triển của huyện đảo Côn Đảo là: "Phát triển Côn Đảo trở thành đô thị du lịch - dịch vụ biển có chất lượng cao, đặc sắc, tầm cỡ quốc gia và quốc tế, có kết cấu hạ tầng hiện đại, bảo vệ và phát huy giá trị của Vườn Quốc gia, các di tích lịch sử, văn hóa, đồng thời đảm nhận được vai trò đảm bảo an ninh quốc phòng ở vùng biển phía Đông Nam của Tổ quốc".

Trong Báo cáo ĐMC quy hoạch phát triển Côn Đảo đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, thuộc Dự án Xây dựng Đề án BVMT Côn Đảo của Tổng Cục Môi trường, 2009, nhóm chuyên gia ĐMC chúng tôi đã đề xuất một số ý kiến sau đây về điều chỉnh quy hoạch Côn Đảo nhằm phát triển bền vững.

Giảm chỉ tiêu quy hoạch dân số và khách du lịch của Côn Đảo sao cho phù hợp với khả năng sức chứa của tài nguyên và môi trường Côn Đảo. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 264/2005/QĐ-TTg, ngày 25/10/2005, phê duyệt Đề án phát triển KT-XH huyện Côn Đảo đến năm 2020 thì chỉ tiêu tổng dân số Côn Đảo đến 2020 là 50.000 dân, chỉ tiêu khách du lịch đến 2010 là 200 - 250 nghìn lượt người/năm, đến 2020 khoảng từ 500 - 700 nghìn lượt người/năm. Chúng tôi cho rằng đây là chỉ tiêu rất cao, vượt quá khả năng chịu tải của tài nguyên và môi trường Côn Đảo.

Trên cơ sở tiến hành tính toán khả năng diện tích đất xây dựng nhà của phục vụ du lịch, diện tích bãi tắm, số lượng các điểm tham quan khảo sát sinh thái và khả năng cung cấp nước ngọt của Côn Đảo, nhóm chuyên gia ĐMC đã kiến nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch dân số Côn Đảo đến năm 2020 là 15.700 người, đến năm 2030 là 23.300 người; chỉ tiêu quy hoạch số lượng khách du lịch đến năm 2020 là 150.000 lượt khách du lịch và đến năm 2030 là 260.000 lượt khách du lịch.

Không nên xây dựng hồ chứa nước Cửa Cạn nằm ở giữa rừng nguyên sinh (xâm chiếm 1200ha rừng nguyên sinh). Nhóm chuyên gia đã nghiên cứu và đề ra phương án xây dựng các hồ khác ở ngoài rừng để thay thế, nhưng vẫn bảo đảm tích chứa được lượng nước như có hồ Cửa Cạn đặt ở giữa rừng.

Quy hoạch sử dụng đất hợp lý: Quỹ đất ở Côn Đảo là có hạn, nhưng nhu cầu đất cho phát triển thì rất lớn. Mặt khác, để phát triển Côn Đảo theo hướng kinh tế du lịch sinh thái thì quỹ đất cần phải ưu tiên dành cho các công trình phục vụ du lịch, bảo tồn cảnh quan (trong báo cáo ĐMC có đề xuất cụ thể về quy hoạch sử dụng đất của Đảo).

Quy hoạch phát triển nông nghiệp: Trong canh tác nông nghiệp, bỏ hẳn việc trồng lúa vì trồng loại cây này vừa tốn đất, vừa phải dùng rất nhiều nước, nhưng hiệu quả kinh tế thấp. Ưu tiên là trồng các loại rau xanh, rau sạch, cây ăn quả, trồng hoa, cây cảnh... để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Triệt để sử dụng phương pháp tưới cây nhỏ giọt, tiết kiệm nước, chống thất thoát do bốc hơi nước.

Loại bỏ dự án sân golf ở bất kỳ vị trí nào trên đảo, vì nó chiếm dụng nhiều diện tích đất, vừa tiêu tốn nhiều nước, đồng thời gây ô nhiễm môi trường nước.

Đẩy nhanh tiến độ thực thi Dự án đầu tư điện gió do Tập đoàn Aerogic plus đầu tư tại Mũi Con Chim. Trong tương lai có thể phát triển điện gió ở các hòn đảo lân cận, như là đảo Hòn Bà, đảo Hòn Bảy Canh, đảo Hòn Cau. Nghiên cứu phương án xây dựng Trạm phát điện bằng thủy triều ở bờ biển Đông Bắc của đảo Côn Sơn (vịnh Đám Tre). Tập trung tất cả các cơ sở sản xuất nước đá và chế biến hải sản, và các cơ sở công nghiệp khác vào cụm công nghiệp Bến Đám.

Đề xuất không xây dựng tuyến đường ô tô bao quanh Tây Bắc đảo Côn Sơn. Làm đường ô tô ven biển Tây Bắc đảo là không có nhu cầu giao thông mà lại rất có hại đối với hệ sinh thái rừng trên núi đá với có độ dốc lớn, rất khó phục hồi, mặt khác ven bờ biển phía Tây Bắc đảo Côn Sơn chính là nơi sinh dưỡng các loài cá, nếu phá hoại môi trường ven biển này thì ngư trường của vùng biển Đông Nam Bộ sẽ bị giảm sút.

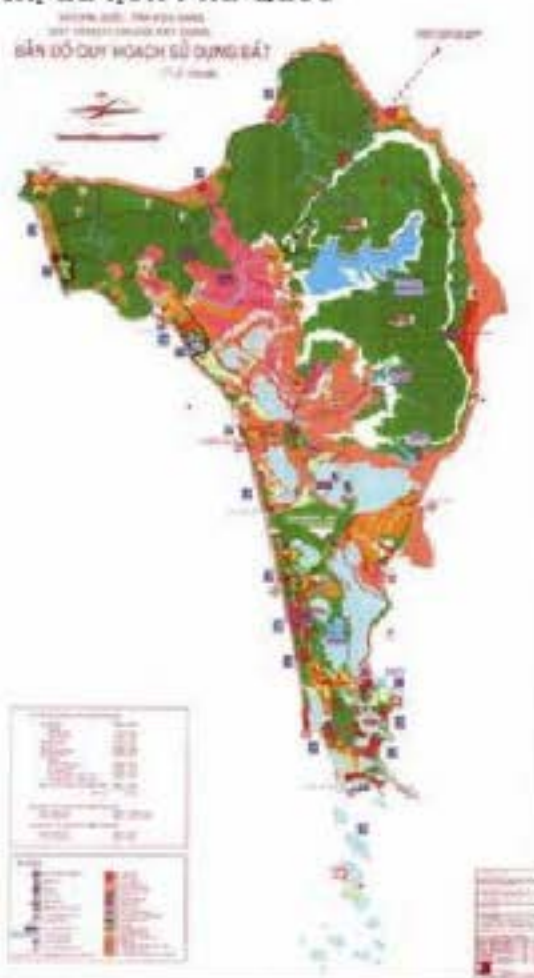
Đề xuất các giải pháp đảm bảo nguồn nước ngọt cho Côn Đảo: Nâng cao bờ hoặc mở rộng dung tích các hồ chứa nước ngọt hiện có, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất để tăng diện tích đất xây thêm các ao, hồ chứa nước mới. Tận dụng các phương tiện lưu chứa nước mưa theo những quy mô khác nhau, phân tán ở tất cả những nơi, xây dựng các bể chứa nước ngầm hoặc bể nước trên mái để thu hứng và lưu trữ nước mưa. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ rửa đường, tưới cây cảnh hoa cảnh,....

Các biện pháp ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu ở Côn Đảo: Khi quy hoạch xây dựng các công trình kiến cố và cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở Côn Đảo cần xem xét cẩn thận để thích ứng với mực nước biển dâng cao, như là không nên xây dựng các công trình này ở rẻo đất thấp ven bờ biển của tất cả các đảo. Tính ra chỉ có khoảng 80 ha có thể bị ngập (vì độ dốc của bờ biển các đảo tương đối lớn), khi mực nước biển tăng cao thêm 50cm vào năm 2070-2080. Độ cao nền của các công trình xây dựng ở ven bờ biển phải được đảm bảo an toàn không bị phá hoại do sóng biển dâng cao khi có bão tố lớn (khuyến nghị cao hơn mực nước biển từ 4m trở lên). Cần có phương án tích trữ nước mưa thích ứng với điều kiện thay đổi thời tiết, mùa khô có thể kéo dài hơn, hạn hán có thể xảy ra khốc liệt hơn. Trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học: Cần xúc

tiến nghiên cứu dự báo các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đối với đa dạng sinh học của Côn Đảo và đề ra các biện pháp ứng phó phù hợp, đặc biệt là đối với hệ sinh thái biển, như là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rùa biển, bò biển...

Phòng chống thiên tai: Thiên tai có thể xảy ra lớn nhất đối với Côn Đảo là bão tố, vì vậy cần phải đẩy mạnh và tổ chức tốt các hoạt động phòng chống bão tố, cứu nạn, cứu hộ, xây dựng các khu vực tránh bão an toàn cho các tàu thuyền bắt cá và GTVT, du lịch.

Đối với quy hoạch phát triển đô thị du lịch Phú Quốc



Huyện đảo Phú Quốc gồm 40 hòn đảo lớn nhỏ với tổng diện tích là 589km². Đảo chính rộng 567,88km² với tổng chiều dài bờ biển là khoảng 150km, cách bờ biển Campuchia 4km, cách Hà Tiên 4km, cách Rạch Giá 115km. Đảo Thổ Châu có diện tích 11km². Đảo Hòn Thơm có diện tích 5km². Các đảo còn lại đều là các đảo nhỏ bé.

Mục tiêu phát triển: Đến năm 2020 hoàn thành về cơ bản xây dựng đảo Phú Quốc thành trung tâm du lịch và du lịch sinh thái biển ở trình độ cao, tầm cỡ quốc gia và quốc tế, hàng năm thu hút khoảng 2-3 triệu lượt khách du lịch.

Trong Báo cáo ĐMC đối với Quy hoạch phát triển Phú Quốc đến năm 2020, thuộc Dự án Xây dựng Đề án BVMT Phú Quốc của Tổng Cục Môi trường (2007) nhóm chuyên gia ĐMC chúng tôi đã đưa ra một số kiến nghị điều chỉnh quy hoạch Phú Quốc nhằm bảo đảm sự PTBV đô thị Phú Quốc như sau:

■ Không nên xây dựng tới 4 sân golf và không xây dựng trường đua ngựa ở đảo Phú Quốc. Sân Golf và trường đua ngựa không phù hợp với định hướng phát triển du lịch sinh thái của Phú Quốc, vì sân Golf chiếm diện tích lớn, kể cả diện tích rừng, nhu cầu sử dụng nước tưới sân cỏ cũng rất lớn, trong khi đó tài nguyên đất và nước của Phú Quốc rất hạn hẹp. Nếu cần thì chỉ nên xây dựng 1 sân Golf ở gần sân bay mới là đủ. Xây dựng sân đua chó Phú Quốc thay cho trường đua ngựa;

■ Điều chỉnh quy mô các tuyến đường trục của Đảo cho phù hợp với một thành phố du lịch ở hải đảo. Điều chỉnh 2 tuyến đường xuyên Đảo theo hướng Nam-Bắc và Đông-Tây từ 4 làn xe, rộng 47m xuống còn 2 làn xe, rộng 25m. Giảm quy mô đường giao thông.

■ Bảo đảm dải đất ven bờ biển xung quanh Đảo với chiều rộng khoảng 80-100m không bị ngăn chia trở thành sở hữu tư nhân, trong dải đất này không được xây dựng công trình, giữ nguyên điều kiện tự nhiên với cảnh quan bờ biển, mặt nước biển rất đẹp của Phú Quốc để dải đất này trở thành không gian công cộng phục vụ cho tất cả dân cư bản địa và khách du lịch trong và ngoài nước sử dụng. Đây cũng là không gian dùng để ứng phó với thiên tai và BĐKH khi cần thiết.

■ Trong Báo cáo này các chúng tôi cũng đã đề xuất nhiều giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với các hệ sinh thái của Đảo, vừa nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch sinh thái đặc sắc của Đảo, vừa bảo tồn rừng và ĐDSH của Đảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Đăng, Nguyễn Việt Anh, Phạm Hải Hà, Nguyễn Văn Muôn. Các giải pháp thiết kế công trình xanh ở Việt Nam. Nhà Xuất bản Xây dựng, Hà Nội-2014
2. Tổng cục Môi trường. Đề án BVMT đảo Phú Quốc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội - 2007
3. Tổng cục Môi trường. Đề án BVMT đảo Côn Đảo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội - 2009

Bảo tồn môi trường tự nhiên cùng các di tích

ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC ĐÔ THỊ DI SẢN LÀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH



PGS. TS. KTS. TRẦN VĂN KHAI

Trưởng Đại Học Tôn Đức Thắng - TP.HCM *

Đặt vấn đề:

Phát triển du lịch là một hoạt động có ý nghĩa chiến lược hàng đầu của các đô thị là điểm đến du lịch. Tuy nhiên sự biến động trong nhiều lĩnh vực nhất là môi trường tự nhiên, sẽ đưa tới những diễn biến phức tạp về kinh tế, xã hội làm hư hỏng di sản gây giảm sút các hoạt động du lịch. Trên cơ sở nhận rõ đặc điểm các quá trình biến động nói trên có thể phối hợp các giải pháp đồng bộ đưa một đô thị là điểm đến du lịch, phát triển bền vững.

Định nghĩa các khái niệm :

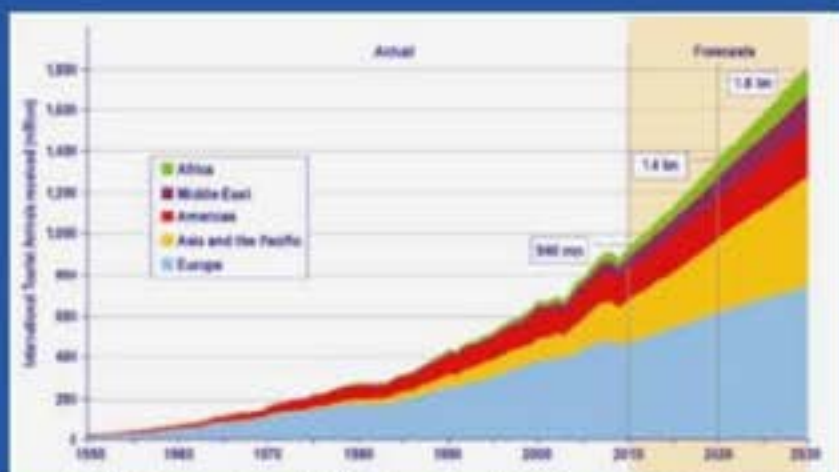
- Điểm đến du lịch: là địa điểm thu hút du khách đến thăm vì giá trị vốn có về ý nghĩa văn hóa, dấu hiệu lịch sử, môi trường tự nhiên hay xây dựng hoặc các cơ hội giải trí.
- Đô thị di sản: khái niệm này trên thế giới, trong vài thập kỷ gần đây đã chuyển biến từ cách chỉ đề cao những giá trị kiến trúc và vai trò nhà bảo tàng sang giá trị tổng hợp về thiên nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế xã hội có tầm cỡ của yếu tố biểu tượng.
- Hoạt động bảo vệ môi trường là giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu, ứng phó sự cố; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, ra sức phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ đa dạng sinh học.

Tình hình hoạt động du lịch và những biến động phải quan tâm

Theo Tổ chức Du lịch Quốc tế (United Nations World Tourism Organisation : UNWTO) năm 2012, Châu Á Thái Bình Dương là vùng có hoạt động du lịch phát triển nhanh với tỉ lệ tăng trưởng là 7%, bằng 15 triệu du khách đến nhiều hơn so với năm 2011.

Phố cổ Hội An (Nguồn Internet)

Quy hoạch & tác giả



Sơ đồ tăng trưởng du khách quốc tế giai đoạn 2010 – 2030
(Nguồn: UNWTO)

Sự biến động trong quan hệ tương tác giữa các yếu tố môi trường, cảnh quan thiên nhiên, xã hội, công nghệ... việc thay đổi nhu cầu thể loại du lịch, sự cạnh tranh có liên quan đến sự biến động trong nhiều lĩnh vực.

Tác động tích cực:

- Tăng cường chất lượng bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị văn hóa, chất lượng giáo dục cho dân cư khi cho phép tiếp cận và hưởng lợi từ hoạt động du lịch di sản của mình.
- Phát triển kinh tế nhờ đề cao bản sắc văn hóa và thu hút sự giao lưu quốc tế. Từ đó tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, nhất là cho cộng đồng dân cư địa phương.
- Tạo ra nguồn kinh phí đáng kể cho việc phát huy giữ gìn các di sản văn hóa.

Tác động tiêu cực:

- Sự khai thác quá mức, sẽ làm hao mòn hữu hình các di sản vật thể thiên nhiên và kiến trúc, làm tẩm thương hóa di sản, giảm giá trị môi trường thiên nhiên khi tập trung chạy theo xu hướng thương mại hóa du lịch.
- Việc xây dựng thiếu quy hoạch của các cơ sở hạ tầng như giao thông, khách sạn, thương mại... làm mờ nhạt vai trò, thậm chí hư hại các di sản văn hóa và thiên nhiên. Thành phố Đà Lạt trong thời kỳ 1954- 1975 đã xây nhiều nhà kiểu tẩm thường làm khách sạn, lấn át các phong cách sang trọng, đặc trưng "thành phố trong rừng" nay có nguy cơ bị hủy hoại và mất sức hấp dẫn du lịch.
- Việc hoạch định thể loại du lịch cũng làm suy thoái các di sản thiên nhiên và văn hóa. Nhiều nước cho thấy sự bùng phát thể loại du lịch giải trí làm cho số lượng du khách có gia tăng nhưng số người thăm các di sản thiên nhiên và các bảo tàng lại đứng yên hoặc rơi rớt.

Các công cụ nhà nước có thể dùng bảo vệ môi trường di sản:

Nhà nước phải giải quyết quan hệ đối lập giữa Bảo tồn và Phát triển (Conservation versus Development). Bản chất của sự mâu thuẫn đối lập này là ở chỗ: Các quy luật của kinh tế thị trường làm cho cơ cấu sử dụng đất thay đổi. Trong khi đó, ngược lại, trong phần lớn trường hợp, công tác Bảo tồn di sản đòi hỏi phải giữ nguyên đặc điểm vật chất của khu đất được hình thành bởi các nguồn lực về kinh tế và văn hóa đã từng nuôi dưỡng di sản.

Giải pháp cho mâu thuẫn trên là: *"Biến bảo tồn trở thành một nguồn lực cho phát triển"*.

Một công trình được tạo ra vì một công năng nào đó và tồn tại do hiệu quả công năng này. Một cách đơn giản, cũng như con người, công trình phải có công ăn việc làm thích hợp để có thu nhập tự nuôi sống. Ở đây các công trình là di sản có thể được đưa vào phục vụ du lịch đã tạo nguồn lợi cho việc bảo tồn nó và là nguồn lực cho phát triển.

Các di sản thiên nhiên hay di sản văn hóa sẽ đóng góp vào sự phát triển chung của đô thị bằng cách phát huy bản sắc văn hóa, từ đó gia tăng hiệu quả hoạt động kinh tế cho đô thị.

Tuy nhiên, nếu di sản thiên nhiên và văn hóa được quan niệm như một nguồn lực về kinh tế thì đó là một nguồn tài nguyên dễ vỡ (fragile resource) cần chăm sóc cẩn trọng.

■ Các công cụ trong tay nhà nước có thể vận dụng để bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hóa hoạt động theo cơ chế làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất. Đó là 3 công cụ sau:

a. Quy hoạch sử dụng đất và các hoạt động du lịch

Việc quy hoạch sử dụng đất phải cân bằng và đồng bộ hóa sự phát triển giữa các yếu tố kinh tế - xã hội và các yếu tố môi trường tự nhiên để phát triển bền vững nguồn di sản.

■ Theo tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) cần quy hoạch các hoạt động du lịch và phát triển đô thị ở tầm quốc gia. Nguồn khách du lịch đến từ quốc tế và quốc gia, phụ thuộc vào các chính sách chung của nhà nước.





Thiên nhiên Hà Giang hấp dẫn du lịch (Nguồn: 24h.com.vn)



Bãi Đá Đĩa Phú Yên, độc đáo.

Những thành phố nỗ lực bảo vệ môi trường, phục hồi và nâng cao giá trị văn hóa di sản, đồng bộ với kế hoạch du lịch đã cải thiện vị trí của mình trong bảng xếp hạng du lịch cấp quốc tế (M. Vinuesa và L.Torralba 2010). Việc phát triển các khu resort sẽ đồng thời đưa tới nhu cầu bảo vệ cảnh quan và môi trường thiên nhiên (Whelan, 1991).

■ Cần phải quy hoạch phân khu chức năng để tạo ra những khu phát triển mới gắn khu di sản để thu hút đầu tư xây mới ra khỏi khu cần bảo tồn như khu resort sang trọng ở gần Hội An. Việc quy hoạch các đô thị gắn nhưng không xâm phạm các di sản là rất đúng đắn. Tại các đô thị này có đủ các dịch vụ và nơi trú ngụ, sẽ là trung tâm đi đến các khu di sản.

■ Việc quy hoạch còn là kiểm soát sự gia tăng dân số - một trong những nguyên nhân dẫn tới việc phá vỡ các di sản vì thiếu chỗ ở. Để giảm áp lực dân số, có thể hạn chế nhập cư, đồng thời phải tạo ra những khu nhà ở để dần dần từ khu có di sản ra.



Nhà người K.ho phù hợp địa hình (Nguồn: langvietonline.vn)

■ Cần quy hoạch tạo các khu chức năng trong đó sử dụng các giải pháp kiến trúc tiết kiệm năng lượng, không hư hại địa hình hay cây xanh tại chỗ cho các khu được phép xây mới như:



Khu du lịch Mai Châu dùng nhà sàn (Nguồn: VietBao.vn)

Nhà sàn trên cột: vốn là giải pháp nhà ở truyền thống của các dân tộc Đông Nam Á và miền núi, vùng sông rạch của Việt Nam, có thể cho điều kiện vi khí hậu tốt, tránh dã thú, đặc biệt là hạn chế việc phá hại địa hình tự nhiên lại thông gió tốt, không cản trở thoát nước.

Vì vậy nhà sàn được dùng trong các khu du lịch truyền thống và các khách sạn mới. Thậm chí trong quy hoạch, giải pháp này có thể cho hiệu quả vượt hơn yêu cầu của các chỉ tiêu về xây dựng thông lệ như Mật độ Cây xanh, Mật độ xây dựng hay Hệ số Sử dụng đất đã ấn định.



Khách sạn Endemico tại Valle de Cuadalupe Mexico với thiên nhiên hoang dã (Nguồn: Internet)

Bài "The Concept of Raised Floor Innovation for Terrace Housing in Tropical Climate" của các tác giả Malaysia ở Đại học Kebangsaan và Đại học Malaya, Malaysia cho thấy khả năng sử dụng nhà liên kế trên cột bỏ trống tầng trệt thay vì làm tầng hầm để bảo đảm thông gió tốt qua các dãy nhà, khi xây ở các sườn đồi dốc sẽ hạn chế hư hại địa hình thiên nhiên không ngăn cản việc thoát nước lũ.



Ý tưởng nhà liên kế trên cột lấy từ nhà sàn dân tộc và Villa Savoye của Le Corbusier (Nguồn: The Concept of Raised Floor Innovation for Terrace Housing in Tropical Climate)

Nhà trên cột, cũng rất phù hợp cho việc đón trước hiện tượng nước biển dâng, sống chung với nước. Ở đây mật độ xây dựng nhà liên kế là 80% sẽ không còn phù hợp với hiệu quả thực tế.

■ Vẫn dùng các giải pháp công nghệ để tăng cường chất lượng môi trường xanh ví dụ như kỹ thuật trồng cây xanh trên mái nhà hiện

Quy hoạch & tác giả

rất đơn giản. Việc xác định mật độ cây xanh đối với nhà liền kề phủ xanh không phù hợp với hiệu quả thực tế, khi diện tích phủ xanh thậm chí còn lớn hơn diện tích lô đất. Có thể vận dụng các hình thức tái sinh năng lượng từ mặt trời, sức gió, sức nước.

b. Đầu tư hạ tầng cơ sở:

■ Nhà nước tổ chức để điều kiện giao thông du lịch đến vùng có di sản thiên nhiên và văn hóa thuận lợi hơn. Trong dự án của Unesco về bảo tồn thành phố cổ Sa'ana tại Yemen, người ta đã tập trung số tiền hạn chế vào việc nâng cấp đường vành đai để tạo điều kiện cho khách du lịch tiếp cận thành phố, sau đó nâng cấp chợ trung tâm và giảm thuế buôn bán.

■ Việc nâng cấp năng lực về lượng và chất của các khách sạn đã làm cho trong 15 năm qua số lượng giường khách sạn tại nhiều nước tăng gấp đôi (M. Vinuesa và L. Torralba 2010).

■ Ngược lại, để hạn chế hoạt động xây dựng tại vùng có di sản thiên nhiên, văn hóa, có thể phát triển hạ tầng tại các vùng kế cận để kéo các hoạt động phá dỡ xây mới ra xa.



Phủ xanh mái nhà (Nguồn: Batdongson.com.vn)



Quạt gió tạo điện năng tại Ninh Thuận

Việc cải thiện điều kiện giao thông đã ảnh hưởng đến việc xây dựng các khu chức năng. Năm 2012, trên thế giới, hình thức du lịch nghỉ lễ, giải trí, thăm thân nhân, bạn bè, hành hương tôn giáo, chiếm hơn một nửa các du khách quốc tế (52% hoặc 536 triệu lượt khách). Nhưng chính sự xuất hiện đột biến của các hãng hàng không giá rẻ đã làm giảm sút số lượng khách có nhu cầu trở lại, từ đó giảm việc xây dựng các khách sạn tại khu có di sản.

c. Vận dụng chính sách thuế:

Nhưng nhiều người lầm tưởng Nhà nước là đảm nhiệm vai trò "quản lý" việc bảo tồn thiên nhiên hay di sản bằng các biện pháp hành chính thuần túy như công nhận di sản, ra những quy chế bắt buộc, ai làm sai thì phạt. Quản lý như vậy thì người dân thấy mình như tự nhiên bị mắc và, mất chủ quyền khi có nhà được công nhận là di sản, đã dấy lên việc đòi trả lại danh hiệu di sản. Ngược lại chính sách Nhà nước phải năng động, làm lợi cho người có di sản.

Để bảo tồn thiên nhiên hay những phương tiện sản xuất truyền thống, cần có những chính sách thuế để khuyến khích dân cư hành nghề nói trên.

Vì vậy, Hiến chương Quản lý du lịch ở những nơi có di sản quan trọng được ICOMOS là cơ quan chuyên trách về Bảo tồn Di sản văn hóa của UNESCO thông qua tháng 10/1999 khuyến cáo: Các cộng đồng chủ nhà và dân bản địa phải được tham gia vào các hoạt động tổ chức kế hoạch và điều hành du lịch, vì được như vậy họ sẽ coi Di sản thiên nhiên và văn hóa là nguồn sống nuôi mình và ra sức bảo vệ các di sản này.

Việc bảo tồn các di sản kiến trúc - đô thị mà nhiều người lầm tưởng là một công việc có nội dung kiến trúc, chính lại hóa ra là một dự án về con người, bởi vì giữ hay phá bỏ di sản là ở quyền lợi con người (Edgardo Martinez và Raul di Lullo, 1990).

Có thể nói: bảo tồn các di sản thiên nhiên và kiến trúc - đô thị đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của những người dân sống trong vùng các di sản đó.

Tóm lại: Hoạt động du lịch là một dây các hiện tượng tương tác lẫn nhau và có quan hệ mật thiết với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và di sản của các điểm đến du lịch. Vì vậy việc hoạch định kế hoạch du lịch phải đồng bộ với quy hoạch đô thị và phải khắc phục cách khuyếch trương đơn độc.

* TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG,

- Số 19 đường Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bao, E. (1990). *Ecotourism: The potentials and pitfalls* Washington D.C. World Wildlife Fund
2. Butler, R.W. (1991). *Tourism Environment and Sustainable Development* *Environmental Conservation*, 18, 3, 201-209.
3. Cohen, E. (1995). *Contemporary Tourism- trends and challenges: sustainable authentic or contrived post modernity?*
4. Lindberg, K. (1991). *Policies for maximizing nature tourism's ecological and economic benefits*, Washington D.C.: World Resources Institute
5. Mathieson, A. And Wall, G. (1982) *Tourism: Economic, Physical and Social Impacts* Longman: New York
6. Miguel Ángel Troitido Vinuesa and Libertad Troitido Torralba *Historic Cities and Tourism: Functional Dynamics and Urban Policy*

Xây dựng thành phố Đà Nẵng

HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH



Năm 2009, Trịnh Thị Hồng chuyển sang một xã tái định cư ở thành phố Đà Nẵng. Cô gia nhập nhóm những người di cư từ khắp nơi trên địa bàn tỉnh với 800 hộ nghèo và cận nghèo cư trú trong khu vực diện tích 2km² trong đó có 141 hộ có chủ hộ là những bà mẹ đơn thân.

TS. NGUYỄN QUANG

*Giám đốc Chương trình Định cư
con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat)*

Tại đây cô đã gặp một bà mẹ 3 con với người chồng tàn tật. Gia đình này không có thu nhập và chỉ có 15kg gạo. Cô muốn tìm cách giúp họ vì thế đã kêu gọi những người hàng xóm và họ đã tập hợp được 30 triệu để cho người phụ nữ này vay. Nhưng Hồng còn băn khoăn về khả năng hoàn trả vì người phụ nữ này không có cách nào để kiếm sống. Vì vậy, Hồng quay lại những nhà xung quanh với một kế hoạch hỗ trợ người phụ nữ này trả nợ. Những người hàng xóm sẽ bán chai lọ mà họ không sử dụng cho người phụ nữ này và chị sẽ bán lại cho các cơ sở tái chế. Chị sẽ có một khoản tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán trong khi đó những người hàng xóm có thêm một chút tiền mà không cần nỗ lực gì. Lượng rác thải của khu phố cũng được giảm bớt bởi vì mọi người đã tái chế chúng.

Người phụ nữ đã sử dụng khoản thu nhập của chị ấy để hoàn trả nợ, mua thực phẩm, tủ lạnh và một chiếc xe đạp. Chị mở một quầy hàng nhỏ bán cá ở chợ và cũng giúp việc cho những gia đình khác để tăng thu nhập. Kết quả là gia đình chị không còn bị quá căng thẳng về tiền bạc.



Mọi người đồng ý tiếp tục các hoạt động mang lại nguồn thu vì sự phát triển của cộng đồng. Chủ nhật hàng tuần, ba người sẽ có trách nhiệm tập hợp chai lọ, bán lại cho những cơ sở tái chế. Một người đàn ông lớn tuổi đi xe đạp hàng ngày, thu thập chai lọ và đóng góp chúng vào quỹ chung. Trong vòng 1 năm, ông đã đóng góp hơn 500.000 VND vào quỹ này. Một lần khác khi đi xem pháo hoa, mọi người quyết định ở lại sau khi chương trình kết thúc, thu thập những chai lọ bỏ đi để đóng góp vào quỹ của cộng đồng.

Bên cạnh việc khuyến khích cộng đồng hỗ trợ nhau cùng tạo ra thu nhập, Hồng còn thành lập nhóm thanh niên bảo vệ môi trường. Cô muốn dạy bọn trẻ bảo vệ môi trường và vun đắp niềm tự hào về một cộng đồng sạch.

Để thay đổi hành vi của người lớn thì khó hơn. Ví dụ, có 2 hộ gia đình cùng chung sống với nhau, họ không mang rác ra ngoài phố để vứt mà lại ném sang sân nhà hàng xóm. Bọn trẻ đã ảnh hưởng tích cực đến họ và bây giờ, thay vì vứt rác sang sân nhà hàng xóm, họ giúp nhau đổ rác.

Một lần, một phụ nữ sang thăm nhà hàng xóm. Trong khi chờ đợi, cô ăn sáng và vứt vỏ hộp trên đường. Trưởng nhóm thanh niên bảo vệ môi trường đã đến và hỏi cô đã ăn xong chưa. Sau đó, cô bé hỏi liệu rằng cô có thể lấy cái hộp này không. Người phụ nữ thắc mắc cô gái định làm gì với cái hộp. Cô bé giải thích *"nếu cô đến đây vào buổi chiều, cô sẽ thấy bọn cháu làm việc chăm chỉ để làm sạch phố. Bọn cháu thu gom những rác để giữ đường phố sạch sẽ, nếu cô đến đây một lần nữa, hy vọng cô sẽ không vứt vỏ hộp ra đường"*. Hồng tin rằng người phụ nữ đã học hỏi được từ bọn trẻ. Con phố mà tác giả đến rất sạch sẽ, không có rác, sân trước và vỉa hè đều rất đẹp.

Hồng đã chỉ ra rằng những kinh nghiệm thành công trong cộng đồng là kết quả của người dân và các tổ chức cùng bắt tay làm việc. Người nghèo làm việc rất chăm chỉ để thoát nghèo và rất nhiều tổ chức cùng hỗ trợ và phát triển cộng đồng.

Chị Hồng chỉ là một ví dụ điển hình, người đã khơi dậy được sức mạnh của cộng đồng để giúp người dân địa phương cải thiện kinh tế, thay đổi ý thức để bảo vệ môi trường. Những trường hợp này khi được nhân rộng sẽ tạo động lực lớn cho một thành phố phát triển theo hướng Tăng trưởng xanh.

Khi Chính phủ yêu cầu các thành phố lớn ở Việt Nam lồng ghép các sáng kiến quan trọng trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (Quyết

định 1393/QĐ-TTg) vào định hướng phát triển của thành phố, Đà Nẵng đã nhận thức rõ Tăng trưởng xanh là một công cụ giúp tái cơ cấu kinh tế và mang lại nguồn lực cần có để phát triển bền vững, và chính quyền thành phố đã nhất trí thực hiện các giải pháp để tăng tính cạnh tranh cho thành phố theo các nguyên tắc chính về Tăng trưởng xanh.

Đồng thuận với quan điểm của thành phố, UN-Habitat và Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu (GGGI) đã phối hợp với chính quyền thành phố Đà Nẵng xây dựng Chiến lược phát triển thành phố Đà Nẵng hướng tới Tăng trưởng xanh. Chiến lược này được xây dựng nhằm lập kế hoạch và huy động nguồn lực một cách sáng tạo để phát triển kinh tế theo định hướng thị trường trong đó chú trọng phối hợp các bên và mối quan hệ đối tác công - tư. Cụ thể, Chiến lược chú trọng sử dụng có hiệu quả nguồn lực địa phương, năng lực thích ứng và sức bật của cộng đồng; đây chính là các công cụ thực tiễn giúp gia tăng tính linh hoạt trong thực hiện chiến lược, cũng như tối đa hóa tác động cải thiện chất lượng cuộc sống. Bằng cách sử dụng hiệu quả nguồn lực địa phương để thực hiện chiến lược, Đà Nẵng có cơ hội khai thác tối nhất nguồn lực địa phương và vốn xã hội để phát triển theo hướng tạo giá trị gia tăng cao.

Để hiện thực hóa từng bước trong chiến lược đưa thành phố Đà Nẵng phát triển hướng tới Tăng trưởng xanh, Hiệp hội Quy hoạch nhanh của CHLB Đức cùng UN-Habitat, và Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH TP Đà Nẵng phối hợp thực hiện dự án *"Quy hoạch nhanh về cơ sở hạ tầng bền vững, quản lý môi trường và tài nguyên cho các đô thị năng động và hiện đại"* với ngân sách lên tới hơn 400.000 Euro và sẽ kéo dài đến năm 2009.

Cụ thể dự án có sự liên kết với việc ổn định bờ sông, bảo vệ đường bờ biển và quản lý hồ điều hòa và các lĩnh vực khác như quản lý chất thải và ô nhiễm vi sinh, nông nghiệp đô thị, không gian công cộng và phủ xanh mái nhà... và thi điểm tại các cum hành chính/dân cư quy mô nhỏ với sự phối hợp với cộng đồng của từng khu dân cư.

Với những việc thành phố Đà Nẵng đang làm có thể nhận thấy chính quyền thành phố đang nỗ lực để đưa Đà Nẵng trở thành một thành phố phát triển theo hướng Tăng trưởng xanh, không những tập trung vào kinh tế, môi trường mà còn tập trung cả vào con người để thay đổi ý thức và hành động của người dân sống và cống hiến cho sự phát triển của thành phố hướng tới Tăng trưởng xanh.



QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỦ ĐÔ VỚI BÀI TOÁN TĂNG TRƯỞNG XANH

ThS. KTS. VŨ HOÀI ĐỨC *
TRẦN THỊ MINH NGỌC **

Có thể thấy hầu hết các nước đi tiên phong trên thế giới trong việc thúc đẩy "tăng trưởng xanh" có hiệu quả trên thực tiễn đều đã từng trải qua giai đoạn "tăng trưởng nâu" trong nhiều thập kỷ, thậm chí cả thế kỷ trước. Họ đều đã có những trả giá cho sự phát triển cường thịnh bằng những hệ lụy về môi trường tự nhiên, xã hội... để rồi những hệ lụy này trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, chứ chẳng khu biệt độc lập ở bất cứ nơi đâu. Giờ đây chẳng quốc gia nào lại không phải hứng chịu những hậu quả của quá trình biến đổi khí hậu - hệ quả của quá trình tăng trưởng và phát triển nóng. Việt Nam là một trong những quốc gia cảm nhận thấy rõ những hậu quả ấy.

Tác động đã thấy ngày một rõ rệt, nhưng xét ở góc độ thực tiễn, tôi cho rằng "tăng trưởng xanh" vẫn là một khái niệm mới đối với Việt Nam nói chung và các địa phương như Hà Nội nói riêng. "Tăng trưởng xanh" mới được đặt trên bàn nghị sự và là khẩu hiệu hành động, chứ thực sự để đi vào cuộc sống còn có khoảng cách, nếu không muốn nói là một bài toán khó.

Trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng "tăng trưởng xanh" có lẽ càng là vấn đề mà tính mới và khó còn nhiều hơn; bởi Việt Nam có cách làm quy hoạch chưa mang tính hợp nhất cao như nhiều nước phát triển trên thế giới. Như vậy, câu chuyện về "tăng trưởng xanh" hay "kinh tế xanh" còn là một... viễn cảnh. Trong bối cảnh ấy, liệu chúng ta có lời giải nào cho một bài toán "tăng trưởng xanh" ở góc độ chuyên ngành quy hoạch xây dựng hay không? Tôi cho là hoàn toàn có thể, cho dù lời giải có thể chưa mang tính tổng thể, nhưng những nỗ lực đơn ngành vẫn có thể tạo ra những

đột phá trong việc đi tìm lời giải chung cho bài toán “tăng trưởng xanh”; thực tiễn ở một số ngành, địa phương khác, với những dự án “xanh hóa kinh tế” đã cho thấy những bước đi theo chiều hướng tích cực.

“TĂNG TRƯỞNG XANH” - Sự giao thoa với mục tiêu hàng đầu của quy hoạch chung xây dựng Thủ đô

Thủ đô Hà Nội có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng ở khu vực, trong nước và vùng Đông Nam Á, với hệ sinh thái khá đa dạng, đặc biệt là hệ thống sông, hồ, mặt nước và vùng nông nghiệp - nông thôn phong phú, rộng lớn. Có thể nói: Hà Nội có vốn tự nhiên để “Tăng trưởng xanh”.

Là Thủ đô, nơi tập trung nguồn nhân lực có chất lượng cao - sở hữu các điều kiện về khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại, có thể nói là “cao nhất đất nước” - đây là nguồn lực chủ yếu của tăng trưởng xanh.

Lần đầu tiên quy hoạch chung xây dựng Thủ đô tóm lược các mục tiêu phát triển thành slogan “Xanh - Văn Hiến - Văn Minh - Hiện Đại”. Nhìn vào đây, có thể thấy rõ, những nhà lập quy hoạch đã nhìn thấy tiềm năng tăng trưởng xanh như đã đề cập đến ở trên. Đồng thời, cũng đã nhận thức một cách rõ ràng về các tổn tại qua gần một thế kỷ rưỡi Hà Nội phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, và dự báo được nhu cầu tăng trưởng đô thị cao gắn với việc gia tăng nhu cầu về năng lượng, ô nhiễm môi trường và chi phí nói chung. Mục tiêu chiến lược của quy hoạch xây dựng Thủ đô cũng chính là việc hướng đến hiệu quả của phát triển đô thị, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây chính là câu trả lời xuyên suốt cho câu hỏi “Tăng trưởng xanh được đặt vấn đề như thế nào trong quy hoạch chung xây dựng Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050?”.

“MỞ RỘNG ĐÔ THỊ” gắn với “TĂNG TRƯỞNG KHÔNG GIAN XANH” - Điều kiện tiên quyết cho quá trình đô thị hóa có kiểm soát tại khu vực ngoại vi

Hà Nội thành một thành phố có lịch sử hình thành và phát triển 1.000 năm, nhưng có thể nói rằng “phát triển theo mô hình đô thị hiện đại” mới chỉ gần một thế kỷ rưỡi gần đây. Những chỉ số cơ bản về quy mô đất đai, dân số của toàn thành phố và khu vực đô thị hiện nay so với 1954 cho thấy quá trình đô thị hóa của Hà Nội suốt 60 năm qua là quá trình mở rộng đô thị rất lớn: diện tích thành phố tăng gấp 22 lần, nội thành tăng gấp 18,6 lần; dân số toàn thành phố tăng gấp 12 lần, nội thành tăng gấp 17,2 lần (số liệu 2008). Tuy nhiên, nếu so với định hướng phát triển trong vòng 20 năm và 40 năm nữa, quy mô tăng trưởng đô thị còn tăng lên gấp nhiều lần.

Một điều dễ nhận thấy là quá trình mở rộng đô thị kèm theo sự gia tăng dân số làm thay đổi rõ rệt nhất ở khu vực ven đô. Quá trình này, trong quá khứ chưa xa cũng như ngay ở thực tại đã để lại những vấn đề của hiện tượng “tăng trưởng nâu”. Những khu đô thị thiếu không gian công cộng, ô nhiễm môi trường và tắc nghẽn giao thông... Trong đó, đặc biệt không gian xanh hầu như không có sự tăng trưởng tương xứng với tỷ lệ tăng trưởng diện tích đô thị. Số liệu hiện trạng hệ thống công viên, vườn hoa Hà Nội ở bảng dưới đây cho thấy rõ hiện tượng trên. Các quận mới: Cầu Giấy, Tây Hồ, Hoàng Mai, Hà Đông, Thanh Xuân, Long Biên đều có sự phát triển rất khiêm tốn về diện tích cũng như số lượng các công viên, vườn hoa so với 4 quận nội thành cũ, dù diện tích tự nhiên của các quận này lớn hơn nhiều, chưa kể các quận mới còn có diện tích hồ, ao tự nhiên phong phú, thuận lợi cho quá trình hình thành các không gian xanh.

T	T	Quận / huyện	Công viên		Vườn hoa		Tổng		D. tích phù (ha)	Tỷ lệ che phủ (%)*
			Số lượng	D.tích (ha)	Số lượng	D.tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)		
		<i>Nội thành</i>	18	265,281	34	38,699	52	303,98	512,83	1,92
1		Ba Đình	3	41,83	7	10,155	10	51,985	88,14	9,54
2		Hoàn Kiếm	1	19,770	9	2,617	10	22,387	36,96	6,99
3		Hai Bà Trưng	2	62,932	6	15,987	8	78,910	129,48	12,83
4		Đông Đa	1	1,94	4	2,894	5	4,834	9,36	0,19
5		Cầu Giấy	2	15,66			2	15,66	27,05	2,25
6		Tây Hồ	1	6	3	2,831	4	8,831	17,1	0,71
7		Hoàng Mai	5	85,184	2	1,595	7	90,893	150,15	3,71
8		Hà Đông	1	9,13	2	3,75	3	11,48	19,21	0,4
9		Thanh Xuân					0	0		
10		Long Biên	1	17,13	2	1,87	3	19	35,38	0,59

(*) Tỷ lệ che phủ được tính trên tổng diện tích đất đô thị.

Thực trạng này cho thấy để giải bài toán "Tăng trưởng xanh cho các khu vực dự kiến đô thị hóa như thế nào?" chúng ta cần có một lời giải - điều kiện mang tính tiên quyết cho tất cả các khu đô thị mới: đó là quy định rõ tỷ lệ công viên, cây xanh; và việc hình thành phải mang tính chất song hành giữa hình thành các khu nhà ở với các không gian xanh. Câu chuyện về diện tích công viên, cây xanh trong các khu đô thị trên thực tiễn, đang xuất hiện vấn đề: làm thế nào để tăng tối đa diện tích xanh? bởi rất nhiều chủ đầu tư muốn "cắt xén" - thu hẹp diện tích này để dành cho các công trình thu lời ngay và nhanh hơn... ai cũng hiểu "cô xanh" thì điều kiện sống tốt hơn, giá trị đô thị sẽ cao hơn, nhưng để làm được điều đó không chỉ đòi hỏi "có tấm" mà còn phải "có tâm". Ở đây, lời giải của công tác quy hoạch là phải chỉ ra được các chỉ số có tính thuyết phục cao, phù hợp với mục tiêu "tăng trưởng xanh". Có thể thấy tỷ lệ diện tích xanh trên đất đô thị cần có sự gia tăng dần theo hướng từ lõi đô thị ra đến ngoại vi là kết quả hợp lý. Các đô thị càng gắn hành lang xanh, vành đai xanh càng cần nhiều diện tích xanh hơn, hệ thống không gian xanh phải được liên kết một cách liền hoàn và mạch lạc... VD: về những khu đô thị Gamuda, Vincom Long Biên, hay Ciputra là những điển hình rất đáng nhấn nhá.

"PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG" - Lời giải cấp bách từ hiện tại đến tương lai

Chưa cần nhìn ở góc nhìn "tăng trưởng xanh", trên bình diện thực tiễn, tình trạng ách tắc giao thông Thủ đô hiện nay trên tất cả các tuyến trục hướng tâm hay các tuyến trục không chỉ trong trung tâm mà cả ở tại các khu vực phát triển mới, là biểu hiện dễ nhận thấy nhất đối với mỗi người dân, chứ không chỉ riêng đối với những người làm công tác chuyên môn hay nhà quản lý.

Dưới góc nhìn chuyên môn, phát triển giao thông công cộng không chỉ là xu thế chung của một đô thị hiệu quả - tiết kiệm năng lượng. Với các khu vực dự kiến đô thị hóa, xây dựng hệ thống giao thông để giải quyết cả hai vấn đề mật độ và không gian xanh sẽ đem lại cho đô thị mới "chất" và "lượng" ở tầm cao. Hệ thống giao thông sẽ được hình thành - bằng cách tạo ra các vùng giao thông và đưa các cơ sở hạ tầng giao thông công cộng vào sử dụng - đảm bảo cho các hướng phương tiện tập trung quá nhiều ở trung tâm thành phố đồng thời phát triển nhà ở, dịch vụ và các cơ sở kinh tế dọc theo các tuyến đường quan trọng. Đây sẽ là lời giải tốt nhất cho bài toán quy hoạch bền vững cho sự tăng trưởng. Kinh nghiệm của nhiều đô thị trên thế giới đã cho thấy rõ điều này.

Theo tôi, chúng ta đã từng sai lầm, khi từ bỏ hệ thống tàu điện được phát triển rất khoa học trước đây, điều mà các thành phố hiện đại phương tây vẫn kiên quyết gìn giữ theo hướng hiện đại hóa. Chúng ta đã không chú trọng đúng mức đến việc phát triển các phương tiện giao thông công cộng theo hướng đa dạng hóa, và nâng cao chất lượng để hấp dẫn người dân. Chúng ta đã từng "thả nổi" để phương tiện giao thông cá nhân phát triển mạnh mẽ, tự phát, với suy nghĩ "đó là biểu tượng của sự phồn vinh" của một thời kỳ.

Việc sửa chữa sai lầm cho hiện tại đã và đang là vấn đề rất khó khăn, chưa kể tương lai khó khăn sẽ ngày càng chồng chất với sự gia tăng quy mô dân số và mật độ đô thị; nhất là chúng ta đang thực hiện quy hoạch xây dựng tách rời với quy hoạch giao thông vận tải... Chúng ta

đang "bó cứng" - khống chế một cách duy ý chí, với tư duy "quy hoạch số" đối với các phân khu đô thị mà chẳng hề xem xét gắn kết và định hướng sự phát triển đô thị mật độ cao gắn kết với hệ thống giao thông công cộng như một điều kiện cần và đủ. Đây có lẽ là sai lầm rất lớn cần có giải pháp khắc phục kịp thời; mà câu trả lời ở trên là lời giải rất rõ ràng và chính xác đối với các khu vực dự kiến phát triển mới. Vậy, đối với các khu vực hiện hữu thì giải pháp là như thế nào? Đã có một ý kiến rất đáng phải suy nghĩ từ các chuyên gia Pháp khi nghiên cứu thiết kế đô thị tuyến đường Tôn Đức Thắng - Nguyễn Trãi.

Các chuyên gia Pháp để xuất phát triển tuyến xe buýt năng lực cao BRT có làn đường riêng, kết nối 3 tuyến đường đường sắt đô thị số 3, 2 và 2A. Việc hình thành tuyến giao thông công cộng này, sẽ thu hẹp diện tích lưu thông của các phương tiện giao thông cá nhân trên một tuyến đường hiện hữu; giai đoạn đầu sẽ có hiệu ứng tiêu cực, thậm chí ách tắc giao thông, nhưng đó chính là "liều thuốc đắng" để dẫn cư khu vực hai bên buộc phải chuyển đổi dần hành vi của mình sang hướng sử dụng phương tiện giao thông công cộng... Đây có lẽ là lời giải "thông minh" bởi nó tác động trực tiếp vào hành vi và tư duy của mọi người, lối thoát của mọi vấn đề!

"ĐÔ THỊ SINH THÁI" - Khởi nguyên cho mô hình mới, tấm gương cho "TĂNG TRƯỞNG XANH" đối với các đô thị

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đã xác định phát triển các đô thị sinh thái trong khu vực hành lang xanh xen giữa đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh. "Đô thị sinh thái" có lẽ giờ đây là khái niệm quen thuộc với mọi người. Ở góc độ khoa học - tôi cho rằng đây là một mô hình hoàn toàn mới. Hà Nội đã và đang có nhiều loại hình đô thị phát triển theo trật tự thời gian: khu phố Cổ (phố nghề - thương mại kết hợp ở) - khu phố Cũ (thành phố vườn) - khu tập thể, khu nhà ở theo mô hình tiểu khu - đơn vị - khu đô thị mới (mô hình phát triển mới của các đơn vị ở với đa dạng các loại hình công trình nhà ở). Đô thị sinh thái - chính là mô hình đô thị đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh, thích ứng và chung sống hài hòa với tự nhiên.

Tuy nhiên, đô thị sinh thái vẫn có những vấn đề bỏ còn bỏ dở. Tiêu chí và quy chế như thế nào để đảm bảo tính chất "sinh thái" của đô thị từ khâu lập quy hoạch, hình thành cũng như quản lý vận hành, để phát triển một cách bền vững?

Có lẽ, đô thị có sự can thiệp tối thiểu vào điều kiện tự nhiên, tôn trọng và phát huy các giá trị của tự nhiên phải là tiền đề cho mọi giải pháp quy hoạch đô thị sinh thái. Đô thị sinh thái phải có tỷ lệ cây xanh cao, diện tích không gian công cộng, công viên, vườn hoa mặt nước phong phú, có số lượng lớn công trình kiến trúc xanh, hệ thống giao thông công cộng tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo, cơ sở nông nghiệp đô thị phát triển hài hòa với các cơ sở kinh tế xanh... và một điều kiện không thể thiếu đối với đô thị sinh thái, đó là: hệ thống kiểm soát phát thải khí nhà kính và hệ thống quản lý đô thị thông minh.

Trong tương lai gần, các đô thị sinh thái cần được lượng hóa các tiêu chí nêu trên: để mô hình có tính chất cách mạng này đi vào thực tiễn. Sự thành công của mô hình này sẽ là tấm gương cho "tăng trưởng xanh" đối với quá trình hình thành và phát triển các đô thị mới nói chung.

“ĐỔI MỚI ĐÔ THỊ CŨ ĐỒNG THỜI VỚI BẢO TỒN” - Khó khăn, phức tạp nhưng là bản lẻ của “XANH HÓA BỀN VỮNG ĐÔ THỊ CŨ”

Hà Nội có một hệ thống các khu đô thị cũ, đô thị lịch sử như: phố Cổ, phố Cũ, các khu chung cư thời kỳ bao cấp, các khu vực làng xóm đô thị hóa; với hệ thống các di sản đô thị rất phong phú. Dưới góc nhìn “tăng trưởng xanh” trong lĩnh vực đô thị, dễ nhận ra rằng tổn tại của các khu vực này là sự gia tăng mật độ, phá vỡ các cấu trúc không gian đô thị - tạo nên những hình ảnh đô thị xen cài, nhếch nhác; các không gian công cộng, cây xanh - vườn hoa dần biến mất nhường chỗ cho nhu cầu ở, hay các hoạt động sinh kế. Đặc biệt, quá trình tiêu thụ năng lượng, thất thoát lãng phí năng lượng do sự yếu kém của cơ sở hạ tầng tại các khu vực là vấn đề không dễ giải quyết.

Các khu đô thị hiện hữu đã có quá trình phát triển và đóng góp một vai trò nhất định trong quá khứ. Đây là những thực thể hiện hữu rất dễ nhận diện các vấn đề tồn tại, nhưng sửa chữa các vấn đề ấy lại luôn là câu chuyện khó khăn, nhiều động chạm. Rõ ràng, về mặt kỹ thuật, giải pháp luôn được lựa chọn là: nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị, khôi phục các không gian công cộng, xây dựng lại các công trình xuống cấp nguy hiểm kết hợp bảo tồn các công trình có giá trị văn hóa - lịch sử.

Câu hỏi tồn tại mà thực tiễn hiện nay chưa có câu trả lời thỏa đáng: làm như thế nào? giải pháp nào để hài hòa được các lợi ích: nhà nước - người dân - nhà đầu tư? Để có một câu trả lời tối ưu là điều không thể, việc quy hoạch và thực thi quy hoạch đối với các khu vực đô thị cũ luôn cho nhiều đáp án với các giải pháp linh hoạt. Với tư duy và điều kiện hiện nay, có lẽ chưa thể thực hiện thành công dù ở một diện hẹp... gần 20 năm cho dự án cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Nguyễn Công Trứ, các công trình được bảo tồn, các chương trình nhằm bảo tồn và phát huy giá trị trong khu phố Cổ có quy mô rất nhỏ so với sự biến mất hàng ngày, hàng giờ của các di sản... Thực sự, nếu không

đổi mới cách làm quy hoạch: chỉ đề xuất các nội dung có tính kỹ thuật mà không đề cập đến các giải pháp thực thi, chỉ rõ và cần đổi được nguồn lực với sự tham gia của cộng đồng; chỉ nhìn thấy lợi ích từ việc kinh doanh nhà mà không hướng đến việc tạo lập các lợi ích chung thông qua việc thiết lập các cơ sở tạo nên công ăn việc làm, góp phần đổi mới hoạt động đô thị dựa trên các lợi thế về vị trí và giá trị của các khu đô thị cũ... thì việc thực thi sẽ vẫn không thể đem lại hiệu quả thực tiễn. Ở chiều ngược lại, thay đổi tư duy và cách làm sẽ là lời giải cho một bài toán khó - “xanh hóa” bền vững đô thị cũ.

Một câu hỏi chung, thay cho lời kết: Làm thế nào để thành công trong việc áp dụng “tăng trưởng xanh” trong quy hoạch xây dựng? “CHÍNH SÁCH ĐÚNG, QUẢN LÝ THÔNG MINH, KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ” - đó chính là câu trả lời chính xác nhất, chia khóa thành công của mọi vấn đề. Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, với 3 nhiệm vụ quan trọng. Các bộ, ngành trung ương đã từng bước ban hành các kế hoạch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực. Vấn đề ở đây vẫn là làm thế nào để có một chính sách cụ thể ở từng cấp độ, từng địa phương; các công cụ quản lý được thiết lập làm sao để chính sách thực sự đi vào cuộc sống, hình thức - biện pháp quản lý như thế nào để khoảng cách giữa vấn đề kỹ thuật, kế hoạch thực thi được chính xác nhất. Câu trả lời xin được nhường lại cho những nhà quản lý, hoạch định chính sách... Bài viết của một người không chuyên trong lĩnh vực “tăng trưởng xanh”, chỉ mạo muội đề cập ở góc độ làm công tác nghiên cứu quy hoạch xây dựng, với chất liệu từ thực tiễn phát triển của Thủ đô, hy vọng sẽ cho độc giả một vài chia sẻ, cũng là những câu trả lời cho những hy vọng về một Thủ đô “XANH - VĂN HIẾN - VĂN MINH VÀ HIỆN ĐẠI” trong tương lai.

* Phó trưởng phòng QKQĐ - Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội

** học viên lớp K3 thực sĩ biến đổi khí hậu - Đại học Quốc gia Hà Nội.



Các vấn đề và kiến nghị

Về thể chế trong quy hoạch và quản lý vườn hoa sân chơi khu dân cư tại khu vực nội thành Hà Nội



NGUYỄN THỊ HIẾN *

Giới thiệu

Việt Nam đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng cần đảm bảo sự bền vững. Năm 2008, Thành phố Hà Nội đã được mở rộng lãnh thổ để trở thành rộng hơn trước khoảng ba lần, đòi hỏi Thành phố phải sử dụng đất hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, bao gồm cả những người sống trong các quận nội đô lịch sử, nơi có mật độ dân số và mật độ xây dựng cao.

Vườn hoa/sân chơi khu dân cư là môi trường vật thể, và cũng là không gian xã hội, để mọi người đến thư giãn, tập thể dục và tương tác với nhau. Chúng có lợi thế trong việc thu hút mọi người đến thường xuyên hơn so với các công viên lớn, do nằm gần các nhà ở. Chúng đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của trẻ em và người già, những đối tượng thường gặp khó khăn khi phải đi lại quãng đường dài.

Vườn hoa/sân chơi khu dân cư tại Hà Nội đang rất thiếu. Trong khu vực nội thành, các công viên và vườn hoa chỉ chiếm 1,92% tổng diện tích đất. Suy ra từ các con số hiện trạng công viên/vườn hoa của Báo cáo thuyết minh cho Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch cây xanh Hà Nội) với diện tích bình quân 2,43m²/người cho dân số 1,8 triệu của năm 2030, thì diện tích công viên/vườn hoa trung bình cho dân số 2,1 triệu hiện nay trong các quận nội thành chỉ là 2,08m²/người. Đặc biệt, Quận Thanh Xuân được coi là không có công viên/vườn hoa. Mặt khác, theo nguồn số liệu của

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Chương trình phát triển đô thị tổng thể Thủ đô Hà Nội (HAIDEP) còn cho thấy diện tích công viên/vườn hoa bình quân chỉ là 0,9m²/người.

Vườn hoa/sân chơi khu dân cư không được quy hoạch, thiết kế, đầu tư và quản lý tốt. Diện tích đất công còn lại của Hà Nội đang phải đối mặt với: 1) cạnh tranh giữa việc sử dụng đất cho các tiện ích công và chính sách bán đấu giá các lô đất công cho tư nhân, và 2) cạnh tranh trong sử dụng đất giữa các tiện ích công với nhau. Thành phố đang thiếu thông tin hiện trạng đáng tin cậy về hệ thống vườn hoa/sân chơi khu dân cư và về đất công cho mục đích quy hoạch.

Khung chính sách cho quy hoạch và quản lý cây xanh/công viên đã hình thành rõ rệt. Đặc biệt, Thành phố đã có Quy hoạch cây xanh Hà Nội. Quy hoạch này có mục đích phát triển Hà Nội thành một thành phố xanh, sạch, giảm mức độ ô nhiễm và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Đối với khu vực nội thành, quy hoạch này có mục tiêu nhằm tạo ra các công viên đô thị đạt diện tích trung bình 3,92m²/người, và các vườn hoa ở cấp đơn vị ở đạt 1m²/người.

Các vấn đề

Các vấn đề về chính sách

Hiện tại, thành phố Hà Nội đã có một số chính sách liên quan tới việc phát triển công viên, sân chơi, sân thể thao. Tuy nhiên, có các kẽ hở, cạnh tranh và mâu thuẫn giữa các chính sách đó. Ví dụ, không có chính sách nào xác định rõ yêu cầu về diện tích đất và tiện ích tối thiểu dành cho sân chơi. Nhu cầu sử dụng đất của nhiều chính sách công tạo ra một cuộc cạnh tranh khốc liệt vì quỹ đất công vốn đã khan hiếm. Bên cạnh đó, nhu cầu về quỹ đất công dành cho các tiện ích công cộng mâu thuẫn với chính sách bán đấu giá các lô đất công còn lại cho các nhà đầu tư.

Có thể nói, Thành phố Hà Nội hiện chưa có những biện pháp chính sách phù hợp để đạt được các mục tiêu đặt ra cho việc phát triển công viên/sân chơi khu dân cư. Để đáp ứng mục tiêu về diện tích đất dành cho phát triển vườn hoa mới ở cấp đơn vị nhà ở, Quy hoạch Cây xanh Hà Nội đã đề xuất: 1) di dời các cơ sở công nghiệp, và 2) nâng cấp các khu nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Tuy nhiên nếu thành công, hai biện pháp trên cũng chỉ có thể mang lại vườn hoa/sân chơi khu dân cư cho những người sống gần những vườn hoa mới được xây dựng đó. Bên cạnh đó, việc triển khai hai đề xuất trên đã và đang phải đối mặt với các trở ngại về chi phí, tái định cư cũng như sự chậm trễ của các cơ quan phải di dời. Hơn thế nữa, Quy hoạch cây xanh Hà Nội cũng không phân bổ ngân sách dành cho việc phát triển các vườn hoa/sân chơi khu dân cư.

Thành phố Hà Nội đang thiếu một Chương trình Nâng cấp Đô thị toàn diện, trong đó một hệ thống công viên, vườn hoa được phân tầng là không thể tách rời. Thiếu nó, chính quyền cấp phường có thể không nhận thức được rằng một phần nào đó trên lãnh thổ phường mình có thể được quy hoạch làm diện tích cây xanh sử dụng không chỉ ở cấp phường, mà còn ở cấp quận hay cấp thành phố. Do đó, họ có thể muốn bán đấu giá các lô đất công còn lại nếu họ cho rằng nhu cầu sử dụng đất công cho các công trình công cộng ở cấp quản lý của họ đã được đáp ứng đủ, trong khi chính quyền thành phố không có đủ công cụ để giám sát quá trình này.

Các vấn đề về quy định luật pháp

Khung pháp lý về quy hoạch và quản lý đô thị đã hướng dẫn việc lập quy hoạch cây xanh đô thị. Tuy nhiên, hướng dẫn quy hoạch vườn hoa/sân chơi, hiện nay chưa đủ và thiếu thực tế. Luật Quy hoạch Đô thị, Luật Nhà ở và Luật Thủ đô đều không đề cập đầy đủ đến: 1) quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội, trong đó có vườn hoa/sân chơi, và 2) quy hoạch nâng cấp đô thị là loại quy hoạch cần thiết cho các quận nội thành Hà Nội, nơi các khu dân cư được hình thành và tồn tại qua nhiều thế hệ. Quy chuẩn quy hoạch đặt ra yêu cầu về diện tích bình quân cao một cách thiếu thực tế cho vườn hoa khu dân cư trong các khu ở cũ. Cụ thể là quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng, QCVN-01/2008, quy định 2m²/người ở cấp đơn vị ở, trong khi Quy hoạch cây xanh Hà Nội năm 2014 chỉ có thể đạt được 1m²/người, trong khi quy định cụ thể về diện tích và tiện ích tối thiểu cho sân chơi lại chưa có.

Thiếu sự nhất quán trong việc định nghĩa cây xanh sử dụng công cộng, vườn hoa, vườn dạo, sân chơi, sân thể thao... trong các văn bản quy phạm pháp luật (TCVN 362-2005 và QCVN 01-2008...), tạo ra cách hiểu khác nhau, dẫn đến thông tin không chính xác và không đồng bộ cho mục đích quy hoạch và quản lý.

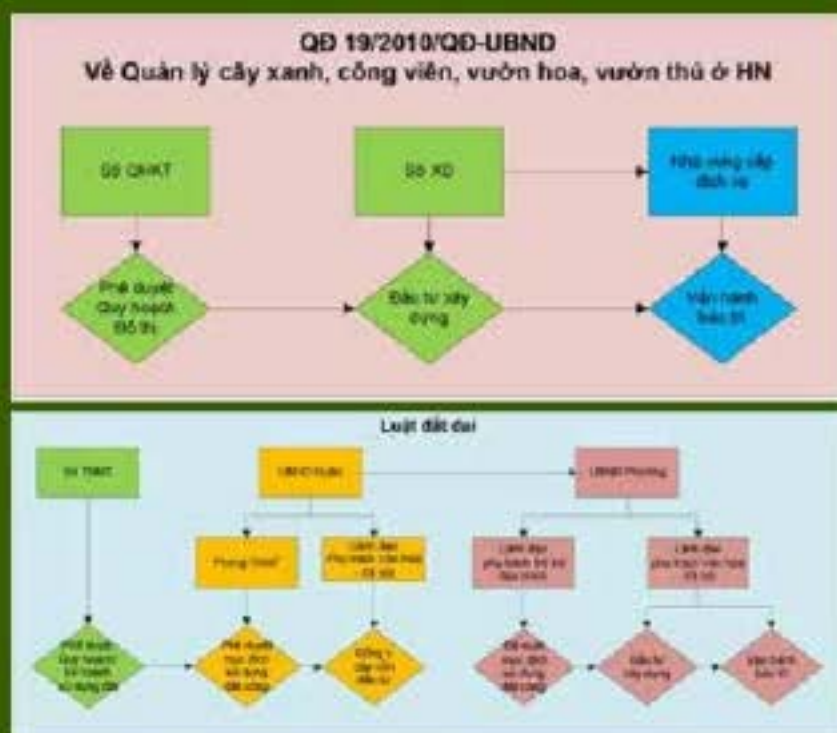
Quy định về quy trình tham gia của người dân trong quy hoạch đô thị còn thiếu hiệu quả. Thông tin không được công khai đầy đủ, giới hạn hẹp của các bên liên quan được mời đóng góp ý kiến, các bước lấy ý kiến thiếu hợp lý, và việc thiếu cơ chế phản hồi là những ví dụ về các trở ngại để người dân tham gia.

Công tác quản lý đất công còn thiếu hiệu quả. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất có tỉ lệ nhỏ (1:1.000 hay nhỏ hơn), trong đó những ngôi nhà, đường đi, cây xanh, vườn hoa/sân chơi... được thể hiện bằng cùng một màu sắc dưới hàng mục đất ở đô thị mà không có sự phân biệt, gây khó khăn cho việc cập nhật những thay đổi trong sử dụng đất. Cấp chính quyền cao hơn thường chỉ dựa trên các thông tin về sử dụng đất được cung cấp bởi các cấp thấp hơn cho việc ra quyết định, mà thiếu công cụ thích hợp để kiểm tra chéo. Đất công có thể được đấu giá bán cho tư nhân trong khi chưa đáp ứng đủ các nhu cầu công ích.

Các vấn đề trong bộ máy quản lý

Quy chế Quản lý cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa, vườn thú Hà Nội theo Quyết định số 19/2010 của UBND TP Hà Nội ngày 14/5/2010 chỉ quy định nhiệm vụ cho chính quyền thành phố và UBND các quận để quản lý các công viên, vườn hoa "nằm trong danh mục chính thức", trong khi bỏ qua chính quyền phường là cơ quan đang quản lý phần lớn các vườn hoa và sân chơi khu dân cư hiện hữu, theo cơ chế quản lý đất công, trong sự điều phối với chính quyền quận.





Có sự chống chéo nhiệm vụ giữa một số ban ngành của thành phố chịu trách nhiệm về quy hoạch có liên quan tới sử dụng đất (quy hoạch đô thị, xây dựng và quản lý đất đai) và các cấp chính quyền, trong khi sự phối hợp và hợp tác giữa các ngành còn yếu. Ngoài ra còn có sự không thống nhất về lãnh thổ giữa hai nhiệm vụ 1) quy hoạch đô thị và 2) thực hiện quy hoạch đô thị, trong đó lãnh thổ của nhiệm vụ đầu tiên thường được giới hạn bởi những con đường và có thể bao phủ nhiều hơn một lãnh thổ hành chính, trong khi đó nhiệm vụ thứ hai được thực hiện trong một địa giới hành chính.

Nhận thức của chính quyền về tầm quan trọng của vườn hoa/sân chơi khu dân cư còn thấp. Quy hoạch cây xanh Hà Nội dành ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển các công viên lớn, chứ không phải là vườn hoa cấp đơn vị ở. Chính quyền cấp phường cũng có những ưu tiên khác cao hơn so với việc đảm bảo có vườn hoa/sân chơi cho người dân. Một số chính quyền phường vẫn cho tư nhân thuê đất công cho các hoạt động thương mại trong khi nhu cầu về vườn hoa/sân chơi của người dân vẫn chưa được đáp ứng.

Thành phố chưa có một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin tích hợp dùng chung để thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin đa ngành một cách thống nhất, trong đó có các thông tin về quản lý đất công và vườn hoa/sân chơi. Thiếu một cơ quan như vậy, quy hoạch và quản lý cây xanh sẽ phải đối mặt với: 1) thiếu thông tin, 2) thông tin không đáng tin cậy, và 3) việc chia sẻ thông tin không hiệu quả.

Các vấn đề về sự tham gia của các bên liên quan

Người dân hiểu rõ giá trị của vườn hoa/sân chơi khu dân cư và mong muốn tham gia tạo lập và quản lý các không gian này. Họ biết rõ đất công đang được sử dụng như thế nào và làm thế nào để nó có thể được sử dụng theo cách tốt nhất. Tuy nhiên, họ không có đủ cơ hội để tham gia, đặc biệt là những người di cư có thu nhập thấp do họ ít được mời đi họp.

Các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức phi chính phủ và hiệp hội nghề nghiệp có ảnh hưởng hạn chế đến các quyết định chính sách về cây xanh công viên. Vấn đề này không nằm trong chức năng nhiệm vụ của một số tổ chức nói trên. Nhiều tổ chức phải đối mặt với sự non yếu trong công tác phối hợp, cũng như thiếu ngân sách hoạt động. Các tổ chức này được mời bình luận về các chính sách chỉ khi tài liệu chính

Minh họa: Phường Văn Chương có 3 sân chơi tổng số khoảng 700m² cho dân số khoảng 18,000 người. Lưu ý là khu vực hồ Linh Quang vẫn đang quỹ rào để đẩy nhiều năm rồi, cho nên chỉ có 2 đốm xanh nhỏ Nhà B1 và Nhà H là đang được sử dụng

sách đã được soạn thảo xong, chứ không phải trong giai đoạn thu thập thực tế, và một số người cho rằng quan điểm của họ không phải lúc nào cũng được chính quyền xem xét một cách nghiêm túc.

Các viện nghiên cứu của nhà nước đóng vai trò quan trọng trong để xuất các chính sách mới trong quy hoạch đô thị, trong khi chưa có viện nghiên cứu độc lập về vấn đề này. Các cơ sở đào tạo cung cấp kiến thức hạn chế về quy hoạch và quản lý cây xanh. Các phương tiện truyền thông tham gia thúc đẩy các không gian công cộng một cách chưa bền vững và thiếu hệ thống. Có ít các cơ quan quốc tế quan tâm đến vườn hoa/sân chơi khu dân cư. Các doanh nghiệp được coi là chỉ quan tâm đến lợi nhuận, nhưng họ cũng có thể tham gia đóng góp xã hội.

Kết luận và kiến nghị

Chính quyền trung ương

Chương trình Nâng cấp Đô thị Quốc gia đã được phê duyệt từ năm 2009 cần được xem xét lại, trong đó chú ý đảm bảo có đủ hạ tầng cơ sở xã hội thiết yếu cho các khu dân cư, bao gồm vườn hoa và sân chơi. Bộ Xây dựng cần chỉ đạo chính quyền các tỉnh, thành phố rà soát đánh giá hiện trạng các khu dân cư hiện hữu và lập Chương trình nâng cấp đô thị cho từng thành phố có nhu cầu nâng cấp.

Luật Quy hoạch Đô thị, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Thủ đô cần để cập thích đáng hơn về hạ tầng xã hội, trong đó bao gồm nội dung về vườn hoa/sân chơi khu dân cư. Cần một cơ chế tham gia của công dân hiệu quả hơn trong quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị, trong đó việc xác định mục đích sử dụng đất được tách ra thành bước đầu tiên để người dân tham gia đóng góp trước khi các bước tiếp theo về xây dựng nhiệm vụ quy hoạch và thiết kế quy hoạch được thực hiện.

Cống tác quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất trong lãnh thổ các đô thị cần được quy về một mối. Việc hướng dẫn quản lý nhà nước trong quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất trong lãnh thổ các đô thị cần được sáp nhập lại với nhau để trở thành trách nhiệm của Bộ Xây dựng, để tránh sự chống chéo trách nhiệm giữa Bộ Xây dựng và Bộ Tài Nguyên & Môi Trường.

Ý kiến Chuyên gia & Nhà quản lý

Các quy chuẩn/ tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch cần được tạo ra: 1) cho sân chơi ở cấp khu dân cư, trong đó quy định diện tích tối thiểu và danh sách các tiện ích tối thiểu; và 2) cho công tác nâng cấp đô thị, trong đó có bao gồm nội dung liên quan tới vườn hoa/sân chơi khu dân cư. Có thể cần một bộ quy chuẩn quy hoạch đặc biệt để áp dụng cho khu vực nội thành của Hà Nội, do tính chất đặc thù về vị trí chiến lược, cư dân, kiến trúc, lịch sử và văn hóa của nó.

Các thuật ngữ về cây xanh sử dụng công cộng nên được thống nhất hóa để đảm bảo các thông tin thu thập được là đồng bộ. Các thống số kỹ thuật cần được xây dựng nhằm tách riêng diện tích sân chơi, công viên/vườn hoa, cây xanh đường phố, sân thể thao... để sử dụng trong các bản đồ địa chính và trong kiểm kê hay lập số liệu thống kê về sử dụng đất công.

Các cấp chính quyền Thành phố Hà Nội

Một Chương trình Nâng cấp Đô thị cho Hà Nội trong khuôn khổ của Chương trình Nâng cấp Đô thị Quốc gia cần được xây dựng, trong đó mạng lưới các vườn hoa/sân chơi khu dân cư là một phần không thể tách rời. Quy hoạch Cây xanh Hà Nội cần được bổ sung nội dung liên quan đến vườn hoa, sân chơi ở cấp đơn vị ở.

Để tránh chồng chéo, chức năng lập quy hoạch sử dụng đất của Sở Tài Nguyên & Môi Trường và chức năng lập quy hoạch cây xanh của Sở Xây dựng nên được chuyển thành trách nhiệm chỉ của Sở Quy hoạch – Kiến trúc. Ngoài ra, cơ chế quản lý công viên đô thị cần được cải thiện, nhất là về sự phối hợp, hợp tác và báo cáo giữa các ngành và các cấp chính quyền.

Công tác quy hoạch và quản lý sử dụng đất cần được cải thiện để đảm bảo có đất công dành cho vườn hoa/sân chơi khu dân cư. Kết quả của việc kiểm kê đất công nên được công bố công khai cho người dân đóng góp ý kiến.

Một hệ thống quản lý thông tin dùng chung cho nhu cầu quy hoạch và quản lý đô thị cần được thành lập ở cấp thành phố để chứa các dữ liệu và thông tin đa ngành trong đó có cả về quy hoạch và quản lý cây xanh, công viên, vườn hoa và sân chơi. Hệ thống này nên được giao cho Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội quản lý. Thông tin có thể được cấp hoặc bán cho các bên liên quan như một dịch vụ công.

Trước mắt, Thành phố Hà Nội có thể thực hiện ngay các hành động sau:

- Kiểm kê, đánh giá hiện trạng và tình hình sử dụng các vườn hoa sân chơi hiện hữu trong các khu dân cư, tập hợp thông tin hiện trạng và quy hoạch sân chơi, công viên trên nền bản đồ - thể hiện chi tiết từng phường;
- Ngừng thực hiện chính sách hiện hành về đấu giá đất công trong khu vực nội thành cho đến khi thành phố đã giao đất đủ đất công cho các tiện ích xã hội ở tất cả các cấp phường, quận và thành phố. Các nhu cầu sử dụng đất công khác nhau nên được xem xét tổng hợp trong sự điều phối tốt;
- Trong khi quy hoạch chi tiết chưa được thực hiện, nên huy động đất công sử dụng chưa hiệu quả và dành bất kỳ khoảng đất công còn lại nào trong khu dân cư để làm vườn hoa và sân chơi cho người dân;

- Khẩn trương phục hồi, tôn tạo, nâng cấp các vườn hoa sân chơi hiện hữu trong các khu dân cư, đồng thời tăng cường công tác quản lý, dẹp bỏ những lấn chiếm, sai phạm, sử dụng sai mục đích các không gian này. Chính quyền cần thảo luận với cộng đồng về việc làm thế nào để chúng có thể được quản lý tốt hơn. Cán bộ phường phụ trách các vấn đề xã hội và văn hoá cũng cần tổ chức các hoạt động chơi cho trẻ em;
- Các nguồn lực khác nhau cần được huy động để xây dựng/cải thiện vườn hoa/sân chơi khu dân cư. Các phương tiện chơi có thể được tạo ra với chi phí thấp, bằng cách tận dụng những vật liệu đã qua sử dụng và công lao động tình nguyện.

Các bên liên quan khác

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cần làm việc nhiều hơn với cộng đồng để hiểu về nhu cầu của họ và dẫn dắt việc đối thoại với chính quyền nhằm giữ gìn đất công và huy động các nguồn lực để xây dựng, cải thiện, duy trì vườn hoa/sân chơi khu dân cư.

Các chuyên gia và các hội nghề nghiệp cần nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của vườn hoa/sân chơi khu dân cư trong quy hoạch đô thị. Họ cũng cần cải thiện công tác điều phối nhằm đóng góp hiệu quả hơn cho chính sách. Các chương trình đào tạo về quy hoạch đô thị nên đề cập đến quy hoạch vườn hoa/sân chơi trong đơn vị ở, và đào tạo cho các nhà quy hoạch đô thị và kiến trúc sư tương lai hướng nhiều hơn tới người sử dụng.

Các tổ chức phi chính phủ có thể thực hiện các chiến dịch vận động nhằm: 1) nâng cao nhận thức về vườn hoa/sân chơi khu dân cư, 2) đánh giá về hiện trạng của các không gian này, ví dụ như một nghiên cứu sâu hơn về các vườn hoa/sân chơi khu dân cư trong các khu nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước, 3) kiến nghị có thể làm gì để cải thiện tình hình, và 4) cung cấp cho các bên liên quan khác nhau các kinh nghiệm tốt có thể áp dụng. Ví dụ, các tổ chức phi chính phủ có thể tiến hành một dự án thi điểm kiểm kê đất công ở cấp phường có sự tham gia của người dân, nhằm cung cấp một mô hình mới về quản lý đất minh bạch cho các nhà hoạch định chính sách xem xét.

Các phương tiện truyền thông đại chúng cần giúp nâng cao nhận thức về vườn hoa/sân chơi khu dân cư, và có các dẫn chứng chắc chắn khi định hướng dư luận gây ảnh hưởng đến các chính sách trong tương lai.

Khu vực tư nhân có thể cung cấp nguyên vật liệu đã sử dụng để làm sân chơi, và cũng có thể trực tiếp đầu tư cho không gian công cộng và hưởng lợi gián tiếp từ việc quảng cáo tên tuổi. Họ cần được thông tin tốt hơn về vấn đề này.

* Chuyên gia độc lập

Nghiên cứu viên chính trong dự án nghiên cứu

"Quản trị đô thị trong bảo vệ, quản lý và phát triển

vườn hoa/sân chơi khu dân cư trong các quận nội thành Hà Nội" –

HealthBridge và Quy' Châu Á thực hiện



Cây xanh, mặt nước VÀ TINH THẦN CỦA ĐÔ THỊ

KTS. VŨ HIỆP

Đại học Giao thông vận tải

*Mùa thu, khi hoa sữa tan ven mặt hồ,
Khi tôi đã biết yêu lần đầu,
Tôi đã nói yêu em trọn đời.*

(Mối tình đầu – Thế Duy)

Trees, waterfront and the spirit of city Trees and waterfront are not only improving the microclimate, but also the way, that people love their city more and more. They contribute to create the spiritual values and the identity of the city. This paper declares that urban green growth is not just a technical and environmental solutions, but also makes the deep humanistic values.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng rằng nhiều năm trước ta thổ lộ tình yêu đầu đời dưới một tán cây cổ thụ bên bờ hồ có mùi hoa sữa thơm ngát, mà giờ đây cái hồ bị lấp đi một phần, cái cây làm chứng cho tình yêu của ta không còn ở đó nữa, chỉ còn lại một gốc cây bị chặt sát đất. Chắc hẳn ta phải cảm thấy trống rỗng và buồn chán lắm. Nếu như chúng ta nghĩ rằng cây xanh và mặt nước chỉ đơn thuần có tác dụng điều hòa không khí và cải thiện vi khí hậu cho đô thị thì đó quả thực là thiếu sót. Hơn thế, chúng còn là một phương cách giúp con người thêm yêu mến và gắn bó với đô thị, chúng góp phần tạo nên các giá trị tinh thần và bản sắc của đô thị. Tăng trưởng xanh cho đô thị không chỉ là giải pháp kỹ thuật hay môi trường, mà còn mang trong mình những giá trị nhân văn sâu lắng, vô hình, để khi mất nó ta mới nhận ra một cách rõ rệt.

Cảm nhận tinh thần nơi chốn của đô thị

Nói về cái tâm hồn, cái tinh thần của đô thị thì chúng ta không thể không nhắc tới lý thuyết nơi chốn (hoặc địa điểm – place), một lý thuyết thiết kế đô thị hấp dẫn và đang được áp dụng phổ biến hiện nay trên thế giới. Nó chú trọng vào cái tinh thần của đô thị nói chung và các địa điểm trong đô thị nói riêng. Thậm chí theo Nøberg-Schulz, nói đến nơi chốn tức là nói đến tinh thần của nó. Tinh thần là yếu tố quyết định các giá trị của đô thị (tất nhiên chúng ta vẫn phải quan



Thiết kế đô thị

Theo Yi-Fu Tuan, chìa khóa để hiểu được ý nghĩa của một địa điểm hay cả một đô thị chính là cảm xúc và tinh thần mà con người thấy được từ địa điểm đó hơn là vị trí và chức năng của nó. Người ta gọi đó là các khái niệm kiểu như tinh thần nơi chốn, tâm hồn nơi chốn, ý thức nơi chốn, cảm giác nơi chốn (genius loci, spirit of place, sense of place); nôm na là cái khí chất vô hình của nơi chốn.

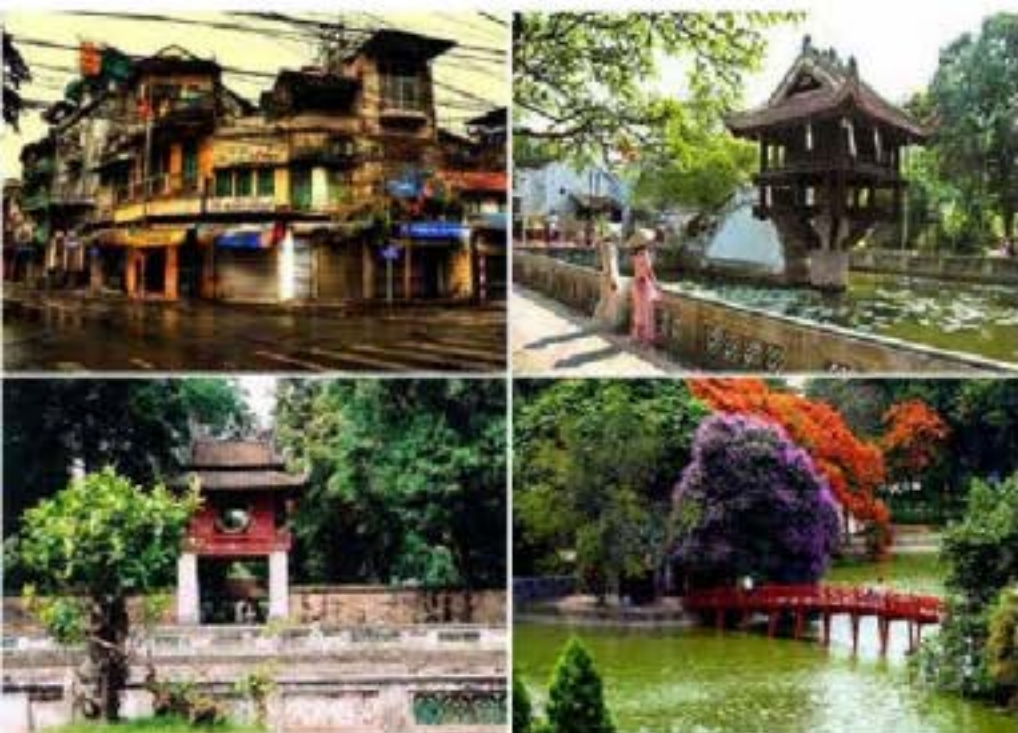
Con người cảm nhận thấy tinh thần nơi chốn thông qua các giác quan (thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác, khứu giác). Theo Kevin Lynch, thị giác là yếu tố quan trọng nhất để cảm nhận cái hồn của nơi chốn đô thị, bởi đô thị được xác định và ghi nhớ chủ yếu thông qua các hình ảnh. Tuy vậy, để có chiều sâu cảm xúc hơn về nơi chốn, con người phải cảm nhận đô thị đồng thời bởi tất cả các giác quan. Trong khi mắt bạn ngắm những cảnh đẹp phố phường hay nhìn những con người đa dạng xung quanh, thì tay bạn chạm vào hàng rào sắt lạnh và han gỉ để nhớ về tuổi thơ trèo rào nghịch ngợm, tai bạn lắng nghe tiếng xe cộ ồn ào hối hả của nhịp sống hiện đại, mũi bạn thưởng thức mùi thơm của hoa sữa mùa thu hay hương sen mùa hè, còn lưỡi bạn đang nhắm nhily cả phở để tận hưởng sự thư thái của riêng mình giữa dòng chảy không ngừng nghỉ của đô thị.

Một điều còn thiếu sót trong thiết kế đô thị hiện nay là người ta chưa chú trọng nhiều tới việc đánh thức cảm xúc của người dân bằng các giác quan khác ngoài thị giác. Những bản đồ về âm thanh và mùi vị cần được xây dựng, những quy định về chất cảm bề mặt các công trình kiến trúc cũng như hệ phố cần được nghiên cứu kỹ hơn, vị trí và số lượng của các quán cà phê hay quán ăn ở những địa điểm công cộng quan trọng cần được tính toán cụ thể hơn...

Ngoài năm giác quan trên, con người còn có giác quan thứ sáu, gọi là linh cảm (hoặc ngoại cảm hay con mắt thứ ba), để giao cảm với tâm hồn của nơi chốn. Có một số ít người có năng lực đặc biệt này thường xuyên, mà trong lĩnh vực địa lý và kiến trúc truyền thống được gọi là những thầy phong thủy (thầy địa lý, pháp sư). Họ có thể cảm thấy dòng khí của một địa điểm hay cả một đô thị, có thể biết nó tốt hay xấu và sự thay đổi của nó trong hàng chục, hàng trăm năm sau. Đó là kết quả của một năng lực trời cho (cũng như năng khiếu âm nhạc, hội họa hay thơ văn) cộng với sự chỉ bảo của những bậc thầy cao thủ và sự khổ luyện của bản thân.

Phần lớn chúng ta không có linh cảm một cách thường xuyên về tinh thần nơi chốn nhưng chúng ta đều có thể cảm nhận thấy nó trong một khoảnh khắc bất chợt nào đó. Sẽ không có gì ngạc nhiên nếu bạn đến một thành phố lạ nhưng bạn lại cảm thấy rất quen thuộc, và đột nhiên bạn muốn gắn bó cả phần đời còn lại của bạn với nó, giống như lần đầu tiên bạn gặp một ai đó và bạn cảm thấy đó là người bạn đời của mình. Hoặc bạn đi tìm mua nhà đất cả tháng trời mà vẫn chưa chọn được một miếng đất ưng ý hay một căn hộ phù hợp, nhưng có thể rất nhanh bạn ra quyết định mua ngay khi đặt chân lên một mảnh đất nếu bạn cảm thấy nó là của mình và mình thuộc về nơi này. Đó là những lúc linh cảm về nơi chốn của bạn xuất hiện.

Ngoài ra, có những người không chỉ cảm nhận thấy tâm hồn của nơi chốn mà còn biến chúng thành các tác phẩm nghệ thuật. Đó là những họa sĩ, nhạc sĩ, nhà thơ, kiến trúc sư có những tác phẩm thăng hoa



tâm tới các yếu tố khác như vị trí, chức năng, kinh tế, kỹ thuật, quản lý...). Việc xây dựng thương hiệu, bản sắc đô thị hay tạo dựng đô thị đáng sống đều không thể bỏ qua yếu tố tinh thần nơi chốn của đô thị. Tinh thần của đô thị được cảm nhận bởi tất cả các giác quan của con người từ các yếu tố vật chất (công trình kiến trúc, cảnh quan tự nhiên và nhân tạo) và phi vật chất (huyền tích, lịch sử, văn hóa, lối sống).

được sáng tác trong những khoảnh khắc họ hòa mình với cái hồn của nơi chốn, ví dụ như Bùi Xuân Phái với phố cổ Hà Nội, Phú Quang với những bài hát về Hà Nội, Hàn Mặc Tử với những bài thơ về Huế... hoặc những cảnh đời Paris trong tiểu thuyết của Victor Hugo, những cảnh đẹp của Saint Petersburg trong thơ Pushkin... Đối với các kiến trúc sư, các nhà đô thị, và cả những người dân, việc kiến tạo các địa điểm đô thị cũng cần phải được nhìn nhận như là việc sáng tác nghệ thuật. Bởi có như vậy thì chúng ta mới có thể tạo ra cái hồn của nơi chốn, để mỗi người thêm yêu mến và mong muốn khám phá môi trường sống xung quanh mình.

Khí chất thiên nhiên của đô thị

Thuật phong thủy là một trong những cách cảm nhận và tạo dựng khí chất, tinh thần nơi chốn của người Á Đông. Phong thủy thể hiện sự gắn bó rất chặt chẽ giữa con người với môi trường sống tự nhiên xung quanh, là đối núi, sông hồ, cây xanh. Đó cũng là cách giao cảm tinh thần giữa con người với thiên nhiên và đô thị. Ví dụ, thuật phong thủy cho rằng một cuộc đất đẹp (với ý nghĩa bền vững, tốt tươi, phát triển) là phải hài hòa âm dương, bốn mặt xung quanh cao hẳn lên (phía sau là chủ sơn Huyền Vũ, hai bên là Thanh Long và Bạch Hổ, đằng trước là tiến án Chu Tước), có dòng nước uốn lượn vào (gọi là minh đường), tụ khí lại ở giữa. Nếu khí của trời đất tụ hội được thì con người có thể

tụ hợp lại và cư trú, hình thành các điểm dân cư, thậm chí hình thành nên cả một đô thị.

Huế là một đô thị được lựa chọn trên cơ sở về cuộc đất kiểu như vậy. Núi Ngự Bình có đỉnh bằng phẳng, dáng đẹp, toạ lạc giữa vùng đồng bằng là tiến án che chắn trước kinh thành. Hai bên là cồn Hến và cồn Dã Viên ở vào thế tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ. Minh đường thủy tụ là khúc sông Hương rộng nằm dài giữa hai cồn cong như một cánh cung mang lại sinh khí cho đô thành. Vua Gia Long chọn Huế làm kinh đô có lẽ vì ông đã cảm nhận thấy cái khí tốt tươi của một cuộc đất đế vương.

Qua ví dụ trên chúng ta có thể thấy rằng, truyền thống lựa chọn đất xây dựng đô thị của Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn từ quan niệm về khí chất của thiên nhiên, của địa thế núi sông. Chẳng thế mà tục ngữ có câu "đất lành chim đậu". Còn nhà đô thị học nổi tiếng Kevin Lynch cho rằng những đặc điểm tự nhiên của đô thị tạo ra bản sắc, tinh liên kết, tinh dễ tiếp cận của hình thái đô thị, đồng thời giúp con người dễ cảm nhận thấy tinh thần và ý thức của nơi chốn.

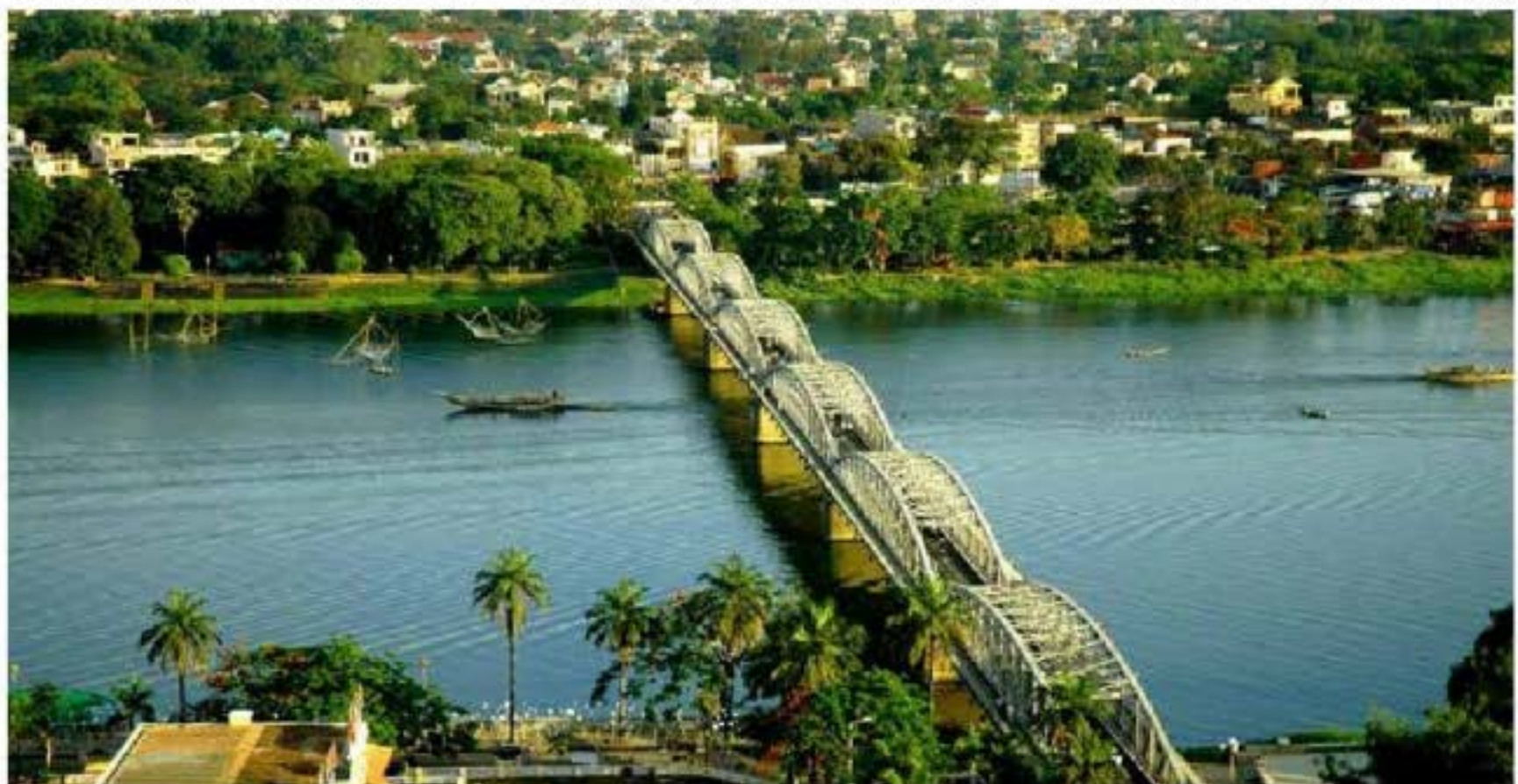
Cây xanh với tinh thần đô thị

Ở Việt Nam, cây xanh được trồng chủ yếu trên các tuyến phố (khác với đô thị truyền thống phương Tây chủ yếu là cây xanh tập trung trong công viên, vườn hoa). Vì vậy,

hầu hết các hoạt động của con người trên hệ phố đều gắn với cây xanh. Người ta bán trà đá, ghi lô đề, bán hàng rong dưới tán cây; người ta hẹn hò, ăn uống, dạo chơi dưới tán cây; người ta chụp ảnh, vẽ tranh, chơi đàn dưới tán cây. Rất nhiều các kỷ niệm, các sự kiện trong đời người gắn với cây.

Bên cạnh đó, từ trong vô thức, người Việt Nam hiện đại vẫn còn mang trong mình niềm tin tin ngưỡng về cây cối. Thực ra, tin ngưỡng thờ cây có ở hầu hết các dân tộc trên thế giới như người Ai Cập cổ thờ cây cọ, người La Mã cổ thờ cây linh sam, người Celtes cổ thờ cây sồi... Tuy nhiên, việc trân trọng và thờ cúng cây trong đô thị hiện đại như ở Việt Nam có lẽ là hiếm gặp trên thế giới.

Trong khắp các đô thị nước ta, không khó để bắt gặp những bát hương được đặt trên thân cây cổ thụ như cây đa, đề, gạo, si... (chả thế mà tục ngữ có câu: "thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề"). Vào thế kỷ 18, một người Anh tên là Barrow đã đến Đà Nẵng và nhận xét về tục thờ cây của cư dân nơi đây rằng: "Thực vậy, cây cối đã là một loại đền miếu đầu tiên được dành cho các thần linh". Ngày nay ở Đà Nẵng vẫn còn khá nhiều ngôi miếu liên quan đến tin ngưỡng thờ cây hoặc những cây cổ thụ nằm riêng lẻ được người dân thờ cúng như: Miếu Cây Đa ở tổ 15 phường Hòa Quý, miếu Bồ Đề ở Hòa Hải, miếu Ông Gốc ở làng Nam Ô... Những



Thiết kế đô thị

địa điểm cây cổ thụ như vậy đã và đang góp phần tạo ra khí chất linh thiêng cho đô thị, cũng như tạo cảm giác gắn gũi, hòa nhập với tinh thần của người dân.

Cây xanh còn góp phần tạo bản sắc cho các đô thị Việt Nam, ví dụ Hải Phòng được nhớ đến là Thành phố Hoa phượng đỏ, Hà Nội nổi tiếng với cây hoa sữa. Trên thế giới, không ít những thành phố nổi tiếng ghi dấu ấn bởi hệ thống rừng và cây xanh tập trung lớn như London, Moscow. Chúng ta hãy nhớ lại bài hát “Chiều ngoại ô Mát-xcơ-va”, đã được dịch sang tiếng Việt, để thấy vai trò của các rừng cây đối với cảm xúc, tâm hồn thành phố Mát-xcơ-va:

*Chiều thanh vắng là đây âm thầm gió ri rào,
Rừng cây chim buồng lắng suốt canh thâu
Ôi em thấu chăng tình trong lòng bao triu mến,
Mát-xcơ-va bên chiều vắng thanh bình.*

Mặt nước với tinh thần đô thị

Mặt nước cũng là một đặc trưng của nhiều đô thị trên thế giới. Các đô thị ven biển thì đã rõ ràng. Hoặc là các đô thị có hệ thống sông ngòi dày đặc như Venice, Bangkok, Amsterdam, Saint Petersburg. Ngoài ra, không ít các đô thị nước ta được ghi dấu ấn bởi hệ thống các hồ nước, đặc biệt là Hà Nội với các hồ nổi tiếng như hồ Gươm, hồ Tây, hồ Thiền Quang, hồ Bảy Mẫu. Theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam, nước là nơi dẫn truyền và tụ hội khí của vũ trụ, nước cùng với địa hình tạo ra các thế đất phong thủy, sông hồ cũng là những nơi linh thiêng, chẳng thế mà tục ngữ có câu “đất có thổ công, sông có hà bá”. Còn nhà thơ – nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi đã viết về 3 nơi linh thiêng nhất của Hà Nội thì đều là mặt nước:

*Đây Hồ Gươm, Hóng Hà, Hồ Tây.
Đây lắng hồn núi sông ngàn năm.*

Giữa một đô thị ồn ào với các cao ốc và đại lộ được xây dựng theo lý trí của con người, thì một dòng chảy cuốn cuộn của sóng sông hay một vẻ tĩnh lặng của mặt hồ sẽ giúp con người tìm lại các cảm xúc chân thật tự nhiên. Lý trí và cảm xúc, nhân tạo và tự nhiên, công trình và mặt nước... chúng phải bổ trợ cho nhau, cùng nhau tạo dựng nên những đô thị đáng sống cho người dân.

Bài học từ Hà Nội

Sự việc chặt hạ thay thế cây cổ thụ của chính quyền thành phố Hà Nội cũng như phản ứng gay gắt của người dân trước chính sách đó cho chúng ta thấy rằng: thứ nhất, cây xanh từ lâu đã đi vào lòng người Hà Nội, là bản sắc của Hà Nội; thứ hai, quan niệm về giá trị của cây xanh của các nhà quản lý vẫn chỉ đơn thuần là tạo bóng mát chứ chưa quan tâm tới giá trị tinh thần của nó; thứ ba, kiến thức về tinh thần nơi chốn của chúng ta vẫn còn rất hạn chế nên đã tạo ra những chính sách chưa phù hợp, thiếu tính nhân văn.

Nói chung, mặt nước và cây xanh là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên tinh thần nơi chốn, khơi dậy những cảm xúc của con người, gắn kết đô thị với người dân, dù họ đang sống trong đô thị hay đang sống ở một nơi xa, như nhạc sĩ Phú Quang khi xa Hà Nội đã viết rằng:

*Hà Nội ơi, mỗi khi lòng xác xơ,
Tôi vội vã trở về,
Để nghe tim rưng rưng trong nước hồ thu.*

Tài liệu tham khảo:

1. Banerjee, Tridib and Loukaitou-Siders, Anastasia (eds.) (2011). *Companion to urban design*. Routledge
2. Norberg-Schulz, Christian (1980). *Genius loci, toward a phenomenology of architecture*. Rizzoli, New York
3. Tuan, Yi-Fu (2001 (1977)). *Space and place: the perspective of experience*. University of Minnesota Press
4. Vũ Hiệp (2014). *Kiến tạo địa điểm cây xanh ở Hà Nội*. Tạp chí Kiến trúc, số 8- 2014
5. Vũ Hiệp (2015). *Tổng quan về lý thuyết nơi chốn trong thiết kế đô thị*. Tạp chí Kiến trúc, số 1- 2015.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH VĨNH PHÚC



I. Vị trí và chức năng của Sở:

Sở Tư pháp là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; pháp chế; công chứng, chứng thực; nuôi con nuôi; trọng tài thương mại; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp; đăng ký giao dịch bảo đảm; thừa phát lại; hòa giải cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; bán đấu giá tài sản; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

II. Những kết quả mà Sở Tư pháp Vĩnh Phúc đã đạt được - Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới:

■ Tình hình công tác tư pháp năm 2014

Được sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, HĐND, sự chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, sự phối hợp nhịp nhàng của các sở, ban, ngành và trên cơ sở bám sát Chương trình công tác tư pháp năm 2014 nên các mặt công tác của ngành đạt hiệu quả cao (trong đó có cả nhiệm vụ thường xuyên và công việc đột xuất Bộ Tư pháp và UBND tỉnh giao), phục vụ tốt yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của địa phương, cụ thể:





Công tác triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Công tác xây dựng và thẩm định văn bản QPPL có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng cao; công tác kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành thường xuyên và kịp thời; công tác hành chính tư pháp đã đi vào nề nếp, giải quyết một khối lượng lớn yêu cầu của người dân trong lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch, lý lịch tư pháp; công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội tham gia các dịch vụ công trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp ngày càng tăng; công tác PBGDPL triển khai có trọng tâm, trọng điểm, có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức, đã có mở rộng về đối tượng tuyên truyền; Công tác kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện kịp thời, kiểm soát tốt chất lượng thủ tục hành chính để nghị công bố của các sở, ban, ngành; công tác trợ giúp pháp lý đã có nhiều đổi mới cả về phương pháp và cách thức thực hiện, chất lượng trợ giúp pháp lý được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức về pháp luật của người dân, giảm thiểu những khiếu kiện, tranh chấp kéo dài, vượt cấp; Công tác thanh tra đã phát huy được hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế quản lý thích hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước; công tác văn phòng hoạt động chất lượng, hiệu quả trên các mặt phát huy hiệu quả tích cực trong thực tiễn.

Những kết quả nêu trên đã góp phần thiết thực vào những thành tựu chung của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh. Nhờ đó, vai trò của công tác tư pháp trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ngày càng được khẳng định; vị trí của ngành tư pháp ngày càng được củng cố, tăng cường; ngành được tin tưởng giao thêm nhiều nhiệm vụ mới. Có được những thành công nêu trên trước hết là Ngành tư pháp tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối kết



hợp của các ngành, các cấp; sự chỉ đạo, đôn đốc thực hiện kế hoạch công tác ngành được thực hiện bản bản, khoa học hơn, bám sát trọng tâm, trọng điểm và có giải pháp thực hiện phù hợp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tư pháp vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Việc triển khai công tác của các cơ quan tư pháp từ tỉnh đến cơ sở còn chưa đồng bộ; quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực như hộ tịch, chứng thực còn chậm được đổi mới; việc thực hiện chính sách xã hội hóa công tác giám định tư pháp, thiếu tính bền vững; thủ tục hành chính trong nhiều lĩnh vực vẫn còn rườm rà, chi phí tuân thủ lớn, việc thực thi chưa nghiêm; việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính còn lúng túng, có phần bị động; chất lượng nguồn nhân lực và các nguồn lực khác phục vụ công tác tư pháp còn hạn chế.

■ Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của công tác tư pháp năm 2015.

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quan trọng; là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc làm thứ XII và cũng là năm có nhiều sự kiện quan trọng của đất nước, của ngành Tư pháp.

Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, cùng với Chương trình hành động của UBND tỉnh tiếp tục đặt ra nhiều nhiệm vụ quan trọng, nặng nề cho ngành tư pháp. Trong bối cảnh đó, ngành Tư pháp Vĩnh Phúc xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để triển khai đồng bộ các mặt công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.



Những công viên đô thị ĐẸP NHẤT THẾ GIỚI



THỰC ANH |

Đối với cư dân đô thị, việc tìm kiếm một khoảng không gian yên bình để hít thở không khí trong lành thật không dễ dàng. Tuy nhiên, trên thế giới, có một số thành phố đã may mắn khi sở hữu được không gian xanh trong các công viên, những khu vườn, những con đường mòn, vườn thú hay đài quan sát... Dưới đây là hình ảnh của những không gian xanh như thế.

Central Park - New York - Mỹ

Công viên Trung tâm New York là một trong những công viên đẹp nhất thế giới bao quanh hoàn toàn là những cao ốc chọc trời. Nó trải dài trên 770 mẫu Anh, sau đó được mở rộng đến 843 mẫu vào năm 1857 khi diễn ra cuộc thi thiết kế cảnh quan. Trong số những cải tiến về thiết kế, công viên được xây dựng thêm các tuyến đường dành cho đua ngựa, đường cho người đi bộ và xích lô cùng các con đường dưới mặt đất, biến nó trở thành ốc đảo xanh tuyệt đẹp trong lòng đô thị.



Quy hoạch & Kiến trúc thế giới



Griffith Park - Los Angeles - Mỹ

Công viên Griffith đẹp bởi vẻ xù xì không theo quy chuẩn của nó. Rộng 4.310 mẫu Anh, nơi đây còn có đài quan sát được đặt trên núi Hollywood. Nó được sử dụng làm bối cảnh cho nhiều bộ phim nổi tiếng. Rất tiếc là công viên đã bị phá hủy nặng trong một trận cháy vào năm 2007, thiếu hụt 817 mẫu Anh, nơi trú ngụ của loài chim và nhiều loài khác

Butchart Gardens - British Columbia - Canada

Những khu vườn xinh đẹp nơi đây được coi là một trong những khu vườn đẹp nhất thế giới. Năm 1909, Butchart đã bắt tay vào việc tu sửa một mỏ đá cạn kiệt và chào đón bạn bè, du khách đến tham quan. Hiện nay, khu vườn thu hút khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới đến với thành phố Victoria - bang British Columbia. Năm 2004, khu vườn chính thức trở thành di tích lịch sử quốc gia



Roundhay Park - Leeds - Anh

Công viên Roundhay được coi là kho báu của thành phố Leeds. Đến đây, bạn sẽ có cảm giác bước vào một thế giới khác hẳn với vẻ nhộn nhịp chốn thị thành. Trải rộng trên 700 mẫu, Roundhay là một trong những công viên đô thị lớn nhất châu Âu. Có 3 khu vườn chính trong Roundhay là Canal, Monet và Ahhambra





Park Guell – Barcelona – Tây Ban Nha

Được thiết kế bởi kiến trúc sư nổi tiếng xứ Catalan Antoni Gaudi vào những năm đầu thế kỷ 20, không gian cảnh quan đô thị này sau đó được chuyển đổi từ việc phát triển nhà ở thành một khu vườn. Một trong những điểm nhấn của công viên Guell là sân thượng chính, nó là một chiếc ghế mô phỏng theo hình con rắn. Những hoa văn, thơ ca xứ Catalan cũng được sử dụng trong thiết kế công viên. Công viên Guell đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới

Keukenhof – Lisse – Hà Lan

Nơi đây là thiên đường dành cho những người yêu thích hoa. Những bóng hoa rực rỡ tạo thành cả dòng sông hoa đủ sắc màu. Keukenhof còn được gọi là "Vườn châu Âu", với khoảng 7 triệu cây hoa được trồng mới mỗi năm, đây chính là vườn hoa lớn nhất thế giới



Wiener Prater – Vienna – Áo

Wiener Prater tự hào với Hauptallee - một trong những đại lộ ấn tượng nhất thế giới, nơi có những hàng cây hạt để ngựa tươi tốt



Quy hoạch & Kiến trúc thế giới

Silesian Zoological Garden - Katowice and Chorzów - Ba Lan

Không chỉ là khu vườn động vật học lớn của Ba Lan - ngôi nhà của 2.500 loài động vật, không gian xanh, đô thị này còn độc đáo bởi đây là thung lũng khủng long tuyệt đẹp. Vườn động vật được thành lập vào năm 1954 trên diện tích 47,6ha



Fort Canning Park - Singapore

Nằm trên một ngọn đồi cao 60m giữa trung tâm buôn bán của thành phố Singapore sầm uất là một công viên xanh giàu giá trị lịch sử bởi nó đã được Chính phủ và quân đội sử dụng. Hiện nay, Fort Canning vẫn là công viên tuyệt đẹp từ giá trị lịch sử cho đến những thảm thực vật. Trong số các điểm tham quan của Fort Canning có thể kể đến khu vườn Spice, các cổng Gothic, các khu nghỉ chân Master of the Nets Garden (Mạng lưới vườn chủ đạo) - Tô Châu - Trung Quốc



Master of the Nets Garden (Mạng lưới vườn chủ đạo) - Tô Châu - Trung Quốc

Master of the Nets là một khu vườn yên tĩnh và thanh bình giữ thành phố Tô Châu nhộn nhịp, nó đã được UNESCO phong tặng danh hiệu Di sản thế giới. Những khu vườn xinh đẹp bao quanh là hồ Máy Hống, chỉ nghe tên thôi đã đủ gợi nên vẻ yên bình cho những người quá bận rộn



TĂNG TRƯỞNG XANH & QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TẠI ĐAN MẠCH



THANH BÍCH (biên dịch)

Tăng trưởng xanh là một ý tưởng chính sách đưa ra cách tiếp cận giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách bổ sung chất lượng môi trường vào các quá trình kinh tế, tạo ra nhiều việc làm với lượng phát thải thấp. Ý tưởng tập trung vào những cơ hội phát triển mà một nền kinh tế xanh hơn tạo ra là cách huy động các đầu tư xanh với hy vọng chúng sẽ mở đường cho phục hồi kinh tế và môi trường. Sự cần thiết chuyển dịch hướng tới tăng trưởng xanh đã được công nhận là chìa khóa để mở ra quá trình phát triển bền vững.

Tăng trưởng xanh được các tổ chức trên thế giới như Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Ngân hàng thế giới và UNEP. OECD định nghĩa: "Tăng trưởng xanh có nghĩa là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khi vẫn đảm bảo các tài sản tự nhiên vẫn tiếp tục cung cấp tài nguyên và các dịch vụ môi trường mà chúng ta vẫn đang dựa vào. Để làm được điều này phải tạo ra chất xúc tác cho đầu tư và đổi mới làm cơ sở cho tăng trưởng được duy trì và tạo ra nhiều cơ hội kinh tế mới".

Đây là triển vọng mà các quốc gia Tây Bắc Âu đang hướng tới trong các chính sách tăng trưởng xanh của mình. Tăng trưởng xanh không thay thế cho phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh là một ý tưởng mang tính tiêu chuẩn nằm trong khái niệm bền vững - trong phạm vi hẹp hơn và nhấn mạnh tầm quan trọng của một chương trình chính sách nhà nước xanh tổng thể tạo động lực cho tăng trưởng thông qua đầu tư và phát triển công nghệ sạch.

Nhấn chuyển để "Quy hoạch xây dựng đô thị hướng tới tăng trưởng xanh". Tap chí xin giới thiệu đến bạn đọc các chính sách tăng trưởng xanh tại Đan Mạch.



Đan Mạch có một chương trình nghị sự chính sách quốc gia gồm hai phần về tăng trưởng xanh; một phần tập trung vào các chính sách tăng trưởng theo ngành của quốc gia đối với các lĩnh vực cụ thể như sử dụng năng lượng hiệu quả và công nghệ sạch và một phần vào chính sách sử dụng không gian nhằm thúc đẩy các vùng thành phố như là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong một thị trường cạnh tranh toàn cầu (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2013).

Các chính sách ngành của quốc gia bao gồm một khung các kế hoạch tăng trưởng xác định những biện pháp chính sách có liên quan đến việc thúc đẩy một “quá trình chuyển đổi xanh” sang một hệ thống không sử dụng năng lượng hóa thạch. Theo đó, các khoản đầu tư hướng tới các ngành năng lượng và công nghệ sạch. Ngoài các kế hoạch và chỉ thị tăng trưởng quốc gia, Chính phủ Đan Mạch đã giao cho các vùng phải chịu trách nhiệm về tăng trưởng vùng và chiến lược phát triển để hỗ trợ phát triển kinh doanh và tăng trưởng bền vững trong các vùng của Đan Mạch.

Chiến lược và chương trình	Các cơ quan lập chính sách	Các lĩnh vực cần tập trung
Đan Mạch thoát khỏi khủng hoảng - Thương mại tăng trưởng trong năm 2014	Chính phủ Đan Mạch	Chiến lược quốc gia chính để thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm 5 quy hoạch tăng trưởng ngành
Đan Mạch đang tiến hành: Lập quy hoạch phát triển trong lĩnh vực năng lượng và khí hậu	Bộ Thương mại và Phát triển Đan Mạch	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi xanh hệ thống năng lượng - một hệ thống năng lượng linh hoạt và chất chẽ hơn Đẩy mạnh xuất khẩu - trên các thị trường toàn cầu Xây dựng công trình - Cung cấp công trình sử dụng năng lượng hiệu quả và bền vững Nghiên cứu, phát triển, hình thành thị trường và giáo dục - Đan Mạch như một quốc gia thử nghiệm và thực hiện tăng trưởng xanh Sử dụng các nguồn lực - khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng hóa thạch ở Biển Bắc
Chiến lược năng lượng đến 2050 - từ than đá, dầu lửa và khí đốt đến năng lượng xanh (2011)	Bộ Khí hậu, Năng lượng và Xây dựng Đan Mạch	Đến năm 2050 sẽ không phụ thuộc vào việc sử dụng năng lượng hóa thạch
Nhà nước Xanh (2011)	Đội tác công - tự được hình thành từ Chính phủ và các hiệp hội ngành nghề chủ chốt	Thương hiệu xanh chính thức của Đan Mạch để hỗ trợ cho mục tiêu không phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch đến năm 2050 và là quốc gia đầu tiên trên thế giới thực hiện việc này Tập hợp được các đội tác hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, khí hậu, nước và môi trường và thúc đẩy các mối quan hệ với các bên quốc tế liên quan.
Quý Chuyển dịch Xanh (2013-2016)	Cơ quan Thương mại Đan Mạch	Đổi mới sản phẩm; các mô hình kinh doanh mới, vật liệu bền vững khi thiết kế sản phẩm, chuyển dịch bền vững trong ngành thời trang và dệt may, ít chất thải thực phẩm, sản phẩm sinh học bền vững dựa trên sinh khối không phải thực phẩm
Chương trình công nghệ sạch (2013)	Bộ Môi trường Đan Mạch	Nước và thích ứng khí hậu; các nguồn lực và chất thải; nguồn lực hiệu quả của các công ty, xây dựng sinh thái, không khí sạch và ít tiếng ồn, hóa chất; tài liệu về tiềm năng môi trường của công nghệ; hợp tác quốc tế về phát triển công nghệ môi trường

Bảng 4.1 Các chính sách tăng trưởng xanh ở Đan Mạch

Trái ngược với các chính sách quốc gia và vùng về tăng trưởng xanh, quy hoạch không gian chủ yếu được thực hiện bởi các thành phố và được chỉ đạo bằng các công cụ quy hoạch quốc gia (báo cáo quy hoạch, chỉ thị quy hoạch quốc gia và lợi ích quy hoạch quốc gia đã nêu). Vào năm 2007, trách nhiệm vùng đối với quy hoạch không gian đã bị hủy bỏ và các vùng phải có trách nhiệm xây dựng các chiến lược tăng trưởng vùng. Như vậy, có sự phân chia chính thức

trách nhiệm giữa cấp thành phố phải đảm trách lập quy hoạch quy định sử dụng đất và cấp vùng là nơi mà các chiến lược tăng trưởng theo định hướng cần được thực hiện.

Tuy nhiên, ngay cả kích thước thành phố trong vùng không được chính thức đưa vào hệ thống lập quy hoạch, nó vẫn được nhấn mạnh trong các chính sách của chính phủ và được các cơ quan cấp quốc gia coi trọng, chẳng hạn như Bộ Môi trường. Các vùng thành phố rộng lớn hơn là trung tâm của chiến lược tăng trưởng quốc gia và quy hoạch không gian. Một số chính sách quốc gia nhấn mạnh rằng sự hình thành các vùng thành phố là cần thiết để đảm bảo khả năng cạnh tranh toàn cầu của Đan Mạch và tăng trưởng kinh tế tổng thể quốc gia (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2013.). Điều này làm nổi bật một khía cạnh không thể tách rời của chính sách tăng trưởng xanh của Đan Mạch, cụ thể là tăng trưởng kinh tế của vùng sẽ được thúc đẩy bởi sự phát triển của các vùng thành phố hấp dẫn và bền vững.

4.1 Các chính sách tăng trưởng xanh

Cơ quan Năng lượng Đan Mạch đã chấp nhận định nghĩa về tăng trưởng xanh của OECD, nhưng tại Đan Mạch khái niệm này chủ yếu được định nghĩa thông qua việc sử dụng khái niệm “chuyển dịch xanh”; các chính sách hướng tới một sự thay đổi từ một hệ thống năng lượng phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch đến đầu tư vào công nghệ xanh và giảm phát thải khí nhà kính, với mục tiêu là hoàn toàn không phụ thuộc vào các loại nhiên liệu hóa thạch vào năm 2050. Tầm quan trọng của một quá trình chuyển dịch xanh trong hệ thống năng lượng được phác thảo trong “Chiến lược năng lượng 2050 - từ than đá, dầu mỏ và khí đốt đến năng lượng xanh”. Điều này bao gồm các biện pháp chính sách cụ thể trong bốn lĩnh vực, đặt trọng tâm về tính hiệu quả sử dụng năng lượng của các công trình, điện khí hóa hệ thống năng lượng và phương tiện, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo (chủ yếu là gió) và đầu tư vào nghiên cứu triển khai (Bộ Khí hậu, Năng lượng và Xây dựng Đan Mạch, 2011a).

Một số chính sách và chương trình quốc gia đã được đưa ra và chính phủ hiện nay đang phân bổ nguồn lực để hỗ trợ việc chuyển đổi sang phát triển năng lượng tái tạo và công

nghe sạch (xem Bảng 4.1). Quỹ Chuyển dịch Xanh là một sáng kiến được thành lập vào năm 2013, hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhằm tăng sử dụng năng lượng hiệu quả của doanh nghiệp, phát triển đổi mới về môi trường và tạo cơ hội việc làm xanh (Bộ Thương mại và Tăng trưởng Đan Mạch, 2014).

Trong năm 2013, một sáng kiến chính sách cụ thể đã được Chính phủ Đan Mạch đưa ra nhằm tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu của Đan Mạch và Bộ

Tài chính đã đưa ra một chiến lược quốc gia mới về tăng trưởng trong năm 2014 - 'Đan Mạch thoát khỏi cuộc khủng hoảng - thương mại tăng trưởng trong năm 2014' - đó là một chiến lược quan trọng để kích thích tăng trưởng và tập trung vào các biện pháp cho tầm quy hoạch phát triển tiểu ngành (Chính phủ Đan Mạch, năm 2014).

Hộp 4.1 Vùng thành phố Copenhagen

Quy hoạch vùng thành phố Copenhagen tuân thủ theo cái gọi là Quy hoạch Ngón tay. Quy hoạch Ngón tay đã được Bộ Môi trường công bố vào năm 2013 và đưa ra các hướng dẫn lập quy hoạch bắt buộc đối với các thành phố và có một mục tiêu môi trường rõ ràng. Tên quy hoạch phản ánh cấu trúc phát triển mong muốn giống như ngón tay ở khu vực Copenhagen (xem Hình 4.2), tỏa ra từ trung tâm dọc theo các tuyến đường sắt đi lại và phân cách bằng các nêm xanh mà sẽ được bảo vệ (Bộ Môi trường Đan Mạch năm 2013; Cơ quan Thiên nhiên Đan Mạch, 2007). Ngoài ra, quy hoạch khí hậu Copenhagen cung cấp một ví dụ thú vị về cả hai quy hoạch bền vững mới trường và quy hoạch tăng trưởng xanh.

Đó là một kế hoạch đầy tham vọng bao gồm hơn sáu mươi sáng kiến cho bốn lĩnh vực khác nhau và với mục tiêu của một thành phố không cacbon vào năm 2025. Quan hệ đối tác bao gồm các chủ thể công và tư nhân dự kiến để đảm bảo tăng trưởng xanh thông qua sự phát triển công nghệ mới, dịch vụ và chuyển môn trong lĩnh vực môi trường và khí hậu; Tuy nhiên, đầu tư công được cung cấp bởi Thành phố Copenhagen là chìa khóa cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh (Thành phố Copenhagen, 2013).

Hộp 4.2 Vùng thành phố Fyn

Fyn là một ví dụ thú vị về lập quy hoạch và phối hợp vùng - thành phố. Theo yêu cầu từ Thị trường của Fyn và theo báo cáo quy hoạch quốc gia (landsplanredegrelse) năm 2010, Bộ Môi trường đã hình thành một quan hệ đối tác với các đô thị của Fyn và Vùng Syddanmark. Mục tiêu là để xây dựng nên một cấu trúc vật thể chung cho Fyn và các đảo xung quanh, có tính đến hợp tác và các dự án liên kết.

Nghiên cứu đã được tiến hành để xem liệu một chiến lược lập quy hoạch chung có thể tăng cường một chương trình nghị sự chung đối với sự tăng trưởng bằng cách tạo ra những điều kiện tối ưu cho sự phát triển của hòn đảo hay không. Fyn tự coi mình như là một vùng thành phố và chín thành phố của nó đã quyết định hợp tác với nhau trong một số lĩnh vực, bao gồm phát triển thương mại, nhà ở và khả năng tiếp cận, tạo thành những chủ đề chính cho dự án. Một trong những thách thức của sự phối hợp này là đảm bảo rằng sự phát triển thực hiện tại thành phố trung tâm Odense sẽ mang lợi ích cho toàn bộ vùng thành phố.



Hình 4.1 Hệ thống lập quy hoạch của Đan Mạch, tập trung vào cấp địa phương

Trong năm 2014, thành phố đã thông qua một chiến lược quy hoạch chung cho Fyn. Chiến lược Fyn mô tả cách thức Fyn thực hiện để đạt được mục tiêu tăng trưởng và phát triển trên toàn bộ vùng bằng cách tập trung vào những điểm mạnh và tiềm năng cụ thể của mình (Byregion Fyn, 2014).

Một quy hoạch tiểu ngành có tên: 'Đan Mạch đang tiến hành: quy hoạch tăng trưởng trong lĩnh vực năng lượng và khí hậu' và thể hiện tầm nhìn của Chính phủ đối với tăng trưởng gia tăng trong ngành năng lượng, thừa nhận rằng một sự chuyển dịch xanh là cần thiết hướng tới một hệ thống năng lượng tái tạo. Chuyển dịch xanh của hệ thống năng lượng phải được thực hiện thông qua 16 biện pháp chính sách khác nhau và nhằm đảm bảo một hệ thống năng lượng linh hoạt, mạch lạc và xanh hơn. Các biện pháp chính sách quan trọng bao gồm phát triển một chiến lược lưới điện thông minh để hỗ trợ hệ thống điện thông minh và phát triển cơ hội sử dụng kết hợp giữa các hệ thống sưởi và hệ thống làm mát cấp quận (Bộ Thương Mại và Tăng trưởng Đan Mạch, năm 2013).

Ngoài ra, ngành công nghệ sạch được xem như là một đóng góp quan trọng cho một quá trình chuyển đổi xanh và khả năng cạnh tranh toàn cầu của Đan Mạch. Ngành công nghệ sạch tại Đan Mạch là một trong những ngành phát triển nhanh nhất về xuất khẩu trong những năm gần đây và có những sáng kiến chính sách ưu tiên cho các công ty công nghệ sạch hoạt động với các giải pháp năng lượng gió, công nghệ năng lượng sinh học và các giải pháp công nghệ lưới điện thông minh (Đầu tư vào Đan Mạch, năm 2014; Bộ Khí hậu, Năng lượng và Xây dựng Đan Mạch, 2011b). Nói chung, Chính phủ tập trung nhiều vào khu vực nóng thốn và đã khởi xướng một cuộc đối thoại với các địa phương về vị trí của các nhà máy năng lượng tái tạo và các trang trại phong điện (Bộ Nội Vụ và Y tế Đan Mạch, 2011). Sản xuất khí sinh học là một trong những lĩnh vực ưu tiên cho đầu tư công trong việc tạo ra tăng trưởng xanh hơn ở các khu vực nóng thốn. Ở đây, một trong những biện pháp chính sách là yêu cầu các địa phương đưa các nhà máy khí sinh học vào trong các quy hoạch của địa phương (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2013).

4.2 Hệ thống Lập quy hoạch

Luật Quy hoạch của Đan Mạch là khung pháp lý của hệ thống quy

Quy hoạch & Kiến trúc thế giới

hoạch. Luật quy định việc tuân thủ của các công trình theo mục tiêu quốc gia và chỉ đạo các quy hoạch đô thị và chi tiết, các chỉ thị cấp vùng, sự tham gia của cộng đồng và quản lý chung của Luật (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2012). Mục tiêu tổng thể là đảm bảo quy hoạch tuân thủ các nguyên tắc quy hoạch cốt lõi như phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, bảo tồn các đường bờ biển mở và tách biệt rõ ràng giữa khu vực thành thị và nông thôn nhằm ngăn chặn việc mở rộng lộn xộn.



Hình 4.2 Quy hoạch chính quyền địa phương dựa vào cấu trúc đô thị giống như hình ngón tay bằng Quy hoạch Ngón tay đầu tiên. (Cơ quan Tự nhiên Đan Mạch)

Là một phần trong cải cách thành phố năm 2007, những thay đổi đáng kể đã được thực hiện trong hệ thống quy hoạch của Đan Mạch, nghĩa là nhiệm vụ quy hoạch cấp vùng đã được hủy bỏ, đồng thời nhiệm vụ của các thành phố và cấp quốc gia được đẩy mạnh. Đan Mạch hiện nay có một hệ thống quy hoạch hai tầng, Bộ Môi trường chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia thông qua lập quy hoạch cấp quốc gia và các thành phố có trách nhiệm kiểm soát sử dụng đất ở cấp địa phương (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2007).

Chỉ thị quy hoạch quốc gia là những công cụ chính sách thúc đẩy các dự án cụ thể hoặc các hướng phát triển như chỉ thị cho vùng thủ đô Copenhagen và các chính sách cụ thể liên quan đến khu vực duyên hải và thương mại bán lẻ (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2012). Mục tiêu và tầm nhìn chính cho giai đoạn sắp tới được đặt ra trong bản tóm tắt các lợi ích quốc gia và báo cáo quy hoạch quốc gia, Bộ Môi trường đã công bố bốn năm một lần.

Báo cáo có nhiệm vụ làm rõ các lợi ích quốc gia trong quy hoạch đô thị nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển của địa phương của các quy hoạch phù hợp với các ưu tiên và yêu cầu của Chính phủ. Đây là những yêu cầu được bảo đảm bằng Luật Quy hoạch, pháp luật theo luật định, nghị quyết của Quốc hội khác hay xuất phát từ thỏa thuận chính trị giữa Chính phủ và chính quyền địa phương Đan Mạch (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2012).

Các đô thị có trách nhiệm chính trong lập quy hoạch và lập hai quy

hoạch có ràng buộc về pháp lý: Các quy hoạch đô thị (kommuneplan) và quy hoạch chi tiết (lokalplan). Kể từ năm 2000, mỗi đô thị có nghĩa vụ lập một chiến lược quy hoạch đô thị (xem Hình 4.1). Theo yêu cầu của Luật Quy hoạch, Bộ Môi trường Đan Mạch phải đảm bảo rằng các quy hoạch đô thị phải tuân theo lợi ích quốc gia và yêu cầu điều chỉnh nếu chúng không tuân thủ.

4.3 Công cụ chính sách

Năm 2014, Quốc hội Đan Mạch đã thông qua việc sửa đổi Luật Xúc tiến Thương mại (Erhvervsfremmeloven), kết hợp kế hoạch phát triển vùng và chiến lược phát triển thương mại vùng trong một chiến lược vùng mới phục vụ cho sự tăng trưởng và phát triển (Vækst-ogudviklingsstrategi). Chiến lược vùng trước đây đã được điều chỉnh bởi Luật Quy hoạch.

Mục đích của thay đổi này là để tạo ra một trọng tâm tăng trưởng và phát triển mới và phù hợp ở cấp vùng, thuộc trách nhiệm của năm Hội đồng vùng được bầu. Các Hội đồng vùng chỉ định nhân sự tham gia vào diễn đàn tăng trưởng, mục đích chính của các diễn đàn là để xây dựng chiến lược tăng trưởng và phát triển của vùng, có xem xét báo cáo quy hoạch quốc gia. Do đó, mục đích của việc sửa đổi là để tạo điều kiện cho sự tương tác giữa các chiến lược phát triển vùng với quy hoạch ở cấp địa phương, vùng và quốc gia. Do vậy, các chính sách ban hành ở cấp địa phương và có tác động lên cả tăng trưởng và quy hoạch không gian cần củng cố các chiến lược tăng trưởng và phát triển vùng (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2014).

Năm 2013, sáu vùng thành phố lớn nhất (Copenhagen, Aarhus, Odense, Aalborg, Esbjerg và Randers) đã gửi yêu cầu lên cấp quốc gia, tập trung vào vấn đề hợp tác vùng - thành phố và khả năng cạnh tranh. Lý do đằng sau sáng kiến này là những nhu cầu lớn hơn về qui hoạch đô thị do sự cần thiết đáp ứng các yêu cầu cho một khu vực đô thị và công nghiệp hấp dẫn với giao thông hiệu quả và thân thiện với môi trường vì cạnh tranh toàn cầu gia tăng.

Sáu vùng thành phố đóng vai trò rất quan trọng cho sự phát triển của quốc gia và các Bộ có trách nhiệm nhấn mạnh rằng những vùng này cần hợp tác để đáp ứng những thách thức toàn cầu hiện nay

Ngoài các chính sách quốc gia chính thức về sử dụng đất theo định hướng (ví dụ: Báo cáo Quy hoạch Quốc gia / Chỉ thị & Báo cáo Ngành), các đô thị cần hợp tác với đô thị lân cận để thúc đẩy quy hoạch vật thể có tính liên kết trên khắp Đan Mạch, và một số sáng kiến không chính thức đã được thực hiện để hỗ trợ quy hoạch không gian ở các cấp hành chính khác nhau (Bộ Môi trường Đan Mạch, 2012). Nhấn mạnh bởi những thay đổi gần đây mà gây ảnh hưởng đến các chiến lược tăng trưởng và phát triển vùng, kích thước tăng trưởng là mối quan tâm lớn trong các chính sách hiện nay. Đồng thời, quy hoạch không gian và hợp tác giữa các khu vực đô thị được nêu bật như là một giải pháp tiềm năng để đạt được khả năng cạnh tranh và tính hấp dẫn cao hơn của vùng và địa phương.

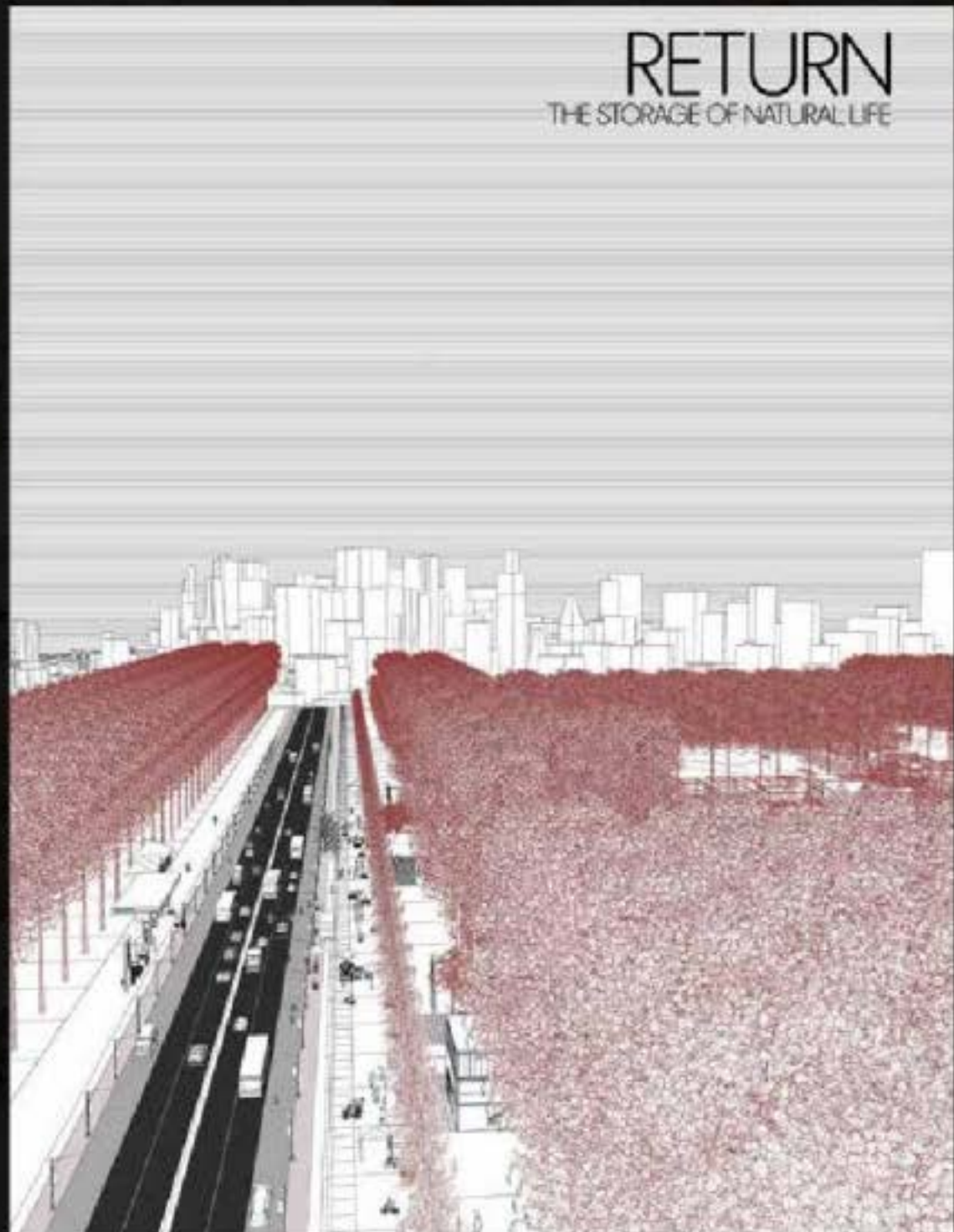
Các đô thị cũng như chính quyền quốc gia đã thực hiện một số sáng kiến để phát triển sự phối hợp về quy hoạch không gian giữa các ranh giới đô thị.

LIÊN HOAN KIẾN TRÚC

RETURN – THE STORAGE OF NATURAL LIFE

Giải Nhất Bảng sinh viên

Vượt qua 5 nhóm sinh viên đến từ các nước: Chi Lê, Ấn Độ, Nhóm Đa quốc gia, Phillipine và nhóm Việt Nam 1, đề tài "Return - The storage of Natural Life" của nhóm Totoros - nhóm sinh viên đến từ Đại học Kiến trúc TP.HCM đã giành Giải Nhất bảng sinh viên - sinh viên của năm tại Liên hoan kiến trúc thế giới WAF2014. Cuộc thi có chủ đề Satellite (thành phố vệ tinh).



World Architecture Festival 2014 (Festival Kiến trúc thế giới 2014 - WAF2014) là một trong những chương trình vinh danh kiến trúc danh giá và lớn nhất thường niên. Các giải thưởng của World Architecture Festival được trao cho những kiến trúc xuất sắc từ nhiều quốc gia trên thế giới.

WAF2014 được khởi động từ tháng 5/2014 đã thu hút khoảng 600 bài thi của hơn 60 quốc gia trên thế giới tham gia vòng loại. Ban giám khảo gồm các KTS danh tiếng Quốc tế đã lựa chọn ra hơn 20 Short list, mỗi short list gồm khoảng 10 bài thi để dự vòng Chung kết như mọi năm diễn ra tại Marina Bay Sands, Singapore.

Các bài lọt vào vòng chung kết được chia thành 3 bảng: Các dự án tương lai/ Future Projects (dành cho KTS), Các Công trình đã xây (Dành cho KTS); và Bảng dành cho sinh viên. Việt Nam có 3 đội sinh viên lọt vào vòng Chung kết. Trong đó 1 đội lọt bảng chuyên nghiệp và 2 đội còn lại lọt bảng Sinh viên.

RÚC THỂ GIỚI 2014:



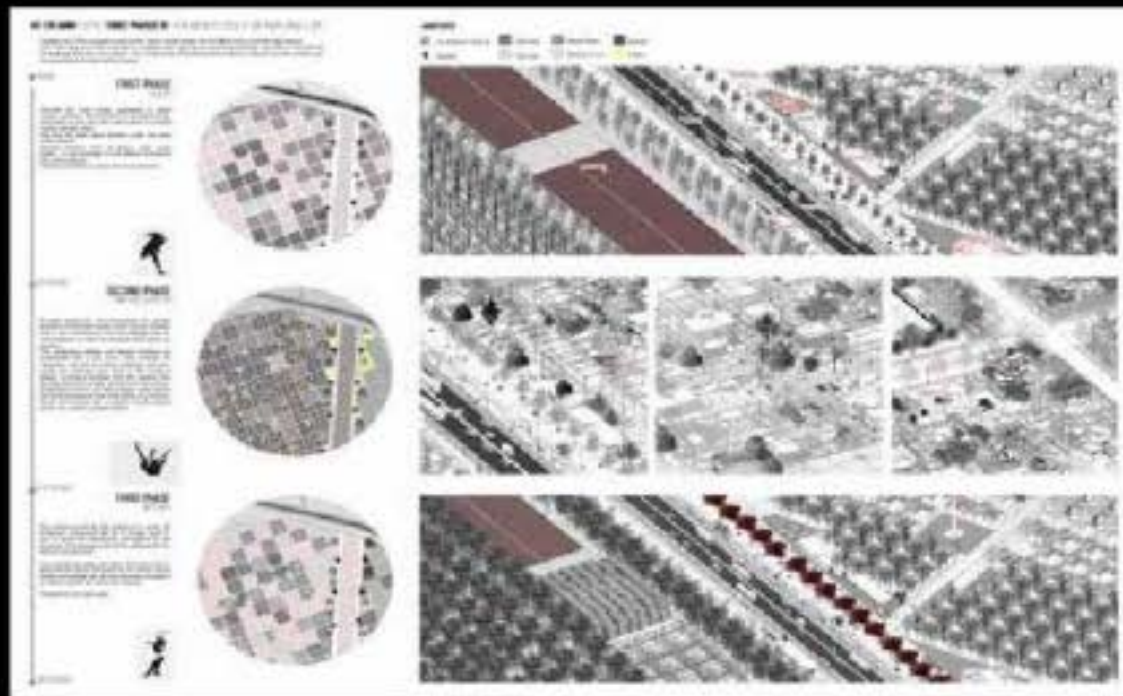
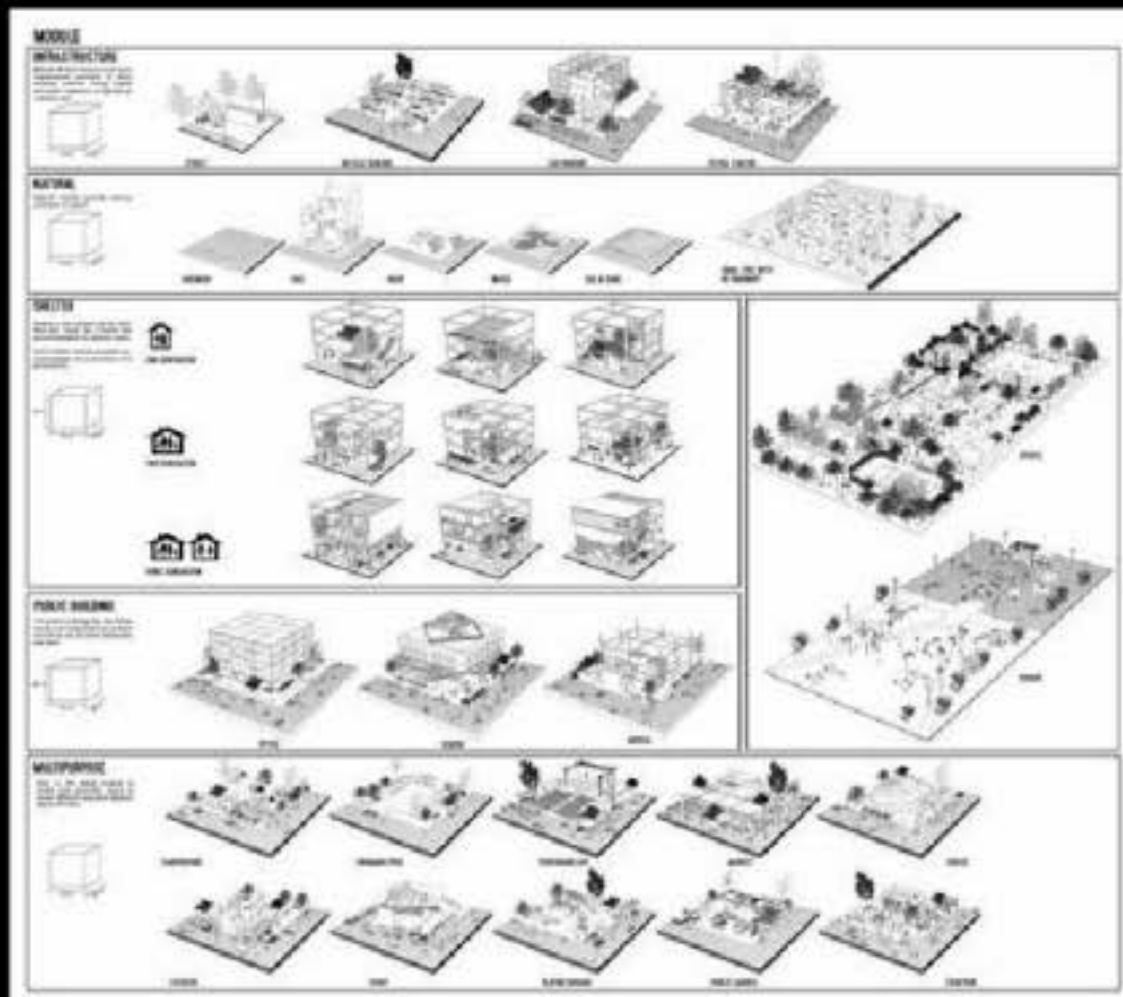
Return – The storage of Natural Life

Giáo viên hướng dẫn: **KTS.ĐẶNG THANH HƯNG** - Giảng viên khoa Kiến trúc, ĐH Kiến trúc TP. HCM
Nhóm sinh viên: **PHẠM NGŨ THỂ BẢO, LÊ NGỌC MY MY, HÀ HỒNG PHÚC, NGUYỄN ĐỖ HỒNG QUÂN**
khoa Kiến trúc, ĐH Kiến trúc TP. HCM

Việt Nam đang trải qua quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa một cách mạnh mẽ. Xem xét dưới khía cạnh kiến trúc và quy hoạch, cuộc chuyển mình này dường như đang ngoài khả năng kiểm soát của nhà quản lý và các nhà hoạch định chiến lược. Kết quả là một thành phố xinh đẹp được mệnh danh là "Hòn ngọc Viễn Đông" đang phải đối mặt với các vấn đề phức tạp và lớn xôn như sự bành trướng của hệ thống giao thông, các khu quy hoạch và tòa nhà mới được xây dựng với tốc độ chóng mặt nhưng thiếu kiểm soát và suy thoái dần yếu tố bản địa và văn hóa, sự ô nhiễm không khí và nước, ngõ hẻm tự phát cùng với sự thiếu hợp lý trong phân chia đất đai. Hơn hết, đối với nhóm thiết kế, vấn đề lớn nhất là con người đang sống trong một môi trường ngột ngạt, ô nhiễm và thiếu gắn kết với tự nhiên và cộng đồng.

Thành phố cần một cách thức để được tái cấu trúc, thiết lập một chất lượng sống tốt hơn.
Vị trí khu đất là sân bay Tân Sơn Nhất được gắn với giả thuyết sẽ được bỏ trống trong tương lai cung cấp một cơ hội tuyệt vời cho sự tái thiết,

LIÊN HOAN KIẾN TRÚC



sự đổi mới và sáng tạo. Qua sự nghiên cứu, nhóm tác giả cho rằng, việc xây dựng một thành phố vệ tinh mới hiện đại là điều người khác hay làm, nhưng nó vẫn chưa bao giờ đủ cho nhu cầu của con người. Bởi giải pháp này chưa giải quyết được vấn đề một cách tổng thể và thậm chí trong tương lai mẫu hình thành phố vệ tinh này còn có thể bị lỗi thời và cần thay đổi.

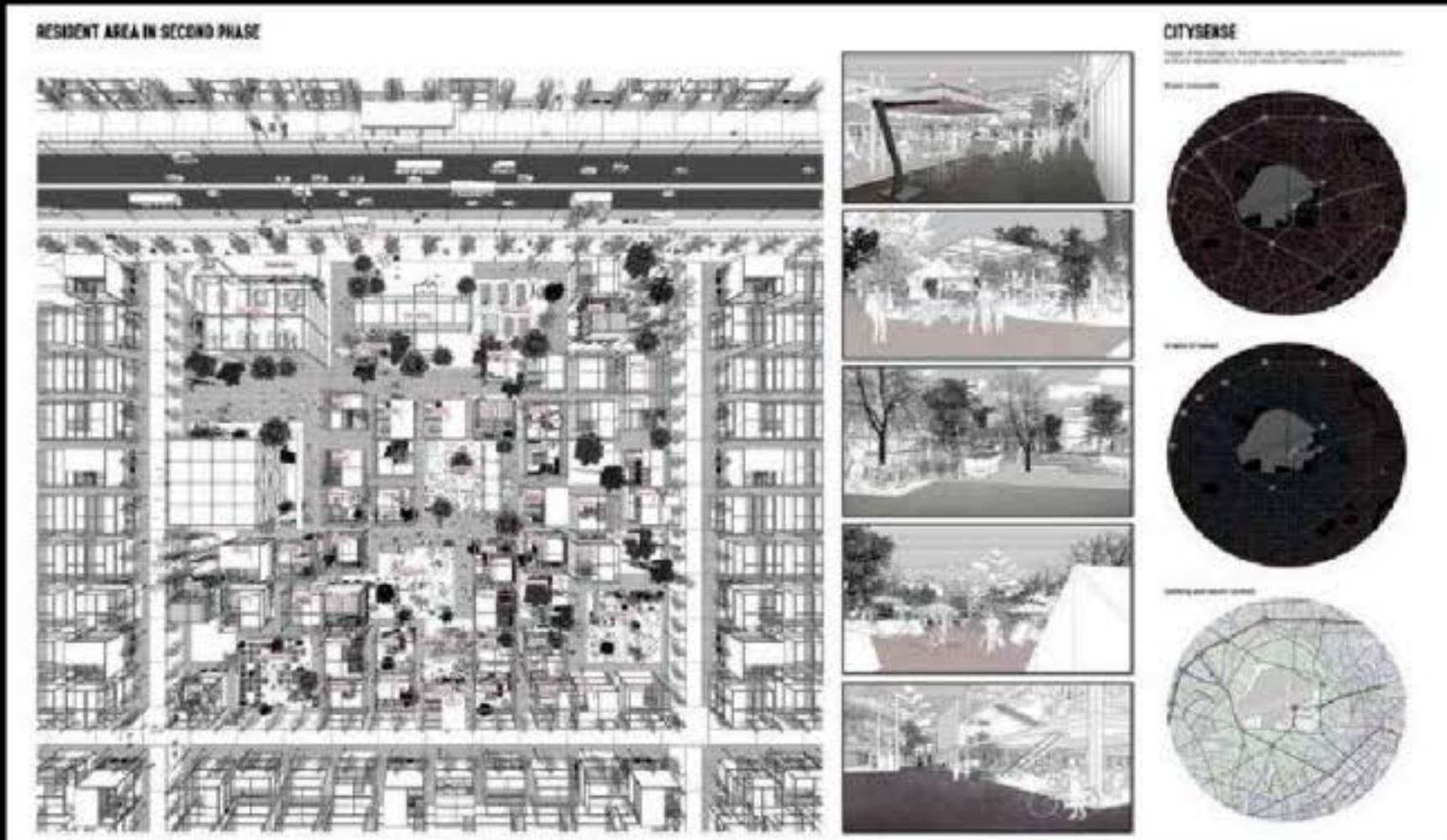
Vì vậy, nhóm đã nghĩ đến một hướng tiếp cận khác: Hai nhà ga trong nước và quốc

tế được giữ lại nhưng chuyển đổi thành bảo tàng hàng không như một cách để người dân thành phố và ký ức về sân bay từ quá khứ đến bây giờ. Một vùng đất rộng lớn của sân bay cũ sẽ trở thành một "NHÀ KHO" khổng lồ của con người, năng lượng và tự nhiên. Đây sẽ là nơi trú ngụ tạm thời của con người trong công cuộc tái thiết của thành phố. Trước tiên, một số khu vực lân cận sẽ được lựa chọn và giải tỏa để làm tiền đề cho việc thiết lập lại cơ sở vật chất, con người sẽ di chuyển vào bên trong dự án này một thời gian rồi quay

lại với mảnh đất cũ của họ với một diện mạo mới, chất lượng sống mới. Trong khu vực ở tạm thời, họ được cung cấp một môi trường sống hoàn toàn mới, thân thiện và bền vững hơn, bên cạnh tình làng xóm và cộng đồng đã có từ trước. Bằng cách này, con người sẽ hiểu rõ hơn về những điều gì quan trọng với họ trong cuộc sống và họ cần thay đổi điều gì để cuộc sống của mỗi người và cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn.

Công việc cụ thể của nhóm xoay quanh

RÚC THẾ GIỚI 2014



việc thiết kế cuộc sống Xanh và hòa lẫn với tự nhiên cho người dân trong khoảng thời gian 10 -15 năm. Toàn bộ dự án được thiết kế và thực hiện bằng vật liệu tiến chế do yếu cấu về xây lắp nhanh, chi phí tiết kiệm và tái sử dụng được. Sự khổ khan đó sẽ được bù đắp bởi môi trường thoáng đãng và xanh mướt bởi những không gian cây xanh lớn quanh khu vực. Các công trình nội khu cũng được kiểm soát chặt chẽ về độ cao và mật độ để phục vụ chiến lược này.

Người dân thành phố mặc dù không cảm thấy thỏa mãn với cuộc sống hiện tại của mình nhưng lại không thực sự mạnh mẽ và quyết tâm trong việc bảo vệ môi trường xanh và bền vững. Có lẽ là vì họ chưa bao giờ được sống trong một môi trường như thế và đây chính là cơ hội để họ sống và cảm nhận và rồi sau đó tạo nên những kỷ ức đẹp. Sự gắn kết này hy vọng sẽ là bước khởi đầu cho những suy

nghĩ và tiếng nói của thời đại về một môi trường sống và môi trường kiến trúc thỏa mãn tính cộng đồng, tính cách bản địa và một môi trường sống bền vững trong tương lai.

Hệ thống đường xá được phân chia ở hình thức ở cơ đơn giản, tạo nên các đơn vị ở nhỏ với kích thước mỗi cạnh là 150m. Bên trong những khu ở này có đủ các tiện nghi cơ sở vật chất cho cuộc sống được duy trì và phát triển. Toàn bộ giao thông nội bộ trong khu ở đều dành cho đường đi bộ và xe đạp, tạo điều kiện cho môi trường giao tiếp giữa con người với con người. Các khối công trình được phát triển theo hệ thống module với nhiều khối chức năng khác nhau bằng khung thép tiến chế tạo thuận lợi cho việc sản xuất hàng loạt với quy mô lớn.

Dự án này hoạt động như một chuỗi xoắn ốc đi lên, mỗi chu kỳ ứng với một lớp người đến và đi tạo điều kiện cho một khu vực trong thành phố được tái thiết. Cứ vậy, vòng xoắn càng lên cao thì nhiều vấn đề càng được giải quyết, thậm chí những thách thức mới xuất hiện trong tương lai cũng có thể được giải quyết bằng cách thức tương tự. Cho đến một lúc nào đó, thành phố đã tạm thời ổn định về mặt tái cấu trúc.

Khi sứ mệnh quan trọng của sân bay này dần kết thúc thì cũng là lúc phần đất trống sẽ dần được trao trả lại hoàn toàn cho tự nhiên. Đến cuối chặng đường, thì khu vực sân bay của quá khứ sẽ dần trở thành một khu rừng xanh trong trái tim thành phố với lối tiếp cận chính là đường băng cũ của sân bay và một số khu vực ở sẽ được giữ lại như một bảo tàng sống để những thế hệ tiếp theo có thể nhìn thấy và nhớ về những kỉ ức và sứ mệnh của một vùng đất cho chính đô thị và con người nơi đây.

NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC GIÁM SÁT & ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH TRONG QUY TRÌNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VIỆT NAM



ThS. KTS. MÃ VĂN PHÚC

Khái niệm về Giám sát và Đánh giá quy hoạch:

Giám sát và Đánh giá quy hoạch bao hàm giám sát, đánh giá các hoạt động trong việc thực hiện và thực thi quy hoạch nhằm cung cấp một sự hiểu biết về những gì đã ảnh hưởng yếu cấu phải làm, thời gian và chiến lược để thực hiện nó hướng đến tối đa hóa tính hiệu quả và phát triển bền vững.

Giám sát quy hoạch là quá trình theo dõi, thu thập và phân tích thông tin liên tục nhằm cung cấp cho cấp quản lý và các bên có liên quan các diễn biến trong quá trình thực hiện và thực thi quy trình quy hoạch để làm cơ sở cho việc đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm trong từng giai đoạn, các bước thực hiện trong quy trình quy hoạch giúp cho việc ra quyết định hợp lý nhất.

Đánh giá quy hoạch là quá trình xác định tính khả thi, mức độ phù hợp và mức độ hoàn thành của các công đoạn thực hiện theo các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định, cũng như xem xét các tác động, ảnh hưởng từ bối cảnh luôn biến động của khu quy hoạch. Nó cung cấp các chỉ số kết quả quan trọng, và các biện pháp thực hiện như là một cơ sở để đo lường sự thành công, rút ra bài học kinh nghiệm để kịp thời hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện để luôn đạt được một sản phẩm quy hoạch với chất lượng tốt nhất.

Quá trình giám sát và đánh giá cần luôn phải lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan trong từng giai đoạn, từng bước cũng như việc lựa chọn các cách thức có thể thực hiện các hoạt động hiệu quả bằng cách luôn mã hóa thông tin những nội dung xảy ra trong quá trình thực hiện quy hoạch, giúp cải thiện và quản lý quá trình tốt hơn.

Các sản phẩm của công tác giám sát và đánh giá quy hoạch là một mô tả của quá trình quy hoạch một cách chi tiết bối cảnh khu vực nghiên cứu, bao gồm các mục đích và mục tiêu, các hoạt động, các bên tham gia, nguồn lực, thời gian, địa điểm, và sự hoàn thành được dự định.

Mối quan hệ giữa quy hoạch và đánh giá:

Quy hoạch và đánh giá là hai khái niệm không thể tách rời. Đánh giá là một khía cạnh được thiết lập cho việc thực hành quy hoạch. Quy trình lập quy hoạch nào cũng bao gồm nhiều giai đoạn đánh giá, sử dụng một



Xin ý kiến dân đồ án Quy hoạch chung thị đô Hà Nội tại TP HCM

Quy hoạch & tác giả

hoặc nhiều phương pháp để đưa ra những quyết định cho kết quả thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả cao.

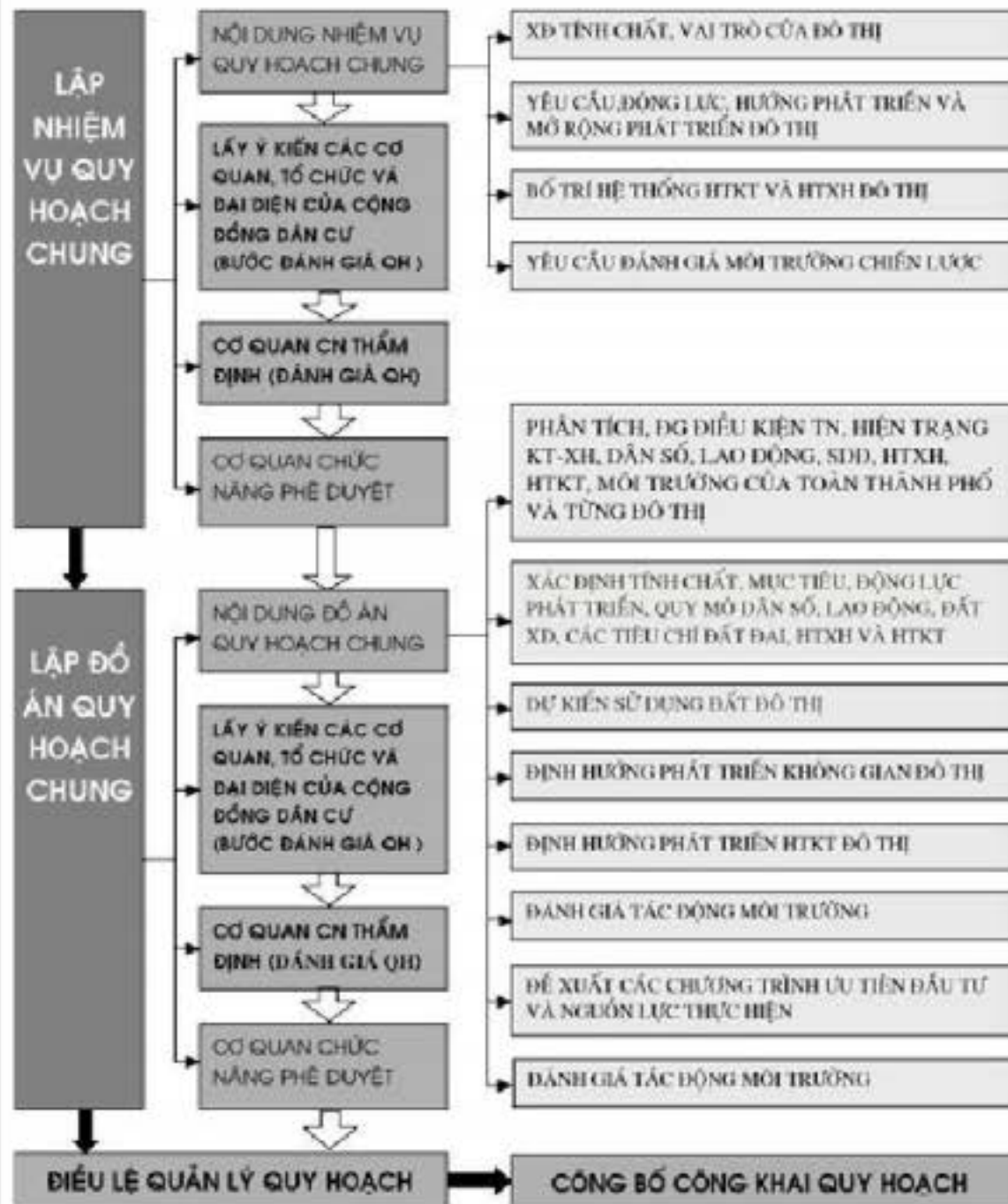
Cả quy hoạch và khoa học đánh giá tìm thấy chính mình trong quá trình chuyển đổi, do đó việc sử dụng các đánh giá trong bối cảnh quy hoạch thay đổi liên tục. Quá trình phát triển lý thuyết quy hoạch đã được Abdul Khakee tổng hợp thành tám luận điểm lý thuyết quy hoạch là: Quy hoạch duy lý, quy hoạch tiệm tiến, quy hoạch biến hồ, quy hoạch thực thi theo định hướng, quy hoạch chiến lược, quy hoạch hợp tác, quy hoạch thương thuyết, và quy hoạch truyền thống. Mỗi luận điểm có những cơ sở lý luận phù hợp với quan điểm theo từng bối cảnh hình thành và phát triển của chúng, chức năng và nội dung của việc đánh giá cũng có sự thay đổi tương ứng với mỗi luận điểm lý thuyết.

Từ luận điểm duy lý đến luận điểm truyền thống sự đánh giá ngày càng trở nên "toàn diện", không phải theo hướng của kiến thức thực nghiệm để đánh giá những tham số chính sách khác nhau, mà theo hướng các giá trị được quan tâm hơn. Trong việc đánh giá quy hoạch duy lý có vai trò trực tiếp và là phương tiện giúp các nhà quy hoạch hiểu và cải thiện các đồ án quy hoạch. Trong phương pháp quy hoạch truyền thống, đánh giá giúp các nhà quy hoạch phải nghĩ cách để giải quyết vấn đề theo nguyên tắc suy luận, công khai, và thậm chí sẵn sàng tiết lộ những sự kiện một cách rộng rãi. Đánh giá do đó trở thành một phần của quá trình nghiên cứu biến đổi, đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp quy trình quy hoạch luôn thay đổi phù hợp với bối cảnh của từng đô thị.

Thực trạng về công tác Giám sát và Đánh giá quy hoạch đô thị tại Việt Nam:

Căn cứ vào luật quy hoạch và nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ thì quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam gồm các giai đoạn và các bước theo sơ đồ hình 1 (lấy quy trình quy hoạch chung xây dựng đô thị làm ví dụ điển hình).

Quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam được thực hiện theo mô thức từ trên xuống, công tác giám sát và đánh giá việc thực hiện và thực thi quy hoạch hầu như chưa được triển khai theo suốt quy trình, mức độ tham gia của các thành phần liên quan trong quá trình thực



Hình 1. Sơ đồ quy trình quy hoạch chung xây dựng đô thị theo nghị định 37/2010 NĐ-CP ngày 07/04/2010



Ngày đầu mở của Cung Triển lãm Kiến trúc Quy hoạch xây dựng Quốc gia

Quy hoạch & tác giả

hiện quy hoạch là hết sức hạn chế, còn mang nặng tình hình thức, chưa đi vào bản chất của vấn đề,... khiến nhiều đồ án quy hoạch có tính khả thi không cao, dẫn đến nhiều trường hợp được xem là “quy hoạch treo”.

Theo sơ đồ quy trình quy hoạch, công tác giám sát và đánh giá chưa được phân định chức năng và vai trò cụ thể trong quy trình thực hiện và thực thi đồ án quy hoạch. Song, trong các giai đoạn đã thể hiện được một số công việc liên quan đến công tác giám sát và đánh giá quy hoạch trong hai giai đoạn lập nhiệm vụ đồ án quy hoạch và lập đồ án quy hoạch thông qua bước thứ 2, bước lấy ý kiến của các cơ quan chức năng liên quan và đại diện của cộng đồng dân cư bằng phiếu điều tra và phỏng vấn và bước thứ 3, thẩm định của cơ quan chức năng sau khi đơn vị tư vấn thực hiện xong nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch. Nhưng cách thức và kết quả còn mang nặng tình hình thức, vừa làm mất nhiều thời gian vừa không thật sự hiệu quả thậm chí có thể là trở ngại cho việc triển khai các bước tiếp theo. Ở giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch, nội dung yếu cấu chưa đủ để có thể truyền tải tới cộng đồng, dẫn đến chỉ có ý nghĩa là để thông báo về một số nội dung có liên quan.

Ở giai đoạn lập đồ án thì nội dung đồ án quá phức tạp, các đại biểu tham gia phần lớn chưa đủ khả năng hiểu rõ được nội dung của đồ án quy hoạch vì chưa có phương thức thực hiện hữu hiệu, chưa có lộ trình và chính sách thích hợp cũng như ý thức, nhận thức của cộng đồng chưa cao, chưa đồng bộ với tính chất phức tạp của quy trình. Việc đánh giá nội dung thực hiện quy hoạch thông qua công tác thẩm định của các cơ quan chức năng chủ yếu dựa vào thủ tục, chỉ tiêu, số liệu theo đúng quy định hiện hành.

Điều này cho thấy rằng đồ án sẽ ít linh hoạt, thường ít thực tế, thậm chí mâu thuẫn với sự phát triển phức tạp của thị trường, đặc biệt là thị trường bất động sản đòi hỏi sự phát triển năng động với sức ép đầu tư lớn, gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý đô thị. Do vậy, công tác giám sát và đánh giá chưa được quan tâm trong quy trình quy hoạch, trở thành quy hoạch theo một chiều, sản phẩm quy hoạch chưa mang lại hiệu quả khi chỉ phục vụ cho việc quản lý, tính khả thi chưa cao khi chưa có sự phản hồi đánh giá điều chỉnh theo từng giai đoạn.

Vậy, cần thiết nâng cao vai trò của công tác giám sát và đánh giá việc thực hiện và thực thi quy hoạch làm cơ sở cho việc định hình được một quy trình quy hoạch đô thị linh hoạt hơn, có tính khả thi cao hơn.

Một số kiến nghị nhằm nâng cao vai trò của công tác Giám sát và Đánh giá quy hoạch trong quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam:

■ Việc giám sát và đánh giá quy hoạch cần được thể chế hóa thành một công tác chính thức trong quy trình thực hiện và thực thi quy trình quy hoạch đô thị. Cần xây dựng những nội dung, quy định chuyên biệt cho công tác giám sát và đánh giá cho quy trình quy hoạch đô thị.

■ Xây dựng các nguyên tắc cơ bản cho hệ thống giám sát và đánh giá quy hoạch đô thị Việt Nam. Công tác giám sát và đánh giá được thực hiện các nguyên tắc sau:

+ Tiến trình thực hiện chuyên biệt: Mục tiêu của Giám sát và đánh giá quy hoạch là để đánh giá các mục tiêu chung và những mục tiêu cụ thể, những chiến lược, và kế hoạch thời gian của một đồ án. Vì quy hoạch là một hoạt động rất phức tạp do vậy công tác giám sát và đánh giá quy hoạch đòi hỏi những tiến trình thực hiện chuyên biệt không như những loại đánh giá thông thường.

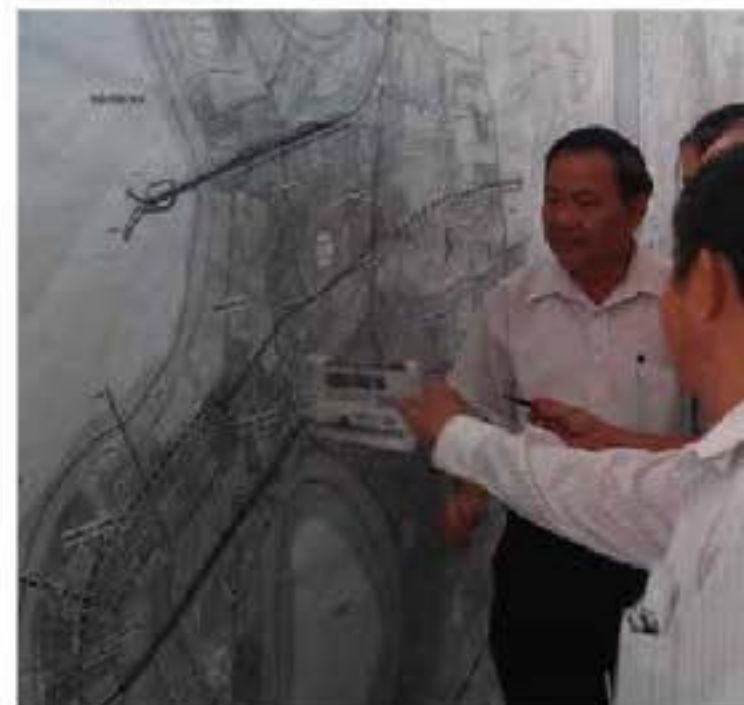
+ Quy trình thực hiện liên tục: Trong thực tế, hầu hết các đồ án được thực hiện thường chỉ để cập đến đánh giá việc hình thành và kết quả, các hoạt động này được thực hiện một lần cho một đồ án đã được lập quy hoạch, các nhà đánh giá chỉ tham gia sau khi đồ án đã được thực hiện. Điều này khó mà có thể đạt được một đồ án quy hoạch linh hoạt, khả thi trong một bối cảnh đô thị diễn biến phức tạp.

Cần xây dựng việc giám sát và đánh giá quy hoạch là quy trình thực hiện liên tục cho các giai đoạn thực hiện và thực thi đồ án quy hoạch, để luôn giám sát và đánh giá mức độ tác động, ảnh hưởng bên trong và bên ngoài đến các vấn đề hoặc tình huống diễn ra trong suốt quy trình thực hiện nhằm xem xét, hiệu chỉnh các nội dung cho hợp lý trong từng bước bao gồm:

+ Trước khi thực hiện đồ án quy hoạch đô thị: Đây là giai đoạn chuẩn bị, chính quyền quyết định chủ đầu tư thực hiện dự án quy hoạch. Chủ đầu tư thực hiện quy hoạch sẽ thiết lập



Công bố điều chỉnh QHPK Khu Trung tâm Chính trị Ba Đình



Công bố đồ án điều chỉnh QHC XD Quận 2, TP. HCM



Công bố đồ án điều chỉnh QHC XD Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

kế hoạch triển khai quy trình quy hoạch. Công tác giám sát và đánh giá sẽ giúp cho việc thực hiện quy hoạch chọn lọc được các dữ liệu đầu vào phù hợp và chính xác. Cần có sự phối hợp giữa các ngành liên quan trong việc xác định các luận cứ cho việc triển khai quy trình quy hoạch đô thị.

+ Trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch đô thị:

Giai đoạn này nhấn mạnh vai trò của các bên luôn phải phối hợp với nhau để cho công tác giám sát và đánh giá đạt được kết quả tốt. Cần đề ra một lộ trình thực hiện chi tiết cho công tác giám sát và đánh giá theo từng giai đoạn và từng bước của quy trình quy hoạch, bao gồm những giai đoạn với nhiều bước thực hiện chi tiết đảm bảo cho quy trình quy hoạch vận hành liên tục để đạt được những kết quả mong muốn.

+ Trong quá trình thực thi đồ án quy hoạch đô thị (sau khi công bố quy hoạch)

Trong giai đoạn thực thi bối cảnh khu vực luôn diễn biến phức tạp, công tác giám sát và đánh giá đòi hỏi thực hiện liên tục hơn và chi tiết hơn để có thể phản hồi được những nội dung cần được xử lý và điều chỉnh thậm chí cần thiết thay đổi hoàn toàn để quy trình quy hoạch luôn cơ động nhằm đáp ứng được với bối cảnh phát triển đô thị.

+ Tham vấn và tham gia: Giám sát và Đánh giá

quy hoạch sẽ cung cấp cho tất cả mọi người, nhân viên, các bên tham gia, các bên liên quan và công chúng, với một sự hiểu biết về những gì đồ án được yêu cầu phải làm, thời gian và chiến lược để thực hiện nó. Do đó, quá trình giám sát và đánh giá cần phải có sự tham vấn và tham gia của các bên liên quan nhằm có những phản hồi, phản ánh đóng góp cho những vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện và thực thi đồ án quy hoạch.

■ Thiết lập hệ thống thông tin nhằm thu thập và chia sẻ các cơ sở dữ liệu liên quan trong quá trình thực hiện và thực thi đồ án quy hoạch, cho phép phân tích, xử lý và lưu trữ các dữ liệu đó, cũng như cung cấp các thông tin đã được xử lý đến các bên liên quan để luôn nhận được những thông tin phản hồi cho việc cập nhật điều chỉnh kịp thời trong tiến trình xây dựng và phát triển đô thị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn xây dựng chiến lược phát triển thành phố ở Việt Nam, Viện Phát triển Bền vững Đại học Công nghệ Sydney, 2007;
2. Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ban hành ngày 17/06/2009;
3. Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về "lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị";
4. United Nations Human Settlements Programme (UN-Habitat). Planning sustainable cities – Global report on human settlement 2009
5. Abdul KhaKee. Evaluation and planning: Inseparable concepts, p 359-374

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị

VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG TƯƠNG LAI



NGUYỄN HUY QUANG

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ gồm 14 tỉnh (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kan, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình và các huyện phía Tây 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An), được phân ra thành 03 vùng không gian với định hướng phát triển phù hợp với điều kiện địa lý, kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của từng vùng là: Vùng biên giới Việt - Trung, vùng biên giới Việt - Lào và vùng trung du gò đồi.

Dự báo về dân số, đến năm 2020, quy mô dân số toàn vùng khoảng 15.110.000 người, dân số đô thị khoảng 5.195.000 người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 34,4%; năm 2030 quy mô dân số toàn vùng khoảng 16.807.000 người, dân số đô thị khoảng 6.681.000 người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 39,8%. Năm 2020, tổng số đô thị toàn vùng đạt khoảng 216 đô thị, trong đó, đô thị loại I là 2 đô thị, loại II là 9 đô thị, loại III là 6 đô thị, loại IV là 39 đô thị và loại V là 160 đô thị; Năm 2030, tổng số đô thị toàn vùng đạt khoảng 278 đô thị, trong đó, đô thị loại I là 4 đô thị, loại II là 10 đô thị, loại III là 5 đô thị, loại IV là 52 đô thị và loại V là 207 đô thị.

D a n g à n h



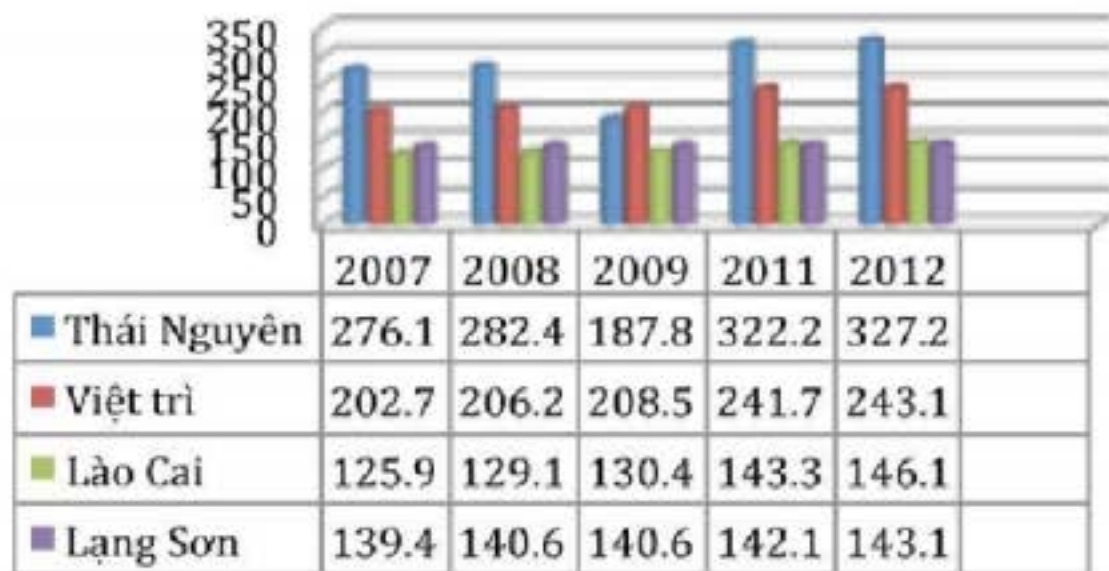
Hình: Bản đồ địa hình vùng trung du miền núi Bắc bộ (nguồn internet)

Theo Quyết định số 980/QĐ-TTg, dự báo đến năm 2020 toàn vùng sẽ có 67 đô thị được nâng loại, đến năm 2030, thành phố Lào Cai và thành phố Lạng Sơn sẽ được nâng loại trở thành đô thị loại I. Như vậy, đến năm 2030, các đô thị loại I trong vùng gồm: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Việt Trì, Thành phố Lào Cai và thành phố Lạng Sơn.

Trong thời gian qua, cùng với cả nước, vùng trung du miền núi Bắc bộ đã khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của khu vực đô thị và trở thành vùng có số lượng đô thị lớn nhất cả nước, trong đó chủ yếu là các đô thị vừa và nhỏ. Đến năm 2014, vùng có 2 đô thị loại I, 11 đô thị loại III, 5 đô thị loại IV và 124 đô thị loại V. (2) Sự chuyển đổi mạnh mẽ của các địa phương trong vùng về kinh tế, văn hóa, xã hội đều do sự phát triển của các thành phố mang lại. Các đô thị trở thành động lực chính cho những thay đổi tại tỉnh và vùng.

Bên cạnh các ngành kinh tế khác, ở một số nước trên thế giới đã phát triển mạnh mẽ ngành kinh tế chất thải. Ngành này đã đem đến nguồn thu nhập đáng kể cho các quốc gia thuộc các nước phát triển như: Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, đặc biệt tại Đức, 62% chất thải của thành phố đã được tái chế, nhiều nước phát triển rác đã bằng "không" và phải nhập khẩu rác.

Trong khi đó, ở nước ta dự báo đến năm 2015, khối lượng chất thải rắn phát sinh trong cả nước sẽ lên tới 44 triệu tấn (3). Vùng Trung du miền núi Bắc bộ dự báo tổng nhu cầu xử lý chất thải rắn toàn vùng đến năm 2020 là khoảng 13.500 tấn/ngày đêm; đến năm 2030 khoảng 15.500 tấn/ngày đêm. Nếu trong vùng phát triển được ngành kinh tế chất thải theo hướng tái chế sẽ mang lại nguồn thu đáng kể cho kinh tế địa phương. Với chủ trương xã hội hóa trong các khâu của công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, Vùng TDMNBB cũng như các vùng miền khác trên cả nước sẽ thu hút được các doanh nghiệp nước ngoài, đầu tư công nghệ cao để biến rác thải thành năng lượng, thành phân bón, thành vật liệu xây dựng... để phát triển kinh tế. Hiện nay, Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn ban hành đã có nhiều giải pháp quan trọng để giải quyết những bức xúc về chất thải rắn sinh hoạt. Trước hết là giảm thiểu từ nguồn tức là từ những hoạt động của con người nhằm giảm các khâu gây ra phát thải. Thứ hai là xử lý, biến chất thải thành những vật chất dùng lại được để giảm sử dụng các tài nguyên thiên nhiên có sẵn. Một số giải pháp kỹ thuật cũng đã được xây dựng như kỹ thuật 3R (Reduce - giảm thiểu; Reuse - tái sử dụng; Recycle - tái chế) kết hợp hoàn thiện thể chế chính sách, đổi mới mô hình quản lý, đẩy mạnh tuyên truyền nhằm thay đổi quan niệm về chất thải rắn sinh hoạt trong các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và người dân để hướng tới phát triển bền vững.



Nguồn: Tác giả thống kê trên cơ sở báo cáo của các sở Xây dựng năm 2012

Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý CTRSH đô thị vùng trung du miền núi Bắc bộ còn đang đứng trước nhiều bất cập trở thành thách thức cho công tác quản lý của chính quyền các đô thị như sau:

■ Công tác lập quy hoạch và Phân loại CTR sinh hoạt đô thị. Tính đến năm 2013 mới có 8/14 thành phố đã có quy hoạch (TP.Thái Nguyên, TP Việt Trì, TP Lào Cai, TP Lạng Sơn, TP Tuyên Quang, TP. Hòa Bình, Thị xã Bắc Kạn, TP. Bắc Giang). Hiện nay ở hầu hết các thành phố chưa thực hiện phân loại rác từ nguồn, mới sơ bộ phân loại tại địa điểm thu gom, tại bãi thải... dẫn đến

các loại rác thải đều đổ chung vào bãi chôn lấp. Trong công tác quản lý, các thành phố đều chưa đề cập tới quy hoạch, quản lý các bãi chôn lấp CTR đã và sắp đóng cửa. Hiện nay phần lớn các bãi rác đã đóng cửa trong vùng và các bãi quá tải sắp đóng cửa đang gây ô nhiễm nặng nề.

■ Công tác xử lý: Hiện nay, công tác xử lý chất thải rắn nói chung và CTRSHĐT trong vùng nói riêng chủ yếu vẫn rất thô sơ, thủ công và chưa đạt tiêu chuẩn môi trường. Xử lý rác thải là một trong những khâu tốn tại nhiều vấn đề nhất hiện nay. Rác chỉ được xử lý bằng phương pháp chôn lấp không hợp

vệ sinh, chưa có biện pháp thu gom và xử lý nước rỉ rác đúng quy chuẩn chất lượng, hầu hết các bãi rác tại các địa phương đều đang trong tình trạng quá tải và không đảm bảo tiêu chuẩn như: Đá Mài, Kéo Tấu, Dốc Búng, Khuổi Mát, Noong Bua.

100% thành phố không có bãi trung chuyển mà chỉ có bãi tập kết rác tạm thời gây mất vệ sinh. Hơn nữa, thành phần chất thải rắn hữu cơ chiếm khối lượng lớn, tỷ lệ phần trăm cao (khoảng từ 70 – 80%), đây là những thành phần dễ phân huỷ và bốc mùi nếu thu gom không kịp thời và xử lý không đúng cách. Diện tích thu gom lớn do địa hình các đô thị phân tán tại các khu vực ngoại thành. Vì vậy, các đơn vị thu gom phải làm việc và vận chuyển tới đa các chất thải ra khỏi thành phố và đổ vào bãi chôn lấp ngay trong ngày cũng sẽ gây tốn kém về nhân công, vật tư, trang thiết bị và phương tiện thu gom so với các vùng khác. Hơn nữa, tỷ lệ chất thải hữu cơ cao sẽ đòi hỏi lượng thuốc phun khử chống ô nhiễm cho bãi đổ thải nhiều sẽ tiếp tục gây ô nhiễm cho môi trường nước ngầm, đất và không khí. Bãi rác thường xa trung tâm thành phố, địa hình miền núi phức tạp, chi phí cho vận chuyển lớn.

Toàn vùng hiện nay có 2 nhà máy xử lý rác thải thành phần vi sinh tại thành phố Việt Trì



và thành phố Điện Biên, trong đó thành phố Việt Trì đang quá tải vì phải xử lý gấp 3 lần công suất cho phép. 100% thành phố chưa có nhà máy tái chế đúng tiêu chuẩn, công tác tái chế tự phát và dựa vào cộng đồng và các làng nghề. Vì vậy, việc đầu tư cho công tác xử lý như thế nào, lựa chọn công nghệ nào, phương thức đầu tư ra sao... Hiện nay, các địa phương rất khó lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp do chưa phân loại rác tại nguồn. Thiếu thông tin về số lượng thành phần, tốc độ thay đổi của các thành phần chất thải rắn. Chưa có đánh giá về những ảnh hưởng của tài nguyên, thiên nhiên, đất đai do quản lý chất thải rắn chưa đúng cách.

Công tác quản lý: Hiện nay, thể chế và những chính sách về chất thải rắn đã được xây dựng và đang đi vào cuộc sống, nhưng vẫn chưa hoàn thiện và cũng chưa được thực thi triệt để. Ở cấp Trung ương, công tác quản lý chất thải rắn được phân công cho 5 Bộ liên quan nhưng lại chưa có đơn vị quản lý đầu mối chung, dẫn đến những chồng chéo trong việc triển khai các chương trình quản lý chất thải rắn ở cấp quốc gia.

Tại các địa phương, mô hình quản lý chất thải rắn hiện nay cũng mang tính riêng biệt dẫn đến thiếu sự gắn kết, hợp tác giải quyết những vấn đề liên vùng, liên tỉnh, công tác quản lý chất thải rắn khó tìm được giải pháp chung. Mỗi địa phương lại lựa chọn một mô hình quản lý như: Cty TNHH MTV môi trường và công trình và đô thị Thái Nguyên; Cty Cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Việt Trì; Công ty TNHH Môi trường Đô thị Lào Cai và đơn vị ngoài công lập Cty TNHH MTCN Hoàng Yến cùng thu gom; TP. Lạng Sơn là đơn vị ngoài công lập - Cty TNHH Huy Hoàng đảm nhận hoàn toàn công tác thu gom của thành phố.

Hiện nay trong vùng TDMNBB có 3 mô hình quản lý Nhà nước như sau:

- Công ty môi trường đô thị trực thuộc UBND tỉnh: TP. Sơn La, Điện Biên, Yên Bái, Bắc Kạn, Lai Châu, Hòa Bình, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai.
- Công ty môi trường đô thị trực thuộc UBNDTP: TP. Bắc Giang, TP. Thái Nguyên, TP. Việt Trì
- Mô hình XHH hoàn toàn: TP. Lạng Sơn

Trong vùng cũng tồn tại 2 mô hình quản lý chuyển môn sau:

- Sở Xây dựng quản lý: TP. Thái Nguyên; Việt Trì; Lào Cai; Tuyên Quang; Hà Giang; Điện Biên; Cao Bằng; Sơn La; Bắc Giang; Bắc Kạn.
- Sở Tài nguyên và môi trường quản lý: TP. Yên Bái; Thị xã Lai Châu; TP. Hòa Bình; TP. Lạng Sơn.

Do mô hình quản lý khác nhau nên cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các công ty dịch vụ môi trường đô thị tại các thành phố cũng rất khác nhau.

Bên cạnh những khó khăn trong công tác quản lý, công tác quản lý CTRSHĐT vùng TDMNBB còn có khó khăn khác

đó là thiếu nguồn lực hành chính và tài chính đầy đủ. Các địa phương đều trong tình trạng không có những khuôn khổ pháp lý rõ ràng và xuyên suốt từ khâu phân loại, thu gom, vận chuyển đến xử lý. Nguồn lực đầu tư trong công tác nghiên cứu, công tác phân loại, hạ tầng kỹ thuật đô thị, nguồn nhân lực, tuyên truyền, đều rất hạn chế.

Các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị được coi là yếu vì nó thiếu các cơ chế thị trường, không khuyến khích để phát triển kinh tế. Ngoài các khó khăn do thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, thiết kế, hoạt động của các khâu xử lý, các công nghệ lựa chọn, các tiêu chuẩn bãi chôn lấp... các địa phương còn gặp khó khăn ở khía cạnh con người và năng lực tổ chức, nhận thức cộng đồng về vấn đề rác thải.

Dữ liệu và thông tin là yếu tố rất quan trọng cho việc phát triển hệ thống quản lý chất thải rắn tổng hợp, bao gồm cả việc giám sát đầy đủ của các ngành liên quan, tuy nhiên hiện nay có nhiều đơn vị tham gia quản lý nhưng việc thống kê dữ liệu đều chưa được thực hiện một cách bài bản đầy đủ, khoa học, các địa phương mới thống kê điểm và ước lượng theo tỷ lệ thu gom vận chuyển nên không chính xác. Vì vậy việc hoàn thiện về quản lý hành chính nhà nước về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đang là một đòi hỏi cấp bách tại các thành phố trong vùng.

Trong thời gian qua, các thành phố trong vùng Trung du miền núi Bắc bộ đã có nhiều thành công trong bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quản lý CTRSHĐT đô thị. Hiện nay, đứng trước những thành công mà ngành kinh tế chất thải đã mang đến cho các nước sẽ là động lực, cơ hội để các nhà quản lý, các cơ quan chuyển môn tại các thành phố thuộc vùng Trung du miền núi Bắc bộ nhận thức rõ tầm quan trọng và lợi ích mà chất thải mang lại. Để khắc phục các khó khăn và thách thức nêu trên các đô thị trong vùng cần xây dựng hệ thống các văn bản thống nhất, mô hình quản lý nhất quán. Trong thời gian tới nhằm hoàn thiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị các địa phương trong vùng sẽ phải xây dựng kế hoạch sửa và xây mới các văn bản quy phạm liên quan đến công tác này theo hướng quản lý tổng hợp chất thải rắn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/06/2013 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030
2. Báo cáo của các Sở Xây dựng năm 2012
3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường - chất thải rắn - Bộ TN&MT, 2011
4. "Các module và phương thức đào tạo đổi mới cho lĩnh vực môi trường đặc biệt là quản lý tổng hợp chất thải rắn" - Dự án INVENT.
5. "A Solid Waste Management Plan for the Greater Vancouver Regional District and Member Municipalities" - www.metrovanancouver.org

Thực trạng công tác hạ ngầm CÁC ĐƯỜNG DÂY, CÁP ĐI NỔ TẠI HÀ NỘI



ThS. NCS. LÊ TRẦN PHONG *

THE EXISTING UNDERGROUND WIRES AND CABLES IN HANOI

Hanoi is a political, cultural, economic center of the whole country. In recent years, Hanoi is one of the areas which has high urbanization rate nationwide and this will remain true in the coming years. Despite the high rate of urbanization, but the images of Hanoi is not really nice. The chaotic overhead wires like cobwebs in the streets affixed to the power poles, trees and other works is one of the factors, which make a bad image of landscape architecture and cause the aesthetic loss in the urban areas.

According to statistics and preliminary surveys, there are approximately 143,720km telecommunications, electricity, lighting cables hanged on the columns in over 656 streets of Hanoi. Among of those, 126,180 km (accounting for about 87%) is overhead wires and 17,540 km (only about 13%) is underground cables. These wires and cables Network is under the management of 20 different units mainly in the electricity, telecommunications and television sectors, etc..., including Viettel, FPT, VTV cab, HCTV, Saigon Postel, Ha Noi electricity company, Hanoi lighting company and the information wires system under the management of the army and police agencies, etc..., the overhead wires and cables are usually strung on poles and 30% were damaged or not used.

On the occasion of the 1000th anniversary of Thang Long - Hanoi, Hanoi City People's Committee has the wires and cables put underground in some central streets. This work has resulted in certain effects. However, Hanoi city hasn't got the existing map of the underground works yet. The database collection and storage were still limited without multi-sector coordination regulations and especially the management regulations of the underground and overhead wires and cables. Therefore, installing wires and cables underground haven't achieved high efficiency.

The following research aims to provide an overview of the current overhead wires and cables in Hanoi. This acts as a basis to propose to the Hanoi People's Committee to conduct additional researches and promulgate regulations of the underground works management and construction after they have been put into operation in order to make Hanoi to become a civilized, modern and sustainable development city.

Quy hoạch & tác giả

Hà Nội trong những năm qua là một trong những khu vực có tốc độ đô thị hóa cao nhất cả nước và điều này vẫn sẽ đúng trong những năm tới. Tuy có tốc độ đô thị hóa cao nhưng bộ mặt thành phố Hà Nội vẫn chưa thực sự đẹp. Một trong những yếu tố gây mất mỹ quan đô thị là mạng lưới đường dây đi nổi chằng chịt như mạng nhện trên đường phố, giăng kín trên các cột điện, cây xanh và các vòm công trình.

Theo thống kê, khảo sát sơ bộ, trên 656 tuyến đường phố Hà Nội hiện có khoảng 143.720km chiều dài các đường dây cáp thông tin viễn thông, điện lực, chiếu sáng treo trên các cột. Trong đó có 126.180km (khoảng 87%) là đường dây đi nổi và 17.540km (chỉ khoảng 13%) đường cáp đi ngầm. Mạng lưới đường dây, cáp này thuộc sự quản lý của khoảng 20 đơn vị khác nhau chủ yếu là điện lực, viễn thông và truyền hình..., bao gồm: Viettel, FPT, VTV cab, HCTV, SaiGon Postel, Hà Nội Telecom, Điện lực Hà Nội, công ty Chiếu sáng Hà Nội, cùng với hệ thống đường dây thông tin của quân đội và công an,... Các đường dây, cáp đi nổi thường treo trên các cột điện, mà trong đó có khoảng 30% đã hư hỏng hoặc không sử dụng.

Nhấn dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vừa qua, UBND Thành phố Hà Nội đã tiến hành hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi ở một số tuyến phố trung tâm. Việc hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi đã đem lại những hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, Hà Nội vẫn chưa có bản đồ hiện trạng các công trình ngầm, công tác tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu còn nhiều hạn chế, chưa có quy chế phối hợp đa ngành và đặc biệt chưa có các quy định về quản lý xây dựng hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi. Chính vì vậy công tác hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi đạt hiệu quả chưa cao.

1. Hiện trạng các đường dây, cáp và công tác hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tại Hà Nội.

Cũng như tại một số đô thị lớn ở nước ta, Hà Nội có một quá trình phát triển các khu nhà ở mang tính chất tự phát. Do đó, việc thiết kế hệ thống cáp các loại đi ngầm ở đó không hề được tính đến, ngoại trừ một số khu đô thị mới (KĐT).

Theo Sở Xây dựng, ở Hà Nội trong số 34 KĐT trên địa bàn thành phố, chỉ có 12 khu KĐT có bố trí hệ thống hào kỹ thuật trong thiết kế và đã thực hiện tốt việc hạ ngầm các loại dây cáp như: Trung Hòa - Nhân Chính, Ciputra, Mễ Trì Hạ, Cổ Nhuế - Xuân Đình, Thành phố giao lưu, Nam Trung Yên... Các KĐT như Đại Kim - Định Công thì chủ động thiết kế đường dây đi nổi. Còn các KĐT khác thì vẫn tồn tại nhiều đường dây nổi tự phát, chủ yếu của Điện lực Hà Nội, Viettel, FPT, VTV cab và Truyền hình cáp Hà Nội.

Thanh tra Sở Xây dựng và Công an Thành phố đã lập biên bản, xử lý nhiều trường hợp vi phạm của các đơn vị điện lực, viễn thông, truyền hình... Quá trình xử lý đã dỡ bỏ, giải tỏa nhiều đường dây đi nổi quanh các KĐT. Như ở KĐT Trung Hòa - Nhân Chính đã dỡ bỏ 1.400m cáp của Trung tâm kỹ thuật Truyền hình cáp VN; 2.500m cáp của Công ty CP truyền thông FPT; 500m cáp của Công ty điện thoại Hà Nội; 1.500m cáp của Công ty Điện lực Thanh Xuân... Tuy nhiên, vấn đề nằm ở thiết kế của các KĐT. Việc này không được các chủ đầu tư tính đến và giải quyết triệt để từ thiết kế ban đầu.



Hình 1: Hệ thống dây cáp các loại giăng mắc chằng chịt tại phố Khâm Thiên Nguồn: Tác giả

KĐT tuy đã hạ ngầm, nhưng các hào đều có kích thước nhỏ (1.0 x 1.2 hoặc 1.2 x 1.5m), và không đồng bộ, mỗi nơi một kiểu. Các hào kỹ thuật này đều được bố trí theo cấu tạo, không có thuyết minh tính toán, không xét đến an toàn cháy nổ, không xét đến ảnh hưởng của từ trường tới chất lượng của hệ thống thông tin. Ngoài ra, do chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất và chưa có các chỉ dẫn về kỹ thuật nên hệ thống hào kỹ thuật trên đều không thiết kế các nhánh rẽ xương cá để rẽ nhánh vào các hào phụ dẫn tới các phụ tải ở dọc theo tuyến đường, không bố trí các điểm chuyển hướng, các nút liên thông, điều này dẫn tới hiệu quả sử dụng không cao.

Một số nơi như KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì mặc dù có hệ thống đường ống, hào kỹ thuật nhưng chủ đầu tư (công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp - Tổng công ty Sóng Đà) vẫn để đường dây điện cao thế của điện lực Từ Liêm chạy nổi. Tại khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, hệ thống dây nổi không thuộc dự án cũng chạy phía sau phía sau một số tòa nhà.

Các bản vẽ mặt cắt ngang của nhiều tuyến đường cho thấy nhiều công trình có cùng tính chất như: cấp nước, thoát nước, dây cáp quang, truyền hình, thông tin... cùng được xây dựng, lắp đặt trên cùng một tuyến phố nhưng lại xây dựng có tính chất đơn lẻ, manh mún, cục bộ nên không gộp lại với nhau. Mỗi công trình lại đi một đường riêng, chưa có sự tích hợp giữa các hệ thống dây với các tiện ích đô thị khác. Một số đường dây được chôn trực tiếp dưới vỉa hè như hệ thống dây cáp quang, dây chiếu sáng; một số đã được hạ ngầm ở dạng hào kỹ thuật dạng chữ U đơn giản hoặc hệ thống cống bê. Về vị trí thì hệ thống hào và cống bê này có thể được bố trí ở trên hè đường hoặc trong nhiều trường hợp chúng được bố trí ở ngay lòng đường. Do vậy, mà lòng đường và hè phố đã và sẽ thường xuyên bị đào xới, tình trạng "đào lên lấp xuống" để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình sẵn có hoặc lắp đặt các công trình mới diễn ra thường xuyên, gây lãng phí và bức xúc trong xã hội.

Một số tuyến đường tuy đã xây dựng hệ thống hào, tuy nên kỹ thuật nhưng không đồng bộ và do thiếu chỉ dẫn về thiết kế, không có tiêu chuẩn chung nên việc thiết kế chỉ mang tính chất cảm tính, dẫn đến kết quả là hệ thống hào kỹ thuật này có hiệu quả sử dụng rất thấp và trong thực tế là hệ thống hào kỹ thuật này thường xuyên bị ngập bùn, nước và gần như bị biến thành kênh thoát nước. Ví dụ: đường Lạc Long Quân thì chỉ có hào kỹ thuật ở một bên đường, đường

Nguyễn Phong Sắc, đường vành đai 3, đường Nguyễn Trãi cũng đã xây dựng hào kỹ thuật ở cả hai bên, nhưng do không thiết kế mạng rẽ nhánh xương cá để kéo dãn đến các hộ thuê bao nên không thuận tiện trong quá trình khai thác, sử dụng. Do vậy, mà tuy các hào kỹ thuật này mới được xây dựng, nhưng các đơn vị chủ quản không muốn lấp dãn trong hào và hào kỹ thuật bị biến thành "cống" chứa đầy bùn đất. Theo đánh giá của các cơ quan quản lý và bản thân các cơ quan chủ quản các đường dây thì hiệu quả sử dụng của các hào hiện nay là rất thấp, rất lãng phí.



Hình 2: Thi công hạ ngầm các đường dây, cáp bằng phương pháp chôn trực tiếp - Nguồn: Tác giả

Về kích thước hào kỹ thuật: một số dự án thí điểm xây dựng tuy nện, hào kỹ thuật ở một số tuyến đường và khu đô thị mới ở Hà Nội trong mấy năm gần đây cho thấy sự thiếu đồng bộ, không thống nhất về tiêu chuẩn. Ví dụ:

- Các tuy nện kỹ thuật ngang đường trên các tuyến đường Kim Mã, Liễu Giai với kích thước 3 x 3m hiện mới chỉ có cáp điện lực, bưu điện;
- Tuyến đường Nguyễn Chí Thanh có 3 tuy nện cắt ngang đường với lịch thước 1.5 x 1.5m, chiều dài 3 x 63 m;
- Tuyến hào kỹ thuật hai bên trên đường Nguyễn Trãi, kích thước 1 x 1 m dài 2 x 4km, hiện mới chỉ có 1 tuy nện cáp 24 KV đi trong hào kỹ thuật dải phía Bắc;
- Tuyến hào kỹ thuật trên đường Văn Cao, kích thước 1.5 x 1.5m, chiều dài 2 x 850m;
- Tuyến hào kỹ thuật trên đường Phạm Hùng, kích thước 2.5 x 2.0 m, chiều dài 2 x 5km hiện mới chỉ có cáp điện lực, thông tin;
- Tuyến hào kỹ thuật hai bên đường Lê Đức Thọ có kích thước 1.5 x 1.5m, chiều dài 2 x 3km, hiện mới chỉ có cáp điện lực, thông tin;
- Đường Nguyễn Văn Huyền có 1 hào bằng xây gạch nắp đan chạy dọc theo hè với kích thước 0.8 x 0.6m, chiều dài L=790m;
- Đường Đồng Tâm-Trại Găng có 1 hào cắt ngang đường, kích thước 1.2 x 1.5m, chiều dài 31 m;
- Đường Trần Khát Trần có 1 hào kỹ thuật cắt ngang đường, kích thước 2.0 x 1.5m, chiều dài L=50m;
- Nút giao Voi Phục - Cầu Giấy có 1 hào kỹ thuật chạy dọc hè đường, kích thước 0.6 x 0.6m, chiều dài L=505m;
- Tuyến đường Ngọc Khánh, Nghĩa Đô có 1 hào chạy dọc theo hè, kích thước 0.8 x 0.6 m, chiều dài L=1.58km.

Ở Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung, việc hạ ngầm các tuyến cáp chủ yếu sử dụng hệ thống cống bê và hào kỹ thuật được. Nhưng



Hình 3: Hệ thống cống bê dọc theo tuyến đường
Nguồn: Tác giả; PCS.TS. Trần Tuấn Hiệp

một số tuyến, về mặt kích thước thực tế có thể thuộc loại tuy nện kỹ thuật, nhưng về mặt chức năng thì lại chỉ thuộc dạng hào, không đủ kích thước cho cán bộ kỹ thuật vào lắp đặt dây.

2. Hiện trạng công tác quản lý

Hạ tầng kỹ thuật đô thị của thành phố Hà Nội trong những năm qua đã được đầu tư xây dựng, nhưng chưa đồng bộ, chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế xã hội. Các mạng cáp, đường dây đi nổi của điện lực, viễn thông, truyền hình, internet... phát triển mạnh nhưng chưa được đầu tư đồng bộ với các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị mà chủ yếu treo nổi trên các cột gây mất mỹ quan đô thị không đảm bảo an toàn trong quản lý vận hành.

Hiện tại Thành phố Hà Nội chưa có một cơ quan nào được giao trách nhiệm chung về quản lý và khai thác các công trình ngầm. Đồng thời cũng chưa có cơ chế quản lý và chế tài xử phạt, nên hầu hết các đơn vị viễn thông đều treo cáp nổi trên các cột điện để thi công nhanh, giảm giá thành.

Về tình hình thực hiện quản lý cải tạo, sắp xếp lại đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội, ngày 07/6/2011 theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội, tại một số tuyến các tủ, hộp và dây cáp thừa sau khi đấu nối chuyển sang hệ thống ngầm các đơn vị không thu hồi cáp mà vẫn để lại trên cột như tuyến phố Nguyễn Trãi, Xuân Thủy, Giảng Võ - Láng Hạ....

Nhiều bể cáp, hố ga bị mất nắp gây mất an toàn giao thông, điển hình là tuyến đường Phạm Hùng - Phạm Văn Đồng, Nguyễn Trãi, Hoàng Quốc Việt, Tân Mai...



Hình 4: Một số hình ảnh đường dây, cáp đi nổi tại phố Tân Mai
(Nguồn: Internet)

Công tác hạ ngầm còn nhiều bất cập, chưa triển khai đồng bộ các dự án hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Cơ chế quản lý thiếu đồng bộ;
- Năng lực triển khai của một số nhà thầu còn hạn chế;
- Công tác giám sát của chủ đầu tư còn chưa được thường xuyên;
- Trong qua trình thi công chưa tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông;
- Thành phố giao cho ban quản lý dự án không có chuyên ngành về

Quy hoạch & tác giả

lĩnh vực viễn thông làm chủ đầu tư dẫn đến tình trạng cấp thông tin, tủ hộp cáp lắp đặt lộn xộn, không tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và kỹ thuật của ngành;

■ Sự phối hợp giữa các sở, ngành với các chủ đầu tư trong quá trình thi công thiếu đồng bộ;

■ Thành phố chưa ban hành cơ chế thu hồi vốn đầu tư đường dây, cáp của đơn vị sử dụng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị (tuy nen, hào, cống...)

■ Do chưa có quy hoạch tổng thể về hệ thống tuy nen, hào kỹ thuật nên việc hạ ngầm hệ thống các đường dây cáp điện lực, cáp quang, các đường dây thông tin, chiếu sáng... diễn ra một cách tự phát, manh mún, mỗi đoạn đường làm một kiểu, không có tiêu chuẩn chung, không có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý với các nhà cung cấp dịch vụ, cũng như giữa các nhà cung cấp dịch vụ với nhau. Điều đó phản ánh công tác lập quy hoạch, quản lý xây dựng thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành với nhau. Hiện tại, các ngành có công trình chưa có kế hoạch hạ ngầm hoặc đã có nhưng thiếu kinh phí đầu tư.

■ Công tác lưu trữ hồ sơ công trình đã lắp đặt còn phân tán, không đầy đủ, thiếu chính xác gây khó khăn rất lớn cho công tác thi công cải tạo, sửa chữa và khi thi công xây dựng mới các công trình công cộng khác.

■ Kinh phí hạ ngầm các tuyến dây, cáp điện, thông tin... rất lớn. Các đơn vị quản lý đều gặp khó khăn về tài chính để thực hiện hạ ngầm. Đặc biệt, hệ thống dây của ngành điện chiếm tỉ trọng lớn. Hiện chưa có cơ chế chính sách phù hợp để xã hội hóa công tác hạ ngầm, khuyến khích các đơn vị hạ ngầm và chưa có cơ chế khuyến khích khối tư nhân tham gia đầu tư hạ ngầm và quản lý khai thác các công trình hạ ngầm.

3. Kinh nghiệm hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi của một số nước

Sự phát triển đô thị và sự gia tăng nhu cầu sử dụng các cơ sở vật chất mới đã dẫn đến sự gia tăng về các kết cấu hạ tầng đô thị. Các kết cấu hạ tầng đô thị này thường được bố trí ngầm ở dưới lòng đất, trong khi không gian ngầm lại bị giới hạn bởi chiều rộng của đường.

Ngoài ra, việc duy tu bảo dưỡng các tiện ích sẵn có và việc lắp đặt các tiện nghi mới thường gây xáo trộn đến các phương tiện giao thông. Do vậy ở các nước phát triển, tuy nen kỹ thuật được sử dụng rộng rãi để giải quyết mâu thuẫn này.

Tuy nhiên, do chi phí cho việc thi công lắp đặt các tuy nen kỹ thuật là rất tốn kém so với các giải pháp chôn tự do truyền thống nên việc thi công lắp đặt tuy nen thường gặp nhiều khó khăn do các nhà hoạch định chính sách thường quyết định dựa trên các tiêu chí về kinh tế.

Tại Châu Âu và một số nước Châu Á phát triển:

Để xây dựng được các tuy nen kỹ thuật đô thị người ta thường phải lập các dự án nghiên cứu có tính tổng thể và việc quyết định tuyến tuy nen được dựa trên một số nhóm tiêu chí như: an toàn, phát triển bền vững, hiệu quả kinh tế, duy tu bảo dưỡng, phân tích rủi ro, quy hoạch và kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, đặc biệt là mạng lưới thoát nước, vì chúng có ảnh hưởng rất nhiều tới việc định tuyến. Do đó, mà việc có tích hợp mạng lưới thoát nước chung với hệ thống tuy nen kỹ thuật hay không là một vấn đề hết sức quan trọng

Việc đặt các hệ thống lưới kỹ thuật có chức năng khác nhau (đường điện, nước, cáp thông tin, cấp nhiệt,...), dù có tách riêng từng loại, nhưng do sự tiếp xúc trực tiếp các loại đường ống với đất sẽ làm giảm thời gian phục vụ của chúng và gây ra hiện tượng đào bới lòng đường, hệ phố trong quá trình lắp đặt, sửa chữa. Điều này sẽ làm cho việc khai thác hệ thống thiết bị kỹ thuật này trở nên tốn kém, lãng phí. Hiện nay, phương pháp tiên tiến nhất là đặt chúng vào chung trong một hào hoặc tuy nen kỹ thuật, trong đó đặt các đường ống cấp, thoát nước có áp, đường ống cấp ga khí đốt, cáp điện lực và thông tin.

Việc đưa chúng vào chung trong một hào hoặc tuy nen kỹ thuật sẽ kéo dài thời gian phục vụ của chúng, tạo ra điều kiện thuận lợi trong công tác lắp đặt, khai thác và quản lý, đồng thời sẽ làm giảm đáng kể các hiện tượng đào lòng đường, hệ phố, không gây trở ngại cho các phương tiện giao thông trên đường và người đi bộ.

Các tuy nen và hào nói trên thường được đặt theo khu dân cư. Độ sâu của chúng thường được tính toán theo quy hoạch mặt bằng và mặt đứng của cả khu vực và thường được xem xét một cách tổng thể với các công trình ngầm nói chung.

Về cấu tạo, tuy nen có thể có nhiều dạng, có loại kết hợp cả hệ thống cống thoát nước sinh hoạt và nước mưa, cùng với hệ thống cấp ga, khí đốt với hệ thống đường ống cấp nước và cáp điện lực, thông tin; có loại tách riêng hệ thống cáp điện lực, thông tin với hệ thống cấp, thoát nước và ga, khí đốt. Trong tuy nen thường phải bố trí thiết bị chiếu sáng, thông gió và phải đảm bảo các hệ thống điện, thông tin làm việc bình thường, không bị nhiễu, cũng như phải đảm bảo an toàn cháy nổ. Ngoài ra, ở nhiều nước tiên tiến như Nga, Anh, Hà Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Singapo... người ta không những chỉ kết hợp hệ thống dây với hệ thống đường ống, mà họ còn kết hợp giữa tuy nen kỹ thuật với hệ thống giao thông nhiều tầng, tàu điện ngầm, kênh dẫn nước,... và thường được gọi chung với tên là hệ thống ngầm đa năng hoặc tổ hợp công trình ngầm.



Tuy nen ở Đài Loan

Đường hầm ở Singapore

Tại Nhật Bản:

Ở Nhật Bản chương trình ngầm hóa nội đô được thực hiện theo từng giai đoạn. Năm 1986 là năm khởi đầu cho chương trình ngầm hóa nội đô của các đô thị Nhật. Có 4 giai đoạn ngầm hóa nội đô là:

Giai đoạn 1986 – 1990, kế hoạch ngầm hóa của giai đoạn này tập trung chủ yếu vào các Thành phố lớn có nhu cầu cao về điện. Giai đoạn đầu mỗi tuyến điện lực hoặc viễn thông đi trong một ống riêng.

Giai đoạn 1991 – 1994, kế hoạch ngầm hóa của giai đoạn này mở rộng thêm ra các thành phố khác và các khu tham quan du lịch. Xây dựng trước hệ thống ngầm tại những nơi có nhu cầu sử dụng điện

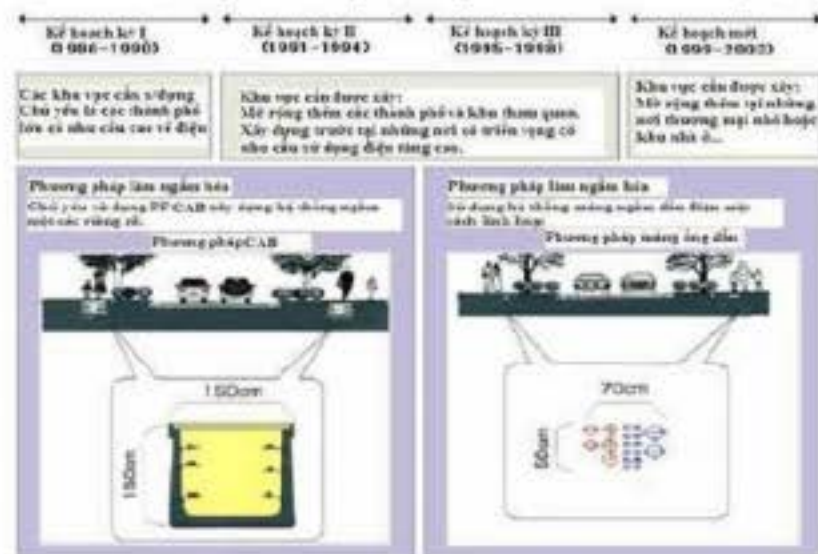
Quy hoạch & tác giả

cao. Ở giai đoạn này vẫn sử dụng giải pháp mỗi tuyến điện lực hoặc viễn thông đi trong 1 ống riêng.

Giai đoạn 1995 – 1998, kế hoạch ngầm hóa của giai đoạn này tiếp tục mở rộng ra các Thành phố, các khu du lịch khác và những khu xây dựng trước, có nhu cầu sử dụng điện cao. Phương pháp ngầm hóa của giai đoạn này là sử dụng máng ngầm dẫn điện một cách linh hoạt, gọi là phương pháp máng ống dẫn. Ở giai đoạn này sử dụng phương thức thể hệ mới. Sử dụng nhiều tuyến điện lực hoặc viễn thông đi chung trong một loại tuyen nen.

Giai đoạn 1999-2003 kế hoạch ngầm hóa của giai đoạn này tiếp tục mở rộng tới những khu nhà, khu trung tâm dịch vụ, thương mại... Phương pháp ngầm hóa của giai đoạn này là sử dụng phương pháp máng ống dẫn. Giải pháp ngầm hóa của giai đoạn này sử dụng phương pháp nhiều tuyến điện lực hoặc viễn thông đi chung trong một loại ống dẫn.

Như vậy kế hoạch ngầm hóa khu vực nội đô của Nhật Bản đi trước Việt Nam tới trên 20 năm. Những bài học của việc ngầm hóa khu vực nội đô của Nhật Bản sẽ là những kinh nghiệm quý báu để các đô thị, các khu vực nội thành, nội thị ở Việt Nam tham khảo và áp dụng.



4. Kết luận

Thông qua nghiên cứu tổng quan tình hình công tác quản lý xây dựng hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi, tác giả rút ra một số đánh giá về công tác quản lý xây dựng hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tại Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung như sau:

- Việc triển khai các dự án hạ ngầm, sắp xếp các đường dây, cáp đi nổi đồng bộ với chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật các tuyến phố là công việc khó khăn, phức tạp liên quan đến nhiều đơn vị quản lý, sử dụng nên việc triển khai các dự án tại một số quận, huyện, chủ đầu tư còn chậm, nhiều lúng túng.
- Năng lực của một số nhà thầu hạn chế dẫn đến tiến độ thi công chậm theo yêu cầu của Thành phố.
- Công tác giám sát của chủ đầu tư chưa thường xuyên, liên tục nên nhiều dự án phải điều chỉnh.
- Trong quá trình thi công hạ ngầm các đường dây thông tin đơn vị thi công chưa tuân thủ các quy định kỹ thuật chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông dẫn đến tình trạng các đấu cáp tại các tủ, hộp cáp lộn xộn làm mất mỹ quan đô thị.
- Sự phối hợp giữa các sở, ngành với các chủ đầu tư trong quá trình

triển khai còn thiếu đồng bộ.

- Một số đơn vị thi công hạ ngầm chưa tuân thủ tốt biện pháp thi công, chưa thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.
- Thành phố chưa ban hành cơ chế thu hồi vốn đầu tư đường dây, cáp của đơn vị sử dụng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị (tuyen nen, hào, cống, bể cáp,...) gây khó khăn cho các đơn vị quản lý cũng như các doanh nghiệp đầu tư dự án theo phương thức xã hội hóa

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất với Thành phố Hà Nội một số giải pháp, để có thể lựa chọn nhằm nâng cao hiệu quả công tác hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi trong thời gian tới như sau:

- Dự báo về nhu cầu hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi tại trung tâm Hà Nội.
- Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch không gian xây dựng ngầm Thành phố.
- Nghiên cứu và ban hành cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích các thành phần tham gia đầu tư cho các dự án hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn.
- Nghiên cứu và ban hành cơ chế thu hồi vốn đầu tư, đường dây, cáp của đơn vị sử dụng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị dùng chung trên địa bàn Thành phố.
- Lựa chọn hình thức hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi phù hợp với đặc điểm đường phố của Hà Nội và các điều kiện kinh tế, kỹ thuật.
- Nghiên cứu, ban hành các tiêu chuẩn, yêu cầu về công nghệ, thiết kế, kiến trúc hệ thống tuyen nen kỹ thuật cho đường đô thị phù hợp với đặc thù với Hà Nội.
- Ban hành quy trình quản lý và tổ chức bộ máy quản lý công tác hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi.

* Prepared by M.A. PhD Candidate, Le Tran Phong
Official of Hanoi Department of Science and Technology
Số Khoa học và Công nghệ Hà Nội
Email: letranphong@gmail.com * ĐT: 0904629669

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), Luật Thủ đô, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011), Quyết định số 1259/QĐ-TTg, ngày 26/7/2011, phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn 2050, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Tiến (2011), Quy hoạch xây dựng công trình ngầm đô thị, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2012), Nghị định chính phủ số 72/2012/NĐ-CP, ngày 24/9/2012, về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Hà Nội.
5. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2010), Nghị định chính phủ số 39/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010, về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị, Hà Nội.
6. Báo cáo số 431/BC-STTTT, ngày 07/6/2011, tình hình thực hiện Quyết định số 56/QĐ-UBND về quản lý xây dựng công trình ngầm đô thị và cải tạo, sắp xếp lại đường dây, cáp đi nổi tại thành phố Hà Nội.
7. Lưu Đức Hải (2012), Đô thị ngầm và không gian ngầm đô thị, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội.
8. Hội thảo về ngầm hóa lưới điện (2012), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TP. HCM.
9. ThS. Đinh Ngọc Sang – Bài học kinh nghiệm trong việc ngầm hóa điện và thông tin trên đường Trần Hưng Đạo (TP.HCM) – Hội thảo về ngầm hóa lưới điện.



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BỘ XÂY DỰNG

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Giám Đốc
Vũ Hồng Sơn



Phó Giám Đốc
Dương Lương Nghiệp



Phó Giám Đốc
Phạm Dương Tiếp



Phó Giám Đốc
Lê Tuấn Kiệt

THÀNH LẬP:

Viện Quy hoạch Xây dựng Phát triển Nông thôn được thành lập theo quyết định số 1036/QĐ - BXD ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Bộ Xây dựng, trực thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia. Tiền thân của viện là Trung tâm Nông thôn thành lập theo Quyết định số 322/BXD - TCLD ngày 04 tháng 06 năm 1990.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

1. Tham gia quản lý ngành về lĩnh vực quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.
2. Nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu mô hình phát triển hệ thống dân cư, cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, bảo tồn phát huy bản sắc truyền thống, phù hợp với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghiên cứu mối quan hệ đô thị và nông thôn; nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển nông thôn trong xu thế đô thị hóa và phát triển bền vững.
3. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ về quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu, biên soạn quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình hướng dẫn quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới;
4. Tổ chức nghiên cứu quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu thiết kế nhà ở nông thôn hiện đại, truyền thống. Xây dựng thực nghiệm cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật xã nông thôn mới, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ thích hợp trong xây dựng nông thôn mới;
5. Xây dựng ngân hàng dữ liệu, trao đổi cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
6. Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, nông thôn; quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội và các quy hoạch chuyên ngành khác; thiết kế và lập dự án công trình xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật; khảo sát xây dựng cảm mốc chỉ giới quy hoạch.
7. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, liên kết với các tổ chức quốc tế và trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu quy hoạch phát triển nông thôn; đô thị hóa nông thôn.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia giao. Ngoài ra còn thực hiện các hoạt động dịch vụ khác phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đơn vị;
9. Quản lý về tổ chức bộ máy và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, viên chức theo phân cấp thuộc quyền quản lý của đơn vị;
10. Quản lý tài chính, tài sản được giao, quản lý các hoạt động có thu của Viện theo quy định của pháp luật.
11. Viện được chủ động triển khai ký kết các hợp đồng kinh tế có giá trị dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ)
12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị.





PHỐI CẢNH TỔNG THỂ:
KHU TÀI CHÍNH CỐ KHI
THỊ XÃ MƯỜNG LAY - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Cơ quan tư vấn:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ-THỊ NÔNG THÔN
ĐỒ XÂY DỰNG



PLANNING
ARCHITECTURE
LANDSCAPE
CONSERVATION
INTERIOR & EXTERIOR
DECORATION
BUILDING DESIGN
TRAINING



IRUDP



TRỤ SỞ
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

SỐ 10 HOA LƯ, QUẬN HAI BÀ TRUNG, TP HÀ NỘI
DIỆN THOẠI: 04.22114668
FAX: 04.376622956
MAIL: IRUDP2012@GMAIL.COM